

Bản Tin VAN HẠNH 3

TRẠI HUẤN LUYỆN HUYNH TRƯỞNG CẤP 3 GDPTVN TẠI HẢI NGOẠI



CHỦ TRƯỞNG:
BAN QUẢN TRẠI

THỰC HIỆN:

CHỨNG TỊNH NGỌC

NGUYỄN NHƠN NGÔ THỊ THU
QUẢNG TRANG NGUYỄN THỊ NỮ
THIỆN TÂM VÕ THÀNH DANH
QUANG ĐĂNG NGÔ THỊ HỮU LÝ
QUANG Ỹ HUYNH VĨNH LINH
NGUYỆT KIM TƯỜNG THẠCH N. BÍCH VÂN
DIÊU HỒNG NỮ THẠCH N. BÍCH TIẾN
DIÊU HỒNG NGÂN THẠCH N. BÍCH HIẾN
THANH QUANG TRẦN THANH LỢI
NGUYỄN BẢO ĐỒNG SỸ LÂM
THIỆN PHƯỚC NGUYỄN TRONG THẢO
QUANG PHÁP TRẦN MINH TRIẾT

CỘNG TÁC:

**BAN QUẢN TRẠI,
VÀ TRẠI SINH**

GÓP BÚT
TRONG SỐ NÀY

BAN QUẢN TRẠI

TÂM HUỆ | TÂM LẠC

**NGUYÊN MÃN | TÂM HÒA
CHỨNG TÂM KIỂM**

TÂM ĐĂNG | NGUYỄN TỬ

QUẢNG GIẢI | QUANG NGÔ

TÂM TƯỜNG | MINH TÁNH

NGUYỄN VINH | DIÊU NGHĨA

DIÊU TƯỜNG | THIÊN NHẠN

TÂM THƯƠNG ĐÌNH

**TÂM-QUANG-NHUẬN
HUỆ ĐÀN**

2

**05.05
2026**



Mọi dấu mốc trong tiến trình huấn luyện mà giá trị của nó không nằm ở chỗ chúng ta đã làm được bao nhiêu, mà ở chỗ chúng ta bắt đầu nhìn thấy mình đang đứng ở đâu trong lý tưởng phụng sự và học hỏi. Bản Tin Vạn Hạnh 3, số 2, (do Chứng Tịnh Ngọc) phụ trách, có lẽ hiện hữu trong tinh thần đó.

Nhìn lại toàn bộ tiến trình tu học, hội luận và sinh hoạt của các Chúng trong thời gian qua, từ những biên bản học Kinh Duy Ma Cật, những buổi pháp thoại, hội luận xuyên múi giờ giữa Âu Châu, Úc Châu, Canada và Hoa Kỳ, cho đến những cố gắng ghi

chép, tổng hợp, chia sẻ và phản ánh, chúng ta có thể thấy thấp thoáng một điều rất đẹp, đó chính là tinh thần học hỏi nghiêm túc của người Huynh trưởng đang từng bước trưởng thành trong nhận thức.

Dẫu vậy, nếu đối diện thành thật với chính mình, cũng cần phải khiêm cung nhìn nhận rằng nội dung của Bản Tin số 2 này còn rất giới hạn so với tầm vóc và kỳ vọng mà tổ chức đặt nơi một Trại Huấn Luyện Huynh Trưởng cấp 3 Vạn Hạnh Hải Ngoại.

Kỳ vọng ấy không riêng gì của Ban Điều Hành, của Ban Quản Trại hay của riêng Chúng Tịnh Ngọc.

Đó là kỳ vọng chung của tổ chức đối với tầng lớp Huynh trưởng đang bước vào ngưỡng cửa của trách nhiệm lãnh đạo và hướng dẫn tương lai.

Một bản tin Vạn Hạnh, không những để ghi nhận sinh hoạt hay lưu trữ thông tin, mà phải là một “diễn đàn trí tuệ,” một nơi hội tụ tư tưởng, phản ánh khả năng suy tư, đối thoại, phân tích và mở rộng tầm nhìn của người Huynh trưởng trong thời đại mới.

Đứng trước kỳ vọng ấy, chúng ta hiểu rằng những gì hiện có hôm nay vẫn còn là những bước đi đầu tiên.

Có những hạn chế khách quan vì khoảng cách địa lý, múi giờ, đời sống mưu sinh nơi hải ngoại, kinh nghiệm biên tập còn non, khả năng viết và tổng hợp chưa đồng đều, cũng như việc phần lớn anh chị em vẫn đang tập làm quen với một mô hình tu học và học thuật mang tính liên châu lục. Nhưng bên cạnh đó, cũng có những giới hạn chủ quan mà chính chúng ta cần đủ bình tĩnh và trung thực để nhận diện đó chính là sự e dè trong tư duy phản biện, thói quen ghi nhận hơn là đào sâu, tâm lý ngại phát biểu quan điểm và, đôi khi vẫn còn học Phật bằng trí nhớ nhiều hơn bằng sự thao thức nội tâm.

Dẫu vậy, có lẽ chính việc nhận diện được giới hạn của mình mới là bước đầu tiên của một người Huynh trưởng đang thực sự bước vào Vạn Hạnh.

Bởi Vạn Hạnh không phải chỉ là nơi tiếp nhận kiến thức. Vạn Hạnh, sâu xa hơn, là tiến trình học cách

nhìn lại chính mình. Học để thấy những điều mình chưa đủ. Học để biết mình cần trưởng thành ở đâu. Học để từ bỏ tâm lý tự mãn vốn rất dễ xuất hiện trong sinh hoạt tổ chức lâu năm. Và học để hiểu rằng con đường của người lãnh đạo Phật giáo không phải là con đường của sự hơn người, mà là con đường của sự chuyển hóa liên tục nơi tự thân.

Trong nhiều biên bản hội học của các Chúng, chúng ta bắt gặp rất nhiều thao thức đẹp. Có Chúng đặt lại câu hỏi về “Tinh độ nằm ở đâu.” Có Chúng suy nghĩ về ý nghĩa “Bất Nhị” giữa đời sống phụng sự. Có Chúng tự hỏi vì sao người học Phật vẫn còn thấy thế giới đầy “gò nổng và gai góc.”

Những câu hỏi ấy cho thấy một điều đáng quý hơn cả kỹ năng biên tập hay hình thức trình bày, nghĩa là ở đó là tinh thần muốn học thật, muốn hiểu thật, muốn chuyển hóa thật.

Và có lẽ chính điều đó mới là giá trị cốt lõi của Bản Tin Vạn Hạnh này lẫn những số tiếp theo.

Bởi rốt cùng, điều tổ chức cần nơi một Huynh trưởng cấp 3 không phải chỉ là khả năng điều hành hay tổ chức sinh hoạt, mà là năng lực tư duy, chiều sâu nhận thức và khả năng nhìn thấy con đường đi tới của tổ chức trong một thời đại đầy biến động.

Trong tinh thần như vậy, Chúng tôi xin thành tâm đón nhận mọi góp ý, chỉ dạy và khích lệ từ quý anh chị em Lam hữu gần xa. Những trang bản tin này chưa thể phản ánh trọn vẹn chiều sâu học thuật hay tầm nhìn mà một Trại Vạn Hạnh đáng lẽ phải đạt tới, nhưng chúng tôi tin rằng nếu còn giữ được tâm học hỏi và tinh thần cầu tiến, thì những giới hạn hôm nay vẫn có thể trở thành nền móng cho sự trưởng thành ngày mai.

Chúng tôi cũng xin tri ân

tất cả những anh chị em trại sinh ở khắp các châu lục đã âm thầm đóng góp bài viết, biên bản, suy niệm và thao thức của mình trong suốt thời gian qua. Chính những điều tưởng như nhỏ bé ấy đang dần tạo nên một dòng chảy chung của Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại — nơi những người Huynh trưởng, dù ở những hoàn cảnh rất khác nhau, vẫn đang cố gắng cùng nhau học lại cách lắng nghe, đối thoại, phụng sự và trưởng thành trong ánh sáng của Bi – Trí – Dũng.

Và nếu Bản Tin số 2 này còn điều gì đáng được giữ lại, thì có lẽ không phải ở sự hoàn chỉnh của nó, mà ở chỗ nó phản ánh được một tinh thần rất thật - tinh thần của những người đang tập bước vào con đường lớn bằng tất cả sự chân thành, thao thức và khiêm cung của mình.

Kỷ niệm mùa Phật Đản
Phật lịch 2570

**BAN QUẢN TRẠI
VẠN HẠNH 3, HẢI NGOẠI**



DIỄN VĂN KHAI MẠC LỄ KHAI KHÓA VẠN HẠNH 3-HN

CỦA HUYNH TRƯỞNG TRẠI TRƯỞNG, TRƯỞNG BAN HƯỚNG DẪN HẢI NGOẠI

H.TR QUẢNG GIẢI HUỠNH KIM HÓA



Nam Mô Bốn Sư
Thích Ca Mâu Ni
Phật.

Nam Mô Thập Phương
Thường Trụ Tam Bảo
tác đại chứng minh.

Nhất tâm phụng thỉnh
Vạn Hạnh Thiền Sư
tác đại chứng minh.

Nhất tâm phụng thỉnh
Giáo Hội Phật Giáo
Việt Nam Thống Nhất
Hải Ngoại, chư vị Tôn Đức
Tăng Ni tiền bối khai sơn
tạo tự, truyền thừa mạng
mạch, Giác linh thủy từ
chứng giám.

Kính bạch Chư Tôn Đức
Hội Đồng Cố Vấn Giáo
Hạnh Gia Đình Phật Tử
Việt Nam Tại Hải Ngoại
hiện tiền chứng minh.

Kính thưa quý Huynh
trưởng thành viên Hội Đồng
Cấp Dũng GDPTVN
tại Hải Ngoại,

Quý Huynh trưởng trong
Ban Cố Vấn, Ban Quản
Trại Trại Vạn Hạnh 3
Hải Ngoại,

Quý Huynh trưởng Ban
Hướng Dẫn GDPT Âu

Châu, Canada, Hoa Kỳ
và Úc Đại Lợi,
Cùng toàn thể Huynh
trưởng trại sinh Trại Vạn
Hạnh 3 Hải Ngoại
thân mến.

Trong giờ phút
thanh tịnh và
trang nghiêm này,
thay mặt Ban Hướng
Dẫn GDPTVN Tại Hải
Ngoại và Ban Quản Trại
Trại Vạn Hạnh 3, chúng
con thành kính dâng nén
hương lòng, phụng thỉnh
Thập Phương Thường
Trụ Tam Bảo, Lịch Đại
Chư vị Tổ Sư, chư Anh
Linh Thánh Tử Đạo,
chư Giác Linh, Chơn
Linh, Hương Linh chư
vị Ân Sư, Sáng Lập, Bảo
Trợ, Gia Trưởng, Huynh
trưởng và Đoàn sinh
GDPT Việt Nam, thủy
từ gia hộ cho Trại Huấn
Luyện lần này được đầy
đủ thắng duyên, tinh
chuyên tu học, mang
lại lợi lạc cho tự thân và
tập thể, phụng sự chúng
sanh, phụng sự Dân Tộc
và Đạo Pháp, tiếp tục

duy trì và phát triển ngôi
nhà Lam tại Hải Ngoại
ngày thêm vững chãi và
hưng thịnh.

Chúng con cúi đầu
đánh lễ, thành kính tri
ân chư Tôn Thiên Đức,
quý Ngài đã thương yêu,
cưu mang và giáo dưỡng
chúng con gần trọn năm
mươi năm qua, kể từ
những bước chân đầu
tiên hoàng dương Chánh
Pháp nơi xứ người, đặt
nền móng cho sự hình
thành và phát triển của
Gia Đình Phật Tử Việt
Nam tại Hải Ngoại, rồi
từ đó lan tỏa khắp bốn
phương thế giới. Hôm
nay, nhân Lễ Khai Mạc
Trại Vạn Hạnh 3, chúng
con xin được ghi khắc
sâu xa ân nghĩa ấy, như
một lời phát nguyện tiếp
nối không dứt đoạn.

Giờ đây, kính bạch chư
Tôn Đức, cho phép
chúng con được có đôi
lời gởi đến toàn thể
Huynh trưởng các cấp, và
đặc biệt là quý Anh Chị

Em Huynh trưởng trại
sinh thân mến.

Hiện diện trong bốn đạo
tràng khai khóa hôm
nay là một trăm lẻ năm
Huynh trưởng trại sinh
— những nhân tố ưu tú
của Gia Đình Phật Tử
Việt Nam trên khắp các
châu lục hải ngoại. Anh
Chị đã được tuyển chọn
để lãnh thọ sứ mệnh
giáo dục thanh thiếu
niên Phật tử Việt Nam,
tiếp nhận sự trao truyền
của tổ chức, nối tiếp tâm
nguyện và trách nhiệm
của các thế hệ tiền bối.
Trại sinh hôm nay, và mai
sau, sẽ là những Huynh
trưởng lãnh đạo trực tiếp
tại các đơn vị, các miền,
các quốc gia; là những cư
sĩ Huynh trưởng trung
kiên của Giáo Hội nơi
hải ngoại.

Anh Chị đã trải qua một
chặng đường dài huấn
luyện và tu học, đối diện
với không ít thử thách và
gian nan, nhưng vẫn giữ
vững chí nguyện phụng

sự, kiên trì thực hành con đường tự độ – độ tha mà mình đã phát nguyện hiến dâng.

Giờ phút này, Anh Chị tiếp tục lập nguyện tu học, chấp nhận sự rèn luyện kham nhẫn để bồi dưỡng nội lực, bản lĩnh và trí tuệ của người đứng đầu ngọn sóng. Đó là hành trình vượt qua chương duyên, đối diện nghịch cảnh, cùng chung tay đưa con thuyền Lam vượt ghềnh thác, tiến về phía trước, gìn giữ đạo tràng Lam trong tinh thần hòa hợp và thương yêu.

Chúng tôi kỳ vọng nơi quý Anh Chị trong Ban Quản Trại — với trải nghiệm và chiều sâu của người đi trước — sẽ trao truyền cho trại sinh không chỉ là kỹ năng điều hành, mà còn là kinh nghiệm chuyển hóa tập thể và từng cá nhân, đặt nền tảng trên sự hiểu và thương. Chỉ khi ấy, chất keo của tình Lam mới đủ bền để gắn kết lâu dài, lan tỏa đến từng đơn vị, từng miền, từng quốc gia, nơi Anh Chị Em đang sinh hoạt và phụng sự.

Kể từ giây phút này, chúng ta có ba năm để cùng đồng hành trong mối tương duyên và trợ duyên ấy. Con đường phía trước chắc chắn không bằng phẳng, nhưng sẽ đầy hân hoan nếu chúng ta biết nâng đỡ, khuyến tấn nhau, để không một ai bị bỏ lại phía sau trên hành trình phụng sự lý tưởng chung.

Cuối lời, xin thành tâm đánh lễ, nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ chư Tôn Đức pháp thể khinh an, Phật sự viên thành. Kính chúc quý Anh Chị trong Ban Quản Trại Bồ Đề tâm kiên cố, thân tâm thường an lạc. Gởi đến toàn thể trại sinh lời chúc sức khỏe, tinh tấn tu học, thành tựu sở nguyện, Phật sự viên mãn.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam Mô Thường Hoan Hỷ Bồ Tát Ma Ha Tát.

**H.TR QUẢNG GIẢI
HUỲNH KIM HÓA**



TÂM THƯ MÙA VẠN HẠNH

H.TR QUANG NGỘ ĐÀO DUY HỮU
TRƯỞNG BAN HƯỚNG DẪN
GDPT VIỆT NAM TẠI HOA KỲ



Anh-Chị-Em chúng ta lại gặp nhau giữa những ngày cuối của một năm dài nhiều thử thách, khi những dự định lớn lao của Trại Vạn Hạnh 3 – Hải Ngoại 2026 đang chuẩn bị khai mạc như một con đường dài mở ra phía trước. Nhưng có lẽ điều quan trọng hơn cả những khẩu hiệu, những chương trình huấn luyện, hay những con số tổ chức, chính là câu hỏi âm thầm mà sâu thẳm trong lòng đó chính là mỗi người trong chúng ta đã thật sự làm chủ được tâm mình chưa, và chúng ta đang trao lại điều gì cho thế hệ tiếp nối bằng chính đời sống, lời nói và cách hành xử hằng ngày. Hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển trên đất Mỹ, hàng ngũ Huỳnh trưởng

chúng ta đã đi qua không ít những khúc quanh, có lúc mạnh mẽ vươn lên như sóng biển dựng bờ, có khi phân tâm như mây trôi ngũ hướng, có thời điểm lúng túng giữa ranh giới của thẩm quyền và trách nhiệm, giữa tiếng gọi của lý tưởng và những ràng buộc vô hình của bán ngã. Dầu vậy, điều giữ chúng ta ở lại, không phải là danh xưng, không phải tước vị thọ cấp, mà là thiện căn sâu bền của tâm nguyện phụng sự, là tình Lam nghĩa đạo đã từng sưởi ấm nhau bên những bếp lửa trại, trong những giờ sinh hoạt, trong từng buổi lễ Phật dưới lá Cờ Xanh Sen Trắng.

Bấy giờ, Ban Hướng Dẫn GDPT Việt Nam Tại Hoa Kỳ cần được nhận thức là

một cơ chế bảo hộ tối cao trong các pháp sự lớn của tổ chức, nhưng tinh thần bảo hộ ấy không nhằm kiến lập một hệ thống uy quyền theo nghĩa thế tục. Đó là sự bảo chứng cho lý tưởng, là vòng tay hộ trì cho sự trưởng dưỡng nhân cách, là bờ đê giữ dòng tu học không bị cuốn vào tham vọng cá nhân hay tranh đoạt nội bộ. BHD đồng hành để giữ gìn, để điều phối, để bảo đảm khuôn phép chung được dựng bằng đạo hạnh và sự tự giác, chứ không phải bằng áp lực hay quyền lực hành chánh.

Cùng lúc Ủy Ban Quản Trị Huynh Trưởng cùng các Hội Đồng Cấp đang dần dần được kiện toàn, cũng không nhằm phân chia ngôi thứ hay thang bậc quyền bính, mà đó chính là một nỗ lực chung nhằm ổn cố nội lực, chính đốn tự thân, để những bước thăng tiến của huynh trưởng là sự chín muồi của đạo tâm, chứ không là sự leo thang của địa vị. Thiết chế có mặt để giúp ta tự soi lại mình, tự điều chỉnh, tự nương nhau mà giữ kỷ cương trong sáng – một hình thức kỷ cương được nuôi dưỡng bằng phẩm hạnh, không phải bằng sức nặng của tước vị hay tiếng nói áp đặt.

Trong ý nghĩa đó, hôm nay, hộ pháp cho Vạn Hạnh cũng chính là hộ trì cho nhau; bảo vệ trại sinh cũng chính là bảo vệ phần thiện lương đang chuyển hóa trong mỗi huynh trưởng; giữ gìn giới quy trại mạc

cũng là giữ gìn giới quy trong tâm mỗi người dẫn dắt. Bởi lẽ, nếu chính người hướng dẫn không tìm được sự an định trong mình, thì mọi sự dẫn lối bên ngoài đều chỉ là hình tướng thiếu sinh khí. Nếu ta chỉ biết giữ tổ chức mà quên tự sửa thân tâm, thì Vạn Hạnh sẽ trở thành một sự kiện, chứ chưa phải một nhân duyên lớn để chuyển hóa tập thể.

Vạn Hạnh không phải là một đích đến để phô bày năng lực điều hành, mà là một pháp duyên hội tụ để từng người tự rèn lại mình trong tinh thần Lục Hòa, trong hạnh nguyện vô ngã, trong cung cách dẫn dắt không áp đặt nhưng cũng không buông lung. Khi chúng ta nói đến kỷ cương, đó phải là kỷ cương của người giữ tâm sáng trước khi giữ lời nói, người tu sửa chính mình trước khi tu sửa đội ngũ, người dẫn dắt bằng gương lành chứ không bằng uy lực.

Vì vậy, tâm thư này không nhằm kêu gọi chúng ta dốc lòng cho một kỳ trại đơn thuần, mà để nhắc nhau về một ý nghĩa to lớn hơn, mỗi người huynh trưởng là một trại sinh suốt đời của chính mình. Chúng ta tạo duyên cho các Anh-Chị-Em vào trại, nhưng cũng phải tạo duyên cho nhau bước vào một “kỳ trại nội tâm” – nơi mà sự tu tập không nằm trong đề cương giáo án, mà

nằm trong cách chúng ta nhìn nhau, lắng nghe nhau, nâng đỡ nhau mà không phán xét, cộng tác mà không cạnh tranh, giữ quy củ mà không chia rẽ.

Khi một huynh trưởng tinh tấn trong giới hạnh, đó là thành tựu của tất cả. Khi một anh chị em lung lay trong tâm niệm, đó là trách nhiệm chung của chúng ta cùng đỡ nâng, không phải để sửa lỗi, mà để giúp nhau trở lại đạo lực nguyên sơ của người khoác áo Lam. Và khi ta đồng hành cùng trại sinh Vạn Hạnh 2026, cũng là lúc ta đang nắm tay nhau đi vào một chặng đường tự rèn luyện, biết dừng lại đúng lúc để soi mình, chính thân đúng mực mà không tự mãn, nghiêm trì nhưng không cứng nhắc, chan hòa nhưng không dễ dãi.

Mong rằng từ hôm nay, trong từng Phật sự tổ chức, trong mỗi cuộc họp, trong từng thông tư, biên bản hay lời mời, ta đều nghe được phía sau những con chữ ấy một thông điệp chung: chúng ta không xây quyền lực – chúng ta dựng nhân cách; không gom uy quyền – chúng ta gom duyên lành; không giữ ghế vị – chúng ta giữ tâm

hạnh. Trại Vạn Hạnh rồi sẽ đi qua, nhưng duyên tu tập mà chúng ta trao cho nhau thì còn lại, như hạt giống âm thầm nằm trong đất, chờ đúng mùa mà trở bông.

Qua tâm thư này, chúng tôi tha thiết trông cậy các cơ chế Ủy Ban Quản Trị Huynh Trưởng và các Hội Đồng Cấp Dãy và Tấn hãy luôn giữ mối quan tâm thường trực, bước đi cạnh và phía sau các trại sinh Vạn Hạnh Hoa Kỳ trong từng chặng đường rèn luyện. Sự đồng hành ấy không dừng ở một kỳ trại hay vài tuần huấn tập, mà kéo dài xuyên suốt lộ trình đào dưỡng, như người hộ trì bên bí chăm bón cho mầm Lam mới lớn lên trong quy củ, đạo hạnh và tự lực. Xin hãy lắng nghe, nâng đỡ, chỉ bày khi cần, tiếp sức khi chùn, soi sáng khi nhiễu để mỗi trại sinh cảm nhận được rằng mình không đơn độc trên hành trình hoàn thiện thân tâm và lý tưởng phụng sự.

Nam Mô Công Đức Lâm
Bồ Tát Ma Ha Tát

Phật lịch 2569
27 tháng 12 năm 2025

**QUANG NGỘ
ĐÀO DUY HỮU**

**HÃY GÓP MỘT TIẾNG NÓI, MỘT THAO THỨC,
MỘT KINH NGHIỆM TU HỌC VÀ PHỤNG SỰ ĐỂ
CÙNG NHAU LÀM CHO BẢN TIN VẠN HẠNH 3
– HẢI NGOẠI TRỞ THÀNH MỘT KHÔNG GIAN
TRÍ TUỆ, CHÂN THÀNH VÀ XỨNG ĐÁNG VỚI
TINH THẦN VẠN HẠNH.**

VẠN HẠNH 3 HẢI NGOẠI: TỪ Y CHÍ CẢ NHÂN ĐẾN SỬ MỆNH TẬP THỂ

H.TR TÂM HÒA LÊ QUANG DẬT

CỔ VẤN BQT, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG HUYNH TRƯỞNG CẤP DƯNG BHD GDPTVN TẠI HẢI NGOẠI



Có những đoạn đường trong lịch sử Tổ Chức mà thời gian không đo bằng năm tháng mà bằng sự chuyển mình của Lý Tưởng. Có những kỳ trại không chỉ là nơi tạm trú thân tâm, mà là khởi điểm cho một hành trình lớn lao và quyết liệt: hành trình phụng sự Đạo Pháp giữa những thử thách mới, hành trình làm người Huynh trưởng giữa một thời đại đầy biến động.

Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại, 2025, trong hình thức của một kỳ huấn luyện, đã và đang lay động một niềm thao thức lớn lao trong lòng những ai còn mang tâm nguyện: “Tiếp nối chí tiên nhân, dựng xây ngọn đèn trí tuệ giữa đêm dài lịch sử.” Không phải ngẫu nhiên mà trại mang danh hiệu Vạn Hạnh – vị Quốc sư đã từng dìu Dân Tộc qua thời loạn lạc, đã sống giữa quyền lực mà

vẫn giữ được chánh đạo, đã hành đạo giữa thế gian mà tâm không rời cửa Phật.

Ngày nay, giữa muôn vàn xao động của thế giới, người Huynh trưởng GDPT không thể chỉ là người giữ kỷ cương mà còn phải là người biết thấp sáng niềm tin, biết nuôi dưỡng đoàn thể bằng lý tưởng bất thối chuyển, biết dùng tuệ giác để chuyển hóa những dị biệt thành sức mạnh,

biến chia rẽ thành hòa hợp, và dựng xây từ tâm một cộng đồng Phật tử vững chãi giữa biển đời.

Kỳ trại này, do đó, không những là một kỳ tuyển lựa nhân sự cho tổ chức, mà là nơi kết tinh tâm huyết của nhiều thế hệ. Là nơi những con người bình dị nhất trong màu áo lam, với đôi mắt rạng ngời niềm tin, dám bỏ xuống bản ngã để bước vào con đường Bồ

đề. Là nơi để từng Huynh trưởng lặng lẽ nhìn lại bản thân, để rồi can đảm vươn mình đứng dậy, mang lấy hành trang đạo lý và chí nguyện, bước vào hàng ngũ những người “lãnh đạo bằng phụng sự, giáo hóa bằng hành trì.”

Từ niềm thao thức đó, những văn kiện liên quan đến Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại vừa được phổ biến – tương chừng chỉ là giấy tờ hành chánh – lại đang chuyên chở một ý nghĩa lớn lao hơn: tinh thần tổ chức, khí phách lãnh đạo, và tầm nhìn phụng sự trong kỷ nguyên mới. Và nếu lắng nghe đủ sâu, chúng ta sẽ thấy trong từng dòng chữ, một tiếng gọi âm thầm mà thiết tha đang vang vọng: “Anh chị Huynh trưởng thương quý! Đã đến lúc phải cùng đứng dậy, bước chung một hướng, để viết tiếp trang sử GDPT với ngọn lửa trí tuệ và lòng kiên trung chưa từng tắt lịm”

Bấy giờ, Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại, 2025, không đơn thuần là một sự kiện đào tạo định kỳ, mà là dấu ấn trưởng thành của một thế hệ Huynh trưởng GDPT sau hơn nửa thế kỷ hiện diện tại hải ngoại. Trong những dòng chữ của Sách tịch Huynh trưởng, trong hình thức trang trọng của Đơn ghi danh, và trong những điều khoản quy chuẩn của Thông tư huấn luyện—tất cả đều nói lên một thực tại: GDPT đang tiến đến một bước ngoặt tất yếu của thời đại, nơi

mà đoàn kết là mạch sống, huấn luyện là kinh mạch, và sự kế lý, kế cơ để đồng hành với Giáo hội Mẹ, với GDPT truyền thống là sứ mệnh không thể giải đãi.

I. TỔ CHỨC VÀ TINH THẦN: MỘT BẢN THỂ SỐNG

Ngay từ văn kiện tổ chức, có thể nhận thấy tính quy củ và tầm nhìn hệ thống trong công tác điều hành của Ban Hướng Dẫn Hải Ngoại: ba giai đoạn huấn luyện kéo dài hơn ba năm—Hàm thụ, Thụ huấn tại đất trại, và Luận văn kết khoa—cho thấy công tác đào tạo Huynh trưởng cấp 3 không chỉ là truyền trao kiến thức, mà là rèn luyện một hành trình trưởng thành toàn diện: trí tuệ, đạo đức, và phụng sự.

Thông tư 07-022/HDHN/TB/TT nhấn mạnh yêu cầu trại sinh phải hội đủ điều kiện: đã là Huynh trưởng cấp Tín, đã trúng cách Huyền Trang trên 5 năm, có chứng chỉ tu học bậc Lục, và đang đảm nhiệm các vai trò then chốt tại đơn vị, miền hay quốc gia. Đây không những là nguyên tắc nền tảng, mà phản ánh sự chất lọc phẩm chất lãnh đạo trong hàng ngũ GDPT: có đủ lý thuyết mà phải đang phụng sự thật, đang gánh vác thật.

2. NHẬN THỨC THỜI ĐẠI VÀ SỰ TẤT YẾU CỦA ĐOÀN KẾT

Trại Vạn Hạnh 3, 2025, không diễn ra trong khoảng trống lịch sử. Nó diễn ra giữa lúc Phật giáo

Việt Nam đang bước qua một giai đoạn mới – nhiều chuyển biến và nhiều thách thức. Trong bối cảnh đó, ý nghĩa của sự “đoàn kết để tồn tại”, “nhận thức chung để hành động chung”, và “huấn luyện để tạo nền tảng thống nhất” trở nên yếu tố sống còn. Đoàn kết ở đây không phải là đồng phục, cũng không phải là khẩu hiệu, mà là sự đồng tâm trong tư duy tổ chức, đồng hành trong nhận thức thời đại, đồng lực trong lý tưởng hành đạo.

Các cấp Ban Hướng Dẫn từ Miền, Quốc Gia đến Hải Ngoại cần phối hợp chặt chẽ trong quá trình sơ tuyển, chung tuyển và phổ biến tinh thần huấn luyện. Chính công cuộc phối hợp ấy minh chứng rằng: Các đơn vị GDPT tại hải ngoại không thể tách rời khỏi nhau như những ốc đảo đơn độc. Trái lại, chính sự nối kết xuyên châu lục, xuyên thế hệ, xuyên ngôn ngữ mới là biểu hiện sinh động của tinh thần Bi-Trí-Dũng trong thế kỷ 21.

3. HUẤN LUYỆN LÀ KINH MẠCH TỔ CHỨC

Trong hệ thống vận hành của GDPT, huấn luyện không bao giờ là một hoạt động phụ. Nó là cốt lõi – là kinh mạch. Từ Lộc Uyển, A Dục, Huyền Trang đến Vạn Hạnh, mỗi cấp trại là một nấc thang tiến hoá từ người đoàn sinh có niềm tin đến người Huynh trưởng có lý tưởng, từ lý tưởng cá nhân đến lý tưởng tổ chức. Trại Vạn Hạnh

3 Hải Ngoại vì thế không phải là sự lặp lại mô thức cũ, mà là cơ hội để định hình lại diện mạo lãnh đạo trong bối cảnh mới.

Hàm thụ là giai đoạn thiền quán và học hỏi; thụ huấn là giai đoạn hành trì và rèn luyện; luận văn là lúc kết tinh tư tưởng và khai triển hành đạo. Chính trong mô hình này, Trại Vạn Hạnh không những tạo ra những cá nhân giỏi mà còn hình thành một tập thể có tư tưởng chung, một cộng đồng biết cộng tác và biết kế thừa.

4. ĐỒNG HÀNH VỚI GHPGVNTN VÀ GDPT QUỐC NỘI – HẢI NGOẠI

Điều đặc biệt trong tinh thần tổ chức Trại Vạn Hạnh là tính kế thừa và đồng hành. GDPT Hải Ngoại xác định rõ vị thế là một cộng đồng cùng chung mạch sống với GHPGVNTN và GDPT Việt Nam quốc nội cũng như các tổ chức Phật giáo Việt Nam trên toàn thế giới. Việc tổ chức Trại tại Chùa Phổ Đà – Ottawa, Canada – là chọn lựa một địa điểm lý tưởng, đồng thời thể hiện biểu trưng: GDPT Hải Ngoại hiện diện khắp nơi, sẵn sàng cắm trại tinh thần ở bất kỳ đâu có ánh sáng Phật pháp và hồn tính Việt.

Chính trong tinh thần ấy, các văn thư đã nhấn mạnh rằng việc huấn luyện hôm nay là vì một hành trình mới sau 50 năm xây dựng, là để xứng đáng với tâm

LỄ KHAI KHÓA TRẠI VẠN HẠNH 3 – HẢI NGOẠI, 2026 (KHU VỰC HOA KỸ)

H. TR TÂM TƯỚNG LÊ ĐÌNH CẤT
GHI NHANH



nguyện của tiền nhân. Một nửa thế kỷ qua là giai đoạn định hình tổ chức. Nửa thế kỷ tới phải là giai đoạn đẩy mạnh sứ mệnh hành đạo, phát triển trí tuệ tập thể và truyền thừa lý tưởng.

5. BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ VÀ SỨ MỆNH KẾ THỪA

Tổ chức Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại, 2025, là bước ngoặt, không riêng vì đánh dấu giai đoạn mới trong huấn luyện, mà còn vì nó phản ánh sự trưởng thành của từng cá nhân Huỳnh

trưởng và tổ chức tập thể. Chính lúc này, từng Anh Chị ghi danh không còn là “người xin học” mà là “người thừa kế”, là “người nối chí”. Sách tịch Huỳnh trưởng không còn là lý lịch cá nhân, mà là bản di ngôn sống động của một thế hệ đang chuẩn bị gánh lấy vận mạng đạo pháp và dân tộc.

Từ “trại sinh” thành “huynh trưởng lãnh đạo” là một biến chuyển thiêng liêng. Nó đòi hỏi vừa hiểu Phật pháp mà vừa sống đạo giữa đời. Nó đòi hỏi không

chỉ nói lời từ bi mà còn dẫn thân giữa thời cuộc. Nó đòi hỏi chúng ta trung thành với truyền thống mà còn sáng tạo để thích ứng. Đó chính là tinh thần của Vạn Hạnh: từ lý trí đến từ bi, từ nội lực đến hành động.

THAY LỜI KẾT:

Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại, 2025, không đơn thuần là một cột mốc. Nó là cuộc trưng cầu sâu thẳm của tổ chức về căn tính và tương lai. Là nơi hun đúc những Huỳnh trưởng có

khả năng hướng dẫn và còn biết khai sáng, biết duy trì và biết đổi mới. Và sâu thẳm hơn hết: đáp lời của một thế hệ hôm nay với di nguyện của tiền nhân—rằng GĐPT Việt Nam không thể là một tổ chức đứng ngoài dòng chảy lịch sử, mà phải là con thuyền vững tay chèo trong hành trình phụng sự Đạo Pháp – Dân Tộc.

Phật lịch 2569 – Garden Grove 14.05.2025

TÂM HÒA LÊ QUANG DẬT



Quang cảnh buổi lễ Khai Khóa tại Tu Viện Đại Bi, Garden Grove, CA | Ảnh: Facebook Diệu Nghiêm

Ngày 24 tháng 01 năm 2026, trong hơi se lạnh của những ngày đông hiệu báo có trận bão tuyết nơi miền Trung Bắc Hoa Kỳ, nhưng lạnh ngoài mà ấm áp lòng trong. Tu Viện Đại Bi, Garden Grove, Nam California trở thành điểm hội tụ của tinh thần và lý tưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hải Ngoại. Lễ Khai Khóa Trại Huấn luyện Huynh trưởng Cấp 3 – Vạn Hạnh 3 được tổ chức trang nghiêm, kết nối đồng loạt qua hình thức trực tuyến với các Châu lục Quốc gia Úc,

Châu Âu và Canada, đánh dấu một sự kiện giáo dục và huấn luyện trọng đại cho thế hệ Huynh dẫn thân kế thừa.

Trại Vạn Hạnh là bậc huấn luyện cao nhất trong hệ thống đào tạo Huynh trưởng GDPT, tiếp nối chương trình tu học từ các bậc Kiên, Trì, Định, Lực song song với các trại Lộc Uyển, A Dục, Huyền Trang. Mục tiêu của Trại là nâng cao kiến thức và kỹ năng lãnh đạo, đồng thời còn rèn luyện đức

hạnh, tinh thần phụng sự tổ chức, hồng dương giáo pháp và phục vụ Giáo hội, tiếp nối sứ mạng của các thế hệ Huynh trưởng đi trước.

Dù phải đối mặt với khoảng cách địa lý lớn – từ Úc Đại Lợi, Châu Âu, Canada đến Hoa Kỳ – Ban Hướng dẫn GDPTVN Tại Hải Ngoại đã khéo léo tổ chức lễ khai mạc trực tuyến, đảm bảo tất cả trại sinh không bị gián đoạn trên con đường tu học.

Tại Tu Viện Đại Bi, các Huynh trưởng trại sinh tại Hoa Kỳ đã tề tựu từ 11:00 giờ sáng để chuẩn bị và Lễ khai mạc chính thức diễn ra lúc 1:00 pm, với sự chứng minh của Hòa thượng Thích Nguyên Siêu – Chủ tịch HĐDH/GHP-GVNTN Hoa Kỳ, Thượng tọa Thích Giới Minh – Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên, và Sư Bà Thích Nữ Như Tịnh – Viện chủ Tu Viện Đại Bi.

Trong diễn văn khai khóa, Huynh Trưởng Quang



Ngô, Trưởng ban Hướng dẫn Hoa Kỳ đã nhấn mạnh GDPT là một tổ chức giáo dục – sinh hoạt – tu học, dẫn dắt bởi hàng ngũ Huynh trưởng được đào tạo chuẩn mực. Trại Vạn Hạnh yêu cầu sự quyết tâm tu học và giữ gìn kỷ cương tự giác, để sau khi kết thúc khóa huấn luyện, mỗi Huynh trưởng về đơn vị có khả năng hướng dẫn đàn em, thực hiện trọn vẹn bổn phận và trách nhiệm.

Cùng ngày, Hòa thượng Thích Nguyên Siêu, qua đạo từ, nhắc nhở các trại sinh về tinh thần bất biến của GDPT – bất chấp

biến thiên thời cuộc, tổ chức vẫn trung kiên với lý tưởng, là hiếu tử của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, kế thừa tinh thần Thiên sư Vạn Hạnh – vị Thiên sư lỗi lạc, góp phần hình thành và giáo dục những nhân tài như Lý Công Uẩn trong lịch sử dân tộc.

Hai bài pháp giảng từ Hòa thượng Thích Nguyên Siêu và Thượng tọa Thích Giới Minh đã khắc sâu tinh thần yêu Đạo pháp và dân tộc, nhấn mạnh trách nhiệm lãnh đạo của Huynh trưởng trong việc phát triển tổ chức GDPT, hoàng dương

giáo pháp và phục vụ xã hội. Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại 2026 gồm 104 trại sinh đến từ Úc, Canada, Hoa Kỳ và Châu Âu, được chia thành các Chúng theo từng khu vực. Suốt quá trình huấn luyện, các Huynh trưởng trại sinh sẽ được rèn luyện cả về học thức lẫn hành vi, để trở thành thế hệ kế tục xứng đáng, vừa có khả năng lãnh đạo, vừa là Phật tử chân chánh.

Lễ khai mạc kết thúc vào lúc 4:00 pm trong không khí hoan hỉ và đạo vị, sau cùng là phần chụp hình lưu niệm cùng Chư Tôn

Đức, Huynh trưởng và trại sinh. Sự kiện này không những là dấu mốc quan trọng trong lịch sử huấn luyện GDPT Việt Nam tại Hải Ngoại, mà còn là biểu tượng tinh thần áo Lam – Sen Trắng, kết nối tình huynh đệ, lý tưởng và trách nhiệm, tiếp tục truyền trao cho các thế hệ mai sau.

Tu Viện Đại Bi, 24 tháng 01 năm 2026

Người Huynh Trưởng Già

TÂM TƯỚNG LÊ ĐÌNH CẤT

*Trại sinh Vạn Hạnh 3
Hải Ngoại*

KHAI KHÓA VẠN HẠNH 3-HẢI NGOẠI: RIÊNG MÃY PHƯƠNG TRỜI CHUNG MỘT TÂM NGUYỆN

H.TR NGUYỄN TỪ NGUYỄN QUỐC HUNG

Không phải mọi sinh hoạt của tổ chức đều có thể được hiểu thấu nếu chúng ta chỉ đo lường bằng thời khóa, chương trình hay kỹ thuật điều hành. Có những sinh hoạt, tự thân, vượt khỏi logic vận hành thông thường để chạm đến tầng sâu hơn của ý thức trách nhiệm và chiêu kích đạo lý. Trong ý nghĩa này, Trại Huấn Luyện Huynh Trưởng Cấp 3 – Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại chính là một sinh hoạt như vậy. Nơi đây không đơn thuần khởi động một khóa huấn luyện kéo dài ba năm mà mở ra một tiến trình trở về với chính mình, nơi mỗi anh chị Huynh trưởng được mời gọi dừng lại để tự quán chiếu, tự gánh lấy phần trách nhiệm trước tổ chức và tự phát nguyện bước vào con đường dài của sự dẫn thân tinh thức. Do đó, Vạn Hạnh không phải là một khởi sự nội tâm, nơi hàng Huynh trưởng nòng cốt GDPT Việt Nam trên toàn thế giới cùng lặng lẽ đặt lại câu hỏi căn bản nhất: mình đang đứng ở đâu trong dòng chảy của lý

tưởng đã chọn, và mình có đủ bản lĩnh để đi tiếp con đường ấy hay không?

MỘT LỄ KHAI KHÓA – NHIỀU KHÔNG GIAN – MỘT TÂM NGUYỆN CHUNG

Lễ Khai Khóa Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại được tổ chức đồng thời tại nhiều châu lục – quốc gia, trong cùng một thời khắc, không phải như một giải pháp tình thế trước những giới hạn địa dư, mà như một tuyên ngôn lặng lẽ về bản chất của con đường huấn luyện này. Khi những Huynh trưởng tại Úc Đại Lợi, Âu Châu, Canada và Hoa Kỳ cùng hòa chung một thời điểm khởi sự, không gian vật lý lập tức lùi về phía sau để nhường chỗ cho một không gian khác – không gian của tâm nguyện chung. Ở đó, khoảng cách địa lý không còn là yếu tố chia cắt mà trở thành phép thử cho khả năng đồng hành bằng ý chí, bằng kỷ luật nội tâm và bằng sự tự giác của mỗi Huynh trưởng đang hiện diện, dù trực tiếp hay qua phương tiện kết nối từ xa.

Chính trong khoảnh khắc ấy, Vạn Hạnh cho thấy mình không bị giới hạn bởi ranh giới quốc gia hay múi giờ, mà được liên kết bằng một sợi chỉ vô hình nhưng bền chặt hơn mọi đường truyền kỹ thuật, đó chính là lý tưởng phụng sự và kỷ luật tâm linh. Sự đồng thời của Lễ Khai Khóa không tạo nên cảm giác phân tán, trái lại, khơi dậy một ý thức rất rõ là tất cả trại sinh, ở bất cứ nơi đâu, đều đang cùng đứng trước một ngưỡng cửa như nhau – ngưỡng cửa của sự chọn lựa dẫn thân lâu dài, nghiêm túc và không thể quay đầu dễ dàng.

Việc các địa điểm tổ chức đều đặt trong không gian già-lam càng làm rõ hơn ý nghĩa ấy. Từ Tu Viện Đại Bi tại Hoa Kỳ, Thiền Tự Hương Hải tại Canada, chùa Linh Thứu tại Âu Châu cho đến đạo tràng tại Sydney, mỗi nơi đều là một không gian đã được hun đúc bởi đời sống tu học, lễ bái và tinh thức. Lễ Khai Khóa vì thế không diễn ra trong hội trường hay khán phòng thuần túy, mà được

đặt trọn vẹn trong bối cảnh Tam Bảo, như một lời xác quyết rằng huấn luyện Vạn Hạnh không khởi đi từ kỹ năng điều hành, cũng không lấy hiệu quả tổ chức làm cứu cánh, mà bắt đầu từ sự quay về nương tựa nơi nền tảng tâm linh của người Huynh trưởng.

Trong bối cảnh ấy, mỗi trại sinh bước vào Lễ Khai Khóa với tư cách người tham dự một khóa học, đồng thời như người đang đứng trước một lời phát nguyện. Trước Tam Bảo, trước chư Tôn Đức, trước tập thể Lam viên đang cùng hiện diện qua nhiều không gian khác nhau, mỗi Huynh trưởng được mời gọi ý thức rằng từ giây phút này, con đường Vạn Hạnh đã mở ra không những trong lịch trình huấn luyện, mà trong chính đời sống nội tâm của mình. Và khi lễ khai mở ấy diễn ra cùng lúc trên nhiều châu lục, nó trở thành một dấu mốc chung, khắc sâu trong ký ức tập thể của tổ chức là dù ở đâu, dù hoàn cảnh khác nhau đến mức nào, lý tưởng phụng sự và con đường

tu học của người Huynh trưởng Vạn Hạnh vẫn là một, không phân mảnh, không rời rạc, không cho phép nửa vời.

VẠN HẠNH – KHÔNG PHẢI TRẠI ĐỂ HỌC, MÀ LÀ TRẠI ĐỂ “CHỊU TRÁCH NHIỆM”

Vạn Hạnh, trong cách được xác định từ Thông Tư của Ban Hướng Dẫn GĐPT-VN Tại Hoa Kỳ, chưa bao giờ được đặt tên như một “trại học” theo nghĩa thông thường. Nơi đây được gọi đúng bằng bản chất của nó chính là khởi điểm của một hành trình tu học – phụng sự, nơi mỗi Huynh trưởng được mời gọi trở về nương tựa Tam Bảo, nuôi lớn chí nguyện Bồ-đề và nối kết tinh Lam trong tinh thần lục hòa, khiêm cung và trách nhiệm. Cách xác định ấy, tự thân, đã là một lời nhắc mạnh mẽ rằng Vạn Hạnh không nhằm trang bị thêm kiến thức để làm đẹp hồ sơ sinh hoạt, mà đặt Huynh trưởng trước một đòi hỏi sâu hơn đó là phải sống đúng với lý tưởng đã phát nguyện, trong từng chọn lựa nhỏ của đời sống tổ chức và cá nhân.

Bởi vậy, Vạn Hạnh không đào tạo những người giỏi diễn đạt hay sắc sảo trong ngôn từ. Trại cũng không hướng đến việc tạo ra những Huynh trưởng nổi bật trên diễn đàn hay dễ gây ấn tượng trong sinh hoạt. Điều mà Vạn Hạnh kiên trì nuôi dưỡng là những con người biết sống đúng, biết tự điều chỉnh mình trước khi điều hành

người khác, biết đặt trách nhiệm chung lên trên sự thuận tiện cá nhân và biết âm thầm gánh vác khi công việc cần đến, dù không có ánh đèn soi rọi hay tiếng vỗ tay tán thưởng.

Trong tinh thần ấy, hình ảnh Huynh trưởng nòng cốt hiện ra không hào nhoáng, không ồn ào, nhưng vững chãi và đáng tin cậy. Đó là những người có thể đi đường dài với tổ chức, chấp nhận nhịp đi chậm, chịu được áp lực tích tụ qua năm tháng và không rút lui khi gặp những giai đoạn khó khăn nhất. Vạn Hạnh không tìm kiếm những cá nhân xuất sắc trong khoảnh khắc, mà kiên nhẫn hình thành những con người có khả năng giữ mạch sống cho tổ chức trong chiều sâu, bằng sự hiện diện bền bỉ và tinh thần phụng sự không điều kiện.

Chính vì vậy, bước vào Vạn Hạnh cũng đồng nghĩa với việc Huynh trưởng chấp nhận một sự chuyển hóa căn bản trong cách nhìn về vai trò của mình. Không còn là người “tham dự” sinh hoạt, mà là người “chịu trách nhiệm” cho sinh hoạt ấy được tiếp nối. Không còn đứng ở vị trí chờ đợi chỉ đạo, mà tự ý thức mình là một phần của lời giải cho những khó khăn chung. Trong ý nghĩa đó, Vạn Hạnh vừa là huấn luyện Huynh trưởng cho tổ chức, vừa là huấn luyện chính tổ chức đi vào một giai đoạn trưởng thành hơn, nơi trách nhiệm

không được phân bổ bằng chức danh mà được gánh lấy bằng sự tự giác và bản lĩnh nội tâm của từng người.

MỘT CON SỐ BIẾT NÓI: 103 TRẠI SINH – 11 CHÚNG – 4 CHÂU LỤC

Con số 103 trại sinh, được tổ chức thành 11 Chúng và trải rộng trên bốn châu lục – Canada, Âu Châu, Úc Châu và Hoa Kỳ – như được ghi nhận trong Lá Thư Điều Hành số 01 của Ban Quản Trại, không phải là một dữ kiện thống kê để gây ấn tượng mà là một con số biết nói, đủ để người đọc dừng lại và suy ngẫm. Bởi trong bối cảnh sinh hoạt GĐPT Hải Ngoại đang chịu nhiều tác động từ phân tán địa lý, khác biệt hoàn cảnh sống và sự suy giảm nhân lực lãnh đạo tại nhiều địa phương, việc có hơn một trăm Huynh trưởng cùng lúc phát tâm bước vào Trại Vạn Hạnh là một tín hiệu sâu sắc hơn mọi lời kêu gọi.

Đây không phải là sự đồng đảo để phô trương quy mô, càng không phải là kết quả của một chiến dịch vận động hình thức. Đó là con số vừa đủ để cho thấy một nhu cầu đang tồn tại âm thầm nhưng mãnh liệt trong lòng tổ chức, đó là nhu cầu được huấn luyện ở tầng sâu nhất, nơi Huynh trưởng không những học để hoàn tất một cấp bậc, mà học để tự chuẩn bị cho vai trò gánh vác dài lâu. Mỗi trại sinh trong con số ấy là một câu trả lời lặng lẽ

cho câu hỏi mà tổ chức đã nhiều lần đối diện trong hai thập niên qua, ai sẽ là người đứng ra giữ mạch sinh hoạt khi những thế hệ đi trước dần lui về hậu trường.

Điều đáng suy ngẫm hơn nữa là con số ấy không hình thành trong điều kiện thuận lợi. Ngược lại, nó xuất hiện giữa những thực tại rất cụ thể từ múi giờ chênh lệch, đời sống mưu sinh áp lực, trách nhiệm gia đình chồng chéo, đến cả những mệt mỏi tích tụ từ sinh hoạt tổ chức kéo dài. Vậy mà vẫn có hơn một trăm Huynh trưởng, ở những quốc gia khác nhau, chọn cùng lúc bước vào con đường gian nan nhất của hệ thống huấn luyện – con đường đòi hỏi thời gian dài, kỷ luật tự thân cao và sự bền bỉ mà không phải ai cũng sẵn sàng đánh đổi.

Chính trong sự phân bố trải rộng ấy, tinh thần Vạn Hạnh hiện ra rõ nét hơn. Các Chúng không được hình thành để chia cắt, mà để nâng đỡ lẫn nhau trong một cấu trúc linh hoạt, cho phép mỗi trại sinh vừa gắn bó với địa hạt của mình, vừa ý thức mình là một phần của một tập thể lớn hơn, vượt khỏi biên giới quốc gia. Sự hiện diện của 11 Chúng trên bốn châu lục vì thế vừa là giải pháp tổ chức, vừa là minh chứng cho khả năng kết nối bằng lý tưởng, khi những người chưa từng gặp mặt trực tiếp vẫn có thể đồng hành trong cùng một nhịp tu học và trách nhiệm.

Nhìn từ góc độ ấy, 103 trại sinh của Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại không phải là một con số ngẫu nhiên. Đó là dấu hiệu cho thấy bên dưới những lo âu về nhân sự và sự kế thừa, vẫn đang tồn tại một lớp người sẵn sàng đi vào chiều sâu, chấp nhận khó khăn và kiên nhẫn rèn luyện để chuẩn bị cho những giai đoạn đòi hỏi nhiều bản lĩnh hơn của tổ chức. Và chính sự tự nguyện ấy, hơn bất kỳ tuyên bố nào, đã làm nên giá trị thật sự của con số này.

CẤU TRÚC ĐIỀU HÀNH – BÀI HỌC VỀ KỶ LUẬT VÀ MINH BẠCH

Bấy giờ, Lá Thư Điều Hành số 01 của Ban Quản Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại dành một dung lượng đáng kể để trình bày tỉ mỉ cấu trúc Khối Điều Hành, Khối Huấn Luyện, hệ thống liên lạc qua email-groups, quy ước về nickname, nội quy lớp học cũng như quy trình sinh hoạt và tu học xuyên suốt khóa trại. Nếu nhìn ở bề mặt, đó có thể bị xem như những chi tiết kỹ thuật cần thiết cho một lớp học trực tuyến quy mô lớn. Nhưng khi đọc kỹ, trong tinh thần của một người bước vào con đường Vạn Hạnh, ta nhận ra đây là vấn đề tổ chức, đồng thời là một bài học giáo dục rất căn bản về kỷ luật và minh bạch – hai phẩm chất không thể thiếu của người Huynh trưởng nòng cốt.

Vạn Hạnh không bắt đầu bằng những bài giảng lớn

lao về lãnh đạo hay đạo đức, mà bắt đầu từ những quy định tường chừng rất nhỏ, cách xưng danh cho rõ ràng, cách vào lớp cho đúng giờ, cách im lặng đúng lúc, cách lắng nghe trọn vẹn khi thính pháp, và cách giữ cho không gian học tập được thanh tịnh. Chính trong những chi tiết ấy, Huynh trưởng được đặt trở lại vị trí của người học đạo, nơi kỷ luật không phải là áp lực từ bên ngoài, mà là sự tự nguyện điều chỉnh thân – khẩu – ý để xứng đáng với không gian tu tập chung.

Việc không nói chuyện riêng trong giờ học, không phát biểu tùy tiện, không “text chat” ngoài nội dung, hay giữ tư thế thính pháp như trong một đạo tràng, không nhằm kiểm soát con người bằng hình thức hay quyền lực. Trái lại, đó là cách Ban Quản Trại chủ động tạo dựng một môi trường mà ở đó, cái tôi cá nhân được đặt xuống một cách tự nhiên để nhường chỗ cho sự hiện diện chung. Khi mỗi Huynh trưởng biết tự giữ mình trong khuôn khổ, không gian tập thể lập tức trở nên an ổn; và khi không gian ấy được giữ vững, việc tu học mới có cơ hội đi vào chiều sâu, vượt khỏi mức tiếp nhận thông tin đơn thuần.

Trong ý nghĩa đó, cấu trúc điều hành của Trại Vạn Hạnh không những là khung vận hành, mà là một phương tiện giáo dục thâm lặng. Huynh trưởng học cách tôn trọng kỷ luật của

lớp học hôm nay, chính là để ngày mai có đủ tư cách đạo lý mà mong đàn em tôn trọng mình. Sự minh bạch trong điều hành, sự rõ ràng trong phân nhiệm và sự nghiêm túc trong sinh hoạt không tạo ra khoảng cách, mà ngược lại, xây dựng niềm tin. Niềm tin ấy không đến từ lời kêu gọi hay khẩu hiệu, mà được hình thành qua từng buổi học diễn ra trong trật tự, từng giờ thính pháp được giữ gìn trang nghiêm, và từng hành vi nhỏ thể hiện sự tự giác của người Huynh trưởng trước tập thể.

Chính từ nền tảng ấy, Vạn Hạnh dạy cho Huynh trưởng một bài học rất căn bản nhưng cũng rất khó, đó chính là muốn dẫn dắt người khác, trước hết phải biết tự giữ mình; muốn nói đến lý tưởng chung, trước hết phải biết đặt cái tôi cá nhân xuống đúng chỗ. Và khi kỷ luật được hiểu như một biểu hiện của trách nhiệm, chứ không phải sự ép buộc, thì cấu trúc điều hành không còn là rào cản, mà trở thành chiếc khung vững chãi để tinh thần tu học và phụng sự được nâng đỡ và phát triển lâu dài.

LỘ TRÌNH TU HỌC: DUY MA CẬT KHÔNG PHẢI NGẪU NHIÊN

Việc chọn Kinh Duy Ma Cật làm nội dung tu học trọng tâm cho giai đoạn đầu của Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại, theo lộ trình được nêu rõ trong Lá Thư Điều Hành số 01, không phải là một quyết định

mang tính học thuật thuần túy, càng không phải là sự lựa chọn thuận tay hay quen thuộc. Đây là một lựa chọn có chủ ý, hàm chứa một định hướng rất rõ về con đường mà người Huynh trưởng Vạn Hạnh được mời gọi bước đi. Ngay từ điểm khởi hành, trại đã không đưa người học vào những giáo lý an toàn, dễ tiếp nhận, mà đặt thẳng trước họ một bản kinh đòi hỏi sự trưởng thành nội tâm, khả năng quán chiếu sâu và bản lĩnh đối diện với đời sống thực tại.

Duy Ma Cật là bản kinh của Bồ Tát tại gia, của trí tuệ bất nhị và của tinh thần hành đạo giữa đời mà không nhiễm đời. Nhân vật trung tâm của kinh không ẩn mình trong núi rừng hay tự viện, mà hiện diện ngay giữa chợ đời, trong những mối quan hệ phức tạp, những xung đột quan điểm và những nghịch lý của xã hội. Trí tuệ trong Duy Ma Cật không phải là trí tuệ để chiêm ngưỡng, mà là trí tuệ để hành xử; không nhằm phân thắng bại trong biện luận, mà nhằm khai mở con đường giải thoát ngay trong đời sống đầy ràng buộc.

Đặt Kinh Duy Ma Cật vào Trại Vạn Hạnh chính là một lời nhắc nhở không thể né tránh là Huynh trưởng Vạn Hạnh không được phép trốn mình sau lớp vỏ của lý thuyết hay danh xưng tu học. Con

Xem tiếp trang 46



TRẠI VẠN HẠNH LÀ ‘ĐỈNH CAO’ – TRÊN ‘ĐỈNH CAO’, LÀ GÌ?

H.TR TÂM LẠC NGUYỄN VĂN THỰC
(1927-2007)

Không phải ai đứng ở vị trí cao cũng đang ở trên cao. Và không phải ai bước vào trại huấn luyện cao nhất cũng đã sẵn sàng cho chiều sâu của nó.

Trong Phật giáo, sự khác biệt giữa leo lên và thâm nhập là một ranh giới mỏng manh nhưng quyết định. Leo lên là hành động của thân; thâm nhập là chuyển hóa của tâm. Một Huynh trưởng có thể đi rất xa về hình thức mà không tiến thêm một bước nào về nội lực. Chính vì vậy, trước

khi bàn đến tâm thế điều hành Trại Vạn Hạnh hay thụ huấn Trại Vạn Hạnh, điều quan trọng không phải là chúng ta làm gì mà là chúng ta đang đứng ở đâu trong con đường hành đạo.

Trại Vạn Hạnh không phải là nơi để “hoàn tất chương trình huấn luyện”. Đó là nơi để đặt lại toàn bộ câu hỏi về người Huynh trưởng. Nếu đi vào trại với tâm thế tìm kiếm một đỉnh cao, ta sẽ thấy mệt mỏi. Nếu bước vào với tâm thế cầu chứng nhận, ta sẽ

thấy áp lực. Nhưng nếu bước vào với tâm thế tự vấn: “Ta còn đủ khiêm cung để học không?”, thì Trại Vạn Hạnh mới mở cửa.

Ở đây, sự huấn luyện không còn nhằm tạo ra người “giỏi việc”. Nó nhắm đến việc tạo ra người gánh được đạo mạch.

Với Huynh trưởng Ban Quản Trại, tinh thần Vạn Hạnh không cho phép xem trại như một dự án cần hoàn thành, hay một bộ máy cần vận hành trơn tru. Điều hành một trại huấn luyện cao nhất không phải là quản lý lịch trình, kiểm soát nội dung hay bảo đảm trật tự. Những điều ấy cần thiết, nhưng chưa đủ. Người điều hành Trại Vạn Hạnh trước hết phải điều hành chính mình: điều hành cái tôi, điều hành tham vọng vô thức, điều hành xu hướng muốn chứng tỏ năng lực cá nhân. Bởi vì ở tầm này, chỉ cần một cái “muốn hơn người” rất nhỏ cũng đủ làm lệch hướng cả không gian tu học.

Ban Quản Trại không đứng trên trại sinh. Ban Quản Trại đứng giữa trại sinh và lý tưởng Vạn Hạnh – như một chiếc cầu. Không phô trương, không tự hào vì mình cao, nhưng nếu không vững, người qua sẽ ngã. Vì vậy, tinh thần căn bản của người điều hành Trại Vạn Hạnh là khiêm cung hành đạo – làm nhiều nhưng không áp đặt, dẫn dắt nhưng không chiếm chỗ, giữ kỷ cương nhưng không bóp nghẹt sinh khí tu học.

Điều này đòi hỏi một phẩm chất mà không giáo trình nào dạy được, đó chính là đạo lực của sự lắng nghe. Lắng nghe trại sinh, lắng nghe đồng sự, và quan trọng nhất là lắng nghe những dấu hiệu vi tế cho thấy trại đang cần điều chỉnh chứ không phải người điều hành cần chứng minh.

Còn với Huynh trưởng trại sinh, bước vào Trại Vạn Hạnh không phải là bước vào nơi để “được đào tạo thêm”, mà là bước vào nơi để bị tháo gỡ. Tháo gỡ những khái niệm cũ về thành công trong tổ chức. Tháo gỡ tâm lý so sánh cấp bậc. Tháo gỡ thói quen nương vào kinh nghiệm quá khứ để né tránh sự học hỏi mới. Ai mang quá nhiều “tôi đã từng” thì khó mang được “tôi đang học”.

Trong Phật học, sự trưởng thành không đi kèm với sự đông cứng lại, mà đi kèm với khả năng mềm hơn. Trại Vạn Hạnh đòi hỏi người trại sinh phải đủ can đảm để chưa biết, đủ khiêm tốn để chưa xong, và đủ trung thực để nhìn thẳng vào giới hạn của chính mình. Không ai bước ra khỏi Vạn Hạnh với tư cách người hoàn chỉnh. Chỉ có người bước ra với tư cách của người bắt đầu gánh nặng lớn hơn, trong im lặng hơn. Và chính ở điểm này, tinh thần Vạn Hạnh chạm sâu vào cốt lõi của Phật giáo Đại thừa: hành Bồ-tát đạo không phải là tiến lên phía trước, mà là quay trở lại giữa đời, mang theo sự tỉnh thức. Vạn Hạnh không tạo ra những người đứng trên cao để nhìn xuống, mà tạo ra những

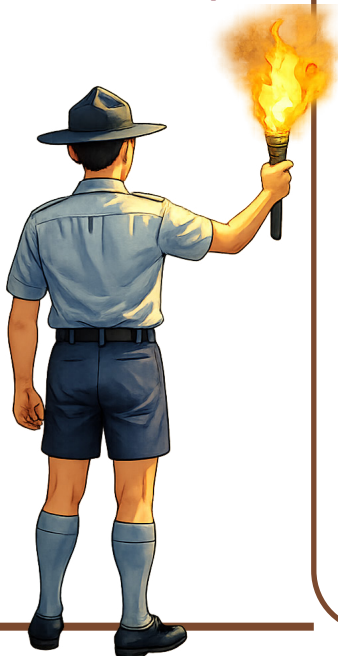
người đi vào chỗ thấp để nâng người khác lên.

Nếu Ban Quản Trại không thâm nhập tinh thần này, trại sẽ trở thành một hệ thống huấn luyện tinh vi nhưng trống rỗng. Nếu trại sinh không thâm nhập tinh thần này, trại sẽ chỉ là một dấu mốc lý lịch. Nhưng khi cả hai cùng gặp nhau ở điểm chung phụng sự vô ngã, thì Trại Vạn Hạnh mới thực sự là đỉnh – không phải vì cao, mà vì sâu.

Bấy giờ trên Vạn Hạnh không có thêm một cấp trại nào nữa. Trên đó chỉ có đời sống hành đạo liên tục, nơi Huynh trưởng không còn hỏi mình đang ở cấp nào, mà tự hỏi mỗi ngày ta đã giữ được bao nhiêu ánh sáng cho đàn em, và đã làm nhẹ đi bao nhiêu gánh nặng cho tổ chức?

Nếu còn câu hỏi ấy, Trại Vạn Hạnh vẫn còn ý nghĩa. Nếu câu hỏi ấy mất đi, mọi đỉnh cao chỉ còn là hình thức mà thôi.

TÂM LẠC NGUYỄN VĂN THỰC



BÀN VỀ VẤN ĐỀ ĐIỀU HÀNH TRẠI VẠN HẠNH

H.TR NGUYỄN MÃN LÊ VIẾT LÂM
(1933-2021)



Trại Vạn Hạnh không bắt đầu từ cổng trại, từ lễ khai mạc cũng không kết thúc ở ngày bế mạc mà khởi sự từ một câu hỏi âm thầm nhưng sâu sắc hơn nhiều, đó là anh chị Huynh trưởng bước vào không gian này đang mang theo điều gì trong tâm thức – khát vọng học đạo, ý thức trách nhiệm hay chỉ là một vai trò đã quen thuộc với danh xưng?

Trong ý nghĩa đó, vấn đề điều hành tự nó như một phép thử. Không phải thử khả năng tổ chức, không phải thử bản lĩnh xử lý tình huống mà thử chiều sâu tự quán của những người đứng phía sau tiến trình huấn luyện. Bởi trại Vạn Hạnh không vận hành bằng mệnh lệnh, cũng không duy trì bằng lịch trình mà tồn tại bằng đạo vị được giữ gìn hoặc, bị làm tổn thương từng giờ, từng cử chỉ, từng quyết định

tương chừng rất nhỏ.

Từ đề án trên giấy đến thực tiễn trong trại là một quãng đường ngắn về thời gian nhưng dài về nội tâm. Ở đó, mỗi vị trí điều hành đều mang hai yếu tố: một của chức trách được phân công, và một của đạo hạnh đang được thử thách. Khi hai yếu tố ấy không hợp nhất, điều hành dễ trượt sang kiểm soát. Nhưng khi hội tụ, toàn bộ hành vi tự nhiên trở thành phương tiện hành đạo.

Vì vậy, khi bàn về vấn đề điều hành Trại Vạn Hạnh không thể tách rời khỏi câu hỏi về con người. Không chỉ là ai giữ vai trò nào mà là ai đủ sâu sắc để không lấn át, đủ vững để không thoái thác và đủ khiêm cung để đứng đúng chỗ mình đang đứng. Ban viên, phụ tá, hay bất cứ trách nhiệm nào, nếu vượt khỏi trực lộ, đều có thể vô tình làm đứt mạch huấn luyện mà

chính mình muốn bảo vệ.

Chia sẻ này không nhằm thiết lập một hệ quy chiếu mới, càng không tìm cách phê phán một cá nhân hay tập thể. Ở đây chỉ xin mở ra một khoảng lặng đọng cần thiết, để việc điều hành Trại Vạn Hạnh hiện tại được nhìn lại như một hành trình đạo học tập thể – nơi tổ chức không che lấp con người, và con người không làm mờ nguyên lý.

ĐIỀU HÀNH VẠN HẠNH KHÔNG PHẢI LÀ QUẢN TRỊ MỘT SINH HOẠT, MÀ LÀ HỘ TRÌ MỘT LỘ TRÌNH HÀNH ĐẠO

Trại Vạn Hạnh không được tổ chức để vận hành suôn sẻ, mà để định vị căn tính Huynh trưởng cao cấp trong một bối cảnh lịch sử và tổ chức rất cụ thể. Vì vậy, “điều hành” ở đây không thể hiểu theo nghĩa quản trị

hành chánh, càng không thể đồng nhất với kỹ năng tổ chức hay khả năng kiểm soát tiến trình.

Điều hành Trại Vạn Hạnh, trước hết, là giữ cho trực đạo hạnh không bị lệch, giữ cho tinh thần huấn luyện không bị biến dạng bởi thói quen điều hành thể tục. Một trại huấn luyện cấp cao nếu chỉ chạy đúng chương trình, đúng thời khóa, đúng sơ đồ nhân sự mà không làm chuyển động nội tâm trại sinh tham dự, thì dù hoàn chỉnh về hình thức vẫn thất bại về bản chất.

Do đó, mọi nguyên lý điều hành – dù chi tiết đến đâu – cũng chỉ có giá trị khi được đặt dưới câu hỏi căn bản đó chính là việc này có giúp người Huynh trưởng đi sâu hơn vào tự quán, tự trách nhiệm và tự giác hành đạo hay không? Nếu câu trả lời không rõ ràng, đề án ấy cần được xét lại.

TỪ ĐỀ ÁN ĐẾN THỰC TIỄN: KHOẢNG CÁCH NGUY HIỂM NẪM Ở “TÂM THỂ ĐIỀU HÀNH”

Một trong những bất cập lớn nhất của các trại huấn luyện cao cấp là đề án rất đúng, nhưng thực thi lại sai lệch. Sự sai lệch ấy không đến từ nội dung, mà đến từ tâm thể của người điều hành.

Khi người điều hành bước vào trại với tâm thể “Tôi phải làm cho trại thành công”; “Tôi phải kiểm soát mọi diễn biến” và “Tôi đại diện cho cấp trên / cho uy tín tổ chức”... thì ngay lập tức, trại đã bị kéo khỏi trực đạo học và rơi vào trực thành tích – quyền lực – hình ảnh.

Trong khi đó, điều hành Vạn Hạnh đòi hỏi một tâm thể khác hẳn, đó phải là nghĩa vụ của người giữ không gian đạo học; phục vụ tiến trình nội tâm của trại sinh và không phải điều khiển

họ, đồng thời sẵn sàng lùi lại để tinh thần trại tự hiển bày.

Khoảng cách giữa đề án và thực tiễn không nằm ở năng lực, mà nằm ở chỗ người điều hành có dám buông cái tôi điều hành hay không.

ĐIỀU HÀNH TRONG TRỰC LỘ ĐẠO HẠNH: QUYỀN HẠN KHÔNG THAY THỂ ĐƯỢC ĐẠO LỰC

Trong Phật giáo, đạo lực luôn đi trước quyền hạn. GDPT – nếu còn trung thành với căn bản Phật giáo – không thể đảo ngược nguyên lý này.

Một bất cập thường gặp là người có chức vụ điều hành nhưng đạo lực chưa đủ. Người có đạo lực nhưng bị đẩy ra ngoài vai trò điều hành. Khi đó, điều hành dễ rơi vào tình trạng nói nhiều nhưng không thuyết phục; quy định chặt chẽ nhưng không chuyển hóa và dù có kỷ luật nghiêm nhưng không sinh ra lòng kính trọng.

Bấy giờ điều hành Vạn Hạnh đòi hỏi ban viên phải tự hỏi uy lực của mình đến từ chức danh hay đến từ đời sống tu học và thân giáo?

Nếu uy lực chỉ đến từ vị trí, thì càng điều hành chặt, trại càng mất đạo vị. Ngược lại, khi đạo lực đủ, nhiều khi không cần nói nhiều, trại sinh vẫn tự điều chỉnh chính mình.

NGUYÊN LÝ TỔ CHỨC GDPT: PHÂN NHIỆM ĐỂ HỖ TRÌ NHAU, KHÔNG PHẢI ĐỂ TRANH PHẦN ẢNH HƯỞNG

GDPT không xây dựng trên mô hình quyền lực tập trung, mà trên nguyên lý cộng trú – cộng sinh – lực hòa. Vì vậy, điều hành trại không phải là nơi để khẳng định vai trò cá nhân, mà là nơi để mỗi ban viên đứng đúng vị trí của mình.

MỘT SỐ BẤT CẬP CẦN TRÁNH TRIỆT ĐỂ LÀ GÌ?

Thứ nhất, ban viên lấn át nhau bằng sáng kiến cá nhân. Sáng kiến là cần thiết, nhưng khi sáng kiến vượt khỏi phạm vi được phân nhiệm, nó trở thành xâm lấn chứ không còn là đóng góp. Điều này đặc biệt nguy hiểm trong trại Vạn Hạnh, nơi mọi biểu hiện đều có tính biểu trưng.

Thứ hai: phụ tá biến thành người điều hành song song. Phụ tá sinh ra để nâng đỡ vai trò chính, không phải để tạo thêm một trung tâm quyền lực. Khi phụ tá can thiệp trực tiếp vào định hướng, quyết định hoặc không gian giáo dục, trại sẽ rơi vào tình trạng “đa trực chỉ đạo”, gây nhiễu tinh thần và làm mất sự nhất quán.

Thứ ba: ban viên dùng kinh nghiệm cá nhân để phủ định cấu trúc chung. Kinh nghiệm rất quý, nhưng nếu không đặt trong khung đề án và tinh thần chung, kinh nghiệm





TỪ HUẤN LUYỆN ĐẾN HÀNH ĐẠO: DI SẢN VÀ SỨ MỆNH TRẠI VẠN HẠNH

H. TR TÂM ĐĂNG NGUYỄN VĂN PHÁP
NGUYỄN TRƯỞNG BAN HUỐNG DẪN GDPT VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI

Có những ngọn lửa không bao giờ tắt dù trải qua giông tố của thời gian. Có những cội nguồn không bao giờ nhạt phai, dù lớp bụi của lịch sử có phủ lên bao dâu bể. Trại Huấn Luyện Huynh Trưởng Cấp 3 Vạn Hạnh – nửa thế kỷ qua – chính là một trong những ngọn lửa ấy, một trong những

cội nguồn như thế. Vạn Hạnh không những là tên gọi của trại huấn luyện cao cấp nhất của Gia Đình Phật Tử Việt Nam, mà còn trở thành biểu tượng cho tinh thần: dẫn thân vì đạo, giáo hóa bằng tâm, hành đạo giữa đời và khai phóng nội lực tâm linh của từng Huynh trưởng.

Trại Vạn Hạnh không đơn thuần chỉ là nơi huấn luyện kỹ năng tổ chức. Ở đó là một pháp đàn, nơi những người người Huynh trưởng đặt bước chân lên hành trình chuyển hóa – không riêng cho mình, mà cho cả đoàn sinh, cho tổ chức, và cho một xã hội đầy tổn thương.

Ngày nay, khi thế giới đang thay đổi bằng tốc độ chóng mặt, khi tuổi trẻ chao đảo giữa hoài nghi và công nghệ, khi đạo Phật bị nhìn như một gia tài cũ kỹ hơn là một sức sống thức tỉnh – thì di sản Vạn Hạnh càng trở nên cấp thiết: không phải để cho chúng ta hoài niệm, mà để tiếp nối; không phải để mình dựng

dễ biến thành “tiền lệ cá nhân”, làm suy yếu kỷ cương đạo học.

VAI TRÒ VÀ BỔN PHẬN: RÕ RÀNG ĐỂ KHÔNG LẤN ÁT, KHIÊM CUNG ĐỂ KHÔNG THOẢI THÁC

Điều hành đúng không phải là làm nhiều, mà là làm đúng phần mình.

Ban viên giữ vai trò trụ cột, định hướng, chịu trách nhiệm cuối cùng về tinh thần và khí chất của trại. Ban viên không cần xuất hiện nhiều, nhưng phải

hiện diện đủ sâu. Phụ tá hỗ trợ thực thi, bảo đảm nhiệm vận hành, không thay vai trò định hướng. Phụ tá giỏi là người giúp ban viên không bị cuốn vào chi tiết, chứ không phải người “làm thay” hay “nói thay”.

Tập thể điều hành, cần vận hành trong tinh thần biết lắng nghe – biết dừng lại – biết điều chỉnh, không cố bảo vệ một phương án chỉ vì đã được quyết định trước đó.

Bổn phận cao nhất của mọi

vị trí trong Trại Vạn Hạnh không phải là hoàn thành nhiệm vụ, mà là không làm tổn thương trực đạo học.

KẾT LUẬN: ĐIỀU HÀNH VẠN HẠNH LÀ HÀNH ĐẠO TRONG VAI TRÒ TỔ CHỨC.

Nếu coi điều hành là quyền hạn, Trại Vạn Hạnh sẽ trở thành một sinh hoạt lớn. Nếu coi điều hành là trách nhiệm, Trại Vạn Hạnh sẽ trở thành một khóa huấn luyện. Nhưng một khi nhận thức điều hành là

một hình thức hành đạo, Trại Vạn Hạnh mới thực sự là Vạn Hạnh.

Người điều hành khi ấy không còn lo lắng tôi làm đúng chưa? Việc tôi làm có giữ được đạo vị cho trại không? Có giúp người Huynh trưởng đứng thẳng hơn trước chính mình không?

Đó mới là thước đo rốt ráo.

**NGUYỄN MÃN
LÊ VIẾT LÂM**

tượng đài, mà để khai phóng hành động.

1. DI SẢN CỦA VẠN HẠNH – NGỌN LỬA ĐƯỢC THẮP SÁNG GIỮA GIÔNG TỐ

Có một thực tế hiển nhiên đã được ghi trong Phật giáo sử: Phật giáo Việt Nam thế kỷ 20 đã trỗi vừng không chỉ nhờ vào các bậc Cao Tăng, mà còn có hàng ngũ cư sĩ trí thức và đội ngũ Huynh trưởng GDPT. Trong dòng mạch đó, Trại Huấn Luyện Vạn Hạnh được hình thành giữa bối cảnh lịch sử u ám của những năm đầu thập niên 1970 – khi đất nước chìm trong chiến tranh, khi những giá trị đạo đức và lý tưởng đang bị thử thách.

Trại Vạn Hạnh – ngay trong tên gọi – đã là một tuyên ngôn. Vạn Hạnh, vị Tăng sĩ mà lịch sử Phật giáo Việt Nam tôn kính là “bậc khai quốc công thần vô ngã”, đã hiện thân cho mẫu hình Huynh trưởng lý tưởng: thông tuệ, hành động, cống hiến, không vương mắc. Lý tưởng ấy đã được đúc kết vào chương trình huấn luyện Vạn Hạnh: không chỉ huấn luyện để “làm trưởng”, mà để “thành tựu đạo lực và hành nguyện”.

Trại không đơn thuần truyền dạy mô hình quản trị. Vạn Hạnh là nơi Huynh trưởng quý xuống trước Chánh Pháp và đứng lên với Bồ-đề tâm. Những buổi pháp đàm về

Bồ Tát Đạo, những đêm thiền tọa giữa núi rừng, những giờ học Phật pháp không bằng lý trí mà bằng trái tim – tất cả hun đúc nên một thế hệ Huynh trưởng dám bước đi giữa cuộc đời, mà trong lòng mang theo cả ánh đạo.

Để rồi, sau biến cố 1975, chính những Huynh trưởng đã từng thọ huấn Vạn Hạnh lại là người gìn giữ ánh lửa Lam trên đất khách: từ các tiểu bang Hoa Kỳ, Úc Châu, Pháp, Đức, cho đến Canada và Nhật Bản. Anh Chị mang theo di sản ấy không như một hoài niệm, mà như một hạt giống sống động — và gieo nó trong lòng cộng đồng người Việt tha hương.

Người Phật tử không đi tìm bóng dáng của một thời vang bóng. Người ấy tự hỏi: ta có xứng đáng là chiếc bóng đang nối dài từ ánh sáng của đức Phật hay không.

Câu hỏi ấy cũng là lời nhắn nhủ cho thế hệ Vạn Hạnh hôm nay: di sản ấy không nằm trong văn bản, mà nằm trong từng hành vi, từng nếp sống của người Huynh trưởng.

2 NHỮNG THÁCH THỨC VÀ ĐIỂM ĐỨT GỖ CỦA THỜI ĐẠI – LỜI GỌI MỜI CỦA VẠN HẠNH HÔM NAY

Nửa thế kỷ sau những trại Vạn Hạnh hải ngoại, chúng ta đang sống trong một thế giới hoàn toàn khác. Một thế giới mà

con người được kết nối tức thì, nhưng lại cô đơn hơn bao giờ hết. Một thế giới nơi công nghệ phát triển như vũ bão, nhưng tâm linh thì co rút. Một thế giới mà tuổi trẻ không còn nhận thức đạo như “niềm tin”, mà như “nội dung phải chọn” giữa muôn trùng lựa chọn thị trường.

Trong hoàn cảnh đó, người Huynh trưởng cấp 3 – nếu chỉ dừng lại ở vai trò “tổ chức tốt”, “ghi danh đầy đủ”, “phát biểu đúng mẫu” – thì có khác gì một thư ký thiện lành trong một thế giới đang sụp đổ?

Trại Vạn Hạnh hôm nay, nếu không được tái định nghĩa như một mô hình khai phóng đạo lực và năng lực dẫn đạo, thì chính chúng ta đang để mất cơ hội duy nhất để chuyển mình.

Làm sao ta có thể đào tạo được những người trẻ thức tỉnh tâm linh, nếu chính người truyền dạy chưa từng thức tỉnh?

Làm sao ta có thể nói về Bồ-đề tâm, nếu chương trình đào tạo chỉ là “nghe – chép – thi – đậu”?

Làm sao ta có thể nói về “phụng sự nhân sinh” nếu người Huynh trưởng chưa từng chạm vào khổ đau thật của thời đại, chưa từng ngồi lặng bên một em nhỏ trầm cảm, chưa từng đối diện một người mất niềm tin vào tôn giáo, hay chưa từng

roi nước mắt khi nghe tiếng kêu cứu trong lòng mình?

Trại Vạn Hạnh hôm nay, nếu không mở lối đi mới, sẽ trở thành một hoài niệm buồn. Nhưng nếu dám khai mở, thì Vạn Hạnh sẽ là nơi hồi sinh của lý tưởng Bồ Tát đạo trong lòng giới trẻ Việt khắp năm châu.

3. TỪ HUYNH TRƯỞNG ĐẾN HÀNH GIẢ – VẠN HẠNH NHƯ MỘT SỨ MỆNH TOÀN CẦU

Trong Phật giáo Đại thừa, không có sự chia cách giữa người xuất gia và người tại gia trên con đường Bồ Tát đạo. Điều khác biệt chỉ là môi trường hành đạo. Người Huynh trưởng GDPT, và đặc biệt là Huynh trưởng Vạn Hạnh, chính là người hành giả trong chiếc áo lam, đi giữa đời mà vẫn giữ được tâm thức tỉnh giác.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, người Huynh trưởng Vạn Hạnh vừa đứng trong sân chùa, vừa có thể giảng pháp trong lớp học đại học, hành Bồ-tát hạnh trong bệnh viện, làm công tác xã hội trong các tổ chức quốc tế, hoặc chuyển hóa gia đình như một đạo tràng.

Từ một trại huấn luyện ở rừng núi Việt Nam năm xưa, Vạn Hạnh hôm nay có thể tái sinh trên đất Mỹ, đất Pháp, Canada, Úc Châu... với một chiều

sâu hoàn toàn mới:

Về phương pháp: tích hợp Phật học truyền thống và phương pháp sư phạm đương đại.

Về tư tưởng: hòa quyền trí tuệ phương Đông và nhận thức toàn cầu.

Về hành động: từ đào tạo nội bộ sang dẫn dắt xã hội, từ “tốt nghiệp trại” sang “khai triển đời sống hành đạo”.

Một Huynh trưởng Vạn Hạnh không còn là người đi sau tổ chức, mà là người mở lối cho tổ chức đi tới. Không phải là người chỉ biết thuộc lòng cẩm nang, mà là người tái tạo cẩm nang từ thực tiễn hành đạo.

Bấy giờ, người Phật tử là người không bao giờ vắng mặt trong bất kỳ nỗi khổ nào của nhân loại. Thế thì Huynh trưởng Vạn Hạnh chính là người có mặt – nơi cần có mặt – như một ánh sáng khiêm nhu, một hành giả Bồ Tát trong áo trại, giữa đời thường.

**THAY LỜI KẾT:
MỘT NGỌN LỬA,
MỘT CON ĐƯỜNG,
MỘT LỜI GỌI**

Có những điều mà chúng ta không thể học qua sách. Có những chân lý không nằm trong giáo trình. Và có những sứ mệnh chỉ có thể nghe được khi mình bước vào im lặng của tâm mình,

nhìn vào giấc mơ còn dang dở của những thế hệ đi trước, và chạm tay vào nỗi đau thâm lặng của cuộc đời.

Trại Vạn Hạnh không dạy ta trở thành người hùng. Trại dạy ta làm người. Làm người nghĩa là có mặt. Có mặt cho Phật pháp. Có mặt cho đoàn sinh. Có mặt cho sự thật. Có mặt cho chính mình – với tất cả giới hạn, yếu đuối và nguyện lực.

Và từ sự có mặt đó, ta đi vào đời. Không đi với cờ xí, với thành tích, mà đi với ánh sáng lặng lẽ của một tâm hồn biết thấp sáng những gì đang tắt. Trên vai ta không còn là bản tên, cấp hiệu – mà là một sứ mệnh vượt khỏi biên giới tổ chức: sứ mệnh hành đạo trong thời đại toàn cầu, sứ mệnh của người Huynh trưởng Bồ Tát hạnh.

Tổ chức không cần Huynh trưởng cấp cao, và chức vụ to tát. Tổ chức cần những anh chị trở thành ánh sáng, dù đang ở trong công ty, bệnh viện, hay một ngôi trường. Đừng đợi bước vào chùa và đến với Gia đình Phật tử chúng ta mới sống được như người Phật tử.

Đó chính là điều mà Trại Vạn Hạnh từng mong mỏi nơi chúng ta.

Năm mươi năm trước, từng có ai đó ngồi trên ngọn đồi nhỏ, thấp một ngọn lửa Lam, giảng cho

một lớp trại sinh đầu tiên rằng: “Người Huynh trưởng cấp 3 là người không đi tìm vinh quang cho bản thân, mà tìm thấy Phật nơi những nẻo đường gai góc nhất của cuộc đời.”

Hôm nay, chúng ta – những người đến sau – có dám nối tiếp lời thệ nguyện đó không? Ta có dám vượt qua giới hạn của nghi lễ, mô hình, chức vụ, để đi sâu vào cốt tủy của lý tưởng hành đạo? Ta có dám sống một đời Huynh trưởng không cần tuyên ngôn, nhưng mỗi hơi thở, mỗi bước chân đều là một bài giảng thâm lặng?

Nếu đủ dũng, thì Trại Vạn Hạnh chưa bao giờ kết thúc mà luôn tiếp diễn – trong chính chúng ta, và trong từng tâm niệm dẫn thân, mỗi ngày. Hơn lúc nào hết, Gia Đình Phật Tử Việt Nam nói chung, hải ngoại và

Hoa Kỳ nói riêng cần một thế hệ Huynh trưởng có trí tuệ, có tình thương và có khả năng hành đạo toàn cầu – mà không đánh mất cội nguồn của tổ chức, và hồn Phật Việt trong tim mình.

Vạn Hạnh không đơn thuần chỉ là một trại. Vạn Hạnh là tâm thế của người dám đi vào đời với ánh sáng của Phật, trong bóng tối của thời đại.

Vạn Hạnh là lời phát nguyện sống một đời “thấp sáng mà không thiêu đốt”, hiện diện mà không phô trương, phụng sự mà không điều kiện.

Vạn Hạnh là ta. Là hôm nay. Và là mai sau. Nguyện cho ánh lửa ấy – không bao giờ tắt.

Phật lịch 2569

Ngày 13 tháng Năm, 2025

**TÂM ĐĂNG
NGUYỄN VĂN PHÁP**



CHÚT TÂM TÌNH GỞI TRẠI SINH VẠN HẠNH III – HẢI NGOẠI

“ĐI QUA MỘT KỶ TRẠI ĐỂ BẮT ĐẦU MỘT ĐỜI PHỤNG SỰ”

H.TR MINH TÁNH HỒ HOÀNG CHÁNH

Kính thưa quý anh chị Trại sinh Vạn Hạnh II – Hải Ngoại, Trước hết, cho phép tôi được bày tỏ niềm xúc cảm sâu xa khi có đủ nhân duyên được gặp gỡ, cùng học, cùng tu và cùng sống những ngày đầy ý nghĩa bên quý anh chị trong kỳ Trại Huấn Luyện Huynh Trưởng Vạn Hạnh II của Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hải Ngoại.

Đến với kỳ trại hôm nay, trong tôi bỗng dâng lên một niềm ký ức. Không chỉ là ký ức của những tháng năm đã đi qua, mà còn là những thao thức lặng thầm của một đời áo Lam đã từng trải qua biết bao vui buồn, thăng trầm và thử thách. Vì vậy, tôi xin được gửi đến quý anh chị đôi dòng tâm sự, không như một bài nói chuyện, mà là những lời tự tình của một người đi trước, đang lặng lẽ ngoảnh nhìn lại chặng đường mình đã đi qua, con đường mà hôm nay quý anh chị đang bắt đầu bước tới.

Ngược dòng thời gian của khoảng mười lăm năm về

trước, tôi cũng từng là một trại sinh Vạn Hạnh như quý anh chị hôm nay - khóa Vạn Hạnh đầu tiên được tổ chức tại Hoa Kỳ. Cho đến bây giờ, mỗi lần nhớ lại, trong tôi vẫn còn nguyên cảm giác bồi hồi của những ngày tháng ấy. Ngày đó, toàn quốc Hoa Kỳ chỉ có vòn vẹn hai mươi bảy trại sinh, đến từ nhiều tiểu bang khác nhau. Mỗi người mang theo một hoàn cảnh, một cá tính, một hành trình riêng, nhưng tất cả đã gặp nhau dưới màu áo Lam, cùng chung một niềm tin và lý tưởng: tự nguyện dấn thân phụng sự cho đạo pháp, cho tuổi trẻ và cho Gia Đình Phật Tử.

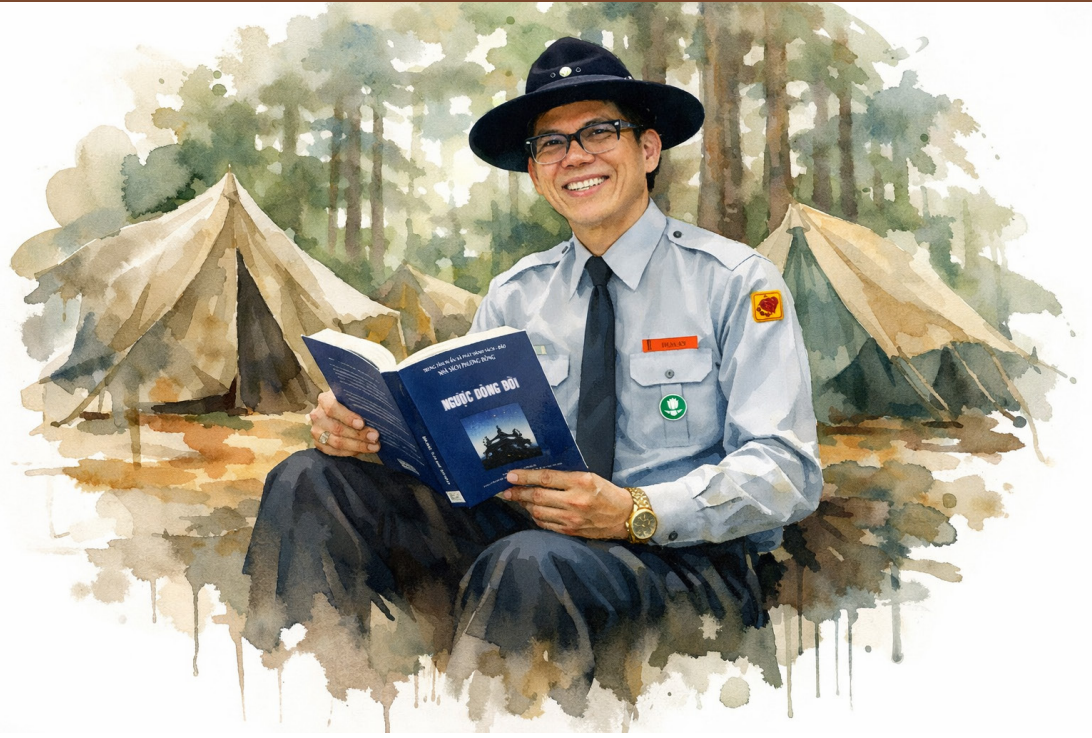
Thuở bấy giờ, điều kiện tổ chức và phương tiện học tập còn vô cùng hạn chế. Không có những tiện nghi hay sự kết nối thuận lợi như bây giờ. Chúng tôi vừa học, vừa di chuyển, vừa cố gắng tìm đến nhau bằng tất cả khả năng ít ỏi của thời đó. Có những chuyến bay xuyên nhiều tiểu bang, những đoạn đường dài hun hút, những đêm thức khuya để cùng tu học và

làm việc chung. Đã có lúc tưởng chừng không còn đủ sức để tiếp tục, nhưng có lẽ chính trong gian khó ấy, tình Lam lại càng trở nên đậm sâu hơn. Chúng tôi sống với nhau chân thành hơn, thương kính nhau nhiều hơn và lý tưởng phụng sự cũng cháy sáng hơn.

Hơn ba năm của hành trình Vạn Hạnh ngày ấy, với tôi, không còn đơn thuần là một quãng thời gian huấn luyện, mà đã trở thành một phần đời sâu sắc và đáng quý. Mỗi lần nhớ lại, lòng tôi vẫn đầy sự biết ơn. Biết ơn những người anh, người chị đã âm thầm nâng đỡ nhau vượt qua khó khăn; biết ơn những buổi học tuy đơn sơ nhưng chất chứa bao thao thức về lý tưởng phụng sự; biết ơn những đêm trại tĩnh lặng, nơi con người học cách nhìn sâu vào chính mình. Và có lẽ, điều đẹp nhất mà Trại Vạn Hạnh để lại không phải là một Văn Bằng hay Chứng Chỉ hoàn tất, mà chính là những con người đã từng sống với nhau bằng trọn vẹn tinh đạo và chí nguyện.

Tôi còn nhớ, ngày hội ngộ nơi trại trường, những nụ cười rất đẹp xen lẫn những giọt nước mắt lặng lẽ rơi. Suốt hơn ba năm từ ngày ghi danh cho đến ngày chính thức bước vào trại, có những anh chị em chưa từng gặp nhau dù chỉ một lần. Chúng tôi chỉ biết nhau qua email, điện thoại và những lần liên lạc ngắn ngủi. Thế nhưng đến ngày gặp mặt, mọi khoảng cách dường như tan biến để nhường chỗ cho niềm hạnh phúc trào dâng. Nhưng cuộc đời vốn không phải lúc nào cũng trọn vẹn. Có những anh chị vì tuổi cao, sức yếu đã không thể đi đến được ngày đoàn tụ cuối cùng ấy. Mỗi lần nghĩ lại, lòng tôi vẫn còn dấy lên nhiều cảm xúc. Riêng bản thân tôi, chỉ hai tuần trước khi bước vào giai đoạn I của trại, tôi đã vừa trải qua một cuộc đại phẫu não. Tôi không biết thời gian phẫu thuật là bao lâu, chỉ biết tôi đã nhập viện lúc 5:30 sáng và mọi thứ như đưa tôi vào một giấc ngủ dài đến 8:15 tối hôm đó. Trong giấc ngủ dài đó, tôi chợt nghe văng vẳng bên tai có tiếng ai liên

tục gọi tên tôi. Khi mở mắt ra, thì mờ mờ thấy bên cạnh tôi là một cô Y Tá. Đúng là cô đã gọi tên tôi và thật sự trở về với thực tại. Cô Y Tá đã chạm vào bàn tay tôi và đã kiểm soát mọi phản ứng cũng như trí nhớ tôi. Cô cười và nói: “Ồn, rất tốt”, mặc dù lúc đó tôi vẫn chưa nói được, chỉ chạm vào lòng bàn tay cô ra tín hiệu với những câu hỏi: “Yes or No”. Một tuần nằm trong bệnh viện để phục hồi sau ca mổ lớn đã khiến tôi đối diện rất sâu với ranh giới giữa nghị lực và buông xuôi. Nhưng cũng chính trong những ngày tưởng chừng yếu đuối nhất ấy, tôi lại nhận ra một nguồn sức mạnh kỳ diệu đang nâng mình đứng dậy. Đó là tình Lam, là tình Vạn Hạnh, là khát vọng được gặp những người anh, người chị cùng chung chí hướng dưới mái nhà Gia Đình Phật Tử sau hơn ba năm chờ đợi. Và rồi tôi đã quyết định book vé lên đường về Trại. California dạo ấy đang vào mùa Đông. Trời Bắc California lạnh buốt. Toàn bộ đầu tôi vẫn còn quấn kín băng trắng sau phẫu thuật. Những cơn đau có lúc nhói lên từng chập giữa điều kiện trại trường dựng ngoài trời. Nhưng có lẽ chưa bao giờ trong đời, tôi cảm nhận rõ ràng sức mạnh của tình người và lý tưởng phụng sự lại phi thường như những ngày ấy. Điều khắc sâu nhất trong tôi cho đến tận hôm nay không phải là bài học nào trong giáo trình, mà chính là tình thương và sự quan tâm mà quý anh chị đã dành cho tôi trong



suốt những ngày trại.

Rồi năm tháng cũng dần đi qua. Tập thể trại sinh Vạn Hạnh I – Hoa Kỳ năm nào giờ cũng theo cùng tuổi đời và bệnh tật. Có những người không còn đủ sức khỏe để ngồi kể lại cho nhau nghe những kỷ niệm cũ. Đúng vậy... Có những tình cảm trong đời không thể gọi thành tên. Nó không chỉ thoáng qua rồi vụt tắt, mà âm thầm ở lại suốt một đời người bằng sự cảm niệm và biết ơn.

Kính thưa quý anh chị,

Áo Lam đã cho tôi rất nhiều trong suốt mấy chục năm đời mình, từ trong nước xuyên qua trại Tị Nạn rồi ra đến Hải Ngoại. Những thăng trầm của tổ chức, những biến động của cuộc đời, những niềm vui lẫn nỗi buồn âm thầm... tất cả cuối cùng đều trở thành một cuộc hành trình để tôi

trưởng thành. Chính nơi đây, tôi học được lý tưởng sống. Học được sự trách nhiệm hơn với chính mình. Và cũng chính nơi đây, đã có không ít lần tôi mỏi mệt, đuối sức, tuyệt vọng đến mức muốn dừng lại. Có những đêm nước mắt rơi trong bất lực. Có những lúc tưởng chừng không còn đủ niềm tin để bước tiếp, nhưng sau tất cả, điều giữ tôi ở lại vẫn là lý tưởng phụng sự. Bởi tôi nhận ra: Cuộc đời chỉ thật sự đẹp khi con người còn biết sống để cống hiến. Niềm vui chỉ thật sự có ý nghĩa khi nó biết xoa dịu nỗi đau và sự khốn khó của người khác. Và điều còn lại cuối cùng của một đời huynh trưởng không phải là cái vỏ bọc áo giả, cũ rích, mà điều còn lại sau cùng chính là: Ta đã sống thế nào với cuộc đời, đã giữ được bao nhiêu phẩm hạnh và đã để lại được điều gì cho đàn em của mình.

Kính thưa quý anh chị,

Chúng ta mỗi người mang một hoàn cảnh, một cá tính và khả năng phụng sự khác nhau. Nhưng khi đã cùng khoác lên mình màu áo Lam và chung một lý tưởng Phật tử, thì tâm nguyện ắt cũng phải gặp nhau ở một điểm: sống chân thành để tu học và phụng sự.

Mười Bộ Kinh không phải để làm dây trí nhớ hay tô điểm cho danh xưng huynh trưởng. Kinh Phật trước hết là tấm gương để soi lại chính mình. Nếu học Phật chỉ để nói hay hơn, được nhìn nhận nhiều hơn, hay khẳng định vị trí trong tổ chức, thì đó chưa phải là học và hành Phật. Điều đáng sợ không phải là người chưa hiểu đạo, mà là người tưởng mình đã hiểu đạo. Và điều đáng lo nhất trong Gia Đình Phật Tử không phải thiếu người, mà là có những huynh trưởng giàu hình thức nhưng cạn

cột mặt tâm linh; bản ngã lớn hơn lý tưởng, danh vị đứng trước tâm nguyện và cái tôi phủ lên giáo pháp. Thực tế ngoài kia vẫn có những người nói rất nhiều về Từ Bi nhưng đời sống đầy hơn thua; nói về Lục Hòa nhưng đi đến đâu cũng tạo chia rẽ; giảng vô ngã nhưng chỉ một lời chạm đến tên mình là khởi sân. Dạy khuyên đoàn sinh tu học rất nhiều nhưng chính mình lại thiếu một đời sống tu tập nghiêm túc. Đó là bi kịch lớn nhất của đời huynh trưởng: miệng đi trước tâm, hình thức đi trước nội dung, danh xưng đi trước phẩm hạnh.

Một tổ chức có thể tồn tại nhờ cơ cấu và kỷ luật, nhưng chỉ có thể trường tồn bằng phẩm chất tâm linh và đạo đức của những con người trong tổ chức ấy. Vì vậy, mong rằng khóa huấn luyện Vạn Hạnh này sẽ giúp mỗi chúng ta biết nhìn lại chính mình trên chặng đường tu tập và phụng sự, để sống với nó thật hơn: bớt làm huynh trưởng bằng hình thức và bắt đầu làm huynh trưởng bằng phẩm hạnh. Để rồi giữa một cuộc đời nhiều biến động, ta vẫn giữ được một trái tim trong sạch để phụng sự Tam Bảo và dìu dắt đàn em bằng chính sự tu tập của mình.

Hôm nay, nhìn quý anh chị cùng phát tâm tu tập nơi trại Vạn Hạnh II – Hải Ngoại, tôi cũng rất vui. Rõ ràng quý anh chị đang có điều kiện học tập, phương tiện và sự kết nối thuận

lợi hơn nhiều thế hệ trước. Nhưng làm sao giữa một thời đại đầy kỹ thuật, tiện nghi, tất cả chúng ta vẫn giữ được điều đẹp nhất của Gia Đình Phật Tử: sự chân thành trong tu học, sự khiêm cung trong phụng sự và một tình Lam đủ sâu để nâng đỡ nhau đi suốt cuộc đời. Với tôi, trại Vạn Hạnh không phải điểm kết thúc của hành trình huấn luyện, mà là khởi đầu cho một trách nhiệm lớn hơn của người huynh trưởng. Từ hôm nay, người khác sẽ nhìn vào quý anh chị để thấy hình ảnh của một huynh trưởng bản lĩnh và trách nhiệm hơn. Nhưng điều đáng quý không phải nằm ở đó, mà là trong những đêm rất khuya của đời sống, khi đối diện với chính mình, ta vẫn còn đủ bình an để biết rằng: mình vẫn đang sống đúng theo lời Phật dạy, vẫn tha thiết phụng sự và vẫn giữ được trái tim nhiệt huyết của người huynh trưởng áo Lam.

Xin nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ cho toàn thể quý anh chị trại sinh Vạn Hạnh II – Hải Ngoại luôn đầy đủ nghị lực, khiêm cung và tinh tấn trên con đường học Phật, hành Phật. Xin cho khóa học này không chỉ mở ra những trang kinh, mà còn mở ra những con người mới, biết sống sâu hơn, thương rộng hơn và phụng sự đẹp hơn dưới màu áo Lam thân thương.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát.

Thơ THÂN TÌNH LAM

*Ta giờ đây cùng tu học bên nhau
Bên Anh, Chị cùng tôi... lòng hơn hở.
Dẫu cách xa vạn dặm nhưng lại gần,
Chừ bên nhau sum vầy cùng vui học.*

*Người không quen nhưng tình vẫn “đậm đà”.
Phương trời nào, bước chân Lam vẫn đi rồi.
Ta bên nhau... lời trao lời... vui thay,
Thân tình Lam thấm thiết... là thế đó...*

*Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại ta bên nhau,
Cùng ngồi lại để nghe lời Thầy giảng.
Những lời kinh câu kệ thật thâm sâu,
Chúng con xin ghi lòng, chẳng xao lãng.*

*Người Trại sinh Vạn Hạnh nguyện dấn thân,
Nào Anh, Chị cùng tôi luôn tiến bước.
Bao vui buồn trong buổi học trao nhau,
Bởi vì ta có chung một lý tưởng.*

*Những Huynh Trưởng già trẻ cùng bên nhau,
Với chí nguyện không lùi mà quyết tiến.
Ta ngồi đây, tất cả chung một lòng,
Lòng không sờn, không nản, luôn cầu tiến.*

*Dù chia tay, xin hẹn gặp lại nhau,
Tình Lam thân... ôi chao thật là tuyệt!*

California, May 12, 2026

Thân tặng các Anh Chị Em Huynh Trưởng
Trại sinh Vạn Hạnh 3 – Hải Ngoại

Người Huynh Trưởng Già

TÂM TƯỜNG – LÊ ĐÌNH CÁT



VẠN HẠNH 3

CHONG LẠI

NGỌN ĐÈN PHÁP BẢO

THIỆN NHẬN

từng khẩu lệnh cũng là Pháp âm, từng buổi học cũng là một cơ hội tinh thức, từng ánh mắt trao nhau cũng là sự tiếp nối tinh thần Bồ-tát hạnh.

Chúng ta bước vào trại như bước vào một mùa khởi nguyện mới – đầy hoài vọng, nhiều trăn trở, và vô vàn khát vọng tái sinh lý tưởng.

Vạn Hạnh không những là một trại huấn luyện, mà là một bước ngoặt âm thầm và linh thiêng cho hành trình phụng sự vô tận phía trước.

**MỘT MÔI TRƯỜNG TRẠI
NGHIÊM CẦN, THẨM ĐẠO,
VÀ KHƠI SÁNG LÝ TƯỞNG**



Trên con đường nhiều khúc quanh của lý tưởng Sen Trắng, có một trạm dừng không phải để nghỉ chân mà để lắng lại, chiêm nghiệm và chuẩn bị cho bước đi dài hơn, cao hơn, thấm sâu hơn – đó là Trại Vạn Hạnh. Người Huỳnh Trưởng ghi danh tham dự trại không đơn thuần để hoàn tất một cấp bậc, mà để

trở về gặp lại chính mình: phần tâm niệm từng được khởi đầu trong một buổi lễ phát nguyện tưởng đã xa xôi, bên ngọn nến tưởng chừng chỉ còn leo lét giữa bao bận rộn đời thường. Chúng ta – những người đang bước vào trại – không tìm kiếm một kỳ huấn luyện suông theo khuôn mẫu, mà mong mỗi một đạo tràng sống động, nơi

Bấy giờ, trong sự dẫn thân đó, Ban Điều Hành – những người đã dựng nên không gian trại – là những vị dẫn đường, là chỗ dựa tinh thần, là hình bóng của một thế hệ gây dựng đạo tâm cho tương lai. Chúng ta không mong điều gì quá sức, chỉ mong chư vị hãy hiện diện bằng tất cả chân thành, hiểu biết, gương mẫu và yêu thương – để

Huỳnh Trưởng bước vào Trại Vạn Hạnh là để học, đồng thời để “được sống” trong một không gian mà từng bước chân, tiếng chuông, khẩu lệnh... đều đánh thức nội tâm và thắp sáng lý tưởng. Ban Điều Hành/Quán Trại không chỉ kiến tạo một trại trường đúng quy cách, mà là một pháp giới sinh động để trại sinh cảm nhận được hơi

thờ Chánh pháp, tinh thần tổ chức và lòng từ bi hiện hữu giữa anh chị em. Mong chư vị không tổ chức một kỳ trại, mà dựng nên một “trường đạo”, nơi mỗi phút giây đều là cơ hội chuyển hóa.

GIƯƠNG SỐNG UY NGHIÊM MÃ GẮN GŨI, MÔ PHẠM MÃ CẢM THÔNG

Chúng ta không mong đợi một Ban Điều Hành hoàn hảo, nhưng tất cả đều mong một tập thể gương mẫu. Bởi chính sự nhất quán giữa đạo đức, lời nói và hành xử từ các vị lãnh đạo trại là bài học thiết thực nhất cho Huynh Trưởng đang đứng trước ngưỡng cửa dẫn thân sâu hơn. Một ánh mắt bình thân giữa lúc căng thẳng, một lời nhắc nhẹ giữa lúc sai sót, một nụ cười hiền giữa trại trường gian khó – đôi khi đó là “bài học lớn” hơn cả những giáo trình. Mong quý anh chị sống như những bậc thầy hiền, không cần kiểu cách, chỉ cần chân thành.

MỘT CHƯƠNG TRÌNH TRẠI CÓ CHIỀU SÂU TU HỌC VÀ NĂNG LỰC CHUYỂN HÓA

Huynh Trưởng không chỉ mong học “cái gì”, mà quan trọng hơn, là “học để sống và hành như thế nào”. Chương trình trại mong được xây dựng sao cho không sa vào hình thức trình diễn, mà đi thẳng vào cốt lõi: thấp lại lý tưởng, đào sâu tuệ giác, mở rộng tâm hồn. Từng buổi giảng, mỗi sinh hoạt, mỗi thời

thiền, đều cần được thiết lập như một pháp môn – để sau trại, người huynh trưởng có thể mang theo được một tâm thế mới, một trí lực mới, và một niềm tin mới. Mong chương trình trại vừa là bản đồ tâm linh, vừa là bản vẽ hành động giữa đời thường.

MỘT THÁI ĐỘ ĐỒNG HÀNH LẮNG NGHE VÀ NÂNG ĐỖ KHÔNG ĐIỀU KIỆN

Trại sinh Vạn Hạnh không phải ai cũng cứng rắn, giỏi giang hay vững chãi. Có người đã từng mỏi mòn giữa những ngã rẽ lý tưởng, có người đang hoang mang trước trách nhiệm, có người chỉ còn giữ một tia hy vọng mong manh... Nhưng tất cả đều dẫn thân và đều cần được nhìn thấy, được lắng nghe, được nâng đỡ. Ban Quản Trại vốn là người điều động, nhưng trước hết phải là người đồng cảm và dìu dắt. Một lời động viên đúng lúc có thể cứu một trái tim khỏi bỏ cuộc. Một cái vỗ vai âm thầm có thể khơi lại niềm tin đang tắt. Mong quý anh chị không chỉ làm tròn vai trò tổ chức, mà còn mở rộng được lòng từ.

MỘT TÂM NHÌN RÕ RÀNG VÀ CẢM HỨNG CHO HÀNH TRÌNH SAU TRẠI

Huynh Trưởng đến Trại Vạn Hạnh không phải để kết thúc, mà để bắt đầu – bước vào giai đoạn mới đầy thử thách hơn của sự phục vụ lý tưởng. Do đó, mong Ban Điều Hành khơi mở được một tâm nhìn xuyên

GIỮA PHÁP LẠC VÀ PHƯỚC ĐIỀN: HÀNH TRÌNH BẤT NHỊ CỦA NGƯỜI HUYNH TRƯỞNG

HUỆ ĐAN

G iữa những chuyển động đan xen của đời sống hiện đại, nơi lý tưởng dễ bị hòa tan trong áp lực tổ chức và thành tựu bề mặt, câu hỏi về ý nghĩa đích thực của tu học không còn là một vấn đề mơ hồ mà trở thành một nhu cầu thiết yếu đối với người Huynh trưởng. Khi niềm vui bị đánh tráo bởi cảm giác hoàn thành, khi hoạt động lẫn át chiều sâu và khi hình thức dẫn che

khuyết tinh thần, việc quay về đọc và học lại đề Kinh Duy Ma Cật không những là một hành vi trau dồi học thuật mà còn là một nỗ lực tái lập nền tảng nội tâm cho toàn bộ con đường dẫn thân phụng sự. Ở đó, từng khái niệm như Pháp Lạc, Bất Nhị, hay phước điền... không còn là thuật ngữ kinh điển, nó trở thành những tiêu chuẩn sống tuy âm thầm nhưng quyết liệt, buộc người Huynh trưởng

suốt: Huynh Trưởng sau Vạn Hạnh không nên chỉ giỏi làm việc, mà cần biết vì sao mình đang làm; không chỉ hăng hái, mà còn phải bền chí. Mong trại trường gọi lên một “hướng đi lớn” cho mỗi người, để sau khi rời trại, trở về đơn vị với trái tim đầy lửa, ánh mắt có phương hướng, và bước chân dẫn thân không còn chần chừ.

MỘT TINH THẦN TỔ CHỨC VỮNG NGUYÊN TẮC NHƯNG THẤM ĐẦM TÌNH LAM

Kỷ luật trong trại là cần, nhưng nếu chỉ là những

quy định lạnh lùng, thì trại sẽ trở thành một trại lính, không phải trại trường dưỡng. Huynh Trưởng kỳ vọng Ban Quản Trại giữ vững nguyên tắc để xây dựng nề nếp, nhưng đồng thời phải truyền được tình người, tình đạo. Hãy cho trại sinh thấy rằng: trong GDPT, kỷ luật không phải để kiểm soát, mà để nuôi dưỡng phẩm hạnh; nội quy không phải để răn đe, mà để giúp thăng hoa. Đó là nghệ thuật dẫn dắt bằng từ bi và trí tuệ – không dễ, nhưng cần thiết cho một kỳ trại trường thành.

phải tự vấn rằng mình đang đi trên con đường của lý tưởng hay chỉ đang đi trong cái bóng của chính mình.

Bấy giờ, vừa qua, khi đặt lại những câu hỏi tưởng chừng giản dị của Khổ Giảng Huấn Vạn Hạnh 3, Hải ngoại—rằng đâu là niềm vui chân thật của người tu, đâu là thông điệp cốt lõi của kinh và đâu là ruộng phước đích thực của Bồ Tát—chúng ta bắt đầu nhận ra một dòng tư tưởng xuyên suốt, không hề rời rạc như hình thức ban đầu. Những câu hỏi ấy một khi được nhìn sâu sẽ không còn là những lựa chọn mang tính kiểm tra, nó trở thành những lối mở để người Huynh trưởng quay về khảo sát chính mình.

Pháp Lạc, trước hết, cần được giải cấu trúc khỏi những ngộ nhận phổ biến. Niềm vui đạt được mục

tiêu cá nhân dù tinh tế đến đâu, vẫn còn nằm trong quỹ đạo của ngã chấp, vẫn bị điều kiện hóa bởi thành-bại, được-mất. Trong khi đó, Pháp Lạc theo tinh thần Duy Ma Cật không phát sinh từ sở đắc mà từ vô sở đắc; không lệ thuộc vào hoàn cảnh mà nảy sinh ngay trong sự an trú chánh niệm, trong hành động lợi tha vô cầu và trong sự buông xả những kiến chấp vi tế nhất. Đối với người Huynh trưởng, đây không những là một khái niệm tâm lý hay đạo đức mà là một tiêu chuẩn nội quán, nghĩa là mọi hoạt động giáo dục, tổ chức, phụng sự nếu không quy chiếu về nguồn vui vô ngã này, rất dễ trượt thành sự thỏa mãn bản ngã tập thể hay cá nhân, được ngụy trang dưới danh nghĩa lý tưởng.

Từ nền tảng ấy, thông điệp cốt lõi của Kinh Duy Ma Cật mở ra như một cuộc

tái định nghĩa căn bản về con đường Đại thừa. Trước hết, kinh xác lập lại vị trí của người cư sĩ, không phải như một “hộ pháp ngoại vi” mà như một chủ thể giác ngộ ngay giữa đời sống thế tục. Điều này có ý nghĩa đặc biệt đối với Gia Đình Phật Tử, một tổ chức mà phần lớn Huynh trưởng là những cư sĩ dẫn thân, vừa sống đời gia đình, nghề nghiệp, vừa gánh vác trách nhiệm giáo dục. Ở đây, lý tưởng không phải là thoát ly hoàn cảnh mà là chuyển hóa hoàn cảnh thành đạo tràng.

Nhưng nếu chỉ giới hạn ở việc khẳng định vai trò nhưng thiếu đi chiều sâu triết học, thì dễ rơi vào hoạt động thuần túy. Vì vậy, yếu tố thứ hai của kinh—pháp môn Bất Nhị và Tánh Không—chính là nền tảng nhận thức luận cho mọi hành xử. Khi không còn

thấy sự đối lập tuyệt đối giữa phàm và thánh, giữa nhiễm và tịnh, giữa thế gian và xuất thế gian, người Huynh trưởng mới có thể thực sự tự tại giữa những nghịch cảnh của tổ chức, của xã hội, của chính nội tâm mình. Sự im lặng của Duy Ma Cật trước câu hỏi về Bất Nhị không phải là sự từ chối diễn đạt, mà là lời cảnh tỉnh về mọi khái niệm, nếu bị chấp thủ, đều trở thành chướng ngại cho trí tuệ giải thoát.

Từ đây, tinh thần phê phán của kinh trở nên rõ nét chính là không phải phê phán con người hay truyền thống, mà phê phán mọi hình thức chấp trước—kể cả chấp vào sự tu hành, vào mô hình tổ chức, vào những thành tựu được xem là “đúng đắn”. Đối với Gia Đình Phật Tử, điều này đòi hỏi một thái độ tinh thức liên tục, không tuyệt đối

MỘT KHÔNG GIAN NỘI TÂM ĐỂ QUẢN CHIẾU, HỒI HƯỚNG VÀ TÁI PHÁT NGUYÊN

Cuối cùng, điều sâu thẳm nhất mà một Huynh Trưởng trại sinh mong từ Ban Điều Hành – là được trở về chính mình. Trại trường vừa là nơi học kỹ năng, vừa là nơi để mỗi người lắng sâu vào tiếng gọi tâm linh. Mong chư vị tạo điều kiện – qua thiên hành, qua đêm tĩnh tọa, qua bài pháp sáng – để trại sinh có dịp chiêm nghiệm lại lý tưởng khởi đầu, đối diện với những ngã rẽ đã

qua và tái phát nguyện bước tới bằng cả tâm lực, nguyện lực, và hành lực. Đó là điểm khởi đầu thật sự của một người Huynh Trưởng cấp 3 – Vạn Hạnh.

Chúng ta bước vào trại không mang theo hành trang của sự hoàn hảo, mà là trái tim còn nhiều góc khuất, lý tưởng còn lấm bụi thời gian, niềm tin đôi khi chên vênh giữa bao đổi thay. Nhưng chính vì thế, chúng ta càng tha thiết cần một trại trường có nội dung, cùng lúc có linh hồn. Một kỳ trại để hoàn tất chương trình, và làm sống

lại tinh thần. Một Ban Điều Hành không chỉ tổ chức, mà gọi mở và nâng đỡ. Chúng ta đến đây – mang theo tất cả những gì còn sót lại của một lý tưởng – và giao phó nó vào tay chư vị. Tin rằng từ nơi này, chúng ta sẽ được nuôi lớn, được đánh thức, được dẫn đường. Tin rằng giữa những thử thách của trại trường, chúng ta sẽ không đơn độc, bởi luôn có ánh mắt hiểu, bàn tay nắm, tiếng gọi nhắc từ những người anh, người chị trong Ban Điều Hành/Ban Quản Trại – như những người bạn đạo đi trước.

Xin được cúi đầu gửi trọn niềm tin. Xin được gởi trọn tâm nguyện vào từng thời khóa, từng tiếng còi, từng đêm trăng trong vùng trại. Để một mai rời trại, không để có thêm một cấp bậc, mà có thêm một hứa nguyện – sống và phụng sự như những Huynh Trưởng xứng đáng bước ra từ Vạn Hạnh.

Phật lịch 2569
Sacramento 28.07.2025

THIÊN NHẬN



hóa bất kỳ cấu trúc nào, không biến phương tiện thành cứu cánh và không để những danh xưng, cấp bậc, hay hình thức sinh hoạt trở thành lớp vỏ che lấp tinh thần giáo dục giải thoát.

Nếu Pháp Lạc là nội dung của đời sống tu tập, và Bất Nhị – Tánh Không là nền tảng nhận thức, thì “phước điền của Bồ Tát là hữu tình chúng sanh” chính là hướng vận hành cụ thể của toàn bộ con đường. Trong nhãn quan Duy Ma Cật, chúng sanh không còn là đối tượng thụ động để ban ơn, mà là điều kiện tất yếu để Bồ Tát thành

tự đạo nghiệp. Không có chúng sanh, không có từ bi; không có khổ đau, không có hạnh nguyện; không có tương tác, không có trưởng thành. Như vậy, người Huynh trưởng không thể tìm kiếm sự thanh tịnh bằng cách thu mình trong không gian an toàn của tổ chức mà phải đi vào chính những phức tạp của đời sống đoàn sinh, gia đình, xã hội—nơi mà mọi giới hạn, xung đột và bất toàn phơi bày rõ rệt.

Chính trong những tương duyên ấy, ba trực quy chiếu hội tụ. Niềm vui không còn là kết quả của thành công nhưng lại là sự an trú trong

từng hành động lợi tha; trí tuệ không còn là hệ thống khái niệm mà là cái thấy vượt ngoài nhị nguyên; và công đức không còn được đo bằng nghi lễ hay thành tích, mà bằng khả năng chuyển hóa khổ đau của con người cụ thể trước mặt.

Nhìn từ đó, con đường của người Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử không phải là một chuỗi hoạt động ngoại tại, đó chính là một tiến trình nội chứng được triển khai trong lòng đời sống. Mỗi buổi sinh hoạt, mỗi giờ học, mỗi lần va chạm trong tổ chức đều có thể trở thành một pháp môn, nếu được soi

chiếu bằng trí tuệ Bất Nhị, được nuôi dưỡng bằng Pháp Lạc vô ngã và được hiến dâng trọn vẹn cho hữu tình chúng sanh như ruộng phước vô tận. Khi ấy, Gia Đình Phật Tử không những là một môi trường giáo dục, mà trở thành một không gian thực nghiệm sống động của Đại thừa—nơi lý tưởng và hiện thực không còn là hai cực đối lập, mà chính là hai mặt của cùng một con đường giác ngộ.

Phật lịch 2569
Yuma, AZ 14.04.2026

HUỆ ĐAN

NHÂN CÁCH LÝ TƯỚNG CỦA HUYNH TRƯỞNG VẠN HẠNH

TÂM-QUẢNG-NHUẬN

Lịch sử Phật giáo Việt Nam không được kiến tạo bởi những pho tượng bất động, mà bởi những nhân cách biết đứng đúng chỗ của mình trong thời đại. Có những con người không để lại trước tác đồ sộ, không dựng nên học phái mang tên mình, nhưng chính đời sống tinh thức và cách họ sử dụng – rồi buông bỏ – ảnh hưởng đã trở thành một bản kinh sống cho hậu thế. Trong mạch ấy, từ nhân cách của Vạn Hạnh đến hành trạng Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, Phật giáo Việt Nam đã trao truyền không phải một mô hình quyền lực, mà một đạo lý lãnh đạo vô ngã; không phải một hệ thống cai trị, mà một con đường giáo hóa bằng chính thân phận con người.

Vạn Hạnh hiện diện giữa triều chính mà không thuộc về triều chính; Trần Nhân Tông bước ra khỏi ngai vàng mà không rời bỏ cuộc đời. Một người âm thầm xoay chuyển vận mệnh dân tộc từ chiều sâu trí tuệ; một người công khai rũ bỏ quyền lực để chứng minh giác ngộ không cần ngai vàng làm chứng chỉ. Hai nhân cách ấy, nhìn bề ngoài tưởng như khác biệt,

nhưng cùng gặp nhau ở một điểm cốt lõi đó là dẫn thân không đồng hóa, lãnh đạo không chiếm hữu và ảnh hưởng mà không áp đặt.

Đặt trong truyền thống giáo dục của Gia Đình Phật Tử, đặc biệt nơi Trại Huấn Luyện Huỳnh Trường Cấp 3 Vạn Hạnh, hai nhân cách lịch sử ấy không còn là đối tượng để tôn vinh hay trích dẫn, mà trở thành chuẩn mực để tự vấn. Bởi Trại Vạn Hạnh không được dựng lên để đào tạo những Huỳnh trưởng giỏi kỹ năng hay thuần thực cơ cấu, mà để hình thành những con người đủ chiều sâu đạo học để không bị chính vai trò lãnh đạo làm tổn thương.

Trong một thời đại mà quyền lực dễ ngụy trang dưới danh nghĩa trách nhiệm, mà tổ chức có thể vô tình trở thành mục đích tự thân, và lý tưởng có nguy cơ bị thay thế bằng thói quen vận hành, câu hỏi về nhân cách Huỳnh trưởng Vạn Hạnh trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Không riêng dành cho người đang được huấn luyện, mà còn dành cho những ai đang điều hành, định hướng và nhân danh

Trại Vạn Hạnh để đào tạo thế hệ kế thừa.

Bởi lẽ, không có một Trại Vạn Hạnh đúng nghĩa nếu thiếu những con người dám soi lại chính mình bằng tinh thần Vạn Hạnh và Trúc Lâm. Và cũng không có một tương lai vững bền cho Gia Đình Phật Tử nếu việc đào tạo lãnh đạo chỉ dừng ở hình thức kế thừa, mà không chạm tới chuyển hóa nhân cách.

Chính từ điểm này, chúng ta hãy tự đặt mình trước sự tra vấn, rằng từ nhân cách Vạn Hạnh thiền sư đến hành trạng Trúc Lâm thiền tổ, đâu sẽ là mẫu hình nhân cách lý tưởng cho Huỳnh trưởng Vạn Hạnh trong thời đại hôm nay – và tra vấn ấy cùng lúc được đặt ra như thế nào đối với Ban Điều Hành Vạn Hạnh 3 Hải ngoại?

Bấy giờ, câu hỏi không chỉ là một suy tư lịch sử mà là một vấn nạn giáo dục – đạo học – nhân sinh mang tính thời đại. Bởi Trại Huấn Luyện Huỳnh Trường Cấp 3 Vạn Hạnh không mang tên một nhân vật quá khứ để tưởng niệm, mà để trao truyền một mẫu hình nhân cách sống, đủ sâu sắc

để đứng vững trước biến động, đủ bao dung để dẫn dắt đàn em và đủ khiêm cung để không biến lý tưởng thành quyền lực.

Nhân cách Vạn Hạnh thiền sư trước hết không phải là hình ảnh của một bậc ẩn sĩ xa lánh cuộc đời, mà là một trí giả nhập thế, an trú trong vô thường nhưng hành động giữa vô thường. Ngài thấu triệt lẽ “thịnh suy như lộ thảo đầu phôi”[1], nhưng không vì thế mà buông xuôi hay trốn tránh lịch sử. Trái lại, chính từ tuệ giác vô thường ấy, Vạn Hạnh đủ tinh thức để dẫn thân mà không bị dính mắc, đủ trí tuệ để tham dự chính trị mà không bị quyền lực chi phối, đủ từ bi để nâng đỡ một triều đại mới mà không biến mình thành công cụ của triều đại ấy.

Ở Vạn Hạnh, trí tuệ không tách rời trách nhiệm, và giác ngộ không đoạn tuyệt lịch sử. Đó là mẫu người “biết rõ dòng chảy nhưng không bị cuốn trôi”, “ở giữa quyền lực mà không thuộc về quyền lực”.

Đến hành trạng Trần Nhân Tông, nhân cách ấy được triển khai sang một chiều

sâu khác, từ trí giả hộ quốc sang bậc giác giả hóa dân. Sau khi hoàn thành sứ mệnh lịch sử của một minh quân, Ngài rời bỏ ngai vàng không phải để phủ nhận đời sống, mà để chứng minh rằng quyền lực tối hậu không nằm ở ngai vàng mà ở khả năng tự giải phóng chính mình.

Trần Nhân Tông không xây dựng Phật giáo Trúc Lâm như một hệ thống giáo điều, mà như một con đường sống, đó chính là tu giữa đời, giác giữa đời, hành đạo ngay trong từng bước đi của nhân gian. Tinh thần “cư trần lạc đạo”[2] không cố vũ thỏa hiệp, mà đòi hỏi nội lực giác ngộ đủ mạnh để không bị trần cảnh sai khiến.

Ở đây, nhân cách không

còn là “bậc thầy đứng trên” mà là người đi trước, để người sau có thể tiếp bước.

Từ hai yếu tố ấy – Vạn Hạnh của trí tuệ nhập thế và Trúc Lâm của giác ngộ hành động – ta có thể nhận ra nhân cách lý tưởng mà Huynh trưởng Vạn Hạnh trong thời đại hôm nay cần hướng tới.

Trước hết, đó là nhân cách của người thầy không lấy mình làm trung tâm. Huynh trưởng không phải là người “nắm giữ chân lý”, càng không phải là người đại diện cho một quyền uy đạo đức mà là người giữ gìn không gian cho chân lý được hiển lộ nơi đàn em. Như Vạn Hạnh, Huynh trưởng phải biết đứng sau dòng chảy, nâng đỡ mà không thao túng, dẫn dắt

mà không chiếm hữu công lao.

Thứ hai, đó là nhân cách của người lãnh đạo không đồng hóa mình với chức vụ. Trại Vạn Hạnh không đào tạo “người điều hành giỏi” theo nghĩa kỹ trị, mà đào tạo người đủ nội lực để không bị vai trò điều hành làm biến dạng chính mình. Huynh trưởng có thể giữ chức vụ cao, nhưng tâm không trụ nơi chức vụ; có thể có uy tín, nhưng không sống bằng uy tín; có thể được tôn kính, nhưng không nuôi dưỡng bản ngã từ sự tôn kính ấy.

Thứ ba, đó là nhân cách của người dẫn thân nhưng không đánh mất chiều sâu tâm linh. Giữa một thời đại nhiễu loạn thông tin, phân cực ý thức hệ, khủng

hoảng giá trị và đứt gãy cộng đồng, Huynh trưởng Vạn Hạnh không thể chỉ là người tổ chức sinh hoạt hay quản trị nhân sự. Huynh trưởng phải là điểm tựa tinh thần, nơi đàn em cảm nhận được sự an ổn, tin cậy và phương hướng sống. Điều này chỉ có thể có khi người Huynh trưởng tự thân sống đời sống tỉnh thức, chứ không chỉ nói về tỉnh thức.

Cuối cùng, và quan trọng nhất, đó là nhân cách của người kế thừa mà không mô phỏng. Học Vạn Hạnh không phải để trở thành Vạn Hạnh mới; học Trúc Lâm không phải để sao chép Trúc Lâm xưa. Huynh trưởng Vạn Hạnh của thời đại cần thừa kế tinh thần, không sao chép hình thức; giữ được cốt lõi vô ngã – trí



tuệ – từ bi, nhưng đủ sáng tạo để đáp ứng hoàn cảnh lịch sử hoàn toàn khác biệt của thế kỷ XXI, đặc biệt trong bối cảnh hải ngoại.

Vì thế, Trại Vạn Hạnh vừa là một trại huấn luyện, vừa là một phép thử nhân cách. Không phải ai học xong cũng trở thành Huynh trưởng Vạn Hạnh; nhưng ai bước vào trại với tâm cầu học chân thật, đều được đặt trước một câu hỏi không thể né tránh, đó là ta muốn trở thành người giữ đạo hay người giữ quyền? Muốn dẫn đường hay được tôn vinh? Muốn đào tạo thế hệ sau hay tái sản xuất chính cái tôi của mình?

Khi tất cả Huynh trưởng chúng ta trả lời được những câu hỏi này bằng chính đời sống của mình, thì lúc

đó, nhân cách Vạn Hạnh không còn là lịch sử, và Trúc Lâm không còn là biểu tượng mà đã trở thành hơi thở sống động của Gia Đình Phật Tử trong thời đại mới.

Nam Mô Vạn Hạnh Thiên Sư – bậc trí giả nhập thế;

Nam Mô Trúc Lâm Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông Tổ Sư – bậc giác giả hành đạo.

Ngưỡng nguyện trí tuệ Vạn Hạnh soi đường, hạnh nguyện Trúc Lâm làm gốc – cho nhân cách Huynh trưởng chúng con đứng vững giữa thời đại hôm nay.

Phật lịch 2569

Dương lịch 05.01.2026

TÂM-QUẢNG-NHUẬN

[1] “Thịnh suy như lộ thảo đầu phở” (盛衰如露草頭鋪): câu kệ nổi tiếng của Vạn Hạnh (thế kỷ XI), ví thịnh suy của đời người và thế sự như giọt sương đọng trên đầu ngọn cỏ – mong manh, tạm bợ, không thể nắm giữ. Câu kệ thể hiện tuệ giác vô thường của Thiên học Việt Nam và là nền tảng cho thái độ nhập thế tinh thức: dẫn thân nhưng không chấp thủ, hành đạo

giữa đời mà không bị đời chi phối.

[2] Cư Trần Lạc Đạo (處塵樂道), bài phú của Trúc Lâm Yên Tử Đệ nhất Tổ Trần Nhân Tông (1258–1308); nội dung nhấn mạnh tinh thần sống giữa đời mà an lạc trong đạo, tùy duyên mà hành đạo, dẫn thân nhưng không chấp thủ, tham dự hiện thực mà tâm vẫn tự do.

CHÂN THÀNH TRI ÂN QUÝ ANH CHỊ EM ĐÃ GÓP BÀI, GÓP Ý VÀ ĐỒNG HÀNH CÙNG BẢN TIN VẠN HẠNH 3 – SỐ 2. CHÍNH SỰ CỘNG TÁC ĐẦY TÂM HUYẾT ẤY ĐÃ LÀM CHO BẢN TIN KHÔNG CHỈ LÀ MỘT TẬP HỢP THÔNG TIN SINH HOẠT, MÀ DẪN TRỞ THÀNH MỘT KHÔNG GIAN NỐI KẾT TRÍ TUỆ, THAO THỨC VÀ TÌNH LAM GIỮA NHỮNG NGƯỜI CÙNG CHUNG LÝ TƯỞNG PHỤNG SỰ.

thơ **BẤT NHỊ**

Bất nhị mở đường qua bến chấp,
Thương trí viên dung một tấm lòng.
Theo hạnh Duy Ma vào lặng lẽ,
Hiện bệnh vì người, nguyện độ chung.
Áo Lam phụng sự không cầu báo,
Dẫn dắt đàn em vững chí bền.
Một niệm vô ngôn vang pháp giới,
Cười trong sinh tử—đạo viên dung.

**TÂM DIỆU NGHĨA
NGUYỄN KIM PHƯƠNG**

PHẬT LỊCH 2569

MÙA VÍA ĐỨC PHẬT XUẤT GIA

VÀ NHẬP DIỆT



TÂM TÌNH CÙNG ANH-CHỊ-EM HUYNH TRƯỞNG TRẠI SINH VẠN HẠNH 3, HẢI NGOẠI

H.TR TÂM TƯỜNG LÊ ĐÌNH CẤT

Thân kính đến quý Anh Chị Huynh Trưởng,

Kể từ khi bậc Lục do Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam Tại Hoa Kỳ tổ chức vào mùa Thu năm 2017, người Huynh Trưởng già này đã có được cơ may tham dự với tư cách là một học viên. Thấm thoát mà cũng đã tám (8) năm trôi qua, thời gian quá thật đi nhanh quá.

Theo sự thăng tiến và lớn mạnh của tổ chức, nay Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam Tại Hải Ngoại lại một lần nữa mở kỳ Trại Huấn Luyện Huynh Trưởng Cấp 3 – Vạn Hạnh 3, với sự tham dự của các Châu lục, Quốc gia Canada, Úc Châu, Âu Châu và Hoa Kỳ.

Lễ Khai Khóa sẽ được tổ chức vào ngày 24 tháng 01 năm 2026, nhằm vào những ngày cuối Đông của năm Ất Tỵ.

Mục đích của kỳ Trại là đào tạo một số Huynh Trưởng Cao Cấp có đầy đủ khả năng, đặc biệt là các Huynh Trưởng đang hoặc sẽ đảm nhiệm vai trò Lãnh Đạo cấp Quốc Gia hay Miền. Đồng thời, Trại cũng mong khơi dậy tinh thần cầu tiến

nhai các Huynh Trưởng trẻ, để các anh chị có cơ hội đứng lên nhận lãnh trách nhiệm, chia sẻ phần gánh nặng chung với các Huynh Trưởng đàn anh, đàn chị trong việc dẫn dắt và giáo dưỡng các thế hệ đàn em theo đúng tinh thần và mục đích của người Phật tử.

Bởi lẽ, đó chính là bổn phận và trách nhiệm của người Huynh Trưởng chúng ta.

Và đây cũng là một dịp để quý Anh Chị Huynh Trưởng có đủ nhân duyên trao đổi và học hỏi qua kinh sách do chư vị Tôn túc, Tiên bối đã dày công biên soạn, cũng như qua những lời giảng dạy quý báu của chư Tôn Đức Tăng, Ni. Đồng thời, đó còn là cơ hội để học hỏi từ những kinh nghiệm thực tiễn của các Anh Chị Huynh Trưởng đi trước, hầu giúp người trại sinh nắm vững ý nghĩa, mục đích và tôn chỉ của một Trại Huấn Luyện Huynh Trưởng Cấp 3.

Đó chính là Trại Vạn Hạnh.

Nói một cách thiết thực hơn, Trại Vạn Hạnh giúp cho người Huynh Trưởng

hiểu rõ và thấu đáo hơn về cách lãnh đạo và điều hành một Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử, với tư cách là một Trưởng Ban, hay Ban viên, để có thể gánh vác trách nhiệm chung của tổ chức trong tinh thần phụng sự và khiêm cung. Đây chính là điều quan trọng và cũng hết sức cần thiết đối với các Huynh Trưởng Trại Sinh của Trại Huấn Luyện Huynh Trưởng Cấp 3 – Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại.

Và đây cũng là cơ hội quý báu để các Huynh Trưởng Trại Sinh có dịp gặp gỡ nhau, cùng hàn huyên tâm sự, trao đổi kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau trong tinh thần Lục Hòa, vốn là nền tảng đạo lý của người Huynh Trưởng trong tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hải Ngoại.

Như chúng ta đã biết, suốt những năm tu học bậc Lục, các học viên đã nỗ lực hết mình, vượt qua nhiều khó khăn để hoàn thành sứ mệnh tu học và phụng sự. Tinh thần trách nhiệm ấy được thể hiện rõ nét qua lời phát nguyện của người Huynh Trưởng: “Chọn Gia Đình Phật Tử là chọn lý tưởng để sống và phụng sự.”

Chính với tinh thần đó,

người Huynh Trưởng từng bước hướng dẫn các thế hệ đàn em trên lộ trình tu học, phụng sự Đạo pháp và xây dựng tổ chức Gia Đình Phật Tử.

Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại chính là cơ hội để người Huynh Trưởng chúng ta ghi dấu một chặng đường mới trong lịch sử của tổ chức qua một sự kiện huấn luyện trọng đại, mang ý nghĩa tiếp nối và kế thừa.

Thấm thoát mà thời gian dành cho các giai đoạn của kỳ Trại cũng đã dần đến gần. Vì vậy, sau nhiều lần họp bàn và trao đổi giữa Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam Tại Hải Ngoại cùng các Ban Hướng Dẫn Liên Châu Canada, Úc Châu, Âu Châu và Hoa Kỳ, tất cả mới đồng thuận quyết định tổ chức Trại.

Tiếp theo sau quyết định quan trọng ấy là những buổi họp viên liên liên tục, diễn ra trong không khí thân thương và hòa hợp. Qua các buổi làm việc chung đó, một Ban Quản Trại đã dần được hình thành, với sự tham gia đầy đủ nhân sự đến từ các Ban Hướng Dẫn, đảm nhiệm các Khối khác nhau, nhằm chuẩn bị chu đáo cho toàn bộ sinh hoạt của kỳ Trại



trong từng giai đoạn.

Ban Quản Trại đã và đang tích cực xây dựng các dự tính cần thiết, từ nội dung huấn luyện, phương thức điều hành cho đến việc phối hợp nhân sự, để bảo đảm cho Trại được tiến hành trong tinh thần trách nhiệm, kỷ cương và hòa hợp.

Tất cả những công việc chuẩn bị ấy đều xuất phát từ một tâm nguyện chung là làm sao để kỳ Trại Huấn Luyện Huynh Trưởng Cấp 3 này thực sự trở thành một môi trường tu học, rèn luyện và trưởng thành cho người Huynh Trưởng, xứng đáng với tâm vóc và ý nghĩa của danh xưng Vạn Hạnh.

Giai đoạn I của Trại Vạn

Hạnh 3 Hải Ngoại là giai đoạn Hàm thụ, dự kiến bắt đầu từ ngày 07 tháng 02 năm 2026.

Trại Vạn Hạnh là Trại Huấn Luyện và Đào Tạo Huynh Trưởng Cấp 3, cấp trại cao nhất trong hệ thống huấn luyện của Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Thông qua Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại này, người Huynh Trưởng trại sinh sẽ có điều kiện hoàn thành đầy đủ cả hai phương diện học và hành: học trong suốt thời gian Hàm thụ, và hành qua quá trình sinh hoạt, rèn luyện khi bước vào đất Trại.

Chính trong tiến trình ấy, người Huynh Trưởng có cơ hội soi lại mình, củng cố căn bản tu học và chuẩn

bị hành trang để tiếp nối sứ mạng của các Anh Chị Trưởng đi trước, với ý nguyện giáo dục, giáo dưỡng, và luôn làm tròn bổn phận của một người Huynh Trưởng, đó là phục vụ tổ chức Gia Đình Phật Tử, nguyện tu học và hoàng dương giáo pháp của Đức Phật, phụng sự Giáo hội, tất cả trong tinh thần của người Huynh Trưởng Vạn Hạnh.

Đối với các Trại Sinh Vạn Hạnh, đây là con đường tu học nhằm trở thành một người Huynh Trưởng có đầy đủ khả năng lãnh đạo, xứng đáng là thế hệ kế thừa để tiếp nối và phát triển tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Đồng thời, đó cũng là con đường rèn luyện để trở thành một Phật tử chân

chánh, góp phần hoàng dương Đạo pháp, phụng sự Giáo hội và xây dựng xã hội trong tinh thần từ bi và trí tuệ.

Đây chính là cơ hội để người Huynh Trưởng chúng ta ghi dấu một sự kiện trọng đại trong lịch sử của tổ chức Gia Đình Phật Tử. Và đó cũng chính là Trại Huấn Luyện Huynh Trưởng cao nhất, mang tên Thiên sư Vạn Hạnh – một vị Quốc Sư lỗi lạc của triều đại nhà Lý, với trí tuệ siêu việt và đời sống tâm linh sáng ngời.

Đó là tất cả những điều mà người Huynh Trưởng Già này, cũng như các Huynh Trưởng Trại Sinh tại Hoa Kỳ chúng tôi, đã có

đủ nhân duyên được gặp gỡ thân mật các Anh Chị Huynh Trưởng trong Khối Điều Hành của Ban Quản Trị, thông qua các buổi họp trên hệ thống Google Meet. Sau đó, chúng tôi lại có dịp được đọc và suy gẫm nội dung của “Lá Thư Điều Hành số 1” do Ban Quản Trị gửi đến.

Chính từ những trao đổi trực tiếp ấy, cùng với nội dung của Lá Thư Điều Hành, người viết đã cố gắng ghi vọi vài dòng này để tường trình đến quý Anh Chị Huynh Trưởng Trại Sinh Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại, nhằm chia sẻ phần nào những diễn tiến trong công tác chuẩn bị cho kỳ Trại Huấn Luyện Huynh Trưởng Cấp 3 sắp tới, để các anh chị em có thể cảm nhận được phần nào khí thế và tinh thần của những ngày Trại mà chính mình sẽ trực tiếp tham dự.

Ước mong rằng những Huynh Trưởng đã ghi danh tham gia kỳ Trại sẽ càng thêm phấn khởi, vững tâm trên con đường tu học và phụng sự. Còn đối với những anh chị em vẫn còn đang ngập ngừng, chưa sẵn sàng cất bước, thì quả thật đây là một điều đáng tiếc cho chính tự thân mình trên lộ trình tiến tu và trưởng thành của người Huynh Trưởng.

Bởi lẽ, phía trước vẫn còn rất nhiều điều hay, nhiều trải nghiệm quý báu và đầy ý nghĩa đang chờ đợi mỗi chúng ta nơi Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại.

Kính chúc quý Anh Chị Huynh Trưởng Trại Sinh chúng ta hãy chuẩn bị tâm thế vững vàng để cùng nhau học tập và tu dưỡng, hầu mong làm tròn trọng trách của một người Huynh Trưởng trong tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Ước mong tất cả chúng ta sẽ cùng nhau sinh hoạt trong niềm vui hòa hợp, nâng đỡ lẫn nhau trong tinh thần Lục Hòa của người Phật tử, và nhất là trong tinh thần của một Trại Sinh Trại Huấn Luyện Huynh Trưởng Cấp 3 – Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại, do Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam Tại Hải Ngoại tổ chức.

California, những ngày cuối Đông nắng ấm, bầu trời xanh trong, hoa màu đang chuyển mình đón Xuân, và tình Lam thân thương vẫn đang rộng mở, chờ đón bước chân của những người Huynh Trưởng cùng chung một lý tưởng tu học và phụng sự.

Xin kính chào tinh tấn và thân ái, đồng thời cũng xin hẹn gặp lại quý Anh Chị trong những bài tường trình tiếp theo, khi kỳ Trại dần bước vào các giai đoạn sinh hoạt cụ thể.

California,
ngày 22 tháng 12 năm 2025

Người Huynh Trưởng Già
Trại Sinh

**TÂM TƯỜNG
LÊ ĐÌNH CÁT**

TINH THẦN TRẠI VẠN HẠNH PHÁP HỌC – PHÁP HÀNH – PHÁP CHỨNG CHUẨN MỤC ĐÀO LUYỆN HUYNH TRƯỞNG GDPT

H.TR NGUYỄN VINH NGUYỄN NGỌC MÙI

LỜI THUA: Trong môi trường hoạt động của Gia Đình Phật Tử, có những điều cần được nhắc lại không phải vì mới mà vì căn bản. Có những nguyên lý không phải để bàn luận thêm, mà để tự soi lại chính mình trong đó. Với tất cả tâm niệm trách nhiệm và gìn giữ căn tính tu học của tổ chức, xin được có đôi lời rằng, thật chất, những điều được huynh trưởng Nguyễn Vinh trình bày ở đây không giới hạn chỉ cho Huynh trưởng cấp cao của Trại Vạn Hạnh, mà là nguyên tắc nền tảng cho mọi cấp Huynh trưởng và cho tất cả các trại huấn luyện. Bởi lẽ, Pháp học – Pháp hành – Pháp chứng không phải là tiêu chuẩn dành riêng cho một tầng lớp lãnh đạo nào, mà là nhịp thở chung của toàn thể tổ chức. Ở đâu còn sinh hoạt Gia Đình Phật Tử, ở đó phải còn tinh thần tu tập. Ở đâu còn Huynh trưởng, ở đó phải còn tiến trình học để hiểu sâu hơn, hành để chuyển hóa hơn và chứng để sống vững chãi hơn. Nói cho đúng, đây không những là phương pháp đào luyện, mà là căn tính nội tại của GDPTVN, một tổ chức giáo dục đặt nền trên tu học, lấy tự giác làm khởi điểm, giác tha làm phương hướng và chuyển hóa tự thân làm thước đo chân thực nhất cho mọi sự trưởng thành.

Trong sinh hoạt nội bộ Gia Đình Phật Tử Việt Nam, sự vững mạnh hay hạn chế của đơn vị thường không nằm ở cơ cấu tổ chức, mà chủ yếu phản ánh chiều sâu tu học và phẩm chất phụng sự của người Huynh trưởng. Khi nội lực tu học suy giảm, hình thức sẽ lấn át nội dung; khi thực chứng vui cạn, lý tưởng dễ bị thay thế bằng kỹ năng thuần túy. Vì vậy, trong lãnh vực đào luyện Huynh

trường cấp cao của Trại Vạn Hạnh — những người được kỳ vọng kế thừa và điều hướng sinh hoạt Gia Đình Phật Tử theo tinh thần Phật giáo — phương pháp giáo dục vừa là một vấn đề kỹ thuật sư phạm, vừa là vấn đề bản chất.

Nếu nền tảng huấn luyện nghiêng về kỹ năng quản trị thuần túy, tổ chức sẽ dần bị thế tục hóa. Nếu chỉ chú trọng diễn ngôn lý thuyết, tổ chức sẽ trở thành một không gian hùng biện hơn là một môi trường chuyển hóa. Muốn tránh hai khuynh hướng ấy, cần trở về với cấu trúc cốt lõi của con đường Phật giáo: Pháp học – Pháp hành – Pháp chứng. Đây không phải là ba nấc thang tuyến tính, mà là ba chiều bình diện tương tác trong cùng một tiến trình trưởng thành nội tâm.

1. PHÁP HỌC: TRI THỨC ĐỊNH HƯỚNG NHUNG KHÔNG PHẢI CỨU CẢNH

Trong truyền thống Phật giáo, pháp học (pariyatti) là nền tảng nhận thức: học kinh, luật, luận; hiểu duyên sinh, vô ngã, tứ diệu đế; phân định chánh – tà, thiện – bất thiện. Không có pháp học, hành giả dễ rơi vào chủ quan hoặc cảm tính.

Tuy nhiên, Đức Phật trong Kinh Pháp Cú đã dạy: “Dù nói nhiều kinh điển, nếu không hành trì,

người ấy như kẻ chăn bò đếm bò cho người khác.”

Lời cảnh tỉnh này nhắm thẳng vào nguy cơ lớn nhất của người học là đồng nhất tri thức với chứng ngộ. Trong lịch sử Tăng đoàn, hình ảnh Tôn giả A Nan là một minh chứng điển hình. Ngài được xem là người đa văn đệ nhất, ghi nhớ lời Phật trọn vẹn, nhưng vẫn chưa chứng quả A-la-hán cho đến khi chuyên tâm thiền quán. Tri thức sâu rộng không tự động chuyển hóa nội tâm nếu thiếu công phu hành trì.

Điều này đặc biệt quan trọng trong đào tạo Huynh trưởng cấp cao. Nếu pháp học chỉ dừng ở việc trang bị khái niệm, người học dễ trở thành “nhà lý luận Phật giáo” hơn là người sống Phật pháp. Khi đối diện với xung đột nội bộ, biến động tổ chức hay va chạm cá nhân, tri thức thuần lý dễ bị cái ngã chi phối. Lúc ấy, giáo lý chỉ còn là ngôn từ.

Pháp học vì vậy phải được đặt đúng vị trí, là ánh đèn soi đường, không phải đích đến.

2. PHÁP HÀNH: TỪ HIỂU BIẾT ĐẾN CHUYỂN HÓA

Nếu pháp học là bản đồ, pháp hành (paṭipatti) là bước chân. Không có thực tập, giáo lý chỉ tồn tại trong ý niệm. Trong truyền thống, nhiều tấm

gương cho thấy sức mạnh của pháp hành vượt lên giới hạn của tri thức.

Châu Lợi Bàn Đặc[1] vốn được xem là người chậm trí, không thể thuộc nổi một bài kệ. Đức Phật chỉ dạy ông quán chiếu qua hành động “quét bụi”. Nhờ chánh niệm liên tục, ông chứng quả A-la-hán. Ở đây, thực tập bên bi quan trọng hơn năng lực học thuật.

Tương tự, Angulimala[2], từ một kẻ sát nhân, đã chuyển hóa nhờ gặp Phật và hành trì chánh niệm. Sự chuyển hóa ấy không bắt đầu từ lý luận triết học, mà từ thực tập trực tiếp trên tâm sân hận của chính mình.

Trong truyền thống Đại thừa, Duy Ma Cật[3] là biểu tượng cho việc sống Phật pháp giữa đời. Sự im lặng của ông khi nói về pháp môn Bất Nhị không phải là né tránh, mà là biểu hiện của thực chứng vượt ngoài ngôn ngữ.

Ở thời cận đại, Lục Tổ Huệ Năng[4] là minh họa cho sự trực nhận vượt qua chữ nghĩa. Nghe câu “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” trong Kinh Kim Cang, Ngài đại ngộ. Điều này không phủ nhận pháp học, mà khẳng định rằng chữ nghĩa chỉ có giá trị khi được thẩm thấu bằng nội quán.

Cũng vậy, Ngài Xá Lợi Phất[5] được tôn xưng là Trí tuệ đệ nhất, nhưng trí

tuệ ấy được xác lập trên nền tảng thực tập duyên sinh, chứ không chỉ trên lý luận.

Trong bối cảnh hiện đại, Thiền sư Thích Nhất Hạnh[6] đã chuyển tải giáo lý tương tức và hiện pháp lạc trú vào đời sống cụ thể: thờ, đi, ăn, nói. Sức sống của truyền thống Làng Mai không nằm ở hệ thống lý thuyết, mà ở việc mỗi thành viên thực tập chánh niệm trong từng hành vi nhỏ nhất.

Đối với Huynh trưởng cấp cao, pháp hành là tiêu chuẩn phân biệt giữa người “biết Phật pháp” và người “sống Phật pháp”. Người có pháp hành không cần nhiều diễn giải; thái độ điềm tĩnh trước nghịch cảnh đã là bài pháp.

3. PHÁP CHỨNG: HOA TRÁI CỦA CHUYỂN HÓA NỘI TÂM

Pháp chứng (paṭivedha) không phải là thành tích tâm linh, càng không phải là biểu tượng để tự khẳng định. Đó là kết quả tự nhiên của hành trì đúng pháp.

Pháp chứng biểu hiện qua Tâm ít bị dao động bởi tham – sân – si. Lời nói nhu hòa, hành động có chừng mực. Quyết định dựa trên trí tuệ hơn là cảm xúc. Uy tín nội tâm được hình thành từ đạo hạnh, không từ chức danh. Một Huynh trưởng cấp

cao có pháp chứng không cần khăng định quyền uy. Sự hiện diện của anh chị tự tạo niềm tin. Ngược lại, nếu chỉ có tri thức và vị trí mà thiếu chuyển hóa, tổ chức dễ rơi vào tranh luận, phân hóa và hình thức hóa.

Pháp chứng vì vậy là nền tảng bền vững cho sự lãnh đạo Phật giáo. Không có thực chứng, quyền hạn chỉ là cấu trúc bên ngoài; có thực chứng, ảnh hưởng trở thành nội lực tự nhiên.

4 CHUẨN MỤC SỰ PHẠM CHO TRẠI VẠN HẠNH

Từ ba yếu tố Pháp học, Pháp hành và Pháp chứng, phương pháp huấn luyện tại Trại Vạn Hạnh cần được định hướng một cách rõ ràng và nhất quán, không như một khuôn mẫu kỹ thuật mà như một định hướng giáo dục mang chiều sâu tu học. Pháp học phải được bảo đảm tính chính xác, hệ thống và chánh thống, giúp người Huynh trưởng có nền tảng nhận thức vững vàng, phân định rõ ràng chánh kiến và tà kiến. Tuy nhiên, pháp học không nên trở thành gánh nặng tích lũy thông tin hay phương tiện phô bày tri thức, mà cần được đặt đúng vị trí như ánh đèn soi đường cho tiến trình chuyển hóa.

Trên nền tảng ấy, pháp hành phải trở thành trọng tâm của toàn bộ

tiến trình huấn luyện. Thời lượng và không gian dành cho thiền quán, chánh niệm, quán chiếu nội tâm và thực tập tinh thức cần được đặt ở vị trí trung tâm, bởi chính nơi đây giáo lý mới thực sự đi vào đời sống và chuyển hóa tâm thức. Khi pháp hành trở thành nếp sống, sự hiểu biết không còn dừng lại ở khái niệm mà dần trở thành phẩm chất nội tâm ổn định.

Pháp chứng, vì vậy, không phải là điều có thể tuyên bố hay biểu đạt như một thành tựu cá nhân, mà là kết quả được nuôi dưỡng lặng lẽ qua kỷ luật tự thân, đời sống tinh thức và khả năng phản tỉnh trong sinh hoạt tập thể. Sự trưởng thành nội tâm của Huynh trưởng không bộc lộ qua lời tự nhận, mà thể hiện qua thái độ khiêm cung, khả năng lắng nghe và sự vững chãi trước hoàn cảnh thuận nghịch.

Trong bối cảnh ấy, vai trò của huấn luyện viên không những là truyền đạt nội dung mà là kiến tạo môi trường tu học. Việc giảng giải cần mạch lạc và sâu sắc nhưng không mang tính phô trương học thuật; kinh nghiệm tu tập cần được chia sẻ như chất liệu sống thay vì chỉ dừng lại ở việc trích dẫn kinh văn; sự dẫn dắt cần xuất phát từ thân giáo hơn là khẩu giáo; và quan trọng hơn, người học phải được trao không gian để tự quán

chiếu, tự nhận ra và tự chuyển hóa, thay vì tiếp nhận những kết luận đã hoàn tất.

Xét đến cùng, một tổ chức Phật giáo như GDPT chỉ có thể vững bền khi người lãnh đạo hội đủ ba yếu tố nền tảng: trí tuệ được nuôi dưỡng từ pháp học, đạo hạnh được hình thành qua pháp hành, và uy tín nội tâm phát sinh tự nhiên từ pháp chứng. Khi ba yếu tố này vận hành hài hòa, sự lãnh đạo không còn dựa vào vị trí hay quyền hạn, mà trở thành ảnh hưởng nội tâm có khả năng nuôi dưỡng cộng đồng.

Ngược lại, nếu thiếu pháp học, sinh hoạt dễ trượt sang mê tín hoặc hiểu sai giáo lý; nếu thiếu pháp hành, giáo lý chỉ còn là diễn ngôn không có sức chuyển hóa; và nếu thiếu pháp chứng, vai trò lãnh đạo dễ trở thành hình thức bên ngoài, thiếu chiều sâu và khó tạo niềm tin chắc thật. Chính vì vậy, việc giữ vững sự cân bằng giữa học, hành và chứng không những là phương pháp huấn luyện, mà là điều kiện căn bản để bảo đảm sức sống lâu dài của đời sống tu học trong tổ chức GDPTVN.

V. KẾT LUẬN:

Kết lại, tinh thần Trại Vạn Hạnh không hề tại ở danh xưng “cấp cao”, mà được nhận ra qua chiều

sâu chuyển hóa nơi mỗi Huynh trưởng. Pháp học mở ra cái thấy đúng để không lạc hướng; pháp hành tạo nên bước đi vững chãi để không dừng lại ở ý niệm; và pháp chứng giúp người tu đứng vững giữa mọi biến động mà không đánh mất nội lực. Ba yếu tố ấy không tách rời nhau, mà vận hành như một tiến trình sống động, âm thầm nhưng bền bỉ, nuôi dưỡng sự trưởng thành nội tâm của người Huynh trưởng, cũng như sức sống của tổ chức.

Trong bối cảnh đời sống hiện đại với nhiều áp lực vận hành và khuynh hướng hình thức hóa sinh hoạt tôn giáo, việc trở về với cấu trúc Pháp học – Pháp hành – Pháp chứng không phải là thái độ thù, mà chính là sự trở về cốt lõi để giữ thăng bằng. Khi người Huynh trưởng biết học để hiểu sâu hơn, hành để lắng dịu hơn và chứng để sống vững hơn, thì mọi thay đổi của hoàn cảnh không còn là mối đe dọa, mà trở thành cơ hội làm sáng tỏ bản sắc tu học của Gia Đình Phật Tử trong đời sống thực tiễn.

Bởi vậy, giá trị của sự lãnh đạo trong môi trường Phật giáo không nằm ở khả năng diễn đạt hay sức thuyết phục bên ngoài, mà được thể hiện qua năng lực chuyển hóa tự thân và khả năng tạo ảnh hưởng tinh thức đối với cộng đồng. Khi chuyển

hóa trở thành nền tảng, lời nói tự nhiên có sức thuyết phục, hành động tự nhiên có niềm tin, và sự hiện diện tự nhiên trở thành nguồn năng đỡ cho tập thể.

Sau cùng, con đường ấy không phải là lý tưởng dành cho một số ít, mà là hướng đi chung cho mọi Huynh trưởng trên hành trình phụng sự. Học để mở trí, hành để chuyển tâm, chúng để an trú — đó không chỉ là phương pháp huấn luyện mà là nhịp sống tu học kiên trì, giúp người Huynh trưởng bước đi lâu dài trong lý tưởng mà vẫn giữ được sự khiêm cung, tinh thức và từ ái giữa đời.

Phật lịch 2569 – San Jose,
CA 14.02.2026

NGUYỄN VINH NGUYỄN NGỌC MÙI

[1] Châu Lợi Bàn Đạc (Pāli: Cūḷapanthaka) là một vị đệ tử thời Đức Phật, thường được nhắc đến trong kinh điển như hình ảnh tiêu biểu cho người căn cơ chậm lụt nhưng đạt giải thoát nhờ thực hành bền bỉ. Theo truyền thống, Ngài gặp khó khăn trong việc ghi nhớ kinh kệ, không thể thuộc nổi một bài kệ ngắn. Đức Phật vì vậy đã phương tiện dạy Ngài thực tập chánh niệm qua hành động đơn giản như lau dọn và quán chiếu “bụi bẩn” bên ngoài để nhận ra “bụi bẩn” trong tâm. Nhờ sự chú tâm liên tục và tinh cần quán chiếu vô thường, Ngài dần đoạn trừ phiền não và chứng quả A-la-hán. Câu chuyện về Châu Lợi Bàn Đạc thường được sử dụng trong giáo dục Phật giáo để khẳng định rằng sự thành tựu không tùy thuộc vào khả năng học thuật,

mà nằm ở sự tinh tấn hành trì và chánh niệm liên tục.

[2] Angulimāla (Pāli; Sanskrit: Anḡulimāla), thường được dịch là Vô Não trong Hán tạng, là một nhân vật nổi bật trong kinh điển Phật giáo, tiêu biểu cho khả năng chuyển hóa sâu sắc của con người. Trước khi gặp Đức Phật, ông là một sát nhân khét tiếng, bị mê lầm bởi tà kiến và được mô tả là đã giết nhiều người, xâu ngón tay thành vòng đeo cổ. Khi gặp Đức Phật, ông được cảm hóa bởi oai nghi và lòng từ bi của Ngài, từ đó buông bỏ bạo lực, xuất gia và chuyên tâm tu tập. Nhờ hành trì chân thật và quán chiếu sâu sắc về nghiệp và khổ đau, Angulimāla chứng quả A-la-hán, trở thành biểu tượng cho năng lực chuyển hóa của chánh pháp. Câu chuyện của ông thường được nhắc đến như minh chứng rằng không có con người nào bị cố định trong quá khứ; với chánh kiến, chánh niệm và sự hướng dẫn đúng đắn, ngay cả những nghiệp nặng cũng có thể được chuyển hóa trên con đường giải thoát.

[3] Duy Ma Cật (Sanskrit: Vimalakīrti) là một vị cư sĩ Bồ-tát nổi bật trong truyền thống Đại thừa, được biết đến qua Kinh Duy Ma Cật như biểu tượng của trí tuệ bất nhị và khả năng sống Phật pháp giữa đời sống thế tục. Ngài không xuất gia nhưng đạt trình độ giác ngộ sâu sắc, sử dụng phương tiện thiện xảo để giáo hóa cả hàng Thanh văn và Bồ-tát. Hình ảnh Duy Ma Cật khẳng định rằng sự chứng ngộ không lệ thuộc vào hình thức xuất gia hay đời sống tách biệt xã hội, mà nằm ở trí tuệ quán chiếu vô ngã và tâm từ bi vận hành ngay trong mọi hoàn cảnh. Đặc biệt, sự im lặng của Ngài khi được hỏi về pháp môn Bát Nhã được xem là một “bài pháp vô ngôn”, biểu thị chân lý vượt ngoài khái niệm và ngôn từ. Trong giáo dục Phật giáo, Duy Ma Cật thường được nhắc đến như mẫu mực của người cư sĩ hành đạo giữa đời, dung hợp trí tuệ, phương tiện và tinh thần nhập thế mà vẫn giữ vững chiều sâu giải thoát.

[4] Lục Tổ Huệ Năng (638–713), vị Tổ thứ sáu của Thiền tông

Trung Hoa, là nhân vật trung tâm của Pháp Bảo Đàn Kinh và được xem là biểu tượng cho tinh thần đốn ngộ trong truyền thống Thiền. Xuất thân nghèo khó, ít học và không biết chữ, Ngài đã đại ngộ khi nghe câu “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm” trong Kinh Kim Cang, từ đó được Ngũ Tổ Hoằng Nhãn truyền y bát. Giáo pháp của Huệ Năng nhấn mạnh trực nhận tự tâm, thấy tánh thành Phật, vượt qua sự chấp trước vào văn tự và hình thức tu tập. Ngài chủ trương rằng giác ngộ không phải là kết quả của tích lũy tri thức thuần túy, mà là sự bừng sáng của tự tánh khi tâm không còn chấp trước. Trong giáo dục Phật giáo, hình ảnh Lục Tổ Huệ Năng thường được nhắc đến như minh chứng cho khả năng giác ngộ nơi mọi người, đồng thời khẳng định rằng chiều sâu tu tập nằm ở sự chuyển hóa nội tâm hơn là ở trình độ học thuật hay địa vị xã hội.

[5] Ngài Xá Lợi Phất (Pāli: Sāriputta; Sanskrit: Śāriputra) là một trong hai đại đệ tử thượng thủ của Đức Phật, được tôn xưng là bậc Trí tuệ đệ nhất trong hàng Thanh văn. Theo kinh điển, Ngài xuất thân là một đạo sĩ trí tuệ lỗi lạc, nhưng chỉ thực sự giác ngộ sau khi nghe bài pháp ngắn về duyên sinh từ Ty-kheo Assaji, từ đó phát tâm xuất gia và tinh cần tu tập. Xá Lợi Phất nổi bật không chỉ ở khả năng phân tích giáo pháp sâu sắc mà còn ở đời sống khiêm cung, điềm tĩnh và tinh thần hộ trì Tăng đoàn. Trong nhiều kinh thuộc hệ

Nikāya và A-hàm, Ngài thường được Đức Phật giao phó việc giảng giải giáo lý cho đại chúng, cho thấy sự kết hợp hài hòa giữa trí tuệ học thuật và thực chứng tâm linh. Hình ảnh Xá Lợi Phất vì vậy được xem là mẫu mực của người tu vừa thấu đạt giáo pháp bằng trí tuệ, vừa thể hiện đạo hạnh qua đời sống giản dị và tinh tấn.

[6] Thiền sư Thích Nhất Hạnh (1926–2022) là một thiền sư, học giả và nhà hoạt động Phật giáo Việt Nam có ảnh hưởng sâu rộng trên thế giới, người sáng lập truyền thống tu học Làng Mai. Ngài nổi bật với việc đưa thực tập chánh niệm từ phạm vi thiền viện vào đời sống thường nhật, nhấn mạnh khả năng sống tinh thức trong từng hơi thở, bước chân và tương tác hàng ngày. Giáo pháp của Ngài xoay quanh các khái niệm như “hiện pháp lạc trú,” “tương tức,” và “đạo Phật dẫn thân,” qua đó dung hợp chiều sâu thiền quán với trách nhiệm xã hội và đời sống cộng đồng. Bằng văn phong giản dị, thực tiễn nhưng thâm trầm chiều sâu thiền học, Ngài đã góp phần làm cho Phật giáo trở nên gần gũi với con người hiện đại, đồng thời chứng minh rằng sự tu tập chân thật không tách rời cuộc sống mà chính là nghệ thuật sống tinh thức giữa đời. Hình ảnh Thiền sư Thích Nhất Hạnh vì vậy thường được xem như biểu tượng của sự kết hợp hài hòa giữa trí tuệ, từ bi và phương pháp thực tập cụ thể có khả năng nuôi dưỡng cá nhân cũng như cộng đồng.



TỪ VẠN HẠNH ĐẾN TRẦN NHÂN TÔNG, SỨ MỆNH THỐNG NHẤT LÒNG DÂN

BÀI HỌC CHO HUYNH TRƯỞNG VẠN HẠNH TRONG BỐI CẢNH PHÂN HÓA

TÂM-QUẢNG-NHUẬN

Trong những thời khắc hệ trọng của lịch sử dân tộc, vận nước không được quyết định bởi giáo điều hay gươm giáo, mà bởi khả năng nhiếp phục và quy tụ lòng người. Từ Thiền sư Vạn Hạnh – người cầm đuốc khai sinh triều Lý – đến Trần Nhân Tông – vị minh quân hóa thân làm Tổ – lịch sử Phật giáo Việt Nam đã từng có những bậc trí giả thống nhất dân tộc không bằng quyền lực mà bằng đạo lý. Và hôm nay, trong bối cảnh tổ chức Gia Đình Phật Tử đang đứng giữa những đường nút âm thầm – chia rẽ, phân hóa, mất phương hướng – bài học ấy lại trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết cho những ai mang sứ mệnh Huỳnh trưởng cấp 3: Trại sinh Vạn Hạnh.

Chúng ta không thể nhắm mắt trước thực trạng tổ chức đang trải qua những cơn chuyển mình đón đầu. Những rạn vỡ không đến chỉ từ bên ngoài, mà ngay từ trong chính nội bộ. Sự mỗi mọt vì quyền lực ngầm, sự thỏa hiệp với tiện nghi và ảo tưởng, sự thiếu vắng một đường lối thống nhất đã và đang xói mòn lý tưởng ban đầu. Tình lam bị

giằng xé bởi quan điểm cá nhân, tổ chức bị phân hóa vì cái tôi lớn hơn đại cuộc. Trong khung cảnh đó, vai trò của Huỳnh trưởng Vạn Hạnh không còn là lý thuyết tu học, mà là dẫn thân làm chất keo hàn gắn, làm ngọn đuốc định hướng – như Vạn Hạnh năm xưa đã từng làm với vận mệnh dân tộc.

Vạn Hạnh là hiện thân của trí tuệ hành động. Ngài không đợi thời thế thuận lợi, mà chủ động tạo thời thế bằng một nội lực đạo hạnh và một viễn kiến bao trùm. Giữa cảnh suy tàn

cuối thời Lê, Ngài nhận ra rằng lòng dân là sức mạnh chân thật nhất để dựng nên một triều đại mới. Không đợi đến khi mọi thứ sụp đổ, Ngài đã âm thầm chuẩn bị cho Lý Công Uẩn bước lên vai trò khai quốc. Cái nhìn ấy – xuyên suốt, điềm tĩnh, không vì quyền danh – là điều người Huỳnh trưởng cấp 3 hôm nay cần noi theo: không đợi tổ chức suy vi mới lên tiếng, không đứng bên lề để chỉ trích, mà bước vào chính giữa sự hỗn độn để điều phục và tái thiết.

Và Trần Nhân Tông –

người kế thừa ánh sáng từ các bậc tiền nhân – đã đưa tinh thần “thống nhất lòng dân” lên cao điểm. Ngài vừa là một vị vua anh minh và vừa là bậc Tổ khai sáng một tông phái thuần Việt, dung hòa được đạo và đời, thống nhất hai dòng Thiền để dựng nên một cội rễ vững chãi cho tâm linh dân tộc. Nhưng trước khi dựng đạo, Ngài đã dựng được tâm người. Khi lên ngôi giữa thời thế đầy sóng gió, Trần Nhân Tông không truy bức những người từng đối nghịch, không thanh trừng những kẻ từng là chướng ngại trong nội bộ



BƯỚC QUA BÓNG MÌNH

VẠN HẠNH 3 – HẢI NGOẠI: PHÁP ĐÀN THỆ NGUYỄN

H.TR QUẢNG PHÁP TRẦN MINH TRIẾT

Dưới áp lực thời gian gấp gáp của thế giới đương đại, nơi lịch sử không còn trôi chậm để con người kịp suy tư mà dồn dập những khủng hoảng nối tiếp khủng hoảng, Vạn Hạnh 3 – Hải ngoại (2026), như một Pháp Đàn thệ nguyện hiện

ra không phải là một nghi thức mở màn cho một khóa huấn luyện. Đó là một hành vi tự vấn tập thể, nơi chúng ta đứng trước chính mình, trước truyền thống mình kế thừa và trước thời đại mình không thể né tránh để cùng nhau đồng thanh phát nguyện, điều

đang được thể hiện không đơn thuần chỉ là tinh thần dẫn thân, mà là một trách nhiệm lịch sử được đặt vào đúng vị trí của nó.

Giữa thế giới đang rạn nứt bởi cực đoan, phân hóa và sự suy kiệt niềm tin vào các hệ giá trị từng nâng đỡ xã

hội, Phật giáo không còn đứng trước câu hỏi “có nên nhập thế hay không”, mà là nhập thế như thế nào để không đánh mất chính mình. Và trong bối cảnh ấy, hành trạng của Thiền sư Vạn Hạnh không hiện lên như một biểu tượng để tôn thờ, mà như một tấm

triều can. Ngài thi hành chính sách khoan hòa và tha thứ, xóa sạch hiềm khích, mở rộng lòng bao dung để cùng nhau dựng nước, giữ nước. Chính từ tâm thái này mà lòng dân được nhiếp phục và nội bộ triều đình được thống nhất, tạo nên một sức mạnh đạo lý sâu bền đủ để chống đỡ ba lần xâm lăng của Nguyên Mông và dẫn dân tộc đi qua bóng tối chiến tranh trong ánh sáng từ bi.

Đó là bài học lớn nhất cho một Huynh trưởng Vạn Hạnh hôm nay. Bài học về bao dung và chuyển hóa. Trong một tổ chức đang mang nhiều thương tích, không thể tiếp tục duy trì định kiến cũ. Những va chạm, hiểu lầm, tranh cãi trong quá khứ – dẫu có lý do – đều phải được vượt qua bằng một cái nhìn rộng hơn: nhìn vào tương lai tổ chức, nhìn vào lý

tưởng chung, nhìn vào khổ đau cần được hóa giải chứ không là đối tượng để kết án. Chỉ có thái độ từ bi như của Trần Nhân Tông – tha thứ trong trí tuệ, bao dung bằng đạo lực – mới có thể gắn kết lại những gì đã đứt, hàn gắn những vết nứt vô hình nhưng sâu hoắm đang âm thầm chia rẽ những hàng ngũ từng cùng chung lý tưởng áo lam.

Để làm được điều đó, không thể chỉ học giáo trình hay thi qua trại. Phải học hành trạng của những bậc đại sĩ, phải thấm nhuần đạo lực của người xưa, phải có một đời sống nội tâm đủ mạnh để không bị cuốn trôi bởi sóng ngầm nội bộ. Người Huynh trưởng Vạn Hạnh phải là người thấu hiểu thời đại, sống giữa thế sự mà không đánh mất chánh niệm, hành đạo giữa tổ chức mà không để vướng lụy vào phe phái.

Làm sao để một lời nói có thể nối hai bờ chia cách, một hành động có thể gọi lại lý tưởng chung, một thái độ có thể hóa giải mâu thuẫn – đó là bài học thiết thân từ Trúc Lâm và Vạn Hạnh mà không trường trại nào có thể dạy nếu không tự mình thể nghiệm.

Từ đó, Trại Vạn Hạnh vốn là một cột mốc huấn luyện, đồng thời là một bước chuyển hóa tâm thức. Đó là nơi người Huynh trưởng phải tự vấn: Mình đang tiếp nối di sản của ai? Mình đang đi trong ánh sáng nào? Mình có dám đứng vào vai trò tái thống nhất lòng người, hay chỉ là một mắt xích mờ nhạt trong chuỗi phân rã? Nếu không thể làm người khai sáng như Vạn Hạnh, chí ít cũng là người chuyển lửa. Nếu không thể hóa thân làm Tổ như Trần Nhân Tông, chí ít cũng là người dọn đường

cho một thế hệ có thể làm điều đó.

Trong đêm tối của tổ chức, người Huynh trưởng Vạn Hạnh phải là người thấp đèn. Trong sự phân rã, phải là người nối nhịp. Trong hoài nghi, phải là tác nhân gieo tín tâm. Đó không phải là một vinh dự để khoác lên, mà là một bổn phận để gánh vác. Và nếu như lịch sử dân tộc đã từng được làm nên bởi những Nhân Cách Lý Tưởng như thế, thì lịch sử tổ chức Gia Đình Phật Tử hôm nay, cũng đang trông chờ những người Huynh trưởng như vậy – dẫu chỉ là một ngọn gió nhẹ, nhưng biết thổi về một hướng: Hướng về lòng nhân, hòa vào Tình Lam, và thế nhập nẻo Đạo.

Phật lịch 2569 – Ngày 16 tháng 07 năm 2025

TÂM-QUẢNG-NHUẬN



gương nghiêm khắc buộc người đọc phải soi chiếu lại toàn bộ nhận thức của mình về đạo, về đời, về vai trò của người tu học giữa lòng lịch sử.

Pháp Đàn Vạn Hạnh 3, vì vậy, không mở ra bằng cảm xúc hân hoan, mà bằng một tầng lắng sâu. Lắng để thấy rằng mỗi lời thệ nguyện sắp được cất lên đều đi qua dòng chảy hơn một nghìn năm Phật giáo gắn liền với vận mệnh dân tộc; lắng để hiểu rằng danh xưng Vạn Hạnh không trao cho ai một vị thế tinh thần cao hơn người khác, mà đặt chúng ta vào một vị trí khó hơn, cô đơn hơn và đòi hỏi tinh thức hơn. Chỉ từ điểm lắng này, hành trạng của Thiền sư Vạn Hạnh

mới thực sự trở thành chất liệu sống chứ không phải là ký ức lịch sử được nhắc lại bằng lòng tôn kính thụ động.

Bấy giờ, dưới bầu trời của những quốc độ khác nhau – Âu Châu, Úc, Canada và Mỹ quốc – khi đồng hồ lịch sử gắn kể thời khắc khai diễn Pháp Đàn thệ nguyện dẫn thân của hàng ngũ Huynh trưởng Vạn Hạnh 3, có một điều cần được khơi mở trước hết không phải bằng nghi lễ, không phải bằng hình thức, mà bằng một sự tinh thức nội tâm đó chính là chúng ta đang tiếp nhận di sản của ai, và mang theo trách nhiệm gì của thời đại này.

Không phải ngẫu nhiên mà

truyền thống huấn luyện Huynh trưởng cao cấp của Gia Đình Phật Tử Việt Nam chọn danh xưng Vạn Hạnh để đặt tên cho một trại huấn luyện ở tầng sâu nhất của ý thức hành đạo. Đó không những là sự tri ân một bậc Tổ sư lịch sử, mà còn là một tuyên ngôn thâm thâm nhưng quyết liệt rằng Huynh trưởng GDPT, khi bước đến ngưỡng này, không còn được phép sống với một nhận thức hời hợt hay gián lược về Phật giáo, về vai trò giáo dục, hay về mối liên hệ giữa đạo và đời.

Thiền sư Vạn Hạnh không để lại cho lịch sử một hệ thống học thuyết. Ngài không lập tông phái, không biên soạn luận thư đồ sộ

và không dựng đạo tràng mang tên mình. Nhưng chính vì vậy hành trạng của Ngài lại trở thành một đạo lộ sống cho Phật giáo nhập thế, nơi trí tuệ không tách rời vận mệnh dân tộc, nơi từ bi không đứng ngoài những khúc quanh nghiệt ngã của lịch sử và nơi người tu hành không trốn tránh quyền lực, mà cũng không bị quyền lực sai sử.

Sinh ra và trưởng thành trong một giai đoạn đầy biến động của lịch sử Việt Nam, Thiền sư Vạn Hạnh chứng kiến sự suy vi của nhà Tiền Lê, sự rối loạn của triều chính và nổi thống khổ của dân chúng. Nhưng thay vì đứng bên lề với thái độ yếm thế hay khổ hạnh thuần túy, Ngài

chọn một con đường khác đó là con đường tinh thức trong lòng lịch sử. Ở đó, trí tuệ Phật giáo không phải để an ủi nhưng để soi chiếu và không phải để ru ngủ mà để chuyển hóa.

Vai trò của Thiên sư Vạn Hạnh trong việc khai sáng triều đại nhà Lý không thể hiểu đơn giản như một sự “can dự chính trị” theo nghĩa thông thường. Đó là một hành động mang tính đạo học sâu xa nghĩa là khi một hệ thống quyền lực cũ đã không còn đủ năng lực nâng đỡ đời sống xã hội, thì việc kiến tạo một trật tự mới không phải là tham vọng quyền lực, mà là một hành động từ bi có trí tuệ. Ở đây, Phật giáo không đứng ngoài quốc gia dân tộc nhưng cũng không hòa tan mình vào quyền lực thế tục. Thiên sư Vạn Hạnh đứng ở một vị trí khó nhất đó là vị trí của người thấy rõ vô thường nhưng vẫn dẫn thân hành động.

Bài kệ bất hủ của Ngài – “*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô, Vạn một xuân vinh thu hựu khô...*”

không phải là lời than thở về kiếp người mong manh. Đó là một tuyên bố triết học. Khi thấy rõ tính vô thường của mọi hiện hữu, con người không trở nên thụ động, mà trái lại, có đủ tự do nội tâm để hành động đúng lúc, đúng chỗ, không bị trói buộc bởi danh vọng, quyền lực hay sợ hãi. Chính từ cái thấy ấy, Thiên sư Vạn Hạnh có thể

vừa làm người dẫn đạo tinh thần, vừa là người khai mở vận hội lịch sử mà không đánh mất phẩm hạnh của một bậc tu sĩ.

Đặt hành trạng ấy vào bối cảnh toàn cầu hôm nay, chúng ta buộc phải đối diện với một câu hỏi không dễ trả lời đó chính là Phật giáo hiện đại đang đứng ở đâu trước những khủng hoảng của nhân loại? Chiến tranh cục bộ và toàn diện, chủ nghĩa dân túy cực đoan, khủng hoảng môi sinh, sự phân hóa xã hội, khủng hoảng niềm tin vào các thiết chế chính trị – tôn giáo – giáo dục... tất cả đang đan xen tạo thành một bức tranh bất an toàn cầu. Trong bối cảnh ấy, nếu Phật giáo chỉ còn là một liệu pháp tâm lý cá nhân, một kỹ thuật thiền định để giảm stress, thì đó không phải là con đường của Vạn Hạnh.

Huynh trưởng GDPT, đặc biệt là Huynh trưởng bước vào Trại Vạn Hạnh hôm nay cần thấy rõ tinh thần Vạn Hạnh không cho phép sự tự mãn đạo đức*, càng không cho phép sự trốn tránh trách nhiệm xã hội. Nhưng tinh thần ấy cũng không cổ vũ cho sự nhập cuộc thiếu tinh thức, chạy theo thời sự hay bị cuốn vào những đối đầu ý thức hệ. Giữa hai thái cực đó, con đường Vạn Hạnh là con đường của trí tuệ tinh giác đi cùng từ bi hành động.

Mối liên hệ giữa Thầy và Trò – giữa Giáo hội và

Gia Đình Phật Tử – trong ánh sáng của Thiên sư Vạn Hạnh không phải là quan hệ bảo trợ hay lệ thuộc, mà là quan hệ kế thừa trách nhiệm lịch sử. Giáo hội trao cho GDPT không những một không gian sinh hoạt, mà một sứ mệnh giáo dục con người Phật tử biết sống tinh thức giữa đời. GDPT tiếp nhận không phải để tự hào, mà để gánh vác. Khi mối liên hệ ấy bị đơn giản hóa thành hình thức tổ chức, hoặc bị kéo lệch bởi quyền lực và cảm tính, thì tinh thần Vạn Hạnh đã bị phản bội từ gốc rễ.

Ở hải ngoại, thách thức ấy còn phức tạp hơn. Huynh trưởng GDPT Việt Nam đang sống giữa những xã hội đa văn hóa, đa tôn giáo, với hệ giá trị hiện đại đôi khi đối nghịch với truyền thống Á Đông. Nhưng chính trong môi trường ấy, tinh thần Vạn Hạnh lại càng trở nên cần thiết: không khép mình trong hoài niệm, cũng không đánh mất căn tính trong hội nhập. Thiên sư Vạn Hạnh chưa từng chủ trương bảo tồn truyền thống bằng cách đóng băng lịch sử. Ngài hiểu rằng truyền thống chỉ sống khi nó biết chuyển hóa.

Do đó, Pháp Đản thế nguyện của Vạn Hạnh 3 không phải là lời hứa hẹn suông. Đó là một cam kết nội tâm: **Nguyện sống và hành đạo với cái thấy vô thường, vô ngã; nguyện dẫn thân mà không tự đề cao; nguyện lãnh đạo mà**

không thống trị; nguyện giáo dục mà không áp đặt; nguyện phụng sự mà không đánh mất tự do nội tâm.

Không ai bước vào Trại Vạn Hạnh để trở thành “cao hơn” người khác. Trái lại, anh-chị-em chúng ta bước vào đây là người chấp nhận để mình bị soi chiếu sâu hơn, bị đòi hỏi nhiều hơn và không còn quyền sống hời hợt với lý tưởng Áo Lam. Thiên sư Vạn Hạnh không để lại cho chúng ta một chiếc ngai tinh thần để ngồi lên, mà để lại một con đường gặp gềnh của trách nhiệm.

Trước giờ khai khóa, điều cần nhất không phải là sự phấn khởi, mà là một sự lắng đọng sâu sắc. Lắng đọng để thấy rõ mình đang đứng ở đâu trong dòng chảy lịch sử Phật giáo và dân tộc. Lắng đọng để tự hỏi nếu Thiên sư Vạn Hạnh sống giữa thế giới hôm nay, Ngài sẽ khuyên chúng ta điều gì? Có lẽ không phải là những khẩu hiệu to lớn, mà là một lời nhắc rất giản dị, hãy thấy cho thật rõ, rồi hãy hành động; hãy hành động cho trọn vẹn, rồi buông bỏ kết quả.

Trong tinh thần ấy, Pháp Đản Vạn Hạnh 3 vừa mở ra một khóa trại, đồng thời mở ra một ngưỡng cửa nhận thức, nơi người Huynh trưởng được mời gọi bước qua cái bóng của chính mình, để tiếp tục con đường mà Thiên sư Vạn Hạnh đã đi. Đó chính là

HUYNH TRƯỞNG VẠN HẠNH GIỮA THẾ KỶ XXI: ĐỔI MỚI ĐỂ TRUYỀN THỪA, CHUYỂN HÓA ĐỂ TIẾP NỐI

TÂM THƯỜNG ĐỊNH BẠCH XUÂN PHÉ

NHÂN ĐỊNH RẰNG:

Thế giới đang thay đổi với vận tốc chưa từng có trong lịch sử loài người. Biên giới quốc gia mờ dần trước làn sóng toàn cầu hóa, trong khi căn tính dân tộc và niềm tin tâm linh lại đang trở thành những trụ cột cần thiết để con người neo giữ bản thân giữa cơn bão dữ của thời

đại. Giới trẻ Việt Nam sinh ra và lớn lên ở hải ngoại, dù thụ hưởng nền giáo dục tiên tiến và hội nhập sớm vào xã hội sở tại, vẫn đang đối diện với những khủng hoảng âm thầm: mất phương hướng bản sắc, thiếu lý tưởng sống, mờ nhạt cội nguồn tâm linh và lúng túng trước một thế giới đa chiều, đầy biến động.

con đường của trí tuệ tinh thức giữa lòng lịch sử và của từ bi hành động giữa một thế giới chưa bao giờ hết khổ đau.

Mùa Thành Đạo Phật lịch 2569 – Yuma, AZ 22.01.2026

QUẢNG PHÁP TRẦN MINH TRIẾT

* “Người tại gia hoàn thiện năm giới, đó là hoàn thiện đạo đức cá nhân. Nhưng không phải vì vậy mà có thể nói, ‘Hạnh phúc thay, ta sống không trộm cắp giữa những người trộm cắp!’ Thái độ độc thiện kỳ thân có khi được tán dương mà cũng nhiều khi bị chỉ trích. Vì nó ích kỷ. Đạo đức vị kỷ không phải là đạo đức chân thật”. – TUỆ SỸ THƯỢNG SU (1945-2023)

Chính trong bối cảnh đó, vai trò của người Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam Tại Hải Ngoại không còn là “dẫn dắt đoàn sinh” trong phạm vi một đơn vị địa phương, mà là người giữ lửa và chuyển lửa cho cả một thế hệ thanh thiếu niên đang đứng trước ngã ba, giữa đồng hóa và tự tồn, giữa tiện nghi và lý tưởng, giữa thân phận di dân và ý thức toàn cầu. Một Huynh trưởng thời đại mới cần vừa là người thầy truyền cảm hứng, vừa là người bạn đồng hành trong tu tập, vừa là nhịp cầu văn hóa nối kết Đông – Tây, vừa là ngọn đuốc tâm linh trong môi trường bản xứ đang dần thế tục hóa.

Muốn hình thành một thế hệ Huynh trưởng có tầm nhìn quốc tế nhưng tâm hồn Việt, có năng lực tổ

chức theo chuẩn mực toàn cầu nhưng vẫn lấy Bồ Tát đạo làm nền tảng phụng sự, chương trình Huấn luyện Cấp 3 – Vạn Hạnh – không thể chỉ dừng lại ở kỹ năng hướng dẫn hay kiến thức điều hành địa phương. Nó phải là một hành trình chuyển hóa tự thân sâu sắc, một quá trình rèn luyện tu tướng và tu tập nội tâm, đồng thời là sự chuẩn bị nghiêm túc để gánh vác sứ mệnh giáo dục Phật giáo trong thế kỷ 21.

Chính vì thế, việc xây dựng một chương trình Vạn Hạnh đúng tầm không thể là sự chấp vá các bài học cũ, cũng không thể là bản sao của những mô hình huấn luyện đã qua. Nó phải là một mô hình tích hợp giữa ba trụ cột nền tảng: bản sắc Phật giáo Việt Nam, năng lực tổ chức quốc tế, và tâm thức khai phóng. Đồng thời, không được bỏ quên những yếu tố chìm sâu trong trải nghiệm Huynh trưởng: trí nhớ lịch sử, nghệ thuật cảm hóa, đối diện khổ đau, và khả năng sống giữa đời như một trung đạo sinh động.

Chương trình đó, trước hết, phải nuôi dưỡng từ gốc rễ – đó là lý tưởng Bi – Trí – Dũng, là con đường Bồ

Tát hạnh, là ánh sáng của Giới – Định – Tuệ. Không có nền tảng Phật học vững chắc, người Huynh trưởng dù có giỏi tổ chức hay công nghệ, cũng chỉ là “người quản trị”, chứ không phải người dẫn đạo. Vạn Hạnh cần giúp Huynh trưởng hiểu sâu về Phật pháp không chỉ ở tạng Kinh, mà ở hơi thở, bước chân, ánh mắt và cách sống giữa đời. Giới trẻ hôm nay không cần những bài pháp dài, mà cần một người sống được với điều mình nói. Bởi thế, sự huấn luyện cần song hành với thực tập – không phải là lý thuyết suông mà là thiền hành, là quán niệm, là tinh thức trong từng giờ phút của trại.

Song song với gốc rễ đạo lý, người Huynh trưởng hiện đại cần có đôi mắt rộng nhìn ra thế giới. Anh chị cần học cách tổ chức hiệu quả, sử dụng công nghệ, quản trị truyền thông, hiểu luật pháp bản xứ liên quan đến tổ chức sinh hoạt với thanh thiếu niên. Anh chị cần được trang bị tư duy lãnh đạo hiện đại: biết điều hành nhóm, biết gây cảm hứng, biết hoạch định chiến lược phát triển tổ chức trong bối cảnh di dân đa thế hệ. Một trại Vạn Hạnh có tầm vóc không thể

thiếu chuyên để về quản trị phi lợi nhuận, về vận động tài chánh trong khuôn khổ hợp pháp, về truyền thông xã hội, và kể cả đối ngoại – để Huynh trưởng có thể đứng giữa một hội nghị liên tôn hay buổi họp cộng đồng mà vẫn giữ được phẩm cách đạo vị của mình.

Tuy nhiên, toàn cầu hóa không những là khả năng hội nhập, mà còn là thách thức của đánh mất mình. Một Huynh trưởng có tâm phải biết vừa mở ra, vừa giữ lại. Giữ lại không phải bằng cách bảo thủ, mà bằng hiểu biết – hiểu rõ mình đến từ đâu, mình là ai, và vì sao mình vẫn chọn màu áo lam giữa thế giới đang thay đổi. Vì vậy, Vạn Hạnh cần lồng vào nội dung học tập những phần về lịch sử dân tộc Việt Nam, lịch sử Phật giáo Việt Nam, lịch sử hình thành GDPT, và nhất là về những biến cố cận đại – để người Huynh trưởng không quên thân phận tị nạn, nỗi đau chiến tranh, và những lý tưởng bị dở dang của cha anh mình. Lý tưởng sống không thể chỉ mọc từ đất mới, mà phải bén rễ trong mảnh đất ký ức.

Thêm vào đó, người Huynh trưởng vừa làm công tác tổ chức – vừa là người gieo hạt, người giữ lửa, người tiếp nối. Trại Vạn Hạnh cần hướng đến việc huấn luyện tư duy truyền thừa: giúp mỗi Huynh trưởng hiểu rằng lý tưởng không phải chỉ để sống cho mình, mà để gieo lại cho người sau. Mỗi đoàn

sinh hôm nay là một mầm lý tưởng mai sau, và sự thành công của một Huynh trưởng không nằm ở bao nhiêu trại đã đi, bao nhiêu bài giảng đã nói, mà là ở bao nhiêu người trẻ được thắp lên ánh sáng trong tim mình. Do đó, chương trình cần giúp Huynh trưởng học cách trở thành người truyền cảm hứng – không phải bằng lý thuyết, mà bằng chính đời sống chánh niệm của chúng ta. Người truyền lửa không gào to, chỉ cần sống đúng.

Một điều khác cũng rất quan trọng: Huynh trưởng không phải siêu nhân. Anh chị có thể kiệt sức, rơi vào khủng hoảng, lạc hướng. Vì thế, chương trình huấn luyện cũng phải chạm vào những góc khuất ấy – nói về burnout, nói về sự cô đơn của người lãnh đạo, nói về nghệ thuật chăm sóc thân tâm, thiền trị liệu, và quan trọng hơn hết: thái độ đối diện khổ đau, bệnh tật và cái chết. Một Huynh trưởng đã từng đi bên cạnh đoàn sinh trong lễ tang cha mẹ các em, từng đến thăm trại dưỡng lão, từng ngồi bên người bạn đồng hành đang hấp hối – sẽ hiểu rằng lý tưởng không nằm trong khẩu hiệu, mà nằm trong khả năng nắm tay nhau đi qua khổ đau. Vạn Hạnh cần có những buổi thiền quán về vô thường, vô ngã, về cái chết như một bài học tinh thức, chứ không phải điều tránh né, cấm kỵ.

Không chỉ sống cho nội tâm, người Huynh trưởng còn phải biết sống cho xã

hội. Một thế kỷ đang vỡ ra trước mắt chúng ta: bất công chủng tộc, biến đổi khí hậu, chiến tranh, suy thoái đạo đức. Người Phật tử không đứng ngoài cuộc đời. Người Huynh trưởng càng không thể. Vì vậy, Vạn Hạnh nên mở ra cho Huynh trưởng cái nhìn hành động xã hội: sống tích cực lành mạnh, tiêu dùng có ý thức, bảo vệ môi sinh, dẫn thân từ thiện, đồng hành với những người yếu thế, không bằng chính trị, mà bằng đạo hạnh. Một hoạt động đơn giản như trồng cây, dạy trẻ làm compost, hay gây quỹ giúp người cũng là bài học đạo. Lý tưởng phụng sự không phải điều gì cao siêu, mà là khả năng sống tử tế từng ngày.

Từ những chiều kích trên, có thể hình dung một đề cương huấn luyện Vạn Hạnh không phải là bảng phân chia giờ học khô khan, mà là bản giao hưởng giữa học và sống, giữa tu và hành, giữa nội tâm và xã hội. Trại có thể chia thành ba giai đoạn: Gieo hạt – Gieo lửa – Gieo người.

Giai đoạn đầu – Gieo hạt – là những ngày đầu trại, nơi lý tưởng GDPT, Phật học căn bản, lịch sử tổ chức và văn hóa Việt được đào sâu. Huynh trưởng được trở về với nguồn cội, học cách hiểu mình, hiểu tổ chức, hiểu đạo.

Giai đoạn giữa – Gieo lửa – là lúc phát triển kỹ năng: điều hành đơn vị, truyền thông xã hội, quản trị nhân

sự, xử lý tình huống, đồng thời học cách sống giữa đời bằng thiền tập, tinh thức, giới hạnh. Đây cũng là thời điểm dành cho các chuyên đề đặc biệt như đạo đức ứng dụng, tâm lý thanh thiếu niên, liên văn hóa, và truyền cảm hứng.

Giai đoạn cuối – Gieo người – là lúc mỗi Huynh trưởng xây dựng đề án hành động cho chính tổ chức mình, chia sẻ lý tưởng của mình, và lắng nghe phản hồi từ anh chị em. Đây cũng là lúc thiền quán về vô thường, nhìn lại con đường Bồ Tát hạnh, và phát nguyện tiếp nối.

Trại kết thúc, nhưng hành trình chưa bao giờ dừng. Người Huynh trưởng Vạn Hạnh bước ra từ trại không phải là người “đã học xong”, mà là người bắt đầu sống thật – sống sâu hơn, sáng hơn, từ bi hơn, trí tuệ hơn. Và trong từng bước chân của chúng ta, dù là trên tuyết Canada, dưới nắng California, giữa rừng Úc hay giữa thành phố Âu châu – ánh sáng lam vẫn âm thầm tỏa ra, như một ngọn lửa không bao giờ tắt.

THAY LỜI KẾT:

Không có ngọn lửa nào được gìn giữ mãi chỉ bằng việc che chắn. Muốn giữ được ánh lửa, đôi khi phải mạnh dạn trao nó cho một bàn tay khác, một ngọn đuốc khác – và để nó cháy lên theo cách của thời đại hôm nay.

Gia Đình Phật Tử Việt

Nam là một truyền thống có căn gốc. Nhưng truyền thống, nếu chỉ được lặp lại sẽ trở thành nghi thức rỗng. Truyền thống chỉ sống khi nó biết chuyển hóa – chuyển hóa không phải bằng cách dứt bỏ gốc rễ, mà bằng cách tìm được hình thức mới để gốc rễ ấy nảy mầm trong đất mới. Chính vì vậy, việc đổi mới chương trình huấn luyện Vạn Hạnh không phải là một sự đoạn tuyệt, mà là một hành động trung thành ở cấp độ sâu xa nhất: trung thành với tinh thần khai phóng, phụng sự và giác ngộ mà Tổ chức đã truyền trao từ những buổi đầu dựng cờ.

Nếu thế hệ Huynh trưởng hôm qua từng bước đi trong khói lửa chiến tranh, từng dựng trại giữa gió rừng miền Trung, từng học dưới ánh đèn dầu hay đứng hát vang dưới lá cờ Lam giữa chốn lưu vong đầu tiên, thì hôm nay chúng ta đang sống giữa thế giới kỹ thuật số, những thế hệ

sinh ra không còn nói sõi tiếng Việt, và nơi đạo Phật không còn là tôn giáo đa số. Vậy chúng ta giữ truyền thống như thế nào? Bằng cách giữ nguyên hình thức, hay bằng cách truyền trao được tinh thần ấy qua hình thức mới?

Chúng ta cần mạnh dạn. Không phải mạnh dạn đoạn tuyệt, mà mạnh dạn chuyển hóa mà không phản bội. Mạnh dạn mở những chuyên đề mới, đụng đến những điều từng né tránh. Mạnh dạn nghe tiếng nói của người trẻ và chấp nhận rằng mình không còn giữ vị trí trung tâm. Mạnh dạn cho phép người khác đi những con đường khác, miễn sao vẫn giữ ánh sáng hướng về lý tưởng Giác ngộ và Phụng sự.

Sự mạnh dạn đó, nếu phát xuất từ lòng kính ngưỡng chân thành với tổ chức, từ

tâm nguyện muốn tiếp nối, từ tình thương đối với thế hệ mới, thì đó không còn là “đổi mới” nữa – mà là một phép lạ hồi sinh của truyền thống. Một truyền thống không chết đi mà lớn lên.

Và nếu chúng ta làm được điều đó trong chương trình Vạn Hạnh, thì mỗi trại sinh bước ra khỏi cổng trại sẽ không chỉ mang theo phù hiệu mới, bảng tên mới, mà còn mang theo trong lòng một ngọn lửa cũ được thắp sáng trong một bình chứa mới – sáng, ấm, và có thể đi xa hơn bất cứ ai trong chúng ta từng mơ ước.

Đó là Vạn Hạnh: một trại huấn luyện. Nhưng sâu xa hơn, đó là một lời nguyện chung của tổ chức: làm cho ánh sáng Lam sống động giữa thế giới mới, mà không lạc mất gốc rễ tâm

linh, văn hóa và lịch sử đã hun đúc nên chúng ta.

Và như thế, Vạn Hạnh vốn không phải là sự chuẩn bị cho một vài cá nhân mang cấp hiệu cao nhất, mà là một công trình tái sinh lý tưởng Lam giữa lòng thế kỷ, nơi từng người Huynh trưởng được tái tạo – để chính Anh Chị lại trở thành người tái tạo thế hệ kế thừa.

Bấy giờ đó là lời mời gọi tha thiết – và cũng là niềm tin sâu sắc – dành cho tất cả những ai đang hướng về Vạn Hạnh như một con đường tu tập, phụng sự và truyền thừa trong thế kỷ XXI.

Phật lịch 2569 – Ngày 15 tháng 05 năm 2025

TÂM THƯỜNG ĐÌNH BẠCH XUÂN PHÈ



TẠI SAO MẮT TRẦN KHÔNG THẤY ĐƯỢC TỊNH ĐỘ?

H.TR ĐIỀU TƯỜNG – NGÔ THỊ THANH VÂN

Trong kinh, khi nghe Đức Phật nói về việc tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, Ngài Xá Lợi Phất đã thắc mắc: “Nếu tâm Đức Thế Tôn vốn thanh tịnh, sao cõi này lại đầy rẫy gò nổng, hầm hố, gai góc và đơ bán thế kia?”. Đức Phật đã dùng ngón chân ấn xuống đất, tức thì cõi tam thiên hiện ra trang nghiêm, rực rỡ như cõi của Phật Bảo Tích.

Dưới đây là 3 lý do bản thân tôi đã chiêm nghiệm

và đang ứng dụng thực hành qua việc học Kinh Duy Ma Cật:

1. “Vì tâm chúng sinh có cao thấp”. Đức Phật dạy: “Do tâm người có cao thấp, không nương vào trí tuệ của Phật, nên thấy cõi này không sạch”. Giữa môi trường đầy rẫy những khác biệt về quan điểm, nếu tâm chúng ta còn phân biệt “người này tốt, người kia xấu”, “đơn vị này mạnh, đơn vị kia yếu”, hay còn bị kẹt vào những định kiến

cá nhân, chúng ta sẽ thấy tổ chức đầy rẫy “gò nổng” (khó khăn) và “gai góc” (chướng ngại). Khi cái nhìn của ta còn hẹp hòi, ta không thể thấy được vẻ đẹp của lý tưởng Lam vốn dĩ vẫn luôn thanh tịnh.

2. Cõi Tịnh độ không nằm ở địa lý, mà nằm ở “Cái nhìn” (Chính kiến). Chúng sinh không thấy được Tịnh độ vì mắt chúng ta bị che lấp bởi màn sương của tham, sân, si. Chúng ta nhìn thế giới qua lăng kính

của nghiệp lực. Một buổi sinh hoạt GDPT dưới trời tuyết lạnh hay nắng cháy ở xứ người có thể là “địa ngục” với người thiếu tâm nguyện, nhưng lại là “Tịnh độ” với người Huỳnh trưởng đang tràn đầy hỷ lạc khi được nhìn thấy đoàn sinh múa hát, vui chơi, sinh hoạt. Tịnh độ của Phật hiện diện ngay nơi chiếc áo Lam bạc màu, nơi những lời dạy đạo đức cho đàn em, nếu ta biết nhìn bằng đôi mắt của sự bao dung và phụng sự.

KINH DUY MA CẬT – SUY NGÃM
TỰ TẠI GIỮA TRẦN LAO: SUY NGÃM KINH DUY MA CẬT
TỪ GÓC NHÌN CỦA NGƯỜI HUYNH TRƯỞNG
Suy ngẫm về kinh Duy Ma Cật theo tinh thần tu học và sinh hoạt của Huỳnh trưởng GDPT Việt Nam tại hải ngoại.

KINH DUY MA CẬT
? Tại sao chúng ta không thấy được Tịnh độ quốc của Đức Phật?
Các pháp của ngài tại sao chúng sinh không thấy được?

Để giải đáp thắc mắc về việc tại sao chúng ta không thấy được cõi Tịnh độ của Đức Phật dù Ngài nói rằng cõi này vốn dĩ thanh tịnh, chúng ta hãy cùng nhìn lại phẩm “Phật Quốc” trong Kinh Duy Ma Cật theo tinh thần của một người Huỳnh trưởng GDPT đang tu học và sinh hoạt.

Tự tại Giữa Trần lao

TU HỌC – CHUYỂN HÓA TỰ THÂN

PHỤNG SỰ – LAM ĐẸP ĐỜI

TỊNH THỨC – SỐNG GIỮA ĐỜI MÀ AN LẠC

- Tịnh độ không ở đâu xa, mà ngay trong tâm thanh tịnh.
- Các pháp của Đức Phật không mất, chỉ vì vọng tưởng che lấp.
- Giữa trần lao hải ngoại, người Huỳnh trưởng tu học và phụng sự chính là đang xây dựng Tịnh độ ngay trong hiện tại.
- Trí tuệ – Từ bi – Hỷ xả: Đó là con đường Duy Ma Cật chỉ dạy.
- Hãy sống “tự tại giữa trần lao”, như Duy Ma Cật cư sĩ. Không rời đời mà vẫn an nhiên, lợi mình lợi người.

Nguyên noi gương Duy Ma Cật, sống tinh thức giữa mọi hoàn cảnh, đem ánh sáng Phật pháp soi đường phụng sự và tu học.

3. Do thiếu “Công đức trang nghiêm”. Kinh dạy rằng Tịnh độ được xây dựng bằng 17 thứ tâm hành (Trực tâm, Tâm tâm, Bồ đề tâm, Lục độ...). Chúng ta không thấy được Tịnh độ vì chúng ta chưa thực hành đủ các pháp đó. Đôi khi chúng ta chỉ sinh hoạt GDPT như một thói quen hoặc một hình thức xã hội. Nếu thiếu đi “Trực tâm” (lòng ngay thẳng) và “Bồ đề tâm” (tâm giúp đời), chúng ta sẽ thấy sinh hoạt thật nặng nề. Khi ta tu học đúng tinh thần Duy Ma Cật – tức là đem Phật pháp vào đời sống thực tế – thì tự nhiên những “uế độ” (cõi bẩn) của sự tị hiềm, ích kỷ sẽ tan biến, lộ ra một đạo tràng Lam tươi đẹp.

Đức Phật không giấu Tịnh độ của Ngài, chỉ là vì “người mù không thấy được ánh sáng mặt trời, đó là lỗi của người mù chứ không phải lỗi của mặt trời”. Là Huynh trưởng, chúng ta không cần đi tìm một cõi Tịnh độ nào khác ngoài việc thanh lọc tâm ý mình. Khi nhìn đàn em bằng tâm Phật, nhìn đồng sự bằng tâm yêu thương, thì ngay tại nơi mình đang sống, giữa những bộn bề lo toan, Tịnh độ của Đức Phật Thích Ca vẫn đang hiện hữu rạng ngời.

Tim hiểu thêm cách thực hành “Trực tâm” (một trong những nhân tố xây dựng Tịnh độ) vào việc điều hành đơn vị GDPT. Trong kinh Duy Ma Cật, Trực tâm (lòng ngay thẳng) được gọi là “Đạo tràng”,

là bước khởi đầu và quan trọng nhất để xây dựng Tịnh độ. Với một Huynh trưởng cầm lái con thuyền đơn vị GDPT, thực hành Trực tâm không phải là sự cứng nhắc, mà là sự chân thành và nhất quán.

1. Đối diện với chính mình: Không tự dối mình, không dối người Trong sinh hoạt GDPT, đôi khi chúng ta dễ bị rơi vào hình thức hoặc danh tướng (thích chúc tụng, thích được khen). Khi làm Phật sự, hãy tự hỏi: “Mình làm điều này vì lợi ích của đàn em hay vì cái tôi của mình?”. Trực tâm là sự thành thật với động cơ của chính mình. Nếu làm sai, dũng cảm nhận lỗi trước Ban Huynh trưởng thay vì tìm lý do khách quan. Sự thành thật của người đầu đàn sẽ tạo ra một từ trường tin cậy, biến đơn vị thành một “đạo tràng” đúng nghĩa.

2. “Nói sao làm vậy” – Nhất quán trong giáo dục. Đàn em (Oanh vũ, Thiếu nhi) rất nhạy bén, các em tin vào những gì chúng ta làm hơn là những gì chúng ta nói. Nếu dạy các em về lòng hiếu thảo hay sự ngăn nắp, chính người Huynh trưởng phải thể hiện điều đó trước. Trực tâm là xóa bỏ khoảng cách giữa lời giảng trên lớp và hành động ngoài đời thường. Sự nhất quán này chính là cách thuyết pháp không lời mạnh mẽ nhất, giúp Tịnh độ hiển hiện ngay trong phong cách sống của người Huynh trưởng.

3. Ngay thẳng nhưng

không thô lỗ: Nghệ thuật điều hành. Nhiều người lầm tưởng Trực tâm là có gì nói nấy một cách bộc phát. Trong kinh Duy Ma Cật, Trực tâm đi kèm với trí tuệ. Khi giải quyết mâu thuẫn trong Ban Huynh trưởng, hãy dùng cái tâm ngay thẳng để nhìn vào bản chất sự việc, không thiên vị, không nghe lời dèm pha. Thay vì nói sau lưng, hãy góp ý trực tiếp với tinh thần xây dựng và ái ngữ. Trực tâm ở đây là sự minh bạch trong tài chính, công bằng trong khen thưởng và sáng suốt trong kỷ luật.

4. Chấp nhận thực tại để chuyển hóa. Người Huynh trưởng thường đối mặt với khó khăn: thiếu đoàn sinh, rào cản ngôn ngữ, Huynh trưởng trẻ bận rộn... Trực tâm là nhìn thẳng vào những khó khăn đó mà không than vãn hay né tránh. Thay vì mơ mộng về một đơn vị lý tưởng, ta “trực tâm” chấp nhận thực tại để tìm phương tiện thích hợp (ví dụ: dùng tiếng Anh để giảng Phật pháp, tổ chức sinh hoạt online khi cần). Khi ta chấp nhận thực tại bằng tâm

ngay thẳng, áp lực sẽ biến thành hành động sáng tạo. 5. Xây dựng môi trường “Lục hòa” bằng sự chân thành. Tịnh độ của Phật không có sự chia rẽ. Trực tâm chính là chất keo dính các thành viên lại với nhau. Loại bỏ thói quen “bằng mặt không bằng lòng”. Khi điều hành, hãy tạo cơ hội cho mọi người được nói lên tiếng nói của mình. Một đơn vị mà mọi người có thể sống thật với nhau, không cần đeo mặt nạ, chính là một cõi Tịnh độ thu nhỏ giữa đời thường.

Người Huynh trưởng thực hành Trực tâm là người “Sống thật - Làm thật - Tu thật”. Khi tâm ngay thẳng, mọi quyết định điều hành sẽ tự nhiên tương ứng với chánh pháp, và đơn vị GDPT sẽ trở thành một nơi bình an, thu hút mọi người tìm về. Xin nguyện noi theo Ngài Duy Ma Cật, sống tinh thức giữa mọi hoàn cảnh, đem ánh sáng Phật Pháp soi đường tu học và phụng sự.

DIỆU TƯỚNG – NGÔ THỊ THANH VÂN



TỔM TẮT THẢO LUẬN 2 CÂU HỎI CỦA GIẢNG SƯ ĐẶT RA CHO ĐỀ TÀI KINH DUY MA CẬT

CHÚNG TÂM KIỂM



1. TẠI SAO CHÚNG TA KHÔNG THẤY ĐƯỢC TỊNH ĐỘ QUỐC CẢ CÁC PHÁP CỦA NGÀI TẠI SAO CHÚNG SINH KHÔNG THẤY ĐƯỢC (CÂU HỎI THẦY HẠNH TẤN ĐẶT RA ĐỂ CÁC TRAI SINH VẠN HẠNH SUY NGÃM)

Trước hết, theo tinh thần của kinh Duy Ma Cật, chúng ta cần hiểu rằng Tịnh độ không nhất thiết chỉ là một cõi nước ở đâu đó xa xăm, mà trước hết là một cảnh giới được biểu

hiện qua tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh thì thế giới hiện ra thanh tịnh; khi tâm còn ô nhiễm bởi phiền não, chấp trước, phân biệt, thì cảnh giới trước mắt cũng trở nên nhiễm ô, nặng nề, bất an.

Nói cách khác, không phải Tịnh độ không có mặt, mà là vì tâm chúng sinh còn bị che mờ nên không đủ khả năng nhận ra.

Tâm là yếu tố quyết định cách ta thấy thế giới: Trong

đời sống hằng ngày, chúng ta có thể kiểm nghiệm điều này rất rõ. Có những ngày mình đi sinh hoạt với tâm rất nhẹ nhàng, khỏe khoắn, có chánh niệm, có năng lượng. Hôm đó mình thấy các em dễ thương hơn, công việc cũng xuôi hơn, lời nói của người khác mình cũng dễ cảm thông hơn. Cùng một đạo tràng, cùng một môi trường, cùng những con người đó, nhưng ta cảm thấy rất an lạc.

Ngược lại, có những ngày mình mệt mỏi, tâm bị căng thẳng, lo âu, hoặc bị một chuyện gì đó kéo đi. Lúc đó cũng chính con người ấy, công việc ấy, hoàn cảnh ấy, nhưng mình dễ thấy khó chịu, nặng nề, bực bội, và có khi nói năng hay cư xử chưa được dễ thương. Như vậy, cái thay đổi nhiều khi không phải hoàn cảnh bên ngoài, mà là chất lượng tâm của mình.

Cho nên, khi nói đến việc

không thấy được Tịnh độ quốc của Đức Phật Thích Ca, ta có thể hiểu rằng: Tịnh độ vẫn hiện hữu, nhưng vì tâm ta chưa tịnh nên cảnh tịnh chưa hiện ra.

Tâm nhiễm ô thì thấy cõi Ta-bà; tâm thanh tịnh thì thấy Tịnh độ: Theo tinh thần Đại thừa, đặc biệt trong kinh Duy Ma Cật, cõi Phật thanh tịnh hay không còn tùy thuộc vào tâm của chúng sinh. Khi tâm còn tham lam, sân hận, si mê, hơn thua, phân biệt, chấp ngã, thì dù sống giữa giáo pháp của Phật, ta vẫn cảm nhận thế giới này là đầy khổ đau, mâu thuẫn, bất toàn.

Nhưng khi tâm được chuyển hóa, có chánh niệm, có từ bi, có trí tuệ, bớt dính mắc vào cái tôi, thì cùng sống trong đời này, ta bắt đầu thấy được những chất liệu của Tịnh độ: sự bình an trong tâm, sự cảm thông trong quan hệ, sự nhẹ nhàng trong cách nhìn người, sự thanh thoi trước hoàn cảnh.

Tịnh độ vì vậy không phải chỉ là nơi để đi đến sau khi chết, mà còn là một thực tại có thể được tiếp xúc ngay trong hiện tại, nếu tâm mình đủ thanh tịnh.

Tại sao các pháp của Phật có đó mà chúng sinh không thấy?

Thật ra, các pháp của Đức Phật không phải là không hiện hữu. Giáo pháp vẫn còn đó: vô thường, vô ngã, nhân quả, duyên sinh, từ bi, trí tuệ, con đường

chuyển hóa khổ đau, tất cả đều đang vận hành trong đời sống. Nhưng chúng sinh không thấy được vì:

* Bị vô minh che lấp: Chúng ta thường nhìn sự vật bằng thành kiến, tập khí, cái tôi, và cảm xúc chủ quan. Vì vậy, ta thấy theo ý mình hơn là thấy đúng bản chất của sự vật. Đức Phật dạy mọi pháp đều do duyên sinh, không có tự tính cố định; nhưng ta lại chấp cái gì cũng là “thật”, là “của tôi”, là “phải như ý tôi”. Chính vô minh ấy làm ta không thấy được pháp.

* Bị vọng tưởng và phân biệt dẫn dắt: Tâm mình thường không yên. Hết nghĩ chuyện này tới chuyện kia, hết so đo, lo lắng, buồn giận rồi hy vọng. Vì tâm quá bận rộn nên không có khả năng phản chiếu sự thật một cách trong sáng. Tâm có thể dung chứa rất nhiều đối tượng cùng lúc; chỉ cần khởi nghĩ đến đâu thì hình ảnh đó hiện ra trong tâm. Khi tâm rộng, rỗng, sáng thì sự vật hiện rõ; còn khi tâm bị lôi kéo, xáo trộn, thì không thấy rõ được gì.

* Bị nghiệp và tập khí chi phối: Chúng ta sống lâu ngày trong thói quen phản ứng: thích thì bám, ghét thì đẩy ra, vừa ý thì gần, không vừa ý thì xa. Vì tập khí sâu dày nên khi gặp cảnh, mình phản ứng rất nhanh, rất mạnh, trước khi có cơ hội nhìn bằng chánh niệm và trí tuệ. Điều này làm cho giáo pháp tuy đã học, đã nghe, nhưng khi đụng việc thật thì không áp dụng

được ngay.

* Một lý do nữa khiến chúng ta không thấy được Tịnh độ là vì tâm phân biệt quá mạnh.

Ta thương người hợp với mình, dễ chịu với người làm mình hài lòng, nhưng khó mở lòng với người trái ý, người làm mình phiền, hay người có lỗi. Trong khi đó, tinh thần Bồ-tát đạo và tinh thần thanh tịnh tâm là học nhìn mọi người bằng tâm không phân biệt, không thiên lệch.

Điều này nói thì dễ nhưng làm thì khó. Chính sự khó đó lại là chỗ tu. Vì khi mình bắt đầu nhận ra tâm phân biệt của mình, mình mới có cơ hội chuyển hóa nó. Mỗi lần bớt chấp một chút, bớt giận một chút, bớt phản ứng một chút, là mỗi lần tâm mình gần với Tịnh độ hơn.

Tóm lại, chúng ta không thấy được Tịnh độ quốc của Đức Phật Thích Ca không phải vì Tịnh độ không có, mà vì tâm chúng ta còn bị vô minh, phiền não, chấp trước và phân biệt che lấp. Các pháp của Phật vẫn hiện hữu, vẫn đang vận hành trong đời sống, nhưng vì tâm chưa đủ lắng, chưa đủ sáng, chưa đủ thanh tịnh nên chúng ta không nhận ra.

Vì vậy, con đường tu không phải là đi tìm một cõi nào khác ở bên ngoài trước tiên, mà là quay về thanh lọc tâm mình. Khi tâm dần trong sáng, ta sẽ thấy rằng ngay giữa cõi Ta-bà này,

những hạt giống của Tịnh độ vốn đã có mặt.

2. PHẬT HƯƠNG TÍCH: CÔI NHẤT THIẾT DIỆU HƯƠNG, TẤT CẢ CHÚNG SANH Ở ĐÓ NHẬN BIẾT PHÁP QUA MÙI HƯƠNG. NGÀI DMC DÙNG THÂN LỰC CỦA MÌNH ĐỂ LÊN CÔI TINH ĐỘ CỦA PHẬT HƯƠNG TÍCH, VÀ MANG VỀ CÔI TA BÀ. ĐỒNG THỜI CÁC VỊ BỒ TÁT CỦA CÔI HƯƠNG TÍCH CŨNG MUỐN VỀ CÔI TA BÀ ĐỂ ĐÁNH LỄ PHẬT THÍCH CA. PHẬT HƯƠNG TÍCH KHUYẾN CÁC BỒ TÁT KHÔNG NÊN KHỞI TÂM COI CHÚNG SANH CÔI TA BÀ LÀ HẠ LIỆT (TAI SAO MỘT BỒ TÁT LẠI SUY NGHĨ NHƯ VẬY)? (CÂU HỎI THẦY HẠNH TẤN ĐẶT TRONG BÀI GIẢNG THÁNG 2/2026)

Trong kinh Duy Ma Cật, hình ảnh cõi Nhất Thiết Diệu Hương của Phật Hương Tích mở ra một cảnh giới thanh tịnh, nơi chúng sinh tiếp nhận giáo pháp qua hương thơm. Khi các vị Bồ-tát từ cõi này muốn đến cõi Ta-bà để đánh lễ Đức Phật Thích Ca, Phật Hương Tích đã nhắc nhở các vị: không nên khởi tâm coi chúng sinh cõi Ta-bà là hạ liệt.

Lời nhắc nhở ấy thoạt nghe có vẻ lạ: tại sao một vị Bồ-tát, người đang tu trên con đường giác ngộ, lại có thể khởi tâm như vậy? Nhưng nếu nhìn sâu, ta sẽ thấy đây không phải là câu chuyện của riêng các vị Bồ-tát, mà chính là tấm gương phản chiếu tâm của mỗi chúng ta.

Trong đời sống hàng ngày, ta rất dễ rơi vào những

suy nghĩ so sánh và phân biệt. Có khi ta nhìn sang đơn vị khác và nghĩ rằng họ giỏi hơn, mạnh hơn, tốt hơn; rồi quay lại thấy đơn vị mình “yếu”, “kém”, “không bằng”. Có khi ta so sánh giữa các em: em này ngoan hơn, em kia khó hơn. Thậm chí, đôi khi ta cũng khởi tâm mong muốn được ở một môi trường “tốt hơn”, “dễ hơn”, “thuận lợi hơn”. Ngược lại, cũng có lúc ta thấy mình hoặc nhóm mình tốt hơn người khác, rồi sinh tâm tự hào, hoặc vô tình xem nhẹ người khác.

Những tâm niệm ấy tương chừng rất bình thường, nhưng nếu quán chiếu kỹ, đó chính là tâm phân biệt hơn thua, cao thấp, và sâu xa hơn là tâm hạ liệt. Khi ta đặt mình lên trên người khác, ta đang hạ thấp họ. Khi ta tự ti, cho rằng mình không bằng người khác, ta cũng đang hạ thấp chính mình. Cả hai đều là biểu hiện của cái nhìn chưa trọn vẹn.

Gốc rễ của tâm này nằm ở ngã chấp và thói quen so sánh. Ta quen nhìn thế giới qua lăng kính “tôi và người”, “tốt và xấu”, “hơn và kém”. Nhưng con đường Bồ-tát mà Đức Phật dạy lại đi theo hướng ngược lại: buông bớt phân biệt, mở rộng lòng từ, và thấy được giá trị nơi tất cả chúng sinh. Một trong những bài học quan trọng ở đây là: đừng chạy theo tâm lý “cỏ bên kia đôi luôn xanh hơn”. Ta thường nghĩ rằng nơi khác tốt hơn, môi trường khác dễ hơn, người khác

giỏi hơn. Nhưng thực ra, điều quan trọng không phải là nơi mình đang ở “có hoàn hảo hay không”, mà là mình có đang sống và tu tập hết lòng trong hoàn cảnh hiện tại hay chưa.

Một đơn vị không cần phải đông mới gọi là mạnh. Một môi trường không cần phải hoàn hảo mới có giá trị. Điều làm nên “sức mạnh” thực sự là: sự có mặt trọn vẹn, sự chân thành trong phụng sự, sự kiên nhẫn trong tu học, và tình thương dành cho những người mình đang đồng hành.

Khi ta làm việc không phải để được công nhận, không phải để chứng tỏ mình giỏi, mà để mang lại lợi lạc và chuyển hóa, thì chính lúc đó ta đang bước đi đúng trên con đường Bồ-tát. Tinh thần này cũng được nhấn mạnh trong kinh Pháp Hoa: tất cả chúng sinh đều có khả năng thành Phật. Vì vậy, không có ai là “thấp kém” theo nghĩa tuyệt đối. Mỗi người chỉ đang ở một giai đoạn khác nhau trên con đường học hỏi và chuyển hóa.

Khi hiểu được điều này, ta bắt đầu thay đổi cách nhìn: thay vì phán xét, ta học cách cảm thông; thay vì so sánh, ta học cách nâng đỡ; thay vì chê trách, ta học cách khuyến khích. Ta có thể bắt đầu nhìn thấy nơi mỗi đoàn sinh một hạt giống Phật tánh, một vị Phật trong tương lai. Và chính cách nhìn đó sẽ nuôi dưỡng sự kiên nhẫn,

tình thương và trí tuệ trong cách ta hướng dẫn và đồng hành.

Cuối cùng, lời nhắc của Phật Hương Tích không chỉ dành cho các vị Bồ-tát trong kinh, mà dành cho tất cả chúng ta hôm nay: Trên con đường tu học, điều quan trọng không phải là mình đang ở đâu, mà là mình đang nhìn

người khác và nhìn chính mình bằng tâm nào. Khi ta buông được tâm phân biệt, không còn xem ai là hạ liệt, cũng không tự xem mình là kém cỏi, thì tâm ta trở nên rộng mở hơn. Và chính trong sự rộng mở đó, con đường Bồ-tát dần hiện ra, không xa xôi, mà ngay trong từng suy nghĩ, lời nói và hành động của đời sống hằng ngày.

Diễn đàn

MỤC ĐÍCH VÀ Ý NGHĨA CỦA BẢN TIN TRẠI SINH TRẠI HUẤN LUYỆN HUYNH TRƯỞNG VẠN HẠNH HẢI NGOẠI

H.TR NGUYỄN VINH NGUYỄN NGỌC MÙI

Trong bất kỳ tổ chức giáo dục nào, truyền thông nội bộ luôn giữ vai trò quan trọng. Nhưng đối với Trại Huấn Luyện Huỳnh Trưởng Cấp 3 Vạn Hạnh Hải Ngoại, bản tin không chỉ là phương tiện thông báo — mà là một diễn đàn trí tuệ, nơi hội tụ tâm nhìn, kinh nghiệm, sáng kiến và tư tưởng của những anh/chị sẽ trở thành lãnh đạo/hướng dẫn tương lai của Gia Đình Phật Tử Việt Nam

trên toàn thế giới. GDPT đã tồn tại hơn 80 năm, trải qua chiến tranh, di dân, phân tán khắp các châu lục, nhưng vẫn giữ được bản sắc nhờ tinh thần Bi – Trí – Dũng, nhờ sự truyền thừa của hàng thế hệ Huỳnh Trưởng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, bản tin của trại sinh Vạn Hạnh chính là nhịp cầu nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa các châu lục, giữa những nền văn hóa khác nhau.

BẢN TIN – VÃ VĨ SAO NỔ QUAN TRỌNG

Theo định nghĩa truyền thông học, bản tin là: “Một hình thức truyền đạt thông tin có chọn lọc, nhằm chia sẻ kiến thức, quan điểm, và định hướng cho một cộng đồng chung.”

Trong môi trường huấn luyện Vạn Hạnh, bản tin không phải là “báo cáo nội bộ”, mà là: Diễn đàn tư tưởng, kho tư liệu sáng kiến, nơi thể hiện tầm nhìn lãnh đạo, nơi phản ánh sự trưởng thành của trại sinh.

Tại sao bản tin lại quan trọng với một trại Vạn Hạnh tầm vóc quốc tế?

Vì trại Vạn Hạnh Hải Ngoại không còn là một trại huấn luyện của một quốc gia, mà là: Nơi hội tụ trại sinh từ Mỹ, Canada, Úc, Âu Châu,... Nơi mỗi người mang theo một nền văn hóa, một bối cảnh xã hội, một trình độ phát triển khác nhau. Nơi cần một tầm nhìn chung để phát triển tổ chức trong thế kỷ 21.

Do đó, bản tin phải phản ánh: Sự đa dạng văn hóa, sự khác biệt trong phương pháp giáo dục, sự tiến bộ của khoa học – công nghệ – tâm lý học, và những sáng kiến có thể áp dụng toàn cầu.

NỘI DUNG BẢN TIN – KHÔNG CHỈ LÀ TIN TỨC, MÀ LÀ TƯ TƯỞNG

Bản tin không phải là báo cáo hành chánh

Một bản tin chỉ liệt kê sinh hoạt, thời khóa, hay nội quy... thì không tạo ra giá trị học thuật.

Trại Vạn Hạnh cần bản tin: Có tư tưởng mới, có phân tích, có đề nghị cải tiến, có tầm nhìn lãnh đạo, có ứng dụng Phật pháp vào quản trị và giáo dục.

Bản tin phải trả lời câu hỏi: “Chúng ta học được gì từ nhau?”

Mỗi châu lục có: Cách sinh hoạt khác nhau, điều kiện xã hội khác nhau, mức độ phát triển công nghệ khác nhau, nhu cầu tâm lý thanh thiếu niên khác nhau.

Nhờ bản tin, chúng ta: Học hỏi mô hình mới, chia sẻ sáng kiến, tránh lặp lại sai lầm cũ, mở rộng tầm nhìn toàn cầu.

CƠ SỞ TƯ TƯỞNG – PHẬT PHÁP VÀ HỌC THUYẾT GIÁO DỤC

1. TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO

Đức Phật dạy: “Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi.” Bản tin chính là ngọn đuốc trí tuệ mà mỗi trại sinh tự thấp lên để soi sáng cho tập thể.

Tổ Sư Minh Đăng Quang dạy: “Đạo là học, học là đạo.”

Bản tin là phương tiện học đạo, là nơi trại sinh thực tập Trí tuệ trong Bi – Trí – Dũng.

2. TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI

John Dewey: “Giáo dục là sự tái cấu trúc kinh nghiệm.” → Bản tin chính là nơi trại sinh tái cấu trúc kinh nghiệm thành tri thức.

Paulo Freire: “Học là đối thoại.” → Bản tin tạo ra đối thoại giữa các châu lục.

Carl Rogers (tâm lý học): “Con người phát triển khi được lắng nghe.” → Bản tin là nơi tiếng nói của trại sinh được tôn trọng.

Durkheim (xã hội học): “Xã hội tồn tại nhờ truyền thống và đổi mới.” Do đó Bản tin giúp GDPT vừa giữ truyền thống, vừa đổi mới.

BẢN TIN – NƠI THỂ HIỆN TẦM NHÌN LÃNH ĐẠO

Một huynh trưởng cấp 3 không thể chỉ “làm theo đàn anh”. Nếu chỉ rập khuôn, tổ chức sẽ đậm chân tại chỗ. Bản tin phải thể hiện: Tư duy phản biện, khả năng phân tích, tầm nhìn phát triển, sự hiểu biết về xã hội, công nghệ, giáo dục, tâm lý thanh thiếu niên, và khả năng ứng dụng Phật pháp vào lãnh đạo.

Đó là lý do các tôn giáo lớn tồn tại hàng ngàn năm: vì họ đặt đạo đức và trí tuệ lên hàng đầu.

GDPT cũng vậy: Bi – Trí – Dũng là nền tảng để tồn tại và phát triển trong thời đại mới.

KỶ VỌNG VÀ TRÁCH NHIỆM

Tập thể áo Lam kỳ vọng bản tin của trại sinh Vạn Hạnh Hải Ngoại sẽ: Không chỉ ghi nhận sinh hoạt, mà còn mở ra tư tưởng, không chỉ phản ánh hiện tại, mà còn định hướng tương lai, không chỉ nói về nội bộ, mà còn kết nối tầm nhìn toàn cầu.

Bản tin chính là tấm gương soi trí tuệ của trại sinh, là dấu ấn trưởng thành, và là món quà trí tuệ mà mỗi trại sinh gửi lại cho tổ chức.

Và hơn hết, bản tin là lời nhắc nhở rằng: “GDPT tồn tại không phải nhờ số lượng, mà nhờ chất lượng của những người lãnh đạo/hướng dẫn biết học hỏi, biết đổi mới, và biết phụng sự.”

NGUYỄN VINH NGUYỄN NGỌC MÙI



KHAI KHÓA VẠN HẠNH 3 – HẢI NGOẠI: RIÊNG MÃY PHƯƠNG TRỜI – CHUNG MỘT TÂM NGUYỆN

đường mà trại mở ra không cho phép sự an trú trong những khái niệm đẹp đẽ nhưng vô can, mà buộc người học phải mang trí tuệ Phật học vào chính những không gian nhiều thử thách nhất – đời sống tổ chức, sinh hoạt tập thể, những bất đồng nhân sự, những giới hạn của con người và cả những mệt mỏi tích tụ theo năm tháng.

Trong tinh thần Duy Ma Cật, trí tuệ và từ bi không tách rời nhau. Trí tuệ giúp người Huynh trưởng nhìn rõ thực trạng mà không ảo tưởng, không tô hồng, không né tránh; từ bi giúp anh chị ở lại với con người, với tổ chức, với những khó khăn cụ thể mà không sinh tâm chán nản hay buông xuôi. Đó là thứ trí tuệ không lạnh lùng, và cũng là thứ từ bi không mù quáng. Chính sự kết hợp ấy làm nên phẩm chất căn bản của người Huynh trưởng Vạn Hạnh – người có thể đứng vững giữa đời mà không bị đời cuốn đi, có thể dẫn thân mà không đánh mất phương hướng nội tâm.

Bởi vậy, lộ trình tu học bắt đầu bằng Duy Ma Cật cũng đồng nghĩa với việc trại sinh được đặt trước một yêu cầu rất rõ, là học để sống, chứ không học để nói; học để đối diện, chứ không học để né tránh.

Mỗi buổi học không những là sự tiếp nhận giáo nghĩa, mà còn là một dịp soi chiếu lại chính mình trong tương quan với tổ chức và con người xung quanh. Và chính trong sự soi chiếu ấy, tinh thần Vạn Hạnh dần hình thành – không ồn ào, không phô trương, nhưng đủ sâu để nâng đỡ người Huynh trưởng đi trọn con đường phụng sự dài và nhiều thử thách đang chờ phía trước.

BẢN TIN NỘI BỘ – KỸ ỨC SỐNG CỦA MỘT KHÓA TRẠI

Một chi tiết tưởng chừng rất kỹ thuật trong Lá Thư Điều Hành số 01, nhưng lại mang chiều sâu đặc biệt, chính là chủ trương thực hiện Bản Tin nội bộ xuyên suốt toàn khóa trại, với sự luân phiên phụ trách của các Chúng. Ấn sau quyết định này vừa là nhu cầu thông tin hay lưu trữ sinh hoạt, vừa là một ý thức rất rõ ràng của Ban Quản Trại về vai trò của kỹ ức tập thể trong tiến trình huấn luyện Huynh trưởng. Trại Vạn Hạnh, vì thế, không được nhìn như một chuỗi thời khóa rời rạc, mà như một dòng chảy liên tục, cần được ghi nhận, phản tỉnh và gìn giữ bằng chính tiếng nói của những người đang đi trong đó.

Khi mỗi Chúng lần lượt đảm nhận việc thực hiện Bản Tin, trách nhiệm được mở rộng vượt khỏi phạm vi học tập cá nhân để chạm đến ý thức lịch sử. Mỗi bài viết, mỗi cảm nghĩ, mỗi tấm hình được gửi về không còn đơn thuần là tư liệu sinh hoạt, mà trở thành dấu ấn của một khoảnh khắc tập thể, nơi người Huynh trưởng vừa là người học, vừa là người chứng kiến chính sự chuyển hóa của mình và của những người đồng hành. Trong tiến trình ấy, ký ức không nằm yên trong quá khứ, mà được sống lại, được diễn giải và được trao truyền như một phần của con đường tu học.

Điều đáng trân trọng là Bản Tin nội bộ không được trao trọn cho một ban chuyên trách, mà được phân công luân phiên, như một cách nhắc nhở rằng ký ức của Trại Vạn Hạnh không thuộc về riêng ai. Đó là ký ức chung, được hình thành từ nhiều giọng nói, nhiều góc nhìn, nhiều trải nghiệm khác nhau, phản ánh trung thực sự đa dạng của một thế hệ Huynh trưởng đang cùng lúc gánh trên vai những trách nhiệm nặng nề của đời sống hải ngoại và những đòi hỏi nghiêm khắc của lý tưởng đã chọn.

Trong bối cảnh tổ chức đang đi qua những giai đoạn nhiều thử thách và đứt gãy, việc lưu giữ ký ức như thế mang ý nghĩa vượt khỏi phạm vi một khóa trại. Những trang Bản Tin hôm nay sẽ trở thành chứng tích

sống cho mai sau, để những thế hệ Huynh trưởng kế tiếp có thể nhìn lại và hiểu rằng đã từng có một lớp người, trong hoàn cảnh không dễ dàng, vẫn chọn đi vào chiều sâu, chọn ở lại với tổ chức và chọn gieo mầm cho tương lai trong thâm lặng. Chính từ những ký ức được viết ra ấy, lịch sử huấn luyện GDPTVN Hải Ngoại sẽ được ghi chép bằng mốc thời gian, cùng lúc được nuôi dưỡng bằng hơi thở sống động của con người và tâm nguyện phụng sự không phai mờ.

VẠN HẠNH – TRẠI CỦA SỰ “GIÁC HẠNH VIÊN MÃN”

Trong phần kết của Lá Thư Điều Hành số 01, khi Ban Quản Trại nhắc lại lộ trình huấn luyện từ Lộc Uyển, A Dục, Huyền Trang đến Vạn Hạnh, mạch văn không dừng ở việc ôn lại một hệ thống cấp trại quen thuộc, mà mở ra một chiều kích sâu hơn về ý nghĩa trưởng thành của người Huynh trưởng. Lộ trình ấy không phải là chuỗi thăng tiến hình thức, mà là một tiến trình giáo dục nội tâm, trong đó mỗi trại đánh dấu một tầng ý thức mới về trách nhiệm và tự giác. Và khi con đường ấy dẫn đến Vạn Hạnh, trại cao nhất của hệ thống huấn luyện, yêu cầu đặt ra không còn nằm ở khả năng tiếp nhận hay hoàn tất chương trình, mà ở việc Huynh trưởng có thể minh chứng tinh thần Giác Hạnh Viên Mãn bằng chính đời sống của mình hay không.

Giác Hạnh Viên Mãn, trong bối cảnh này, không phải là một khái niệm trừu tượng hay một đích đến lý tưởng xa vời. Đó là trạng thái mà sự giác ngộ và hành động không còn tách rời nhau, nơi điều đã học được chuyển hóa thành cách sống, cách ứng xử và cách gánh vác trách nhiệm trong đời sống tổ chức cũng như ngoài xã hội. Người Huynh trưởng Vạn Hạnh không được phép dừng lại ở chỗ “biết đúng”, mà phải đi đến chỗ “sống đúng”, dù con đường ấy đòi hỏi nhiều hy sinh, nhẫn nại và sự tinh thức liên tục trước chính mình.

Chính vì vậy, bước vào Vạn Hạnh cũng đồng nghĩa với việc Huynh trưởng tự đặt mình trước một sự phán xét nghiêm khắc hơn bất kỳ quy định nào từ bên ngoài. Không ai có thể bước ra khỏi Vạn Hạnh mà vẫn giữ nguyên cách sống hời hợt, dễ dãi hay vô trách nhiệm như trước, bởi trại không cho phép người học nấp sau danh xưng hay cấp bậc. Mỗi Huynh trưởng, sau khi đã đi qua những chặng đường huấn luyện trước đó, được mời gọi đối diện thẳng với câu hỏi căn bản nhất, những điều mình từng hướng dẫn cho đàn em, mình đã thật sự sống được bao nhiêu phần.

Trong ý nghĩa ấy, Vạn Hạnh không khép lại lộ trình huấn luyện, mà mở ra một giai đoạn mới của đời sống phụng sự. Trại không trao cho Huynh trưởng một điểm kết thúc an toàn, mà

trao cho anh chị một lời nhắc không thể rút lại, từ đây, mọi hành vi, mọi quyết định, mọi thái độ sống đều là một sự minh chứng cho tinh thần đã phát nguyện. Giác Hạnh Viên Mãn vì thế không phải là danh hiệu để mang theo, mà là một gánh nặng đạo lý được đặt lên vai người Huynh trưởng, để anh chị bước đi chậm hơn, thận trọng hơn, nhưng cũng vững vàng và chân thật hơn trên con đường dài của lý tưởng Lam đã chọn.

MỘT LỜI THÂN MẾN GỬI ĐẾN TRẠI SINH HUYNH TRƯỞNG

Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại không hứa hẹn vinh quang, cũng không mở ra những con đường ngắn để đi nhanh đến cảm giác thành tựu. Điều mà trại âm thầm đặt trước mỗi Huynh trưởng chỉ là một con đường dài, nhiều đoạn dốc, không ít khoảng lặng và đòi hỏi những hy sinh mà không phải lúc nào cũng được nhìn thấy hay ghi nhận. Chính trong sự không hứa hẹn ấy, Vạn Hạnh trở thành nơi đáng đi nhất, bởi chỉ những con đường không chiều theo sự dễ dãi mới đủ sức tôi luyện bản lĩnh và giữ cho lý tưởng không bị bào mòn theo thời gian.

Trong bối cảnh tổ chức đang cần những Huynh trưởng biết gánh vác thay vì đòi hỏi, biết giữ gìn thay vì phán xét, biết làm việc trong im lặng thay vì tìm kiếm tiếng vỗ tay, mỗi trại

sinh Vạn Hạnh hôm nay hiện diện như một lời cam kết sống động cho tương lai. Không ai bước vào trại với tư cách người hùng, nhưng mỗi người đều được mời gọi trở thành một điểm tựa – lặng lẽ, bền bỉ và đáng tin cậy – để tổ chức có thể đứng vững qua những giai đoạn nhiều biến động phía trước.

Vạn Hạnh không đặt Huynh trưởng vào trung tâm của ánh nhìn, mà đặt chúng ta vào trung tâm của trách nhiệm. Từ giây phút phát nguyện bước vào trại, từng chọn lựa nhỏ trong đời sống cá nhân và sinh hoạt tổ chức đều mang theo dư âm của lời hứa đã thốt ra trước Tam Bảo và trước tập thể. Con đường ấy không cho phép sự rút lui nhẹ nhàng, nhưng cũng trao lại cho người đi một giá trị vững bền: sự bình an khi biết mình đang sống đúng với điều đã chọn.

Nếu phải nói một cách ngắn gọn, có thể khẳng định rằng Trại Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại không những là một khóa huấn luyện, mà đó còn là một lời phát nguyện lịch sử của hàng Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam trên toàn thế giới – lời phát nguyện được viết không bằng khẩu hiệu hay tuyên bố, mà bằng chính đời sống, sự dẫn thân và trách nhiệm được gánh lấy từng ngày. Và chính từ những lời phát nguyện thâm lặng ấy, niềm tin và ý chí của tổ chức được tiếp tục nâng đỡ, để con đường phụng sự Đạo pháp, Dân tộc và Tổ chức không bị đứt đoạn giữa những đổi thay của thời đại.

Phật lịch 2569
– Hawthorne, CA
10.01.2026

NGUYỄN TỬ

Thơ KHÔNG VÀ CỎ

*Không thấy cỏ, nên lòng nhẹ bước,
Sắc tức là Không, chẳng ngại trần ai.
Giữa đời huyễn hóa, tâm không vương,
Phụng sự đàn em, nguyện chẳng phai.
Bất nhị mở ra đường vô ngại,
Thương và trí ấy vốn không hai.
Áo Lam lặng lẽ gieo hạt sáng,
Trong Không, muôn pháp vẫn đơm hoa.
Dẫn thân không chấp công hay quả,
Cười giữa đời bờ - đóa Như Lai.*

TÂM DIỆU NGHĨA NGUYỄN KIM PHƯỢNG
PHẬT LỊCH 2569 MÙA VÍA ĐỨC PHẬT XUẤT GIA
VÀ NHẬP DIỆT

NHÀ NHAU TINH TÂN

CHỨNG TỊNH NGỌC

Anh Chị Trại sinh Vạn Hạnh 3 thân mến,

Khi thực hiện Bản Tin Vạn Hạnh 3 – Số 2, Chúng Tịnh Ngọc đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, theo dõi và khích lệ từ quý Anh Chị. Điều đó không chỉ là niềm vui, mà còn nhắc nhở chúng tôi rằng một bản tin dành cho Trại Huấn Luyện Huỳnh Trường không nên chỉ dừng ở việc ghi nhận sinh hoạt, mà cần trở thành một không gian để những thao thức, kinh nghiệm và tâm nhìn của người Huỳnh trường gặp nhau trong tinh thần xây dựng.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng tự thấy rất rõ những giới hạn của Bản Tin Số 2: giới hạn về thời gian, nhân lực, kỹ thuật biên tập và khả năng quy tụ đầy đủ những góc nhìn đa chiều từ quý Anh Chị em trại sinh. Có những bài viết chưa đủ độ chín, có những ý tưởng chưa

được khai triển trọn vẹn, cũng có những thiếu sót về trình bày, nội dung hay chiều sâu học thuật. Nhưng nếu chúng tôi vẫn còn niềm tin để tiếp tục thực hiện những số kế tiếp, thì chính vì tin rằng một bản tin không thể được xây dựng bởi vài cá nhân biên tập, mà phải bằng sự cộng hưởng của cả một tập thể còn thao thức với lý tưởng giáo dục và tương lai tổ chức.

Bởi vậy, chúng tôi tha thiết mong quý Anh Chị đừng chỉ nhìn Bản Tin như một sản phẩm hoàn chỉnh để khen hay chê, mà hãy xem đây là một công trình đang cùng nhau xây dựng — một diễn đàn mở, nơi mỗi bài viết, mỗi hình ảnh, mỗi ý kiến đóng góp, dù nhỏ, đều có thể trở thành một viên gạch cho nền móng lâu dài của đời sống học tập và tư duy trong môi trường huấn luyện Huỳnh trường.

Chúng tôi rất mong những số tới sẽ tiếp tục nhận được các bài viết chia sẻ nhận thức, thao thức, kinh nghiệm huấn luyện và sinh hoạt; những ghi nhận thực tiễn từ đời sống đơn vị; những góp ý thẳng thắn, sâu sắc và xây dựng về nội dung, hình thức cũng như định hướng phát triển của Bản Tin. Và cả những ý tưởng mới, khác biệt

— miễn xuất phát từ thiện chí xây dựng và trách nhiệm đối với tương lai chung.

Chúng tôi tin rằng truyền thống Vạn Hạnh chưa bao giờ được xây dựng bằng sự im lặng đứng ngoài, mà bằng tinh thần nhập cuộc của những người còn thao thức.

Nếu Bản Tin Vạn Hạnh 3 còn điều gì đáng quý, thì điều đáng quý ấy không nằm ở kỹ thuật trình bày hay ngôn từ, mà nằm ở chỗ giữa một thời đại đầy vội vã và hời hợt, vẫn còn có những Huỳnh trường muốn ngồi lại để suy nghĩ nghiêm túc về giáo dục, về tổ chức, về Phật pháp và về tương lai tuổi trẻ Việt Nam trong lòng thế giới hôm nay.

Chúng Tịnh Ngọc xin chân thành tri ân tất cả sự quan tâm, khích lệ và cả những góp ý nghiêm khắc mà quý Anh Chị đã dành cho Bản Tin thời gian qua. Mong được tiếp tục lắng nghe, đồng hành và cùng nhau xây dựng những số Bản Tin kế tiếp bằng tất cả tâm huyết và trách nhiệm của người Huỳnh trường đối với mạng mạch giáo dục của tổ chức.

Thân kính,

CHỨNG TỊNH NGỌC



PHẦN PHỤ ĐÍNH

Trong phần tư liệu, Ban Quản Trị nói chung - Ban Biên Tập nói riêng xin được thưa rõ rằng chúng tôi đặc biệt tôn trọng nguyên bản nội dung cũng như hình thức hành chánh của từng văn bản được lưu giữ và giới thiệu. Vì vậy, mọi cách trình bày, bố cục, tiêu đề, hình thức văn thư hay lối diễn đạt nguyên thủy đều được cố gắng bảo tồn tối đa như bản gốc, không tùy tiện dàn trang hay chỉnh sửa theo cảm quan mỹ thuật riêng của người thực hiện. Bởi đối với Ban Biên Tập, mỗi văn bản không chỉ mang giá trị thông tin, mà còn phản ánh tinh thần, phong cách hành hoạt, nề nếp tổ chức và dấu ấn lịch sử của một thời kỳ nhất định. Việc giữ nguyên hình thức ấy cũng là một thái độ trân trọng đối với tư liệu, đối với tác giả và đối với chính dòng chảy lịch sử mà văn bản đang hiện diện.



BI-TRÍ-DŨNG

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT



GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TRÊN THẾ GIỚI BAN HƯỚNG DẪN GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI

Email: vanhanh3hn@gdpthaingoi.org

BAN QUẢN TRẠI VẠN HẠNH III HẢI NGOẠI

LÁ THƯ ĐIỀU HÀNH SỐ 2

Thông tin chính thức của Ban Quản Trại

Phổ biến ngày 26/01/2026

- Kính thưa quý anh chị Huynh trưởng Ban Cổ Vấn Trại
- Kính thưa quý anh chị Huynh trưởng Ban Quản Trại
- Thân thương đến với toàn TRẠI SINH VẠN HẠNH III HN.

Ngày Lễ Khai Khóa vừa qua đã kết nối và nâng cao tinh thần Trại sinh các nơi tại Hải Ngoại. Ban Quản Trại kính gửi lời cảm ơn tất cả quý anh chị đã cộng tác hết lòng cho Lễ Khai Khóa được thành công tốt đẹp. Sự thành công này phần lớn do tinh thần quyết tâm theo học của các Huynh trưởng Trại sinh. Những sơ xuất nhỏ thật không đáng kể đối với một buổi lễ có một không gian vô cùng rộng lớn và thời gian không ngày, không đêm.

Sau Lễ Khai Khóa chúng ta bước tiếp ngay. LÁ THƯ ĐIỀU HÀNH số 2 được gửi đến quý anh chị để thông báo tin tức:

1. **Nhắc lại và bổ túc các công việc cần thiết trong LTĐH số 1**
2. **Bản Tin số 1 và số 2**
3. **Học Kinh Duy Ma Cật**
4. **Điểm danh**
5. **Sổ tay tu học**
6. **Linh Tinh**

1. **NHẮC LẠI CÁC CÔNG VIỆC CẦN THIẾT TRONG LÁ THƯ ĐIỀU HÀNH SỐ 1**

Xin quý anh chị Cổ Vấn, Ban Quản Trại, Bảo Huynh tại quán hạt và Trại sinh xem lại LTĐH số 1

a. **Khối Điều Hành, Khối Huấn Luyện, Chúng và email-groups.**

- ✚ **Bổ túc danh sách Trại sinh tại Úc Châu**
 - Chúng Như Dũng nhận thêm 1 Trại sinh: Nghiêm Đăng - Nguyễn Thái Đăng Khoa
- ✚ **Bổ túc danh sách trại sinh và thành phần điều hành Chúng tại Hoa Kỳ**
 - Chúng Tâm Kiểm nhận thêm 1 Trại sinh: Diệu Hoàng - Dương Mỹ Nga
 - Bổ túc thành phần điều hành chúng (thiếu trong LTĐH số 1)
 - Chúng Huệ Tâm:
 - Chúng trưởng: Bửu Minh - Đinh Công Trường Nguyễn
 - Chúng phó: Trí Nhân - Mai Thanh Hùng
 - Thư ký: Nguyễn Quế - Trần Ái Hoa
 - Chúng Tịnh Ngọc:

- Chúng trưởng: Nguyễn Nhơn - Ngô Thị Thu
- Chúng phó: Thiện Phước - Nguyễn Trọng Thảo
- Thư ký: Quảng Pháp - Trần Minh Triết
- o Chúng Tâm Vinh
 - Chúng trưởng: Tâm Diệu Nghĩa - Nguyễn Kim Phương
 - Chúng phó: Diệu Tường - Ngô Thị Thanh Vân
 - Thư ký: Đức Phổ - Lâm Quốc Trung Nam

b. Nickname Ban Quản Trại, Trại sinh và Cố Vấn VH3HN, Bảo Huynh: Xin tất cả quý anh chị lưu ý thực hiện.

- Trong BQT nếu gặp khó khăn xin liên hệ với thư ký trại.
- Trại sinh nếu gặp khó khăn cần thông báo trong Chúng để giúp đỡ nhau. Các Huynh trưởng trong KĐH tại quán hạt đi sát và hỗ trợ thực hiện.

c. Nội lệ lớp học: Xin tất cả các anh chị đọc lại trong LTĐH 01, để trong những giờ học được trang nghiêm.

Nội lệ được ứng dụng suốt thời gian học. Nếu có thay đổi sẽ được thông báo chính thức trong LTĐH. Các anh chị lo kỹ thuật hoặc điều hành các buổi học xin đọc kỹ để thực hiện.

2. BẢN TIN SỐ 1 và SỐ 2: Trong LTĐH số 1 BQT đã phân chia phần thực hiện Bản Tin.

Bản Tin số 1: Sẽ do Ban Quản Trại đảm nhiệm. Bản Tin này sẽ ghi lại hình ảnh ngày Lễ Khai Khóa, Biên Bản và những sinh hoạt trong thời gian trước ngày khai khóa.

- Các nơi tổ chức Lễ Khai Khóa và các nơi Trại sinh tham dự Lễ Khai Khóa cá nhân đều gửi hình về các Huynh trưởng Điều Hành tại quán hạt trễ nhất là 10/02/2026. KĐH sẽ gom lại và chuyển cho Ban Thư Kỳ Trại hoặc Huynh trưởng phụ trách thực hiện Bản Tin.
- Xin nhắc các Chúng gửi bài giới thiệu về Huynh trưởng tên Chúng mà đã trình bày tại ngày sinh hoạt đầu tiên toàn trại. Tới hôm nay KĐH chỉ nhận được bài giới thiệu:
 - o Huynh trưởng Chí Pháp và Huynh trưởng Tâm Ngọc từ Điều Hành Âu Châu.
 - o Huynh trưởng Tâm Lạc, Huynh trưởng Nguyên Mẫn và Huynh trưởng Như Dũng từ Điều Hành Úc Châu
- Ngoài những bài trên quý anh chị có thể viết những cảm nghĩ khi nhập học v.v..
- Bản Tin Số 1 sẽ ra mắt trước cuối tháng 3/26

Bản Tin số 2: Sẽ do Chúng Tịnh Ngọc tại Hoa Kỳ đảm nhiệm. Nội dung bản tin sẽ ghi lại tất cả các sinh hoạt học tập sau Lễ Khai Khóa và thời gian học Kinh Duy Ma Cát. Bản tin số 2 sẽ phổ biến trước cuối tháng 4/26.

3. HOC KINH DUY MA CÁT

Thời gian học Kinh Duy Ma Cát gồm 3 tháng. Vì là bộ kinh đầu tiên nên có sự bắt đầu chậm rãi để trại sinh làm quen.

- Ngày học đầu tiên trại sinh sẽ nghe Giảng Sư giảng dạy, không có phần nghi vấn. Các trại sinh nghe giảng, ghi lại những câu hỏi của mình, sau đó có thể trao đổi, học hỏi trong Chúng với Bảo huynh hoặc cùng quý anh chị trong Ban Quản Trại tại quán hạt, nếu câu hỏi vẫn

còn, Chúng trưởng gọi về Huynh trưởng Trưởng khối Huấn luyện để trình giảng sư, trễ nhất là cuối tháng 3/26.

Tháng 2/26: Giảng sư giảng cho Kinh Duy Ma Cật hiện sống và hành đạo tại Âu Châu. Để thuận tiện cho việc điều hành, KĐH xin chia việc như sau:

- Tiểu ban Điều Hành tại Âu Châu điều động buổi học tháng 2/26.
- Chúng Chí Pháp viết Biên Bản giờ học tháng 2/26
- Chúng Tâm Ngọc phụ trách giờ sinh hoạt chung tạo tinh thần hài hòa, thoải mái.

Los Angeles	Toronto	Âu Châu	Sydney	Chương trình học KINH DUY MA CẬT lần 1 Giảng Sư: TT Thích Hạnh Tấn Phòng học: meet.google.com/nrv-xdzc-sjb		
Thứ bảy, ngày 07.02.2026			08.02.2026	Phòng họp mở - Thử âm thanh	Văn phòng Trại	
11:30	14:30	20:30	06:30	Ban Quản Trại & Trại sinh văn tập & Thử mic		
11:45	14:45	20:45	06:45	Điểm danh Chúng & Ổn định đạo tràng	KĐH Âu Châu	
12:00	15:00	21:00	07:00	Cung thỉnh Giảng Sư Niệm Phật Giới thiệu Giảng Sư	HTr. Tâm Bạch	Đúng giờ
				KINH DUY MA CẬT	Giảng Sư	
13:50	16:50	22:50	08:50	Tạ Pháp Hồi hướng	HTr. Nguyễn Từ Giảng Sư	
14:00	17:00	23:00	09:00	Sinh hoạt chung	Chúng Tâm Ngọc	15 min
14:15	17:15	23:15	09:15	Dặn Dò	Trại trưởng /KĐH / KGH	
14:30	17:30	23:30	09:30	Giấy thân ái / Kết thân/ Đóng phòng		

Tháng 3/26: Các Chúng tự học. Các Huynh trưởng Khối Điều Hành tại quản hạt nhận biên bản và câu hỏi, sau đó chuyển các câu hỏi liên hệ về Kinh Duy Ma Cật đến Huynh trưởng Trưởng Khối Huấn Luyện.

Tháng 4/26:

- Tiểu ban Điều Hành tại Canada điều động buổi học tháng 4/26
- Chúng Phổ Hòa viết Biên Bản giờ học tháng 4/26
- Chúng Chí Pháp phụ trách giờ sinh hoạt chung tạo tinh thần hài hòa thỏa mái.

Los Angeles	Toronto	Âu Châu	Sydney	Chương trình học KINH DUY MA CẬT lần 2 Giảng Sư: TT Thích Hạnh Tấn Phòng học: meet.google.com/nrv-xdzc-sjb		
Thứ bảy, ngày 11.04.2026			12.04.2026	Phòng họp mở - Thử âm thanh	Văn phòng Trại	
11:30	14:30	20:30	06:30	Ban Quản Trại & Trại sinh văn tập & Thử mic		
11:45	14:45	20:45	06:45	Điểm danh Chúng & Ổn định đạo tràng	KĐH Canada	
12:00	15:00	21:00	07:00	Cung thỉnh Giảng Sư Niệm Phật		Đúng giờ
				KINH DUY MA CẬT	Giảng Sư	
12:45	15:45	21:45	07:45	Vấn pháp	Giảng Sư	
13:50	16:50	22:50	08:50	Tạ Pháp Hồi hướng	HTr. Quảng Giải Giảng Sư	
14:00	17:00	23:00	09:00	Sinh hoạt chung	Chúng Chí Pháp	15 min
14:15	17:15	23:15	09:15	Dặn Dò	Trại trưởng /KĐH / KGH	
14:30	17:30	23:30	09:30	Giấy thân ái / Kết thân/ Đóng phòng		

4. **ĐIỂM DANH:**

Trong ngày sinh hoạt chung KĐH có hướng dẫn cách thức điểm danh để tất cả đều thấy được nhau. Tuy nhiên, trong những ngày qua chúng tôi nhận được vài góp ý: để nhanh, gọn và linh động hơn là nên để cho các Chúng tự báo cáo.

Do đó chúng tôi xin ghi lại cách thức điểm danh như sau. Xin các Chúng lưu ý:

- Sau 15 phút đầu dành cho thử máy. Tất cả tắt máy (off video) và KĐH sẽ mời từng Chúng SHARE SCREEN bảng điểm danh của Chúng. Xin các Chúng theo thứ tự trong LTĐH 1 đã ghi, chuẩn bị trước để share screen ngay khi được mời.
- Mời 2 lần Chúng nào không share screen thì bỏ qua. Huynh trưởng điều hành mời Chúng khác share screen.
- Huynh trưởng ĐH/Admin sẽ đối chiếu trong list của phòng học theo Mẫu Tự của Nick Name và yêu cầu Chúng trưởng xác nhận.
Trang điểm danh mẫu: 8.5” x 11” (Giấy ngang). Chữ font size 36 đủ lớn sẽ rõ ràng khi shareScreen)

BẢNG ĐIỂM DANH CHÚNG:

.....

1. **Tổng Số:**.....
2. **Có mặt:**.....
3. **Vắng mặt có lý do:**.....
4. **Vắng mặt không lý do:**.....

Ghi Chú:.....

- Xin các Chúng sau khi share screen xong là copy & paste chi tiết điểm danh trên bảng Chat.
- Sau khi báo cáo STOP SHARE SCREEN

5. **SỔ TAY TU HỌC:**

Khối Huấn Luyện thực hiện mẫu Sổ Tay Tu Học. KĐH sẽ gửi đến các anh chị khi nhận được.

Sổ tay tu học cần ghi tóm lược:

- Tên Bộ Kinh hay đề tài đang học
- Ghi chú chi tiết về các buổi giảng của Giảng Sư
- Ghi chú chi tiết các buổi hội luận của Chúng và Liên Chúng
- Ghi chú những tìm tòi, khảo cứu thêm
- Sự thu nhận, cảm nghĩ, chiêm nghiệm, sự chuyển hóa & ứng dụng sau khi học Kinh hay các đề tài khác.

6. LINH TINH:

Trại Vạn Hạnh 3 HN có 105 Huynh trưởng Trại sinh chính thức kể từ ngày khai khóa.

- Canada: 11
 - Chúng Phổ Hòa: 11
 - Âu Châu: 17
 - Chúng Chí Pháp: 8
 - Chúng Tâm Ngọc: 9
 - Úc Châu: 26
 - Chúng Tâm Lạc 9
 - Chúng Nguyên Mẫn 8
 - Chúng Như Dũng 9
 - Hoa Kỳ: 51
 - Chúng Huệ Tâm 10
 - Chúng Tịnh Ngọc 11
 - Chúng Tâm Huệ 10
 - Chúng Tâm Kiềm 10
 - Chúng Tâm Vinh 10
- Huynh trưởng Trại sinh Quảng Pháp trong buổi sinh hoạt chung đã tình nguyện làm backdrop. Mong Huynh trưởng thực hiện cho 5 Chúng tại Hoa Kỳ trước ngày học. Backdrop cho liên chúng Hoa Kỳ nên cùng một mẫu nhưng mỗi chúng có một màu nền khác nhau.
- Xin nhắc: các Chúng Phổ Hòa, Huệ Tâm, Tịnh Ngọc, Tâm Huệ, Tâm Kiềm, Tâm Vinh góp bài giới thiệu Huynh trưởng tên Chúng để đưa vào Bản Tin số 1

Kính Chào Tinh Tấn
TM. Ban Quản Trại
Phó Trại Trưởng Điều Hành

TÂM BẠCH Trần Huyền Đan

TRẠI VẠN HẠNH 3 HẢI NGOẠI

LÁ THƯ TU HỌC SỐ 01

Thân gửi Anh Chị Trại sinh.

Lời đầu tiên, Khối Huấn Luyện xin gửi lời chào tinh tấn và niềm hoan hỷ đến toàn thể Anh Chị. Việc chúng ta cùng hiện diện dưới mái gia đình Vạn Hạnh không chỉ là sự tiếp nối lộ trình tu học, mà còn là một Thiên duyên kỳ diệu. Nơi đây là cơ hội để chúng ta cùng ngồi lại, đào sâu giáo lý Đại Thừa, rèn luyện bản thân để trở thành những người hướng dẫn cốt cán, gánh vác sứ mệnh của Tổ chức trong tương lai.

Trại đã bắt đầu và các anh chị đã trải qua một kỳ tu học, qua đó Anh Chị đã cùng nhau thâm nhập vào thế giới của **Duy Ma Cật Sở Thuyết**. Đây không chỉ là một bộ kinh đại thừa sâu sắc, mà trong đó còn chứa đựng những kim chỉ nam cho mẫu hình người cư sĩ, Huynh trưởng hiện đại. Khối Huấn Luyện hy vọng rằng các anh chị có thể rút ra được những cương yếu thiết thực cho chính bản thân.

1. Cương yếu Kinh Duy Ma Cật và Cốt cách Hướng dẫn

Hình ảnh Trưởng giả Duy Ma Cật chính là biểu tượng của một người cư sĩ hướng dẫn hội tụ đủ ba đức tính Bi - Trí - Dũng. Là Huynh trưởng trại sinh Vạn Hạnh học kinh là tự soi rọi lại bản thân và năng lực hướng dẫn của mình.

HÀNH TRANG DUY MA CẬT & CHÂN DUNG NGƯỜI HUYNH TRƯỞNG TRẠI SINH VẠN HẠNH

1. Tinh thần "Bất Nhị": Vượt thoát nhị nguyên để bao dung

- Trong công tác điều hành, khi đối diện với những luồng ý kiến trái chiều hoặc xung đột nhân sự, Anh, Chị thường rơi vào thế "chọn bên" (Đúng – Sai, Ta – Người) hay có thể đứng trên tất cả để nhìn nhận một Chính thể không tách rời?
- Làm thế nào để tâm thái người Huynh trưởng không bị lay chuyển trước những cơn gió "Khen – chê" của dư luận, nhằm giữ vững sự bao dung và cái nhìn khách quan cho tổ chức?

2. Cương yếu "Tâm Tịnh Tắc Phật Độ Tịnh": Gốc rễ của tổ chức

- Kinh dạy: "*Muốn tịnh cõi Phật, hãy tịnh tâm mình*". Anh, Chị suy nghĩ gì về mối liên hệ giữa Nội tâm người hướng dẫn và Sự hưng thịnh của đơn vị?
- Nếu thế giới quanh ta là hình chiếu của tâm ta, thì khi đơn vị xảy ra xáo trộn hoặc trì trệ, Anh, Chị sẽ chọn giải quyết các hiện tượng bên ngoài hay quay về tu tập, chính đốn nội tâm mình trước tiên?

3. Tinh thần "Nhập Thế": Huynh trưởng là dẫn thân để phụng sự

- Hình ảnh cư sĩ Duy Ma Cật hiện thân giữa "chợ đời" nhắc nhở gì về vị thế của người Huynh trưởng Trại sinh Vạn Hạnh hôm nay và người hướng dẫn Tổ chức mai sau? Anh, Chị đang giữ vai trò Hướng dẫn như một vị thế hay như một Hạnh nguyện dẫn thân vào những hệ lụy của đời thường để xoay chuyển nghịch cảnh?

- Làm sao để lý tưởng tu học của một Trại sinh Vạn Hạnh không trở nên "tách rời thực tại", mà phải được tôi luyện ngay trong chính những biến động và khó khăn nhất của sinh hoạt GDPT?

Để giải đáp những gợi ý trên, các Anh Chị không cần tìm câu trả lời có sẵn trong kinh sách. Hãy dùng chính trải nghiệm của một người Huynh trưởng đang gánh vác Phật sự để trả lời. Đó chính là lúc Anh Chị đang thực hiện phép màu "Duy Ma Cật" vào chính cuộc đời mình.

2. Thực hiện Sổ Tay Tu Học (STTH)

Để việc tu học không dừng lại ở lý thuyết mà trở thành thực hành trong đời sống, Khối Huấn Luyện yêu cầu Anh Chị thực hiện STTH với tinh thần là một cuốn Nhật ký Hành giá.

STTH là nơi ghi chép sinh hoạt, những nghiên cứu độc lập, những sáng tạo cá nhân, và đặc biệt là những cảm nhận thiết thực hằng ngày khi áp dụng giáo lý vào việc sinh hoạt của Tổ chức hay điều hành đơn vị.

- **Về hình thức:** Các anh chị nộp bài dưới hai định dạng: file **WORD** (để Khối Huấn luyện tiện góp ý) và file **PDF** (để đối chiếu nguyên bản).
- **Về nội dung:** Thực hiện theo phương châm **Văn – Tư – Tu**. Các anh chị cần viết tóm tắt nội dung đã học, đưa ra các tư duy cá nhân và đặc biệt là cách áp dụng những giáo lý đó vào đời sống cũng như sinh hoạt Tổ chức.

Lưu ý: Nếu Anh Chị gặp bất cứ trở ngại nào về kỹ thuật, hãy liên lạc với Khối Huấn Luyện để được hỗ trợ cụ thể.

Anh Chị Trại sinh thân mến,

Sổ tay tu học chính là viên gạch góp phần xây dựng nên chân dung người Huynh trưởng Trại sinh Vạn Hạnh. Khối Huấn Luyện mong đợi được nhìn thấy qua những trang giấy ấy không chỉ là kiến thức, học thức, nghiên cứu, mà là tâm huyết và hoài bão của những nhà hướng dẫn tổ chức GDPT tương lai.

Cuối cùng, Khối Huấn Luyện đề nghị về mức thang điểm thành quả của Trại như sau: Lộ trình thẩm định sẽ trải qua **3 giai đoạn** với tỷ lệ điểm: 30% (Hàm thụ) – 40% (Thụ huấn tại đất trại) – 30% (Luận văn mãn khóa). Trong mỗi giai đoạn Anh Chị cần đạt đủ điều kiện để được tham dự giai đoạn tiếp theo. Số điểm cần có để bước tiếp các giai đoạn cũng như đến đích trại Vạn Hạnh từ 60% trở lên.

Chúc các Anh Chị luôn giữ vững ngọn lửa Vạn Hạnh trong tim.

Nguyện cầu mười phương Chư Phật gia hộ cho các anh chị thân tâm thường lạc để hoàn thành viên mãn Trại Huấn luyện Huynh trưởng cấp III Vạn Hạnh của Tổ chức GDPTVN.

Kính chào Tinh tấn.

KHỐI HUẤN LUYỆN



BI-TRÍ-DŨNG

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
— ❁ ❁ —
GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TRÊN THẾ GIỚI
BAN HƯỚNG DẪN GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI

KINH DUY MA CẬT
(Phần I)
TRẠI VẠN HẠNH 3 HẢI NGOẠI
BIÊN BẢN TU HỌC SỐ 01

Biên Bản: BB01_VH3HN_DMC1_07.02.2026
Thời gian: Thứ Bảy 07.02.2026 từ 21g00 đến 23g30 Âu Châu
Địa điểm: Phòng học: meet.google.com/nrv-xdzc-sjb
Giảng Sư : Thượng Tọa Thích Hạnh Tấn
Điều Hành: Tiểu Ban Điều Hành tại Âu Châu
Thu Âm: Ban Quản Trại VH3HN
Thư Ký: Chúng Chí Pháp
Sinh Hoạt: Chúng Tâm Ngọc

Tiểu Ban Điều Hành Âu Châu, Htr. Thiện Mỹ thông qua chương trình buổi học như sau:

1. Thử âm thanh & mic
2. Điểm danh Chúng & ổn định đạo tràng
3. Niệm Phật cầu gia bị
4. Giới thiệu Giảng Sư
5. Thuyết Giảng Kinh Duy Ma Cật
6. Tạ Pháp
7. Hồi hướng
8. Sinh hoạt chung
9. Thông tin/ dặn dò
10. Dậy thân ái

I. ĐIỂM DANH/ BÁO CÁO

	Hiện Diện	Vắng mặt có lý do	Tổng Số
Giảng Sư	Thượng Tọa Thích Hạnh Tấn		
Ban Cố Vấn	Htr. Minh Chơn		
Ban Quản Trại	Htr. Quảng Giải, Htr. Tâm Bạch, Htr. Nguyễn Từ, Htr. Thiện Quý, Htr. Chiêu Lực, Htr. Thiện Mỹ, Htr. Diệu Nghiêm, Htr. Thiện Phú, Htr. Thị Trục, Htr. Vạn Thắng, Htr. Huệ Trí, Htr. Nguyễn Đề, Htr. Quảng Long, Htr. Tâm Thọ, Htr. Nguyễn Vinh.		
Quý anh chị Htr. hiện diện trong thánh phòng nhưng không có ghi Pháp Danh.	Huu Dao (Quang Ngộ), Thao Duong, Thi Lê, Nguyễn Thanh Hùng, TAM, Hoàng Lê, Đỗ Huỳnh, Cát Lê, Sen Trắng Channel.		

Trại Sinh	Hiện Diện	Vắng mặt	Tổng Số
Canada			
Chúng Phổ Hòa	Htr. Diệu Thanh, Htr. Diệu Trang, Htr. Nguyễn Tịnh, Nguyễn Ứng, Htr. Nguyễn Anh, Htr. Quảng Chương, Htr. Quảng Minh, Htr. Nguyễn Thiện, Htr. Quảng Tiến, Htr. Tuệ Quang.	Vắng mặt có lý do: Htr. Thiện Tài	10/11
Âu Châu			
Chúng Chí Pháp	Htr. Diệu Hiền, Htr. Hoàng Tùng, Htr. Nguyễn Hằng, Htr. Nguyễn Trí, Htr. Thiện Liên, Htr. Viên Lợi, Htr. Từ Lạc, Htr. Quảng Thuận.		8/8
Chúng Tâm Ngọc	Htr. Tâm Tịnh, Htr. Huệ Sơn, Htr. Hồng Hạnh, Htr. Từ Phát, Htr. Nguyễn Trang, Htr. Thiện Tâm, Htr. Diệu Hạnh, Htr. Diệu Bạch, Htr. Nguyễn Đức.		9/9
Úc Châu			
Chúng Tâm Lạc	Htr. Chúc Nhiệm, Htr. Diệu Hòa, Htr. Thiện Niệm, Htr. Diệu Hoa, Htr. Tâm Viên, Htr. Nguyễn Thơ, Htr. Vạn Duyên, Htr. Vạn Bách, Htr. Thiện Từ.		9/9
Chúng Nguyên Mẫn	Htr. Thiện Phương, Htr. Nguyễn Bảo, Htr. Vạn Thiện, Htr. Chúc Nguyên, Htr. Tâm Thanh, Htr. Thiện Hoa.	Vắng mặt có lý do: Htr. Giải Thoát, Htr. Phước Thái vào trễ.	6/8
Chúng Như Dũng	Htr. Nguyễn Mai, Htr. Quảng Diệu Huệ, Htr. Tâm Hoa, Htr. Tâm Như, Htr. Viên Đức, Htr. Vạn Niệm Htr. Vạn Nhiên.	Vắng mặt không lý do: Htr. Nghiêm Đăng, Htr. Thiện Thuận.	7/9
Hoa Kỳ			
Chúng Tâm Huệ	Htr. Quảng Thọ, Htr. Nguyễn Chiêu, Htr. Nguyễn Hạnh, Htr. Diệu Đào, Htr. Quảng Đăng, Htr. Tâm Tịnh Lạc, Htr. Nguyễn Tâm, Htr. Quảng Tín, Htr. Nguyễn Liên, Htr. Quảng Mỹ.		10/10
Chúng Tâm Vinh	Htr. Nguyễn Viên, Htr. Diệu Lan, Htr. Đức Phó, Htr. Minh Khai, Htr. Diệu Tường, Htr. Thiện Tâm, Htr. Trí Quang, Htr. Tâm Diệu Nghĩa, Htr. Quảng Tịnh, Htr. Như Thịnh.		10/10
Chúng Tịnh Ngọc	Htr. Diệu Hồng Ngân, Htr. Nguyệt Kim Tường, Htr. Nguyễn Bảo, Htr. Nguyễn Diệu, Htr. Quảng Pháp, Htr. Quảng Ý, Htr. Thanh Quang, Htr. Thiện Phước, Htr. Diệu Hồng Nữ.	Vắng mặt có lý do: Htr. Nguyễn Nhơn, Htr. Quảng Trang.	9/11
Chúng Huệ Tâm	Htr. Trung Thành, Htr. Nguyễn Quế, Htr. Nguyễn Anh, Htr. Quảng Thành, Htr. Thiện Ngôn, Htr. Trí Nhân, Htr. Quảng Thiện, Htr. Bửu Minh, Htr. Nguyễn Châu.		9/9
Chúng Tâm Kiểm	Htr. Khai Tâm, Htr. Nguyễn Liễu, Htr. Nguyễn Minh, Htr. Nguyễn Phú, Htr. Diệu Hoàng, Htr. Quang Minh, Htr. Quảng Tịnh, Htr. Tâm Tường, Htr. Quảng Đài, Htr. Phương Hiếu, Htr. Diệu Hoàng.		9/9
Tổng Số Trại Sinh: 96/103			

II. GIỚI THIỆU GIẢNG SƯ

Trước khi buổi học được bắt đầu, Trại Phó Điều Hành, Htr. Tâm Bạch có lời giới thiệu Giảng Sư đến với lớp học. Trước hết chị đã thay mặt toàn Trại thành kính tri ân Thượng Tọa Giảng Sư đã đến với Trại VH3HN.

Thượng Tọa Giảng Sư rất quen thuộc đối với GDPTVN tại Âu Châu, và khá quen thuộc với Hải Ngoại. Thầy đã ban Pháp cho lớp học bậc Lực cũng như Trại Phú Lâu Na của Hải Ngoại. Vừa qua Thầy đã đến chứng minh và chung vui với Đại Hội Huynh Trưởng GDPTVN Hải Ngoại tại Thái Lan.

Thượng Tọa Thích Hạnh Tấn xuất gia vào năm 1987 và thọ giới Sa Di năm 1988. Năm 1993 Thầy thọ giới Tỳ Kheo và được tấn phong lên Thượng Tọa vào năm 2013.

Thượng Tọa là đệ tử truyền thừa đời thứ 42 Thiền Phái Lâm Tế Chúc Thánh, đã được Hòa Thượng Bồn Sư Thích Như Điền tấn phong chức trụ trì Tổ Đình Chùa Viên Giác nhiệm kỳ 2003 – 2008.

Hiện nay Thượng Tọa đang cư ngụ tại Đức Quốc, trụ trì tu viện Vô Lượng Thọ. Thượng Tọa hiện đang đảm nhận chức vụ Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu.

Về phương diện GDPT Thượng Tọa là Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên GDPT Đức Quốc.

Đặc biệt Thượng Tọa rất quan tâm đến Thanh Thiếu Niên, luôn luôn tìm mọi phương pháp, điều kiện để Thanh Thiếu Niên Việt Nam tại xứ người đến với Phật Pháp. Thượng Tọa tổ chức trại Thanh Thiếu Niên Phật Giáo hằng năm tại Đức Quốc. Hiện nay tại Hải Ngoại việc xuất gia hiếm hoi, nhưng Thượng Tọa có gần đến 20 vị đệ tử xuất gia.

III. KINH DUY MA CẬT

Sau khi Thượng Tọa hướng dẫn lớp học niệm Phật cầu gia bị cho buổi học được thành tựu viên mãn, Thượng Tọa đã hướng dẫn lớp học nhiếp tâm hướng về Tam Bảo với lòng thành kính và sâu thẳm từ trong tâm, nghĩ đến tất cả chúng sanh, những người mẹ của chúng ta trong vô lượng kiếp hiện đang chịu khổ trong lục đạo luân hồi để chúng ta phát nguyện có đầy đủ khả năng, trí tuệ và phương tiện để đưa tất cả những hữu tình này ra khỏi khổ đau. Chúng ta cần phải thành tựu quả vị Bồ Đề, quả vị Phật. Đó chính là mục đích của chúng ta thực hiện lớp học ngày hôm nay.

Kinh Duy Ma Cật

Kinh Duy Ma Cật là một bản kinh lớn và rất quan trọng, trong đó Đức Phật chỉ dạy cốt lõi tinh thần về tri kiến với sức mạnh thâm sâu. Trong nhiều kinh khác như Hoa Nghiêm hoặc Đại Bát Niết Bàn, những bản kinh được gọi là rất ráo của giáo lý Đại Thừa Đức Phật chẳng những đưa cái kiến giải của Đại Thừa mà còn chỉ bày rất rõ những phương pháp hành trì khác nhau.

Trong kinh Duy Ma Cật Đức Phật chủ yếu dạy cho chúng ta những cái kiến chúng ta cần phải có để hành trì. Cuộc hành trì trong kinh này nhằm vào các pháp Đức Phật đã dạy như trong những bản kinh khác, có thể đó là lý do ngài không lặp lại ở đây một cách cụ thể mà chỉ trình bày từng cái kiến, cũng như phá đi những kiến chấp sai lầm mà chúng ta có. Kinh Duy Ma Cật là một bản kinh khác hơn những bản kinh chúng ta quen thuộc trong hệ Đại Thừa mà chúng ta đã nghe và đã học, cũng như đã trì tụng.

Ngài Duy Ma Cật đưa ra những nhận định của mình về pháp mà được Đức Phật ứng chứng đó là một điều đúng đắn, tương tựa như trong một số kinh bên hệ Nikaya trì tụng. Ngài Xá Lợi Phất hoặc những vị đại đệ tử khác của Đức Phật đại diện cho Đức Phật giảng thuyết và sau đó được ngài ứng chứng. Kinh Duy Ma Cật cũng tương tựa như vậy. Kinh Duy Ma Cật có cấu trúc đơn giản vì dung lượng ngắn, gồm 14 phẩm theo bản sắp xếp của Trung Quốc, do các vị dịch giả Trung Hoa biên tập lại khi dịch sang Hán văn. Bản Phạn gốc có cấu trúc khác nhưng nay không còn lưu hành, nên mọi giả định về nguyên bản cần được nhìn nhận thận trọng. Trong phần trình bày này, Thượng Tọa Giảng Sư sử dụng bản dịch của Hòa Thượng Huệ Hưng.

TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA 14 PHẨM

1. Phẩm Phật Quốc

Phẩm Phật Quốc giữ vai trò nền tảng trong kinh Duy Ma Cật. Tương tựa phẩm mở đầu của nhiều kinh Đại Thừa khác, nếu nắm vững ý chính Đức Phật trình bày ở phẩm đầu thì các phẩm sau chỉ là sự lặp lại và triển khai mở rộng nhằm làm sáng tỏ thêm nội dung cốt lõi.

Trong phẩm Phật Quốc, Đức Phật giải thích vì sao chúng sanh không thấy được Tịnh Độ, đồng thời làm rõ bản chất của Phật pháp. Kinh được thuyết tại vườn xoài Am La (Amrapali) của bà Amrapali (đây cũng là vừa tên vườn và tên của một kỹ nữ rất là nổi tiếng thời của Đức Phật).

Vườn xoài thuộc thành Tỳ Xá Ly (Vaisali) trực thuộc Ma Kiệt Đà, một thành có sắc tộc người dân được gọi là đẹp nhất Ấn Độ lúc bấy giờ.

Khi những vị đệ tử của Thế Tôn nghe Thế Tôn diễn tả về người ở cõi Trời thì họ không hình dung được. Đức Phật mới nói: Hãy nhìn kia, những người con trai và con gái của dòng tộc Licchavi thế nào thì cõi trời cũng tương tự như vậy. Qua đó cho chúng ta thấy được người Licchavi là một dòng tộc rất đẹp. Bà Amrapali, một kỹ nữ nổi tiếng đồng thời cũng là mẹ của bác sĩ Kỳ Bà, con riêng của vua Tần Bà Sa La là bác sĩ riêng của Đức Phật.

Phẩm này nhằm phá trừ kiến chấp và quan niệm sai lầm về hiện thực, chỉ ra rằng những gì chúng ta cho là thật theo cái nhìn phạm tục đều không phù hợp với chân lý Phật pháp.

2. Phẩm Phương Tiện

Lúc bấy giờ Đức Phật giới thiệu cho chúng ta một nhân vật, một vị cư sĩ tên là Duy Ma Cật. Vị cư sĩ này đang bệnh nên tất cả những người quan trọng ở thành Tỳ Xá Ly (tiếng Việt dịch: Quảng Nghiêm) đã đến thăm ông và qua đó ông đã trình bày cho họ những cái kiến giải đúng đắn như thế nào về Tam Bảo cũng như về những hiện tượng chúng ta quen thấy tiếp cận trong đời sống hằng ngày.

3. Phẩm Đệ Tử

Đức Phật khuyên các vị Đệ Tử Thanh Văn của mình, tiêu biểu qua 10 vị Đại Đệ Tử đến thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cật, nhưng những vị này đều từ chối với sự trình bày gặp gỡ của mình trước đó với Duy Ma Cật và ngài Duy Ma Cật đã phá đi những cái kiến chấp của các ngài như thế nào. Cho nên các ngài nghĩ rằng chuyện đi thăm ngài Duy Ma Cật cần phải có người bản lãnh hơn các ngài, nên các ngài từ chối đi thăm.

Ngài Xá Lợi Phất (Trí Tuệ đệ nhất):

Cuộc gặp gỡ của ngài Xá Lợi Phất và ngài Duy Ma Cật, trong đó ngài Duy Ma Cật phá đi cái tướng tĩnh tọa nơi ngài Xá Lợi Phất.

Ngài Mục Kiền Liên (Thần Thông đệ nhất):

Ngài Duy Ma Cật đã phá đi những điều ngài Mục Kiền Liên nhận biết về sự thuyết pháp cho hàng Bạch Y cũng như cái tướng của pháp như thế nào?

Ngài Ma Ha Ca Diếp (Đầu Đà đệ nhất):

Ngài đã nhận được những lời về sự phá tướng cho việc thọ thực và việc phân biệt khát thực, vì ngài Ma Ha Ca Diếp có cảm tình rất đặc biệt đối với những người nghèo, ngài chỉ đi khát thực nơi những nhà nghèo. Ngài cho rằng những người nghèo là những người thiếu phước, do đó cần phải có cơ hội ban cho họ những phước báu này.

Ngài Tu Bồ Đề (Giải Không đệ nhất):

Ngài Duy Ma Cật đã phá cái kiến giải của ngài Tu Bồ Đề là thiên vị cho người giàu và chỉ đi khát thực những nơi người giàu. Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, những người giàu họ không có tâm làm các việc thiện. Do cái giàu của cái dẫn dắt họ đi trên con đường sai lầm, vì vậy ngài đặc biệt đi đến nhà giàu khát thực để họ có điều kiện tạo công đức. Điều giải thích của ngài Duy Ma Cật ở đây là ngài giải thích về cái bản chất huyền của các pháp như thế nào.

Ngài Phú Lâu Na (Thuyết pháp đệ nhất):

Ngài Duy Ma Cật phá đi cái tướng thuyết pháp cho hàng xuất gia bằng pháp Tiểu Thừa, vì ngài đã bắt gặp ngài Phú Lâu Na đang giảng dạy cho các vị mới xuất gia pháp xuất ly thế tục theo tư tưởng của hệ Thanh Văn.

Ngài Ca Chiên Diên (Luận Nghị đệ nhất):

Ngài đã phá đi cái kiến chấp cho rằng các pháp Thường, Khổ, Không, Vô Ngã, Tịch Diệt là cái gì đó chắc thật.

Ngài A Na Luật (Thiên Nhân đệ nhất):

Ngài Duy Ma Cật phá đi cái chấp về thiên nhân mà ngài đã đang nghĩ rằng đó là thiên nhân thật sự mà mình có.

Ngài Ưu Ba Li (Trì Giới đệ nhất):

Ngài Duy Ma Cật phá đi cái tướng cố định của tội và sám tội mà mình đang hiểu biết.

Ngài La Hầu La (Mật Hạnh đệ nhất):

Ngài Duy Ma Cật đã phá đi cái sự hiểu biết về sự xuất gia nơi thân. Ngài La Hầu La trình bày hình tướng của sự xuất gia, trong khi ngài Duy Ma Cật thì khai mở về cái tâm xuất gia.

Ngài A Nan Đà (Đa Văn đệ nhất):

Ngài Duy Ma Cật phá trừ sự chấp tướng về Phật của hàng Thanh Văn, vốn chỉ xem Đức Phật như thân tứ đại. Cách nhìn này bị xem là sai lầm dẫn đến thái độ thiếu kính trọng đối với hóa thân của Phật, như đặt bỏ tùy tiện, không đúng với tinh thần tôn kính chân thật đối với Phật.

4. Phẩm Bồ Tát

Kể đến có 4 vị Bồ Tát đã trình bày cuộc gặp gỡ của mình với cư sĩ Duy Ma Cật và cũng đã từ chối đến thăm bệnh ngài Duy Ma Cật:

Bồ Tát Di Lạc:

Ngài Di Lạc trình bày cuộc nói chuyện của mình với ngài Duy Ma Cật. Trong đó ngài Duy Ma Cật đã phá đi cái kiến chấp về thời gian cũng như giải thích cái bản chất Phật đẳng đồng cùng với chúng sanh như thế nào.

Bồ Tát Quang Nghiêm:

Ngài Duy Ma Cật trình bày về cái nhận định/nhận xét đúng đắn về không gian cũng như giải thích cho ngài biết thế nào gọi là cảnh giới, đạo tràng của Phật.

Bồ Tát Trì Thế:

Ngài Duy Ma Cật đã phá cái tướng xa lánh phiền não, tức là xả ly phiền não cũng như giải thích như thế nào là pháp lạc, như thế nào là báo ân Phật một cách đúng đắn.

Bồ Tát Thiện Đức:

Ngài Duy Ma Cật đã phá đi cái tướng hiểu biết về bố thí theo hình thức bên ngoài, cũng như giải thích như thế nào là một hội pháp bố thí đúng theo ý nghĩa của pháp.

5. Phẩm Văn Thù Sư Lợi

Sau khi 10 vị Đại Đệ Tử và 4 vị Bồ Tát từ chối đến thăm ngài Duy Ma Cật, Đức Phật cử ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, đại biểu cho trí tuệ trong hàng Bồ Tát đến thăm. Lúc bấy giờ ngài nương vào thân lực và công đức của Đức Phật và ngài đã chấp nhận lời yêu cầu của Đức Thế Tôn đến nhà của cư sĩ Duy Ma Cật.

Đến nơi, trước đó ngài Duy Ma Cật đã dời đi hết những đồ đạc trong phòng của mình chỉ để lại một cái giường đủ để ngài nằm thôi. Chính nơi đây cuộc đàm thoại giữa ngài Văn Thù Sư Lợi và ngài Duy Ma Cật đã được bắt đầu.

Chuyện này cũng được nhiều người biết đến, nên nhiều vị Thanh Văn, Bồ Tát cũng như Trời, người cũng đồng đến để nghe cuộc đối thoại này giữa hai vị. Vì hai vị này đều được tán thán về trí tuệ của mình.

Trong cuộc gặp gỡ đầu tiên các ngài đã đối thoại về tánh Không (Sunyata) và giải nghĩa rõ ràng hơn về thế nào gọi là „thân bệnh“ và thế nào gọi là „hành“ của vị Bồ Tát.

6. Phẩm Bất Tư Nghị

Trong phẩm này ngài Xá Lợi Phất khởi nghi về khái niệm thứ lớp và địa vị qua câu hỏi về chỗ ngồi. Ngài Duy Ma Cật gỡ trách và đặt lại vấn đề: đến vì pháp hay vì địa vị. Qua đó, phẩm này chỉ ra rằng mọi sự sắp xếp hay cách hiển bày trong pháp đều có mục đích, nhưng người học không nên chấp vào hình thức, thứ bậc hay vị trí theo quan niệm thế gian.

7. Phẩm Quán Chúng Sanh

Ngài Văn Thù Sư Lợi và ngài Duy Ma Cật đã trình bày về cái nhìn thế nào gọi là chúng sanh. Vì chúng ta có một cái nhìn khác đối với các vị thầy được pháp, do đó cách chúng ta tiếp cận với chúng sanh cũng khác đối với các hàng Bồ Tát, đó là điều sai lầm. Ở đây ngài điều chỉnh lại cho chúng ta học cách tiếp cận và nhìn chúng sanh một cách khác.

Trong Kinh Pháp Hoa có Long Nữ đã trình bày sự chứng đạo của mình đối với pháp. Ở đây thì có một vị Thiên Nữ trình bày về cái hiểu biết của mình về sự phát tâm Bồ Đề như thế nào cho ngài Xá Lợi Phất nghe để phá đi cái kiến chấp rằng, trong pháp có sự phân biệt.

8. Phẩm Phật Đạo

Ngài Duy Ma Cật và ngài Văn Thù Sư Lợi đã trình bày thế nào là Phật Đạo. Chúng ta quen gọi là Đạo Phật, nhưng nếu dùng Đạo Phật ở đây thì tất cả những vị Thanh Văn, Duyên Giác không nằm trong cái góc của Đạo Phật mà nằm ở ngoài rìa của Đạo Phật. Vì những con đường của các ngài đi chưa đến quả vị Phật, chỉ đến Thanh Văn, Duyên Giác là ngừng lại. Đó là lý do tại sao trong kinh Pháp Hoa Đức Phật đưa ra một hình ảnh rất đẹp trong phẩm Hóa Thành Dụ.

Ngài đã đưa ra cái niết bàn mà hàng Thanh Văn cũng như Duyên Giác nhận biết và trụ vào. Có lẽ vì lý do đó nên Hòa Thượng Huệ Hưng khi dịch kinh này đã giữ lại chữ Phật Đạo.

Ngài Duy Ma Cật trình bày sự hiểu biết như thế nào cũng như nhấn mạnh cái chùng tánh Như Lai (Phật tánh). Khi nói đến chùng tánh Như Lai thì các vị Bồ Tát và các vị luận sư đều nói rằng: hàng Thanh Văn thuộc về „bại chùng“ (hạt giống đã bị yếu kém), vì các ngài không đủ sức vươn lên cho đến quả vị Phật mà chỉ ngang đến niết bàn của Thanh Văn thì các ngài ngưng lại trong niết bàn này.

Khi nói về „bại chùng“ là nói về hạt giống Như Lai, chứ không phải nói về sự giải thoát. Thanh Văn thì có sự giải thoát của Thanh Văn. Các vị Bồ Tát hay các kinh Đại Thừa không phủ nhận sự giải thoát của các vị A La Hán, nhưng sự giải thoát này chưa có được rốt ráo, vì vẫn còn chấp vào niết bàn.

9. Phẩm Vào „Pháp Môn Bất Nhị“

Ngài Duy Ma Cật đã mời các vị Bồ Tát trình bày cái hiểu của mình về: thế nào gọi là pháp bất nhị? Trong đó có 31 vị Bồ Tát đã trình bày pháp môn bất nhị cho ngài nghe. Cuối cùng ngài Văn Thù Sư Lợi đã yêu cầu ngài Duy Ma Cật nói lên kiến giải của mình. Lúc bấy giờ ngài Duy Ma Cật đã im lặng và ngài Văn Thù Sư Lợi tán thán sự im lặng của ngài Duy Ma Cật là biểu hiện đúng đắn của pháp bất nhị.

10. Phẩm Phật Hương Tích

Các vị Thanh Văn thường dùng cơm trước giờ Ngọ, đó là giới luật mà Đức Phật đã chế ra.

Khi gần đến giờ Ngọ ngài Xá Lợi Phất khởi lên cái niệm dùng Ngọ. Ngài Duy Ma Cật cũng nương vào đó làm cơ sở để giới thiệu cảnh giới Tịnh Độ Nhất Thiết Diệu Hương, còn gọi là Chủng Hương (Sarvagandhasugandha) của Đức Phật Hương Tích, nơi tất cả nhận biết qua hương chứ không cần thuyết pháp. Ngài Duy Ma Cật đã mời các vị Bồ Tát đi lên cõi Tịnh Độ đó để xin cơm, nhưng tất cả các vị đó không ai hưởng ứng được. Cuối cùng ngài dùng thần lực của mình thành một vị hóa Bồ Tát để lên cõi Tịnh Độ của Phật Hương Tích để xin cơm thừa của ngài đem về cõi Ta Bà. Đồng thời các vị Bồ Tát cõi Nhất Thiết Diệu Hương cũng xin được về Ta Bà để đánh lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trước khi đi Đức Phật Hương Tích dặn dò các ông hãy thu hết tất cả công đức phước báu của mình lại, không làm cho chúng sanh ở cõi Ta Bà ngạc nhiên hoặc sợ hãi. Và cũng khuyên các ông không nên xem nhẹ cõi Ta Bà, đừng khởi tâm và nghĩ cõi Ta Bà là cõi hạ liệt đối với cõi Phật khác.

11. Phẩm Hạnh Bồ Tát

Lúc bấy giờ các vị đó quay trở về lại thành Tỳ Xá Ly (Quảng Nghiêm) nơi Đức Phật Thích Ca. Các ngài đã trình bày hiệu quả của việc ăn uống của mình trong nhà ngài Duy Ma Cật cho Đức Thế Tôn nghe, và Đức Thế Tôn đã thuyết pháp môn tên gọi là „Ngộ Nhập Nhất Thiết Phật Pháp pháp môn“ Sarvabuddhadharmapraveśa.

Ngộ nhập là thấu hiểu.

Nhất thiết là tất cả.

Phật Pháp là những pháp thuộc về Đức Phật.

Pháp môn là phương pháp.

Đức Phật đã giải thích trong phẩm Hạnh Bồ Tát về những sự sai biệt cũng như sự đồng nhất của cõi Tịnh Độ, trong đó có tánh bình đẳng, tánh bất khả tư nghì cũng như tánh siêu việt của chư Phật và chư Bồ Tát so với những sự nhận biết và nhận xét của hàng Thanh Văn. Đức Phật giảng thêm về pháp môn „**Tận, vô tận, vô ngại, giải thoát pháp môn**“.

4 khái niệm được nêu trong phương pháp này là: phương pháp về Tận, phương pháp về Vô tận, phương pháp Vô ngại và phương pháp Giải thoát.

Các vị Bồ Tát của cõi Phật Hương Tích sau khi nghe Đức Thế Tôn trình bày hai pháp môn trên xong, các ngài đánh lễ và quay về cõi Phật Hương Tích của mình.

12. Phẩm Thấy Phật A Súc Bệ

Đức Phật A Súc Bệ được ngài Duy Ma Cật trình bày khi nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi: làm thế nào để quán thân Như Lai? Ngài Duy Ma Cật đã trình bày cái nhìn của mình và đồng thời trình bày về cõi Diệu Hỷ, cõi Tịnh Độ của Phật A Súc Bệ (Akshobhya) ở phương Đông để cho đại chúng đều hiểu biết.

Ngài Duy Ma Cật đã dùng thần thông để cõi Tịnh Độ lên lòng bàn tay của mình và mang đến cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Súc Bệ, cũng như vậy mà đưa cõi Tịnh Độ về chỗ cũ.

13. Phẩm Pháp Cúng Đường

Trời Đế Thích đã phát nguyện hộ trì kinh cũng như cúng đường kính. Đức Phật tán thán và kể về công đức của một vị chuyên luân thánh vương tên là Bảo Cái cho thỉnh chúng nghe để nhân mạnh công đức cúng đường pháp.

14. Phẩm Chúc Lụy

Chúc lụy có nghĩa là giao phó. Đức Phật đã giao phó kinh này cho Bồ Tát Di Lạc và đồng thời khuyên ngài A Nan Đà thọ trì và truyền bá kinh này một cách rộng rãi.

KIẾN GIẢI CỦA NGÀI DUY MA CẬT

1. Phẩm Phật Quốc

Khi học Phật chúng ta thấy rằng, mỗi một vị Phật khi ra đời thuyết pháp thì các chúng trong đó có công đức rất thù thắng, cho nên các cõi cũng theo đó mà trở nên thù thắng. Trong khi cõi Ta Bà của chúng ta lại đủ năm thứ ô uế, điều này cũng là một nghi vấn được đặt ra.

Đức Phật nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: Thật ra cõi Tịnh Độ của ngài vốn đầy đủ công đức như các cõi Phật khác, nhưng Ngài thu cõi Tịnh Độ của mình lại và hiện ra cõi Ta Bà của chúng sanh để chúng sanh dễ tiếp cận và dễ gặp Ngài. Đây là biểu hiện lòng từ bi đặc biệt, vì Ngài thuyết pháp nơi cõi mà công đức và phước báu đang giảm dần. Thậm chí Đức Phật A Di Đà cũng tán thán hành động này trong kinh A Di Đà vì một điều vô cùng khó khăn và đặc biệt.

Cõi Tịnh Độ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng luôn tùy theo ngài, có nghĩa là cõi Tịnh Độ và Đức Phật là một. Tất cả những gì chúng ta thấy biết chỉ là do kiến chấp của chúng ta đưa đến. Đức Phật đã đưa một số gợi ý để chúng ta hiểu được điều này. Ví như người mù không thể thấy được ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, hoặc không thấy được màu sắc của hình tượng... Cũng vậy, vì cái trí, cái nhận biết của chúng ta bị vô minh che đậy. Hoặc chính cái vô minh đó làm cho chúng ta không có thấy biết được bản chất hay cõi Tịnh Độ mà chúng ta đang sống, đang tiếp cận. Khi chúng ta gặp được Đức Phật thì chúng ta mới bắt đầu tiếp cận với Tịnh Độ, đúng với ý nghĩa của Tịnh Độ mà chúng ta hiểu về cõi A Di Đà, cõi Diệu Hỷ, cõi Nhất Thiết Diệu Hương, những cõi Tịnh Độ khác. Nếu chúng ta đến với Phật Pháp, học giáo lý của Đức Phật mà chúng ta vẫn thấy cõi chúng ta đang sống giống y như là trước khi chúng ta học giáo lý của Đức Phật thì biết rằng chúng ta chưa tiếp cận với giáo lý của ngài đúng nghĩa.

Bản chất của cõi Tịnh Độ này là:

1. Trục tâm (cái tâm thẳng thẳng)
2. Thâm tâm (sâu thẳm, kinh nghiệm thực tế)
3. Bồ Đề tâm (nhu cầu muốn đưa tất cả chúng sanh đến bờ giải thoát, nhu cầu đạt được tất cả những gì Đức Phật đang sở hữu).

Bản chất kể đến là:

- Lục Độ Ba La Mật: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Sáu Ba La Mật này cũng là bản chất để làm cho cõi Tịnh Độ được thành tựu.
- Tứ Vô Lượng Tâm, Tứ Nhiếp Pháp, Phương tiện, 37 Phẩm Trợ Đạo và cuối cùng là tâm Hồi Hướng.

Đó là những chất liệu mà một vị hành giả, vị Bồ Tát phải thành tựu để Tịnh Độ của mình được xây dựng nên, đó chính là những chất liệu của Tịnh Độ của các ngài, được tạo dựng bởi những cái tâm như vậy.

Khi học về Tứ Vô Lượng Tâm của Đạo Phật thì chúng ta cần phải hiểu được bản chất của nó như thế nào.

Tâm Từ (Maitri), Tâm Đại Từ (Mahamaitri):

Tâm thương xót chúng sanh. Không phải vì chấp thân quyền mà thương xót, mà chúng ta thấy rằng tất cả chúng sanh đều là đối tượng để thương xót. Có hai khái niệm Maitri (tâm thương xót có giới hạn) và Mahamaitri (tâm thương xót rộng lớn, không có giới hạn, trùm khắp cả 6 loài).

Do Đại Từ mới có Đại Bi. Bi là quả của Từ, Bi là quyết định được đưa ra từ tâm Từ. Quyết định không muốn chúng sanh bị khổ.

Tâm Bi (Karuna), Tâm Đại Bi (Mahakaruna):

Đại Bi không phải vì thấy chúng sanh khổ, mà vì muốn chúng sanh hết khổ. Ái kiến bi (tâm Bi bình thường) thấy chúng sanh khổ, cho nên muốn thấy chúng sanh hết khổ. Nhưng Đại Bi vượt lên trên đó, chính vì vượt lên trên đó, nên các vị Bồ Tát mới có thể hành hoạt pháp Bồ thí, nhẫn nhục... Có nghĩa là khổ vì thấy chúng sanh bình đẳng, thấy bản chất đáng đồng của chúng sanh và của chư Phật, chư Bồ Tát.

Tâm Hỷ (Mudita), Tâm Đại Hỷ (Mahamudita):

Cũng do tâm Đại Từ mà sanh, vì có Đại Từ mới có Đại Hỷ. Hỷ là một tinh thần hưng phóng, tinh thần không mỗi mệ, tinh thần không nhàm chán.

Tâm Xả (Upeksha), Tâm Đại Xả (Mahaupeksha):

Tâm Xả trong ý nghĩa bình thường thì nó đối lại với tâm keo kiệt, nhưng trong ý nghĩa đạo Phật là tâm không phân biệt. Khi một vị hành giả không phân biệt, đang tu thực hiện hạnh xả của mình, tức là thấy được cái bản chất bình đẳng của tất cả các pháp, đó là Đại Xả. Vì chúng ta vẫn còn tâm phân biệt nên chưa có hành được Đại Xả, chỉ xả những cái nhỏ trong đời sống hằng ngày mà thôi.

Ngôi thiền (tĩnh tọa):

Ngài Xá Lợi Phất được ngài Duy Ma Cật bắt gặp đang tĩnh tọa, nên ngài Duy Ma Cật nói về „tĩnh“ (yên lặng) tĩnh (trong sạch).

Chúng ta quen với tĩnh tọa, ngồi yên lặng. Ngài Duy Ma Cật phá đi cái tướng ngồi này, vì chúng sanh dùng dụng tâm sai khi ngồi thiền, nên ngài phá đi sự hiểu biết sai lầm đó.

„Thiền“ không phải để xả stress, không phải để tìm sự nhẹ nhàng cũng không phải tìm cái vui, cái vui đối đãi với cái khổ mà chúng ta gặp trong đời sống hằng ngày. Khi chúng ta tu thiền với những mục đích như vậy đó là sự sai lầm.

Ngài Duy Ma Cật bắt việc này, vì mục đích của thiền là nhận ra sự thật.

Tại sao chúng ta cần phải nhận ra sự thật? Bởi vì muốn giải thoát thật sự thì phải có sự hiểu biết đúng đắn. Nếu không hiểu biết đúng đắn thì không bao giờ giải thoát được.

Nhưng giải thoát cái gì?

Theo cái nhìn của hàng Thanh Văn là giải thoát Tam Giới (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới), giải thoát khỏi Lục Đạo luân hồi.

Trong các kinh Đại Thừa Đức Phật chỉ ra cho chúng ta thấy, lục đạo luân hồi hay niết bàn đều giống nhau. Nếu chúng ta giải thoát khỏi Lục Đạo luân hồi mà chúng ta bị niết bàn trói buộc, thì lục đạo luân hồi hay niết bàn vẫn chưa phải là giải thoát. Do đó chúng ta cần phải thấy rõ bản chất thật của các pháp, của Lục Đạo luân hồi là không thật có, là huyền, là giả, không thật có.

Ngài Trí Giả Đại Sư, một vị Tổ của Trung Hoa trình bày cái kiến về Đại thừa một cách rõ ràng, đó là Giả - Không - Trung. Nhờ thấy được tánh giả và tánh không của các pháp, chúng ta mới tiếp cận được trung đạo, tức là bản chất chân thật, và từ đó đạt đến giải thoát thật sự. Vì vậy, các hàng Bồ Tát như ngài Văn Thù Sư Lợi, ngài Phổ Hiền, ngài Quan Âm, ngài Địa Tạng... tuy chưa từng rời khỏi Lục Đạo nhưng vẫn giải thoát, cho thấy mục tiêu tu tập là thấy đúng bản chất của các pháp.

Nếu trong phẩm thứ nhất chưa đi thẳng được vào trong cái pháp mà Đức Phật đưa ra cho chúng ta, thì chúng ta chưa phá được cái kiến chấp của mình, chưa phá được cái biết sai lầm của mình thì Đức Phật dạy cho chúng ta khởi sự như thế nào?

Đầu tiên chúng ta phải nhận định lại quá trình tiếp cận giáo lý của Đức Phật. Qua sự đối đáp của ngài Duy Ma Cật, ngài nói không, không phải là bắt đầu với một hình tướng nào, mà bắt đầu bằng sự nhận định lại mục đích của mình. Mục đích của mình là đi tìm gì? Muốn gì? Điều muốn đó có mâu thuẫn với pháp mà Đức Phật đề ra hay không? Nếu có mâu thuẫn thì phải điều chỉnh ngay.

Ngay từ đầu chúng ta phải nhận định rõ ràng, mục đích chúng ta đến với Đạo Phật là tìm ra sự thật, thấy được chân lý, phá kiến chấp để đạt được những gì Đức Phật đã đạt được, đó mới là mục đích đúng đắn mà chúng ta cần phải huấn luyện mình.

2. Phẩm Phương Tiện

Phương tiện là gì? Phương tiện là pháp và cách dụng tâm đúng đắn giúp chúng ta tu tập và hướng đến mục tiêu tối hậu là quả vị Phật, cụ thể là trực tâm và thâm tâm.

Một pháp sư là phải thực hiện được như Đức Thế Tôn, có thể hiển lộ bản chất Tịnh Độ ngay nơi cõi Ta Bà, tức là mặc dầu chúng sanh chưa tận trừ phiền não mà vẫn thấy được Tịnh Độ, điều đó không dễ thực hiện. Cho nên Đức Phật tán thán cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, nơi có những chúng sanh đời nghiệp (chưa tận trừ phiền não) nhưng vẫn có thể vãng sanh về cõi đó.

Pháp là sự thật, bản chất, chân lý. Nếu nói rằng: tôi thuyết pháp, tức là chúng ta khẳng định rằng, chúng ta có thể dùng ngôn ngữ để miêu tả được cái pháp. Thật ra pháp không thể dùng ngôn ngữ để miêu tả được rõ. Vì một trong những bản chất của pháp là huyền, là giả. Khi chúng ta nói tôi thuyết pháp thì chúng ta chỉ nói lên được cái tướng của các pháp, chứ không nói lên được cái bản chất thật của các pháp. Do đó ngài Duy Ma Cật bắt rằng: có cái pháp thì thuyết có người có thể thuyết pháp, và thậm chí có người có thể nghe pháp. Nếu chúng ta nhận biết được cái thật chất đó thì mới

nhận biết được cái thật chất của pháp. Phần lớn chúng ta nghe và nhận biết nội dung của lời nói, do đó chúng ta chỉ nhìn một khía cạnh nhỏ của cái hiện hữu, chứ không nhìn được cái bản chất của hiện hữu. Điều ngài Duy Ma Cật bắt ở đây, đó là việc chúng ta chấp cái nhỏ thành cái lớn chứ không phải nói điều đó là sai. Vì khi nó được nhận biết, thì nó có hiện hữu, nhưng cái hiện hữu này tiếp cận với cái bản chất thật bao nhiêu thì tùy thuộc vào cái kiến giải của mỗi người chúng ta.

3. Phẩm Đệ Tử

Đến phẩm này ngài Duy Ma Cật bắt đầu dẫn cho chúng ta những bước để thấy và nhận ra sự thật. Sự thật ở đây trước tiên là phải nhận biết sự thật nằm phía sau hiện hữu. Giáo lý của Đức Phật dần được khoa học xác nhận rằng cái gọi là thực tế chỉ mang tính tương đối, là hiện hữu chủ quan, chứ không phải thực tế tuyệt đối, chỉ khi nhìn theo kiến giải giáo lý Đức Phật thì mới tiếp cận được thực tế đúng nghĩa.

Thượng Tọa Giảng Sư đã đưa ví dụ đồng phân bố để chỉ ra rằng nhận thức về thực tại là chủ quan, tùy theo nghiệp thức của mỗi chúng sanh (trời, người, bò hung) nên cách thấy cũng khác nhau, đều đúng trong phạm vi tương đối mà thôi. Tuy nhiên, tự tánh của các pháp không bị chi phối bởi nhận thức chủ quan, bản chất tự tánh này ngài Long Thọ gọi là Không, ngài Trí Giả gọi là Trung (Trung Quán). Đó là bản chất pháp mà chúng ta nên tiếp cận, chẳng những với tất cả những cái tiếp cận bình thường như hình tướng, âm thanh, mùi vị (lục trần) mà tất cả các pháp khác, như pháp niết bàn... vì Lục Đạo và niết bàn không khác nhau mà là một. Do đó khi một vị hành giả tu tập hướng đến niết bàn, tức là hướng đến cái sai lầm cũng như đang hướng đến Lục Đạo chứ không có khác. Đó là điều chúng ta cần phải bỏ. Chúng ta thấy pháp không thể thuyết, bởi vì không có pháp để được thuyết, không có người để thuyết và cũng không có người để nghe được.

Một bản chất khác của pháp đó là tánh bình đẳng. Tánh bình đẳng của pháp ở đây được miêu tả như hai hình ảnh cực đoan. Sự cực đoan của ngài Ma Ha Ca Diếp và sự cực đoan của ngài Tu Bồ Đề. Ngài Ma Ha Ca Diếp chỉ hướng đến những vị cư sĩ nhà nghèo để đi khất thực, trong khi ngài Tu Bồ Đề hướng đến những nhà giàu để đi khất thực. Đối với tánh bình đẳng thì có sự phân biệt. Một khi chúng ta có tâm phân biệt, thì chúng ta sẽ không còn tâm bình đẳng, tâm bình đẳng thì xa rời tâm phân biệt. Cho nên khi chúng ta thấy có tâm phân biệt, thì có tâm bình đẳng.

Bản chất của Lục Đạo là Không, bản chất của Niết Bàn là Không, cho nên Niết Bàn và Lục Đạo là bình đẳng. Một khi chúng ta nói như vậy thì chúng ta vẫn rơi vào cái phân biệt, đây là Niết Bàn và đây là Lục Đạo. Nếu có trình bày là có sự phân biệt, có trình bày thì có giới hạn, thì không còn bình đẳng thật sự nữa. Mặc dầu trong phẩm này ngài Duy Ma Cật trình bày sự bình đẳng của pháp, nhưng vẫn chưa phải là rốt ráo thật sự, mà chỉ mới cái bình đẳng tương đối,

Tóm lược: Thượng Tọa đã tóm lược 14 phẩm của kinh Duy Ma Cật và miêu tả những nội dung chánh ở trong đó, và đã đi được hai phẩm rưỡi của kinh Duy Ma Cật.

Phẩm đầu tiên là phẩm Phật Độ, chỉ rõ Tịnh Độ chân thật của các pháp của Phật.

Phẩm thứ hai là phẩm Phương tiện, nói rõ mục đích mà chúng ta tu tập, ý nghĩa chân thật của phương tiện là gì? Đó là mục đích để cầu Vô Thượng Bồ Đề, thì mới gọi là phương tiện.

Phẩm thứ 3 và thứ 4 nói về hai khía cạnh của bản chất chân lý, cái thật của pháp, cái tánh của pháp, tức là tánh bất khả thuyết, là tánh bình đẳng của pháp.

IV. LỜI TẠ PHÁP VÀ HỒI HƯỚNG

Trại Phò Huấn Luyện, Htr. Nguyễn Từ đại diện lớp học có lời tạ Pháp đến Thượng Tọa Giảng Sư.

Anh đã bắt đầu với một bài thơ:

Ta về với những vàng trắng

Ta về với những dòng sông êm đềm

Ta về với những trang Kinh

Ta về với những đạo tình đầy vơi

...

Bộ Kinh Duy Ma Cật vốn cao siêu, nhưng qua bản dịch của ngài Huệ Hưng và lời giảng nhẹ nhàng của Thầy, giáo lý đã trở nên gần gũi, thấm sâu vào lòng chúng con. Nhân duyên đã đưa Thầy đến với trại VH3HN trong buổi học đầu tiên. Chúng con kính mong Thầy tiếp tục đồng hành, hướng dẫn và khuyến tấn chúng con trên con đường tu học, để trưởng thành và xứng đáng là những trại sinh gương mẫu, góp phần xây dựng và phát triển Tổ Chức.

Anh đã thay mặt Ban Quản Trại và trại sinh VH3HN đề đầu đánh lễ và tri ân Thượng Tọa đã giảng dạy hôm nay.

Trước thềm năm mới Bính Ngọ, Htr. Trại Phó Huấn Luyện thay mặt trại VH3HN kính chúc Thượng Tọa Giảng Sư

*Xuân sang Phật sự ước viên thành
Gieo hạt Bồ Đề Bát Nhã thanh
Bến giác trăng soi tròn nghĩa hạnh
Nguồn chơn tuệ sáng vẹn tâm lành.
(Thơ: Thích Chúc Hiền)*

và kính chúc Htr. Trưởng Ban kiêm Trại Trưởng cùng quý thành viên Ban Hướng Dẫn, Ban Quản Trại, và toàn thể Huynh Trưởng Trại Sinh cùng gia quyến một năm mới tròn đầy hiếu hạnh, đầm ấm với gia đình, an lành với bản thân và hạnh phúc cùng xã hội.

Sau khi Thượng Tọa Giảng Sư hướng dẫn lớp học tụng Tứ Hoằng Thệ Nguyên và Hồi Hướng Công Đức, Thượng Tọa đã tặng hai câu thơ đến lớp học:

*Con về nhật chút hư không
Kính dâng Đức Phật chút lòng không chi.*

V. SINH HOẠT CHUNG

Buổi sinh hoạt chung do Htr. Thiện Tâm thuộc Chúng Tâm Ngọc – Âu Châu đảm trách rất vui nhộn, anh đã cho lớp học đếm sao, uống chanh đá cũng như ôn lại châm ngôn của GDPT.

VI. THÔNG TIN/LỜI DẶN DÒ

- Khi Giảng Sư thuyết giảng, tất cả các học viên nên mở Camera lên.
- Các Liên Chúng gửi hình ảnh và bài tường trình buổi lễ Khai Khóa đến Khối Điều Hành để Ban Quản Trại thực hiện Bản Tin số 1.
- Chúng Tịnh Ngọc sẽ thực hiện Bản Tin số 2.
- Tháng 03 các Liên Chúng/Chúng tự học và ghi lại những câu hỏi hoặc thắc mắc.

VII. LINH TINH

Thượng Tọa Giảng Sư đưa ra câu hỏi để học viên tư duy, trong phẩm thứ 10, Phật Hương Tích:

Tại sao một vị Bồ Tát ở một cõi Phật khi đến với cõi Phật khác, nhất là cõi Ta Bà của chúng ta thì các vị Phật ở các cõi đó lại khuyên rằng: Chớ có dùng con mắt khinh thị mà xem cõi Ta Bà là cõi hạ liệt?

Buổi học Kinh Duy Ma Cật phần I được kết thúc viên mãn vào lúc 23:30 giờ Âu Châu, sau khi kết dây thân ái.

Thư Ký
Chúng Chí Pháp
Từ Lạc - Hồ Thị Kim Loan

Nơi nhận:

- Ban Điều Hành VH3HN
"kính tường trình"
- 4 Liên Chúng: Canada, Hoa Kỳ, Úc Đại Lợi, Âu Châu
"để làm tài liệu"



BI-TRÍ-DŨNG

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
— 卐 卐 —
GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TRÊN THẾ GIỚI
BAN HƯỚNG DẪN GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI

KINH DUY MA CẬT

(Phần II)

TRẠI VẠN HẠNH 3 HẢI NGOẠI

BIÊN BẢN TU HỌC SỐ 02

Biên Bản: BB02_VH3HN_DMC2_11.04.2026

Thời gian: Thứ Bảy 11.04.2026 từ 14g30 đến 19g30 Toronto, Canada

Địa điểm: Phòng học: meet.google.com/nrv-xdzc-sjb

Giảng Sư : Thượng Tọa Thích Hạnh Tấn

Điều Hành: Tiểu Ban Điều Hành tại Canada

Thu Âm: Ban Quản Trại VH3HN

Thư Ký: Chúng Phổ Hòa

Sinh Hoạt: Chúng Chí Pháp

Tiểu Ban Điều Hành Âu Châu, Htr. Thiện Mỹ thông qua chương trình buổi học như sau:

1. Thử âm thanh & mic
2. Điểm danh Chúng & ổn định đạo tràng
3. Niệm Phật cầu gia bị
4. Giải đáp câu hỏi về Kinh Duy Ma Cật
5. Tạ Pháp
6. Hồi hướng
7. Sinh hoạt chung
8. Thông tin/ dặn dò
9. Dây thân ái

1. Thử âm thanh

Lúc 14h30 (giờ Toronto)

2. Điểm danh báo cáo

(chia làm 2 đợt, do các chúng Úc châu có mặt cùng lúc với giảng sư do đổi giờ, nên điểm danh sau khi học)

Giảng sư	Thượng Tọa Thích Hạnh Tấn		
Ban cố vấn	-Htr. Minh Chơn		
Ban quản trại	-Htr. Tâm Bạch -Htr. Chiêu Lực -Htr. Quảng Long -Htr. Thị Trục -Htr. Minh Tánh -Htr. Diệu Nghiêm -Htr. Tâm Trục -Htr. Huệ Trí -Htr. Thiện Mỹ-Thái Văn Anh-Điều hành buổi học hôm nay -Htr. Nguyễn Từ		
Các huynh trưởng khác	-Htr. Quảng Dũng Hồ Chí Cường -Htr. Nguyễn Thuyết Lê Minh Thi		
Trại sinh	Hiện Diện	Tổng số	Vắng mặt có lý do
Canada			
Chúng Phổ hòa	11	11	
Âu Châu			
Chúng Chí Pháp	7	8	Quảng Thuận
Chúng Tâm Ngọc	9	9	
Úc Châu			
Chúng Tâm Lạc	9	9	
Chúng Nguyên Mẫn	8	8	
Chúng Như Dững	9	9	
Hoa kỳ			
Chúng Tâm Huệ	10	10	
Chúng Tâm Vinh	10	10	
Chúng Tịnh Ngọc	9	11	Quảng Ý và Nguyên Bảo
Chúng Huệ Tâm	9	9	
Chúng Tâm Kiểm	10	10	

3. Niệm Phật cầu gia bị

Vì Úc châu đổi giờ nhưng không thông báo BQT, nên Giảng sư vào lúc 4pm (Toronto, Canada)

Giảng sư hướng dẫn tất cả niệm Phật

4. Giải đáp câu hỏi về kinh Duy Ma Cật

Thầy đọc qua bài viết về kinh Duy Ma Cật (DMC). Thầy có 1 số ý kiến cần được bàn thảo, để mọi người tư duy thêm

- Kinh DMC phản ánh phong trào cách mạng của hàng cư sĩ
- Mạnh nha nhập thế của Phật giáo sau khi đức Phật nhập niết bàn
- Tâm từ bi muốn phổ cập Phật giáo cho nhiều người hơn

Thay vì phân tích tiếp trong kinh, Thầy sẽ trả lời câu hỏi , tổng cộng 9 câu hỏi.

Liên chúng châu Âu 6 câu hỏi

- 1) Tại sao người đã vào vô vi chánh vị thì không còn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác được nữa (Phẩm thứ 6)

Tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, hay là tâm bồ đề , theo định nghĩa trong biện chứng của các vị tổ ấn độ: khi hành giả cảm nhận được 1 nhu cầu sâu trong tâm thức để có năng lực để đưa mọi loài chúng sanh ra khỏi 3 loại khổ (nhất là hành khổ - khổ của sanh tử luân hồi) . Đó là 1 vị đại bồ tát đạt được tâm bồ đề chân thật, và bắt đầu tu tập sáu ba la mật đúng nghĩa .

Tâm bồ đề này cần duyên là thấy chúng sanh bình đẳng, làm nền tảng chấp nhận chúng sanh đều là cha mẹ của mình, để phát một tình thương trùm khắp, muốn cho chúng sanh không bị khổ đau, mới phát nguyện

Điều này khác với quả vị nhị thừa vì nhị thừa mục đích đoạn trừ phiền não nơi tự thân, thấy chúng sanh khổ đau là duyên hợp nên không có nhu cầu đưa chúng sanh ra khỏi khổ đau nên không có nhu cầu phát tâm vô thượng bồ đề, như “hạt giống không khả năng đâm chồi”

- 2) Gốc không trụ mà lập tất cả pháp trong phẩm quán chúng sanh có tương đồng với chân không diệu hữu hay không

Không trụ là không y cứ vào 1 cái gì nên không bị vướng mắc, và các pháp hiển bày ra như là bản chất của nó

Diệu hữu là dụng của các pháp, hiện hữu 1 cách đặc biệt, mặc dù mang tính chất không tồn tại riêng biệt như 1 cái thể độc lập, nhưng vẫn hiện hữu như 1 pháp (phenomen) dường như độc lập. Cá thể độc lập này vẫn đang ràng buộc bởi liên hệ quyến thuộc (cha mẹ anh chị em, ăn uống ...)

Nhi để được hiển lộ trong câu chân không diệu hữu này trong khi câu “gốc không trụ mà lập tất cả các pháp” diễn đạt nhân quả trong quá trình tu tập, là phải thấy bản chất thân của các pháp như gờ bô lăng kính trong cách nhìn kiến giải hạn hẹp của mình

2 câu trên chỉ là tương tự nhưng không giống nhau

- 3) Nếu chúng sanh là huyễn, như cách DMC chỉ cách quán chúng sanh (trong phẩm quán chúng sanh) thì làm sao có thể phát lòng từ, vì chỉ khi cảm nhận là 1 chúng sanh thật sự đang chịu khổ đau thật sự thì mới có sự đồng cảm chân thật

Cần phân biệt Bồ đề tâm (BDT) tục đế (tương đối) và bồ đề tâm thắng nghĩa, (tuyệt đối)

BDT tương đối là cho hàng bồ tát phàm phu

BDT tuyệt đối thấy được ở nơi các vị đã thật sự đã thật sự phát BDT (sơ địa trở lên), gọi là thánh bồ tát

bồ tát phàm phu, thấy các pháp trong khả năng tương đối, dựa trên kinh nghiệm hữu ngã để tu tập, mặc dầu thấy các hữu tình là huyễn, nhưng vẫn là kiến thức (qua cái học) chứ không phải kiến giải, vì chưa đạt được trong kinh nghiệm. Giai đoạn tu tập là thập tín.

Khi hoàn thiện tứ gia hành thì mới phát khởi nhu cầu BDT, muốn thành Phật thật sự để độ chúng sanh, đạt được kiến đạo hoàn thiện, và có kiến giải ngang bằng 1 vị tu đã hoàn, phá được thân kiến và giới cấm thủ và nghi, bước vào thông đạt vị để trở thành 1 bồ tát thực thụ

Khi hoàn thiện kiến đạo (bước vào hoan hỉ địa), sẽ thấy thật (kiến giải) rằng chúng sanh là huyễn, mình cũng là huyễn, tuy cái thấy chưa trọn vẹn

- 4) Giải thích về lòng từ qua câu thực hành long từ tịch diệt bởi vì không sanh (trong phẩm quán chúng sanh)

Vì các pháp vốn không sanh nên lòng từ khi phát sanh ra cũng vắng lặng giống như sự việc không sanh của các pháp

Vì không đi sâu vô định nghĩa ngôn từ nên bị lủng củng .

Những cái “vô” này đức Phật chỉ là phủ định tương đối thôi.

Sanh ở trong câu trên , không phải là không có chúng sanh , không có lòng từ .. nhưng không có cái nhận biết sai lầm về chúng sanh, về lòng từ , mà hội đủ bốn duyên làm nền tảng cho các pháp được sanh ra

- 5) Theo tinh thần DMC, sự giải thoát giác ngộ và độ đời không phải chỉ dành riêng cho các vị xuất gia mà cả cư sĩ tại gia cũng có thể làm được, tuy nhiên khi chúng ta có gia đình, con cái thì sự giải thoát đó có thật sự rất ráo hay không so với những vị xuất gia

Liên quan tới Thân xuất gia và tâm xuất gia

Đức Phật không phải luôn là người xuất gia, cho thấy vấn đề hoằng pháp không phân biệt hình thức, mà hoàn toàn là lãnh vực của tâm, như trong phẩm tòng địa đồng xuất của kinh Pháp Hoa

Khi Đức Phật thành tựu thánh bồ tát thậm chí trước đó, ngài đã từng hóa độ hoằng pháp

Chúng sanh không thật, mình không thật mà vẫn hóa độ chúng sanh, tu tập BDT ... rất khó nắm bắt, chỉ hiểu trên văn tự

Giảng sư trích kinh Đại Bảo Tích , khi ngài Sư Tử Dõng Mãnh trao đổi với ngài Văn Thù Sư Lợi (VTSL) về phát tâm thế nào

Chị Tâm Bạch: xin thầy giảng hết 9 câu, chỉ nêu câu hỏi nào liên quan đến ngay câu đang giảng, không hỏi ra ngoài

- 6) Phải hiểu pháp môn bất nhị thế nào cho đúng để không bị rối

Bất nhị còn đi kèm với bất dị (không khác)

Như trong bát nhã Tâm kinh có 2 vế , bốn đoạn

Bất dị là có sự so sánh, phải có 2 pháp, là giai đoạn đầu khi đức Phật hướng dẫn chúng ta học, bắt đầu nhìn về chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối . Sau đó thêm 1 bước, khi tâm thức rời được phân biệt nhị nguyên, giai đoạn bất nhị

Bất nhị không phải để hiểu, mà để chứng, trong khi bất dị là có thể học hiểu . Cố gắng diễn tả bất nhị chỉ là hý luận, không phải chân lý của chân đế

- 7) Trong kinh DMC, có hình ảnh đem núi Tu di cho vào hạt cải mà núi không nhỏ lại và hạt cải không to ra,
a) Khái niệm về tương quan lớn nhỏ, trong ngoài phá vỡ như thế nào qua hình ảnh này (đây thuần túy là 1 pháp màu thần thông để thị hiện hay là 1 lời chỉ dạy về bản chất cốt lõi về vật chất mà chúng ta chưa nhận ra

Giảng sư kể câu chuyện về sự gặp gỡ của vua khi đi thị sát, vào nhà người dân nuôi ong xin nước uống .

Giảng sư cho ví dụ của con sâu và hạt cải

Cái lớn nhỏ là tương đối , nhưng về bản chất mỗi pháp có cái riêng của nó, đức Phật không khuyến khích dùng thần thông .. mà quan trọng là tất cả các kiến giải ngang bằng với đức Phật

Khi thay đổi quan điểm góc độ nhìn thì có nhận biết khác nhau

- b) Khoa học hiện đại đặc biệt là vật lý lượng tử cũng đang bắt đầu chạm đến khái niệm như tính phi cục bộ hay vũ trụ toàn ảnh nơi mà hạt cơ bản nhỏ nhất chứa đựng thông tin của toàn vũ trụ . Vậy theo thầy có sự tương đồng nào giữa trí tuệ bất nhị trong kinh DMC và những khám phá mới nhất của khoa học lượng tử hay không

Bất nhị là sự chứng đắc đối với pháp

Khoa học bị giới hạn trong tục đế, vì mục đích của khoa học là giải thích hiện tượng giới, trong khi giáo lý của Phật giúp ta nhận ra sự thật vượt lên trên hiện tượng giới . Khoa học nhìn con người như một con người nhưng giáo lý phật nhìn con người như là 1 tổng thể của vũ trụ

Chỉ giống ở điểm khởi đầu , là bất dị

- 8) Ở cõi ta bà đức bốn sư đã thị hiện để khai thị chúng sanh. Ngài đã đạt được cảnh giới Niết bàn, vô thượng chánh đẳng chánh giác . Vậy sự khác biệt với ngài DMC thị hiện là gì

1 vị là xuất gia, 1 ng là cư sĩ

Tại sao đức Phật muốn 1 hình ảnh người cư sĩ xuất hiện ?

Khi tu tập có 2 nội dung (liễu nghĩa và bất liễu nghĩa hay hậu đắc trí và vô sư trí)

1 số pháp Liễu nghĩa trong ta bà nhưng không liễu nghĩa khi ra khỏi ta bà nên là bất liễu nghĩa

Hậu đắc trí đạt được do học tập, chân lý tuyệt đối thuộc về vô sư trí khi chứng đắc thấy được bản tâm của mình

9) Trong kinh DMC, tư tưởng cốt lõi bất tư nghi có vai trò quan trọng như thế nào với tổ chức GDPT và màu áo lam

“vì pháp mà đến chứ không phải vì giường ngồi mà đến”

Vào tổ chức để thực hiện lý tưởng chứ không phải vì vị trí của mình

Huynh trưởng là người đang đi trên con đường bồ tát đạo, vì đàn em (chúng sanh thu hẹp)

Câu hỏi thêm của anh Minh Tấnh

Qua tinh thần của bộ kinh DMC, xin TT khai sáng làm thế nào để nhận ra mình là 1 phật tử đang nhập thế độ đời, và khác biệt về cái nhìn chấp tướng

Câu hỏi anh Mui Nguyễn

Trong kinh có phần cửa vào bất nhị và nhất nguyên tuyệt đối. Xin thầy phân tích sứ mệnh của cư sĩ hay 1 người huynh trưởng khác với sứ mệnh người tu sĩ như thế nào , đồng thời đạo và đời có bất nhị hay không, hay nhất nguyên

Anh Thiện Mỹ đề nghị các học viên khác ghi lại câu hỏi để trình giảng sư riêng, vì hết giờ.

Anh Thiện Mỹ thay mặt trại xin sám hối vì bị trục trặc về giờ giấc

5. Tạ pháp

Anh Minh chơn thay mặt trại có lời tạ pháp

6. Hồi hướng

Thượng tọa hướng dẫn tụng Tứ hoằng thệ nguyện và hồi hướng

7. Sinh hoạt chung

Chúng chí Pháp: chơi xem hình đoán chữ

8. Thông tin dặn dò

Chị Tâm Bạch

Học viên sẽ nhận được email có email của khối nghiên huấn

Thành viên BQT và trại sinh chưa làm nick name đúng
Văn phòng BDH sẽ dần không nhắc giờ học nữa

Anh Nguyên Từ

Khối HL đã xin giảng sư vài câu hỏi sau mỗi bộ kinh
Nếu có vấn đề gì thì góp ý về với BQT sau khi học, không cắt ngang buổi học .

(Điểm danh lần 2 cho Úc châu)

Kết dây thân ái – hoàn mãn



BI-TRÍ-DŨNG

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT



GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TRÊN THẾ GIỚI
BAN HƯỚNG DẪN GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI

KINH DUY MA CẬT
TRẠI VẠN HẠNH 3 HẢI NGOẠI
BIÊN BẢN TU HỌC LIÊN CHÚNG ÂU CHÂU SỐ 01

Biên Bản: BB01_VH3HN_LCÁC_DMC1_11.03.2026
Thời gian: Thứ Tư 11.03.2026 từ 21g00 đến 23g00 Âu Châu
Địa điểm: Phòng học: Zoom Meeting ID: 836 0184 9469 Kenncode: Vanhanh3
Điều Hành: Htr. Thiện Tâm_Chúng Tâm Ngọc
Thư Ký: Htr. Từ Lạc_Chúng Chí Pháp

Htr. điều hành thông qua chương trình buổi thảo luận như sau:

1. Thử âm thanh & mic
2. Đọc danh báo cáo & ổn định đạo tràng
3. Niệm Phật cầu gia bị
5. Thảo luận về Kinh Duy Ma Cật
7. Thông tin cần thiết
8. Lời kết thúc buổi thảo luận
9. Tụng Tứ Hoàng Thệ Nguyễn và Hồi Hương

I. ĐIỂM DANH/ BÁO CÁO

	Hiện Diện	Vắng mặt có lý do	Tổng Số
Khối Giảng Huấn	Htr. Cấp Tấn Thị Trục		
Chúng Tâm Ngọc	Htr. Nguyễn Trang, Htr. Huệ Sơn, Htr. Tâm Tịnh, Htr. Nguyễn Đức, Htr. Hồng Hạnh, Htr. Từ Phát, Htr. Diệu Hạnh, Htr. Thiện Tâm.	Htr. Diệu Bạch	8/9
Chúng Chí Pháp	Htr. Viên Lợi, Htr. Nguyễn Trí, Htr. Hoàng Tùng, Htr. Diệu Hiền, Htr. Thiện Liên, Htr. Từ Lạc, Htr. Nguyễn Hằng, Htr. Quảng Thuận.		8/8

Sau phần niệm Phật cầu gia bị cho buổi học được thành tựu viên mãn do Htr. Cấp Tấn Thị Trục hướng dẫn, Htr. điều hành Thiện Tâm có lời mở đầu đến với lớp học.

Hôm nay cũng là buổi học đầu tiên của hai Chúng Âu Châu. Chúng ta cùng suy nghĩ những phương pháp làm cách nào để buổi học mang lại nhiều lợi lạc. Có nhiều ý kiến đề nghị nên tăng cường thảo luận, lắng nghe, suy nghĩ, đặt câu hỏi và cùng nhau trao đổi. Qua việc chia sẻ những suy nghĩ của mỗi người, chúng ta có thể học hỏi lẫn nhau và hiểu sâu hơn.

II. THẢO LUẬN VỀ KINH DUY MA CẬT

1. Tại sao một vị Bồ Tát ở một cõi Phật khi đến với cõi Phật khác, nhất là cõi Ta Bà của chúng ta thì các vị Phật ở các cõi đó lại khuyên rằng: Chớ có dùng con mắt kính thị mà xem cõi Ta Bà là cõi hạ liệt?

Thảo luận chung:

- ❖ Trong đời sống xã hội, cách ứng xử tế nhị rất quan trọng. Ví dụ, nếu một gia đình khá giả, khi con cái đến nhà bạn bè có hoàn cảnh khó khăn hơn thì cần được dạy không nên chê bai hay khinh miệt, vì điều đó dễ làm tổn thương và

xúc phạm người khác. Những lời nói thiếu tế nhị không chỉ làm mất giá trị của họ mà còn có thể khiến họ chán nản, không còn muốn tiếp tục học tập hay tu học cùng mình. Vì vậy, thái độ tôn trọng và cảm thông là điều rất cần thiết.

- ❖ Cõi Ta Bà là cõi nhiều tham, sân, si, ô uế, đầy phiền não khổ đau. Chính vì vậy, người tu hành ở đây phải đối diện và phải vượt qua nhiều chướng ngại lớn. Tuy con đường tu tập khó khăn, nhiều cám dỗ và thử thách, nhưng chính vì thế mà công đức tu hành cũng rất là lớn. Phật A Di Đà cũng tán thán Phật Thích Ca Mâu Ni đã chọn cõi Ta Bà để hóa độ chúng sanh là một đại nguyện, một việc làm vô cùng khó khăn và đặc biệt.
Nếu một vị Bồ Tát từ cõi thanh tịnh đến cõi Ta Bà mà khởi tâm „cõi này thấp kém, chúng sanh ở đây đầy tội lỗi“ thì trong tâm đã xuất hiện tâm kiêu mạn. Kiêu mạn là một trong những chướng ngại lớn trên con đường Bồ Tát đạo, vì người tu theo hạnh Bồ Tát cần giữ tâm bình đẳng, từ bi và không phân biệt đối với tất cả chúng sanh.
- ❖ Bồ Tát được chia thành hai phần: Bồ Tát đã chứng quả và Bồ Tát đang trên đường tu học để chứng đắc Bồ Tát Đạo. Nếu một vị Bồ Tát còn tâm phân biệt, đó là Bồ Tát chưa có chứng quả. Thành ra Đức Phật nhắc nhở nếu muốn chứng đắc quả vị Bồ Tát thì tâm không còn phân biệt, chỗ này sang hèn chỗ kia thấp kém, chọn nơi tốt hay nơi xấu.
- ❖ Trong Kinh Hoa Nghiêm, chúng ta biết Bồ Tát có Thập Địa. Ở mỗi địa vị, mức độ kiến giải của Bồ Tát khác nhau. Vì chưa thành Phật nên từ các địa thấp cho đến trước khi viên mãn vẫn còn kiến chấp ở những mức độ vi tế. Khi còn kiến chấp thì vẫn còn phân biệt, nên còn thấy cõi này cao, cõi kia thấp.
Theo tinh thần Kinh Duy Ma Cật, việc tu học là xây dựng chánh kiến và dần dần phá bỏ mọi kiến chấp. Bồ Tát trên con đường tu sẽ từng bước buông bỏ các kiến chấp của mình. Đặc biệt từ địa thứ 8 trở xuống, tâm Bồ Tát vẫn còn thấy có chúng sanh để độ, nên vẫn còn sự phân biệt và còn thấy cõi Ta Bà là thấp kém.
Vì vậy, khi còn là Bồ Tát thì vẫn còn thấy mình là người độ chúng sanh, tức còn có chủ thể và đối tượng. Nhưng khi thành Phật, mọi phân biệt này đều chấm dứt, không còn thấy ai là chúng sanh hay ai là Phật nữa. Tuy vậy, trong giáo lý cũng nói chúng sanh là mẹ của chư Phật, vì nhờ có chúng sanh mà Bồ Tát phát tâm tu hành và thành tựu Phật quả.
- ❖ Trong Phẩm Phật Hương Tích, ngài Duy Ma Cật khẳng định rằng nếu nhìn theo hình tướng thì cõi Ta Bà dường như ô uế, đầy tham sân si và khổ đau hơn nhiều cõi khác. Tuy nhiên, chính những đặc điểm ấy lại tạo điều kiện thuận lợi cho Bồ Tát nhanh chóng thành tựu đạo quả. Khi phải đối diện và va chạm với nhiều nghịch cảnh, con người mới thấy rõ sức mạnh của sự nhẫn nhục và khả năng tu tập của mình. Ngược lại, nếu sống trong môi trường quá êm đềm, ít khổ đau thì khó nhận ra được năng lực và sự tiến bộ của bản thân.
Vì vậy, điều mà nhiều người cho là sự thua kém của cõi Ta Bà về mặt hình tướng lại chính là giá trị đặc biệt khiến các vị Bồ Tát chọn nơi đây để hành đạo. Những sự va chạm với khổ đau, sự chống đối hay chửi mắng do tham sân si của chúng sanh trở thành môi trường rèn luyện quý giá. Cõi Ta Bà giống như nơi mài dũa những viên ngọc quý, bởi trong hoàn cảnh khó khăn, nếu vượt qua được, con người sẽ nhận ra rõ hơn giá trị của sự nhẫn nhục và nỗ lực tu hành. Vì vậy, không nên xem thường cõi Ta Bà, bởi chính nơi đây có thể tạo nên những vị Bồ Tát xuất sắc.
- ❖ Câu “Chớ dùng mắt kinh thị xem cõi Ta Bà là cõi hạ liệt” nhắc nhở chúng ta không nên vì có học hay có hiểu biết mà khởi tâm khinh thường những người kém hơn mình. Khi có cái nhìn như vậy, trong tâm đã xuất hiện sự phân biệt và chấp tướng, khiên nhục nhân của chúng ta dễ sinh tâm chê bai. Mà hễ còn phân biệt, khinh chê và chấp tướng thì điều đó trái ngược với tinh thần của cõi Phật thanh tịnh.
Các vị Bồ Tát vì lòng từ bi thường hóa thân vào cõi Ta Bà, đến những nơi được xem là thấp kém, để gần gũi và giúp đỡ chúng sanh. Chính nhờ sự hòa mình vào đời sống của chúng sanh mà các ngài mới có thể giáo hóa và độ thoát họ. Nếu không hóa thân để tiếp cận những chúng sanh còn nhiều khổ đau và mê lầm, thì việc hóa độ cũng không thể thực hiện được.
- ❖ Tịnh độ hay uế độ đều do tâm mà ra. Ở cõi Ta Bà này cũng đã sanh ra nhiều vị Phật và Bồ Tát, do đó không thể cho rằng cõi Ta Bà là cõi hạ liệt.
- ❖ Khi học Kinh, chúng ta cần hiểu được ý nghĩa biểu tượng ẩn sâu trong đó. Thật ra, qua kinh Duy Ma Cật, ngài Duy Ma Cật đang trực tiếp dạy cho chúng ta, nhưng kinh khéo léo đưa các vị đại đệ tử của Đức Phật vào như những hình ảnh ẩn dụ. Những vị ấy giống như các vai diễn trong một bài học, thông qua các tình huống và đối thoại để truyền tải giáo lý sâu sắc.

Nhờ những hình ảnh và câu chuyện đó, người học có thể dễ dàng nhận ra và suy ngẫm. Quan trọng là khi học kinh, chúng ta phải thấy chính mình trong những hình ảnh ấy, để từ đó học hỏi và chuyên hóa bản thân.

- ❖ Dù ở cõi thanh tịnh như cõi Phật Hương Tích hay ở cõi ô uế như Ta Bà, tâm Bồ Tát vẫn luôn hiện hữu. Qua đó, Phật Hương Tích muốn nhắc nhở chúng ta về tâm bình đẳng và tâm không phân biệt. Đồng thời, các ngài cũng tán thán hạnh nguyện của những vị Bồ Tát ở cõi Ta Bà, vì các ngài phải dấn thân vào đời, chịu nhiều gian khổ để gần gũi và hóa độ chúng sanh. Chính sự lăn lộn giữa khổ đau của cuộc đời ấy đã làm nổi bật tinh thần từ bi và hạnh nguyện lớn của Bồ Tát ở cõi Ta Bà.
- ❖ Trong giáo lý Đại thừa, con đường tu của Bồ Tát được trình bày qua 52 quả vị, gồm: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác. Khi Bồ Tát tu đến Thập Địa, đặc biệt là Địa thứ 8 – Bất Động Địa, thì mới thật sự chấm dứt được ngã chấp và pháp chấp, nhờ đó tâm không còn phân biệt. Vì vậy, khi Đức Phật nhắc nhở không nên khinh thị, đó là lời nhắc dành cho những vị Bồ Tát chưa đạt đến Thập Địa, bởi khi chưa đến giai đoạn này thì trong tâm vẫn còn những sự phân biệt vi tế.
- ❖ Để hiểu rõ hơn nội dung của Kinh Duy Ma Cật, chúng ta cần tìm hiểu bối cảnh ra đời của kinh. Kinh này được xem là một trong những minh chứng tiêu biểu cho quá trình đưa Phật giáo đến gần hơn với đời sống của hàng cư sĩ. Trước đó, Phật giáo thường được nhìn nhận như một con đường xuất thế, chủ yếu dành cho những người xuất gia. Trong khi đó, người tại gia phần lớn chỉ giữ vai trò hỗ trợ Tăng đoàn, như cúng dường lương thực, thuốc men, y phục, tọa cụ và nơi ở. Khi Phong trào Phật giáo Đại thừa phát triển mạnh mẽ tại Ấn Độ, nhiều kinh điển mới ra đời, trong đó có Kinh Duy Ma Cật. Kinh này tiêu biểu cho xu hướng mở rộng con đường tu tập, khẳng định rằng người cư sĩ cũng có thể thực hành và đạt được những giá trị sâu sắc của Phật pháp, phản ánh sự phát triển linh hoạt của Phật giáo theo dòng chảy của thời đại.
- ❖ Khi học kinh Phật, bao giờ cũng có hai phương diện là Lý và Sự. Những gì chúng ta đọc và hiểu qua văn bản, câu chuyện hay hình ảnh trong kinh chỉ thuộc về phần Sự. Điều quan trọng hơn là phải nhận ra phần Lý – tức ý nghĩa sâu xa được chuyển tải phía sau những câu chuyện ấy. Khi hiểu được ý nghĩa đó, chúng ta mới nắm được thông điệp mà ngài Duy Ma Cật muốn truyền đạt qua từng hành động và lời nói. Nhờ vậy, việc ứng dụng và tu tập trong đời sống cũng trở nên dễ dàng và thiết thực hơn.
- ❖ Những tư tưởng của Đại thừa đều nằm trong bộ kinh Duy Ma Cật:
 - Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh.
 - Bất nhị pháp môn.
 - Tinh thần bất khả tư nghì.

2. Nếu chúng ta đến với Phật pháp, học giáo lý của Đức Phật mà chúng ta vẫn thấy cõi chúng ta đang sống giống y như là trước khi chúng ta học giáo lý của Đức Phật thì biết rằng chúng ta chưa tiếp cận với giáo lý của ngài đúng nghĩa.

Thảo luận chung:

- ❖ Câu này muốn nói đến sự chuyển hóa của chính bản thân khi học Phật pháp. Việc tu học không phải là thay đổi ngay lập tức mà là chuyên hóa từng bước trong đời sống. Khi hiểu rằng tham, sân, si là nguồn gốc của khổ đau, chúng ta bắt đầu nhìn lại và điều chỉnh hành vi của mình. Chẳng hạn, nếu quá chạy theo tiền bạc hay vật chất, luôn muốn đua đòi hơn người khác, con người sẽ dễ rơi vào mệt mỏi và áp lực. Biết buông bớt lòng tham thì tâm sẽ nhẹ nhàng và thanh thoi hơn. Tương tự, khi luôn so sánh mình với người khác, thấy người ta có xe đẹp thì cũng muốn có bằng được, chúng ta phải lao lực để đạt được điều đó và dễ sinh khổ khi chưa đạt được mong muốn. Ngoài ra, khi tâm sân khởi lên, chỉ cần dừng lại và hít thở sâu, chúng ta cũng có thể làm dịu cảm xúc và thay đổi cách ứng xử của mình. Chính những thay đổi nhỏ như vậy là bước đầu của sự chuyển hóa trong đời sống tu học.
- ❖ Trước khi học Phật pháp, chúng ta thường có nhiều suy nghĩ và hành động tiêu cực, dễ sinh phiền não và đôi khi có những hành vi chưa đúng đắn. Khi tiếp cận với giáo lý của Đức Phật, chúng ta dần thay đổi theo hướng tích cực hơn, biết điều chỉnh hành động và suy nghĩ để giảm bớt phiền não, hướng đến sự an lạc.

Điều quan trọng là biết đem giáo lý Phật áp dụng vào đời sống hằng ngày. Vì vậy, quá trình từ trước khi học Phật đến khi đang tu tập phải có sự chuyển hóa và tiến bộ tích cực, thì mới thật sự đúng với ý nghĩa của việc tu học.

- ❖ Khi đến với Phật pháp, học phải đi đôi với hành. Nếu chỉ học để có kiến thức mà không thực hành thì sẽ khó đem lại lợi lạc thật sự. Điều quan trọng là áp dụng những điều đã học vào đời sống.
Trong thế giới Ta Bà, khổ đau là điều có thật, không thể nói là không có khổ. Tuy nhiên, khi chúng ta hiểu và chấp nhận bản chất của khổ, thì khổ đau sẽ trở nên nhẹ nhàng hơn. Chẳng hạn, khi bị bệnh, nhiều người thường lo sợ và tự hỏi vì sao mình lại mắc bệnh, khiến tâm càng bất an và bệnh tình dễ trở nên nặng nề hơn. Nhưng nếu người tu học Phật pháp hiểu rằng đó có thể là nghiệp duyên của mình, và bình tĩnh chấp nhận, thì tâm sẽ không rối loạn hay sinh thêm suy nghĩ tiêu cực.
Trong đời sống hằng ngày cũng vậy, khi nhận biết và chấp nhận những khó khăn, khổ đau, chúng ta sẽ không bị chúng chi phối quá nhiều, nhờ đó nỗi khổ cũng giảm bớt và tâm trở nên an ổn hơn.
- ❖ Khi chúng ta tu tập thì chúng ta phải khẳng định được con đường tu tập của mình, tức là thành tựu Phật đạo. Nếu chúng ta tu đúng thì sẽ thành Phật, còn nếu tu trật thì sẽ thành ma.
- ❖ Trong kinh có cuộc đối thoại giữa ngài Duy Ma Cát và ngài Văn Thù Sư Lợi. Khi ngài Văn Thù hỏi vì sao ngài Duy Ma Cát bị bệnh, ngài đáp rằng: “Vì chúng sanh bệnh nên tôi bệnh.” Căn bệnh ấy xuất phát từ tham ái và vô minh. Qua đó cho thấy, vấn đề khổ đau và giải thoát đều bắt nguồn từ tâm tham ái của chính con người.
Tinh thần chính của kinh là khai thị để chúng sanh ngộ nhập chân lý. Từ phẩm đầu Phật Quốc nói về việc thành tựu và giáo hóa chúng sanh, cho đến phẩm thứ chín – Pháp môn Bất Nhị, kinh dạy chúng ta vượt qua cái nhìn nhị nguyên như khổ – vui, thiện – ác, tốt – xấu. Khi thấu hiểu pháp môn bất nhị, con người có thể vượt lên sự phân biệt, phát khởi hạnh nguyện lớn, nhận ra đúng sai một cách sáng suốt và từ đó tìm được con đường chuyển hóa khổ đau, hướng đến giải thoát.

Các câu hỏi sẽ được gởi đến Giảng Sư:

1. Hoa sen không mọc trên gò cao: Trong phẩm Phật Đạo, có câu „Vị như hoa sen không thể mọc trên gò cao khô ráo, mà chỉ mọc nơi bùn lầy thấp ướt. Tương tự, người đã vào „vô vi chánh vị“ (như hàng Nhị thừa đã đắc quả) thì không còn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được nữa“.
Kính nhờ Thầy giảng dạy cho chúng con, tại sao người đã vào „vô vi chánh vị“ thì không còn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được nữa?
2. Câu „gốc không trụ mà lập tất cả pháp“ trong phẩm Quán Chúng Sanh có tương đồng với thuật ngữ „Chân không diệu hữu“ không?
3. Nếu chúng sanh là huyền như cách trường giả Duy Ma Cát chỉ cách „quán chúng sanh“ (trong phẩm Quán Chúng Sanh) thì làm sao có thể phát lòng từ, vì thông thường, khi cảm nhận đó là một chúng sanh thật sự, đang chịu khổ đau thật sự thì mình mới có sự đồng cảm chân thật.
4. Xin Thầy giải thích thêm cho chúng con về lòng Từ trong phẩm Quán Chúng Sanh trong câu: „Thật hành lòng từ tịch diệt, bởi vì không sanh.“
5. Theo tinh thần của Duy Ma Cát thì sự giải thoát giác ngộ và độ đời không phải chỉ dành riêng cho những vị xuất gia, mà cả cư sĩ tại gia cũng có thể làm được. Tuy nhiên khi chúng ta có gia đình, có con cái... thì sự giải thoát đó có thật sự rất ráo hay không so với những vị xuất gia?
6. Phải hiểu Pháp môn bất nhị như thế nào cho đúng để không bị rối?

Góp ý của Khối Giảng Huấn Htr. Cấp Tấn Thị Trụ:

Trong các buổi thảo luận tới, chúng ta nên chú trọng hơn đến những vấn đề liên hệ trực tiếp đến bản thân người Huỳnh Trường, vì điều này sẽ giúp ích rất nhiều cho việc tu học của trại Vạn Hạnh. Những hình ảnh và biểu tượng trong kinh cũng có thể được liên hệ để soi chiếu vào vai trò và trách nhiệm của người Huỳnh Trường.
Mong rằng trong buổi học tới, chúng ta sẽ tiếp tục thảo luận và triển khai sự hiểu biết về kinh, đồng thời đào sâu hơn tinh thần tu học và ứng dụng của người Huỳnh Trường trong đời sống.

III. THÔNG TIN CẦN THIẾT

- Ngày 11.04.2026 vào lúc 20g30 Âu Châu, sẽ có buổi học Kinh Duy Ma Cật lần 2 Hải Ngoại do Thượng Tọa Thích Hạnh Tấn hướng dẫn.
Chúng Chí Pháp sẽ đảm trách phần sinh hoạt chung 15 phút.
- Các câu hỏi hoặc thắc mắc về Kinh Duy Ma Cật sẽ được gom lại và Thư Ký buổi học sẽ đại diện hai Chúng gửi lên Khôi Điều Hành trước ngày 28.03.2026.
- Thống nhất cho những buổi học sau là hai tiếng đồng hồ từ 21g00 đến 23g00.

Trước khi kết thúc buổi thảo luận, Htr. Chúng Trưởng Chúng Chí Pháp đã có lời tổng kết buổi học, và Htr. Cấp Tấn Thị Trục cũng bày tỏ lời cảm niệm.

Qua đó, tất cả chúng ta đều cảm nhận được đây là một phước báu lớn khi có cơ hội cùng nhau tu học và sinh hoạt trong đạo tràng Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại.

Trong tinh thần tri ân và cảm niệm sâu sắc, mỗi Huynh Trưởng chúng ta cần cố gắng vượt qua khó khăn, đặt việc tu học làm ưu tiên để nuôi dưỡng năng lực tu tập ngày càng sâu sắc hơn. Hy vọng rằng khóa tu học này sẽ giúp mỗi Huynh Trưởng chúng ta tiến bộ hơn trên con đường tu tập và thành tựu những giá trị tốt đẹp trên hành trình hướng đến giác ngộ của chính mình.

Buổi học Kinh Duy Ma Cật Liên Chúng Âu Châu được kết thúc viên mãn vào lúc 23:00 giờ, sau khi tụng Tứ Hoàng Thệ Nguyện và Hồi Hương do Htr. Cấp Tấn Thị Trục hướng dẫn.

Thư Ký
Chúng Chí Pháp
Tỳ Lạc - Hồ Thị Kim Loan

Nơi nhận:

- Ban Điều Hành VH3HN
“*kính tường trình*”
- Chúng Tâm Ngọc và Chúng Chí Pháp
“*để làm tài liệu*”



GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TRÊN THẾ GIỚI
BAN HƯỚNG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI
BAN QUẢN TRẠI VẠN HẠNH 3 HẢI NGOẠI

CHÚNG PHỔ HÒA

Số: 02-2026/VH3 HN/CPH/TK/BBHC

BIÊN BẢN TU HỌC CHÚNG PHỔ HÒA

KINH DUY MA CẬT LẦN 1

Ngày Chủ nhật 23/03/2026

Từ 08:20pm đến 10:25pm trên hệ thống Microsoft Team Meeting.

(Kết nối: Toronto-Montreal-Ottawa-Edmonton-Vancouver)

A-Phần Khai Mạc

- 1) Kiểm diện:
 - Bảo huynh: Htr Cấp Dũng Minh Chơn - Nguyễn Văn Chính
 - Khối Điều Hành BQT: Htr Cấp Tấn Chiêu Lực - Ngô Quốc Dũng
 - Khối giảng huấn BQT: Htr. Cấp Tấn-Tâm Trục-Huỳnh Văn Trung
- Trại sinh Chúng Phổ Hòa: Kiểm diện HTr. Trại sinh: 11/11
 - Htr. Trại sinh Nguyên Thiện - Nguyễn Văn Căn (Chúng Trưởng)
 - Htr. Trại sinh Diệu Trang - Quách Thị Nhung (Chúng Phó)
 - Htr. Trại sinh Nguyên Tịnh - Phạm Xuân Quang (Thư Ký)
 - Htr. Trại sinh Diệu Thanh - Quách Thị Dung
 - Htr. Trại sinh Tuệ Quang - Lê Văn Hoàng
 - Htr. Trại sinh Nguyên Ứng - Lê Chí Đồi
 - Htr. Trại sinh Thiện Tài - Nguyễn Hữu Thế Phiệt
 - Htr. Trại sinh Quảng Tiến - Diệp Gia Đức
 - Htr. Trại sinh Quảng Chương - Ngô Phi Văn
 - Htr. Trại sinh Quảng Minh - Phạm Thị Thanh Huyền
 - Htr. Trại sinh Nguyên Anh - Phan Thị Yên
- 1)
- 2) Anh Chúng trưởng: mời Htr. Cố vấn Cấp Dũng Minh Chơn - Nguyễn Văn Chính khởi xướng đại chúng niệm Phật cầu gia bị.

B-Phần Nghị sự: Hội Học Kinh Duy Ma Cật

Theo ý kiến của Htr. Chiêu Lực, Kinh Duy Ma Cật có 14 phẩm sẽ phân công cho 8 trại sinh trong chúng Phổ Hòa mỗi người thuyết trình 1 phẩm. Tiểu Ban Quản Chúng 3 anh chị mỗi người 2 phẩm. Sau ph^n thuyết trình mỗi phẩm là phần thảo luận để đào sâu thêm ý kinh và ứng dụng vào đời sống và sinh hoạt trong tổ chức GĐPTVN.

Htr. Nguyên Ứng đề nghị cần thêm thời gian để thảo luận nên mọi người đều đồng ý tùy theo kiến giải của mỗi phẩm. Hôm nay chỉ tu học 7 phẩm đầu (phẩm 1 tới phẩm 7). Buổi học thứ 2 sẽ tiếp tục 7 phẩm sau (Phẩm 8 tới phẩm 14).

Kinh Duy Ma Cật có tất cả là 14 chương:
Chương một QUỐC ĐỘ PHẬT
Chương hai PHƯƠNG TIỆN QUYỀN XẢO
Chương ba CHÚNG ĐỆ TỬ
Chương bốn BỒ TÁT
Chương năm VẤN THỪ SỰ LỢI THẨM BỆNH
Chương sáu BÁT TƯ NGHÌ
Chương bảy QUÁN CHÚNG SINH
Chương tám PHẬT ĐẠO
Chương chín PHÁP MÔN BÁT NHỊ
Chương mười PHẬT HƯƠNG TÍCH
Chương mười một BỒ TÁT HÀNH
Chương mười hai THẤY PHẬT A SÚC
Chương mười ba CÚNG DƯỠNG CHÍNH PHÁP
Chương mười bốn CHÚC LỤY

Trước khi bắt đầu thuyết trình Htr. Minh Chơn góp ý:

- 1-Anh mong muốn ACE tinh tấn tu học, không để bị đánh rớt
- 2-Sau khi hoàn thành trại Vạn Hạnh mỗi Htr. phải chứng tỏ mình chuyên trách để đẩy mạnh và phát triển GDPT tại Canada.
- 3-Buổi tu học hôm nay nên thảo luận chớ không nên thắc mắc đặt ra những câu hỏi không thích hợp mà tự chính mình phải tự học hỏi và tìm hiểu.

***THUYẾT TRÌNH & THẢO LUẬN**

Phẩm một QUỐC ĐỘ PHẬT (Thuyết trình viên HTr. Nguyên Thận)

Phật quốc là đất nước của Phật, ví dụ : cõi tịnh độ Tây Phương Cực Lạc là do ngài A Di Đà Phật làm Giáo Chủ. Cõi Ta Bà chúng ta đang sống là do ngài Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo Chủ. Chúng ta tự đặt câu hỏi tại sao cõi Tịnh độ thì Thanh Tịnh, An Lạc ... Nhưng cõi Ta Bà mà chúng ta đang sống thì khổ đau, vui sướng, tham, sân, si, v.v. Vậy thì khi chúng ta làm việc thiện để cứu giúp chúng sanh thì Tâm ta hoan hỷ thì đó là Phật Quốc, khi chúng ta tạo việc ác thì trong Tâm ta sẽ lo lắng, bồn chồn, sợ hãi thì đó là địa ngục, khi chúng ta ngồi thiền hay thiền hành thì Tâm ta an lạc, thanh tịnh thì đó là Phật Quốc vậy. Phật Quốc hay Địa ngục cũng từ hành động, suy nghĩ, quán tưởng, Thiền định từ Tâm tạo ra, Tâm thanh tịnh là Phật Quốc hiển rõ, Tâm tham ái, sân si, địa ngục chứ đâu xa. Trong kinh Duy Ma Cật khẳng định “Tâm tịnh thì quốc độ tịnh” Trí tuệ, lòng từ bi và sự tu tập Bồ Tát hạnh là chìa khóa để trang nghiêm tịnh độ, chứ không chỉ dựa vào hình tướng bên ngoài.

Phẩm hai PHƯƠNG TIỆN QUYỀN XẢO (Thuyết trình viên HTr. Diệu Trang)

Duy Ma Cật giả bệnh để tạo nhân duyên .Vì thân ngài bệnh thì vua chúa, đại thần, trưởng giả, cư sĩ và mọi người đến thăm bệnh. Nhân cơ hội này ngài thuyết pháp về thân vô , thân giả hợp , từ đó hướng họ đến pháp môn tu hành giải thoát phát tâm bồ đề.

Phương tiện ở đây ông Duy Ma Cát đã thực hành hạnh Viên Mãn, ông đã bố thí, Pháp thí và vô úy thí. Ông là 1 vị Bồ Tát nên đã phá được chấp ngã, chấp pháp vì vậy khi bố thí ông đã thực hành câu: “Bố thí vô tướng và độ sanh vô ngã”.

Phẩm ba CHÚNG ĐỆ TỬ (Thuyết trình viên HTr. Nguyễn Tịnh)

Nội dung Kinh: Kinh đề cập cảnh giới của các Đại Bồ Tát chứng nhập, nói rõ pháp môn Bất nhị, phá trừ mọi chấp trước có, không..., mục đích là giáo hóa chúng sinh thoát khỏi phiền trước, khổ, buồn lụy, cùng hưởng an vui tự tại, giải thoát. Nếu muốn vậy, trước tiên là Tâm phải thanh tịnh, vì Kinh nói: “Tùy Tâm thanh tịnh mà cõi Phật được thanh tịnh”

Nhân vật chính: Là một cư sĩ tại gia tên Vimalakirti, phiên âm là Duy Ma Cát (DMC), Duy Ma Cát còn có nghĩa là Tịnh danh, là Vô cầu, là Bất khả tư nghị giải thoát.

Mô tả việc 10 vị đại đệ tử Thanh Văn của Phật đều từ chối đi thăm bệnh DMC vì đã từng bị ông chinh lý. Phẩm đệ tử không phải để hạ thấp hàng thanh văn, mà để nêu bật tư tưởng “Bất Nhị”(không hai) của Đại Thừa, nơi trí tuệ thực sự nằm ở tâm thức thấu triệt bản tánh, không phân biệt người tu tại gia hay xuất gia.

Chương bốn BỒ TÁT (Thuyết trình viên HTr. Diệu Thanh)

Phẩm BỒ TÁT đưa ra bốn vị Bồ tát tiêu biểu phạm phải những hành động sai lầm khi bước vào lộ trình Bồ tát và bị Duy Ma Cát chinh lý. Vì vậy, khi Đức Phật bảo các vị này đến thăm bệnh Duy Ma Cát, các Ngài đã từ chối.

Bốn vị Bồ tát này là Di Lặc, Quang Nghiêm, Trì Thế và Thiện Đức.

Tóm tắt ý nghĩa sự "làm bệnh" của cư sĩ Duy Ma, qua đó chỉnh lý quan điểm tu hành sai lầm của 4 vị Bồ Tát lớn (Di Lặc, Quang Nghiêm, Trì Thế, Thiện Đức).

Cư sĩ Duy Ma Cát cho thấy Bồ tát không chỉ tu hành trong cảnh giới an ổn mà phải dần thân, không chấp vào tướng, sử dụng phương tiện để giáo hóa chúng sinh.

Bồ Tát trong Kinh Duy Ma Cát (còn gọi là Phẩm Bồ Tát Hạnh) tôn vinh lý tưởng Bồ Tát Đại thừa, nhấn mạnh sự kết hợp giữa trí tuệ và từ bi. Các Bồ Tát, dù được Đức Phật sai đi thăm bệnh, đều khiêm tốn từ chối vì nhận thấy trí tuệ và sự thấu suốt tánh Không của cư sĩ Duy Ma Cát vượt trội, minh chứng cho sự bất thối chuyển.

Dưới đây là chi tiết ý nghĩa của 4 vị Bồ tát:

1-Bồ tát Di Lặc (Sự thị hiện của lòng từ): Di Lặc từ chối thăm bệnh vì từng được Phật -thọ ký, nhưng bị Duy Ma Cát chinh lý rằng việc thọ ký hay không thọ ký cuối cùng cũng đều trở về với thật tướng bình đẳng, không nên chấp vào sự thọ ký xa xôi.

2-Bồ tát Quang Nghiêm (Sự tu hành thực tế): Vị này từ chối vì từng khuyên các con vua dòng Sát-lợi tu hành. Duy Ma Cát nhắc nhở rằng không nên chỉ chú trọng giáo hóa người có quyền lực mà phải bình đẳng, dần thân vào đời để độ chúng sinh.

3-Bồ tát Trì Thế (Sự tu trì giới luật): Từ chối thăm bệnh do từng bị Ma vương quyến rũ. Duy Ma Cát chỉ dạy rằng người tu hành không nên sợ hãi Ma hay trốn chạy các cảnh giới, mà phải biết chuyển hóa Ma cảnh thành Phật pháp, dùng trí tuệ để hành đạo.

4-Bồ tát Thiện Đức (Sự bố thí bình đẳng): Từ chối thăm bệnh vì từng thuyết pháp bố thí về việc xả tài sản. Duy Ma chinh lý bằng cách dạy về "bố thí bình đẳng"—đưa người nhận đến tánh Không, không chấp vào vật thí hay người thí.

Tóm lại: Phẩm 4 khẳng định tinh thần Bồ tát Đại thừa: Trí tuệ thấu suốt tánh Không, không chấp tướng, dần thân vào cuộc đời đầy biến động ("cung ma") để giáo hóa chúng sinh mà vẫn giữ tâm thanh tịnh.

Dưới đây là các điểm chính của phẩm này:

Bối cảnh: Đức Phật yêu cầu các vị Bồ Tát lớn (như Di-lặc) đến thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cật. Sự khiêm tốn của Bồ Tát: Các vị Bồ Tát lớn kể lại những lần bị Duy Ma Cật "trách phạt" hoặc chỉ dạy, cho thấy họ chưa thấu triệt lý tánh Không một cách tuyệt đối như ông.

Tư tưởng chính:

Trí tuệ Bát-nhã (Tánh Không): Bồ Tát phải thấu suốt muôn pháp là không, không phân biệt hữu vi hay vô vi.

Phương tiện thiện xảo: Bồ Tát không lia thế gian, dùng các phương tiện (ngay trong đời sống hàng ngày) để giáo hóa chúng sinh mà không đắm nhiễm.

Phát tâm Bồ Đề: Phẩm 4 nhấn mạnh vào tâm hành của Bồ Tát, hướng tới sự giác ngộ vô thượng, không tu hành vì quả báo nhỏ.

Ý nghĩa: Phẩm này xóa bỏ ranh giới giữa xuất gia và tại gia, khẳng định tư tưởng Đại thừa: Bồ Tát là người tu hành tinh tấn, sống giữa đời mà vẫn đạt được trí tuệ bất thối chuyển.

Chương năm VĂN THÙ SƯ LỢI THĂM BỆNH (Thuyết trình viên HTr. Nguyễn Anh)

Là màn đối thoại trí tuệ giữa bồ tát Văn Thù (đại diện trí tuệ) và cư sĩ Duy Ma Cật (đại diện tánh không).

Điểm cốt lõi là sự khẳng định bệnh của Bồ Tát xuất phát từ lòng đại bi đối với chúng sinh, do đó không thực sự có bệnh, phá vỡ chấp trước về thân và về tâm

Phẩm này khẳng định trí tuệ bậc cao của cư sĩ Duy Ma Cật và sự tương đồng về tri kiến với Văn Thù Bồ Tát.

Chương sáu BÁT TƯ NGHÌ (Thuyết trình viên HTr. Nguyễn Ứng)

Mô tả các diệu dụng của Bồ Tát trụ giải thoát” không thể nghĩ bàn” vượt ngoài tư duy thông thường.

Phẩm Bát Tư Nghì nêu bật trí tuệ và thần thông của Bồ Tát Đại Thừa khi đạt đến sự giải thoát hoàn toàn, nhìn thấu suốt vạn pháp là Một, không Hai.

Chúng tôi xin được giải trình theo cái nhìn riêng của cá nhân qua tiêu đề của phẩm thứ 06 Không Thể Nghĩ Bàn.

Chúng tôi gắng gượng khởi niệm giải trình tức là trái với Đạo bội với tánh giác hiệp với trần cảnh, chữ Đạo ở đây tạm gọi là Niết Bàn, Diệu Tâm, hay Chơn Tâm, Phật Tánh và nhiều Danh từ khác nữa như chúng ta đã học và biết.

Chỗ đó không suy nghĩ, không luận bàn, mới nhận ra được, tức Kiến Tánh Thành Phật.

Chương bảy QUÁN CHÚNG SANH (Thuyết trình viên HTr. Quảng Chương)

Phẩm thứ bảy: “Quán chúng sanh” trong Kinh Duy Ma Cật (Vimalakirti Sutra) là một phẩm rất sâu sắc, nói về cách nhìn chúng sanh bằng trí tuệ Bồ-tát.

☞ Tóm tắt nội dung chính

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi đến thăm cư sĩ Duy Ma Cật và hỏi:

“Bồ-tát quán chúng sanh như thế nào?”

Duy Ma Cật trả lời bằng một loạt ví dụ rất đặc biệt. Ngài nói rằng Bồ-tát quán chúng sanh như:

Như ảo ảnh, huyền hóa

Như trăng trong nước

Như bóng trong gương

Như tiếng vang

Như mộng, như điện chớp

Như bọt nước, như mây nổi

👉 Tất cả đều chỉ ra rằng: chúng sanh không có tự tánh, là giả hợp, không thật có.
➡ Tuy thấy chúng sanh là không thật, Bồ-tát vẫn phát tâm đại bi cứu độ.

🌸 Ý nghĩa cốt lõi

1. Trí tuệ “Không” (Tánh Không)

Mọi chúng sanh đều do nhân duyên sinh, không có bản thể cố định.
Đây là cái nhìn vượt qua chấp ngã và chấp pháp.

2. Đại bi không điều kiện

Dù biết chúng sanh như huyễn, Bồ-tát không rơi vào thờ ơ.
Ngược lại, lòng từ bi càng lớn vì không còn phân biệt.

3. Hành đạo giữa đời mà không dính mắc

Bồ-tát sống giữa chúng sanh, giúp đỡ họ

Nhưng tâm không chấp trước vào “người cứu” hay “người được cứu”

Thông điệp thực hành

Nhìn mọi việc trong đời như giấc mộng, để bớt khổ

Nhưng vẫn sống có trách nhiệm, yêu thương và giúp đỡ người khác

Kết hợp trí tuệ (thấy Không) và từ bi (hành động cứu độ)

*Trong mỗi phẩm quý Htr. Minh Chơn, Tâm Trục và Chiếu lực đã thảo luận và kiến giải cùng chúng Phổ Hòa.

Học và hiểu ý kinh mà áp dụng. Luôn giữ tâm mình an lạc thì cuộc sống sẽ được an lạc, thanh tịnh.

Đừng mang kính màu mà để nhìn cuộc đời, mà hãy nhìn bằng chính đôi mắt của mình với tâm an nhiên tự tại thì sẽ tìm thấy chân hạnh phúc.

“TÂM TỊNH TỨC ĐỘ TỊNH”

C-BỀ MẠC

Vì không đủ thời gian nên hôm nay chỉ thuyết trình 7 phẩm. Bảy phẩm còn lại sẽ hội học lần 2 vào thứ Sáu ngày 3 tháng 4 (Lễ Phục Sinh).

Anh Chúng trưởng cảm tạ và kính mời Htr. Tâm Trục hướng dẫn hồi hướng.

Buổi hội học thúc lúc 11:00 PM

PL 2569, Ngày 12 tháng 4 năm 2026

Chúng trưởng



Nguyễn Thiện - Nguyễn Văn Cẩn

TM- Thư ký



Diệu Thanh Quách Thị Dung



GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TRÊN THẾ GIỚI
BAN HƯỚNG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI
BAN QUẢN TRẠI VẠN HẠNH 3 HẢI NGOẠI

CHÚNG PHỔ HÒA

Số: 03-2026/VH3 HN/CPH/TK/BBHC

BIÊN BẢN HỘI HỌC CHÚNG PHỔ HÒA KINH DUY MA CẬT LẦN 2

Ngày Thứ Sáu 03/04/26

Từ 3:00 pm đến 6:00pm trên hệ thống Microsoft Team Meeting.
(Kết nối Toronto-Montreal-Ottawa-Edmonton-Vancouver)

A-Phần Khai Mạc

*1-Kiểm diện:

- Bảo huynh: Htr Cấp Dũng Minh Chon - Nguyễn Văn Chính
- Khối Điều Hành BQT: Htr Cấp Tấn Chiêu Lực - Ngô Quốc Dũng
- Khối giảng huấn BQT: Htr. Cấp Tấn-Tâm Trục-Huỳnh Văn Trung

- Trại sinh Chúng Phổ Hòa: Kiểm diện HTr. Trại sinh: 11/11
Htr. Trại sinh Nguyên Thận - Nguyễn Văn Cẩn (Chúng Trưởng)
Htr. Trại sinh Diệu Trang - Quách Thị Nhung (Chúng Phó)
Htr. Trại sinh Diệu Thanh - Quách Thị Dung
Htr. Trại sinh Tuệ Quang - Lê Văn Hoàng
Htr. Trại sinh Nguyên Ứng - Lê Chí Đồi
Htr. Trại sinh Nguyên Tịnh - Phạm Xuân Quang (Thư Ký)
Htr. Trại sinh Thiện Tài - Nguyễn Hữu Thế Phiệt
Htr. Trại sinh Quảng Tiến - Diệp Gia Đức
Htr. Trại sinh Quảng Phẩm - Ngô Phi Văn
Htr. Trại sinh Quảng Minh - Phạm Thị Thanh Huyền
Htr. Trại sinh Nguyên Anh - Phan Thị Yên

*2- Anh Chúng trưởng kính mời Htr. Tâm Trục Huỳnh Văn Trung
khởi xướng đại chúng niệm Phật cầu gia bị.

B-Phần Nghị sự: Hội Học Kinh Duy Ma Cật lần 2-Từ phẩm 8 đến phẩm 14:

Phẩm tám PHẬT ĐẠO
Phẩm chín PHÁP MÔN BÁT NHỊ
Phẩm mười PHẬT HƯƠNG TÍCH
Phẩm mười một BỒ TÁT HÀNH
Phẩm mười hai THẤY PHẬT A SÚC
Phẩm mười ba CÚNG DƯỠNG CHÍNH PHÁP
Phẩm mười bốn CHÚC LUY

***THUYẾT TRÌNH & THẢO LUẬN**

Phẩm tám PHẬT ĐẠO (Thuyết trình viên HTr. Quảng Minh)

Phẩm Phật Đạo giảng về tư tưởng Đại Thừa: Phật Đạo không tách rời cuộc sống (phi đạo), mà nằm ngay trong phiền não và thế gian. Hành giả thực hành Phật đạo bằng cách dẫn thân vào đời, cứu độ chúng sanh mà không bị ô nhiễm, thông đạt đạo lý “ phi đạo tức Phật đạo”

Bồ tát thực hành Phật Đạo:

Không chỉ tu hành trong cảnh giới yên tĩnh, Bồ Tát dẫn thân vào nhưng nơi “ phi đạo (chẳng phải Phật Đạo) như tham sân si, coi địa ngục hay các cõi thấp, nhưng dùng trí tuệ và từ bi để giáo hóa mà không nhiễm tội.

Ý nghĩa:

-Phật Đạo không phải là mục tiêu xa rời , mà là sự thực hành ngay trong từng hoàn cảnh của cuộc sống.
-Phá bỏ quan niệm phân biệt giữa “thánh” và “phàm”, giữa “ tịnh” và “ uế”, hướng đến sự giác ngộ bình đẳng.
-Nhân mạnh sức mạnh của tâm thức” Tâm bình thế giới bình”. Bồ Tát dụng tâm không dính mắc để biến cảnh địa ngục thành cảnh an lành.
Phẩm Phật Đạo nhấn mạnh sự dẫn thân, trí huệ bất nhị và khả năng chuyển hóa phiền não thành bồ đề của người tu hành đại thừa.

Phẩm chín PHÁP MÔN BÁT NHỊ (Thuyết trình viên HTr. Quảng Tiến)

Phẩm 9 của Kinh Duy Ma Cật có tên là "Nhập Bát Nhị Pháp Môn", là đỉnh cao trí tuệ của bộ kinh, nhằm phá bỏ mọi sự phân biệt nhị nguyên như thiện - ác, sạch - dơ, ta - người.
Thay vì dùng ngôn ngữ để định nghĩa chân lý, phẩm này yêu cầu hành giả vượt lên trên sự chấp trước vào danh từ để thâm nhập vào tánh Không, nơi mọi sự vật đều là một thể thống nhất.

Ý nghĩa cốt lõi của Phẩm 9: Pháp môn bát nhị

1- Phá bỏ phân biệt nhị nguyên: Phẩm này dạy rằng bản chất của thực tại không chia cắt thành hai cực đối lập. Ví dụ: "Bồ thí và hồi hướng", "trí giới và phạm giới" thực chất đều cùng một tánh.

2 Vượt thoát ngôn ngữ: Cư sĩ Duy Ma Cật cùng các vị Bồ Tát trình bày các quan điểm để dẫn dắt người nghe rời bỏ sự chấp trước vào lời nói, hướng tới sự im lặng tuyệt đối (sự im lặng của Duy Ma Cật) để cảm nhận chân lý.

3- Trí tuệ siêu việt: Đây là sự thể hiện cao nhất của tư tưởng Phật giáo Đại thừa, nơi trí tuệ (Bát Nhã) và phương tiện (từ bi) hòa quyện.

4- Ứng dụng thực tiễn: Khuyến hành hành giả nhìn cuộc đời từ nhiều góc độ khác nhau (ví dụ: người trẻ nhìn người già để thấy tương lai, người già nhìn người trẻ để thấy quá khứ) để nhận ra sự kết nối và đồng nhất.

Phẩm này khẳng định rằng khi tâm không còn phân biệt, đó chính là lúc nhập vào cảnh giới giải thoát.

Phẩm mười PHẬT HƯƠNG TÍCH (Thuyết trình viên HTr. Thiện Tài)

Cõi chúng Hương của Phật Hương tích chỉ dùng mùi hương làm phật sự, cho thấy đừng quá ý lại vào ngôn ngữ phương tiện, ko phải pháp cứu cánh.

Chân lý của Phật sáng khắp, không che dấu, ngài DMC nhắc nhở chúng ta phải mở tâm rộng lớn mà suy nghĩ. Phương tiện giáo hóa nên không nên sanh tâm phân biệt (đẹp xấu, như sạch) mà gây chướng ngại, lại cũng chớ đem tâm ích kỷ nhỏ hẹp mà nhìn vì sẽ chỉ nhìn thấy nhỏ hẹp

-Thông điệp chính: Nhấn mạnh vào việc không chấp tướng, hương thơm của giới , định ,tuệ mới là món ăn thật sự của người tu, giúp đạt được sự tự tại.

-Đây là nội dung quan trọng thể hiện sự dung thông giữa thế giới hữu hình và vô hình, và sự cao thượng của pháp thực trong đạo Phật.

Phẩm mười một BỒ TÁT HÀNH (Thuyết trình viên HTr. Tuệ Quang)

Bồ Tát Hạnh trong kinh Duy Ma Cật tập trung vào việc thuyết minh về đường lối tu hành và tâm nguyện rộng lớn của các vị Bồ tát để làm đẹp cuộc đời.

Dưới đây là các nội dung chính của phẩm này:

- Sự chuyển biến của tâm thức: Khi cư sĩ Duy Ma Cật và đại chúng sắp đến, vườn cây Am La bỗng trở nên rộng lớn, trang nghiêm và chúng hội đều biến thành sắc vàng. Điều này tượng trưng cho việc khi tâm nguyện Bồ tát phát khởi (tâm tịnh), thì cảnh giới xung quanh cũng trở nên thanh tịnh và rộng mở theo.
- Thần lực và phương tiện: Duy Ma Cật dùng thần lực đặt toàn bộ đại chúng lên lòng bàn tay phải để đưa đến ra mắt đức Phật. Hành động này mang ý nghĩa giáo dục, nhắc nhở chúng sinh từ phạm phu lên quả vị Bồ tát bằng những việc làm thiện lành (biểu trưng qua cánh tay phải).
- Đường lối tu hành của Bồ tát: Phẩm này chính thức chỉ dạy cách thức một vị Bồ tát cần phải tu tập. Đức Phật dạy rằng Bồ tát không nên chỉ trụ vào vô vi (sự vắng lặng hoàn toàn) mà cũng không nên tận cùng hữu vi (thế giới hiện tượng sinh diệt). Thay vào đó, Bồ tát phải đắm thân vào đời để cứu độ chúng sinh mà không bị ràng buộc bởi phiền não.
- Phá bỏ sự phân biệt cõi nước: Các vị Bồ tát từ nước Chúng Hương khi đến cõi Ta Bà ban đầu thấy thấp kém nhưng sau đó đã hối lỗi. Qua đó, phẩm kinh nhấn mạnh rằng phương tiện của chư Phật là không thể nghĩ bàn, tùy theo nhu cầu độ thoát chúng sinh mà hiện ra các cõi nước khác nhau.
- Tinh thần nhập thế: Bồ tát thực hành các hạnh như:
 - o Tích tập thiện căn không giới hạn.
 - o Dùng kiếm trí tuệ phá tan giặc phiền não.
 - o Gánh vác chúng sinh, giúp họ giải thoát mà không quản ngại sinh tử.
 - o Hành "ít muốn biết đủ" nhưng không từ bỏ việc đời, tùy thuận thế tục mà không sai sót oai nghi.

Phẩm mười hai THẤY PHẬT A SÚC (Thuyết trình viên HTr. Nguyên Thiện)

Theo tiếng Phạn A Súc có nghĩa là vô động hay bất động, Vậy Phật A Súc là chẳng hề chuyển động, không có đến, không có đi, vắng lặng, tịch tĩnh, là Pháp thân bất sinh, bất diệt trong tất cả mọi chúng sanh.

Vậy làm thế nào để thấy được Như Lai (Phật), phải dùng quán chiếu y như quán thật tướng của chính mình. Ta quán như lai thời gian trước không có đến, thời gian sau không có đi, thời hiện tại không trụ. Quán Như Lai không dựa trên sắc tướng, tánh, thọ tướng, hành, thức cũng vậy, Vì Như Lai không do Tứ Đại khởi sanh. Như Lai giống như hư không nhưng không phải hư không, Như Lai vượt ra khỏi Lục Căn, Như Lai không có trong Tam giới, Như Lai lại có đầy đủ Tam Minh, bình đẳng và vô minh. Vậy Phật A Súc hay Phật Thích Ca hay Phật A Di Đà hay chư Phật trong mười Phương Chư Phật đều có cùng tướng Như lai, Khi chúng ta quán chiếu tùy Tâm sanh Phật.

-Thông điệp cốt lõi:

*Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh:

Việc đưa cõi Diệu Hỷ thanh tịnh vào cõi ta bà ô trược nhằm chứng minh rằng các cõi Phật thực chất không hề ngăn cách; sự khác biệt nằm ở cái nhìn và tâm thức của chúng sinh

*Hạnh Vô Động: Nhắc nhở người tu hành cần đạt đến trạng thái tâm bất động trước mọi biến động của thế gian để đạt được sự an vui đích thực.

Phẩm mười ba CÚNG DƯỜNG CHÍNH PHÁP (Thuyết trình viên HTr. Diệu Trang)

Trong kinh Duy Ma Cật gồm có 3 trọng tâm.

1-Lý của kinh: Tất cả các hình thức Cúng Dường lên các chư Phật, chư Tăng nhiều vô số kể thì Phước, Đức đó cũng không thể nghĩ bàn; nhưng cúng dường Chánh Pháp là cao quý hơn cả.

2-Cách tu hành: Cúng dường Chánh Pháp là tối thượng, là bậc nhất là siêu việt; phải lấy chánh Pháp làm nền tảng vì:

“ Phụng sự chúng sanh là Cúng Dường Chư Phật “

3- Chứng được đạo quả: Ông Duy Ma Cật đã dùng những hình ảnh quá khứ cùng tu với các huynh đệ để chứng minh rằng: trong các pháp môn cúng dường thì Pháp cúng dường là tối thượng, là trên hết do oai thần của Phát Tâm, Thọ tri Pháp, Tu theo pháp và đem Pháp đó giáo hoá cho người.

Phẩm mười bốn CHÚC LUY (Thuyết trình viên HTr. Nguyên Tịnh)

Phẩm này nói đừng có khinh người mới bắt đầu tu, đừng chấp vào tướng phân biệt. Phẩm còn có tên gọi là phẩm “Chúc Luy”.

Phật tiên đoán sau này sẽ có nhiều người thích Kinh DMC, học kinh, giảng kinh, vì lợi kinh quá mỹ lệ, chứ không hành trì kinh, nên Phật đã lưu ý ngài Di Lạc: Nay Di Lạc, có hai dấu hiệu để nhận diện Bồ tát: “Thứ nhất hạng Bồ Tát thích văn từ hoa mỹ, và hạng thứ hai không ngại diệu nghĩa thậm thâm mà cố gắng hội nhập”

Phật phó chúc pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác cho Bồ tát Di Lạc và cuối cùng là A Nan Đà được Phật chỉ giáo thụ trì và truyền bá Kinh này rộng rãi.

Tóm lại: Chủ yếu của bộ Kinh Duy Ma Cật là đề cao Lý Bất Nhị, vào Pháp môn không hai.

KẾT LUẬN:

Kinh Duy Ma Cật là bộ kinh Đại Thừa quan trọng đề cao tư tưởng nhập thế, khẳng định người tại gia vẫn có thể giác ngộ sâu sắc. Ý nghĩa chính là sự “bất khả tư nghị”(không thể nghĩ bàn), xóa bỏ ranh giới giữa đời và đạo, nhân mạng tánh không, lòng từ bi và trí tuệ bình đẳng.

C-BẾ MẠC

Anh Chúng trưởng Nguyễn Thận thay mặt chúng Phổ Hòa cảm tạ quý Htr. Minh Chơn, Tâm Trục và Chiêu Lực đã rất tận tâm cùng các ACE tham khảo và kiến giải trong 2 buổi hội học của chúng. Htr. Minh Chơn hướng dẫn hồi hướng.

Buổi hội học hoàn mãn lúc 6 PM.

PL 2569, Toronto Ngày 13 tháng 4 năm 2026

Chúng trưởng



Nguyễn Thận - Nguyễn Văn Cẩn

TM- Thư ký



Diệu Thanh Quách Thị Dung

BIÊN BẢN BUỔI HỌC KINH DUY MA CẬT CỦA CHÚNG HUỆ TÂM

Hôm nay thứ 4 ngày 25 tháng 2 năm 2026 nhằm ngày mồng 9 tháng 1 năm Bính Ngọ. Chúng HUỆ TÂM đã có buổi học vào lúc 6 giờ chiều giờ California là lúc 8 giờ tối, giờ miền đông Hoa Kỳ.

Phần 1. Nghi Thức:

a. **Thời gian:** Thứ 4 ngày 25 tháng 2 năm 2026 nhằm ngày mồng 9 tháng 1 năm Bính Ngọ.

a. **Địa điểm:** Trên google meet.

b. **Hiện diện:**

1. Bảo Huynh. Htr. Nguyễn Hào-Trần Công Lai
2. Chúng trưởng. Htr. Bửu Minh-Đình Công Trường Nguyễn
3. Chúng Phó. Htr. Trí Nhân Mai Thanh Hùng
4. Htr. Nguyễn Anh-Hoàng Ngọc Minh Tuấn
5. Htr: Quảng Thành-Nguyễn Thị Giáng Nguyễn
6. Htr: Nguyễn Châu-Nguyễn Thị Ngọc Thanh
7. Htr: Quảng Thiện-Hồ Văn Toàn
8. Htr: Thiên Ngôn-Nguyễn Sinh Thành
9. Thư ký chúng: Htr. Nguyễn Quế-Trần Thị Ái Hoa
- Vắng Mặt: Htr: Trung Thanh-Lê Đình Nguyễn Vũ

* **Thư Ký buổi học:** Htr: Nguyễn Quế-Trần Thị Ái Hoa

* **Điều hành buổi học:** Chúng Trưởng, Htr. Bửu Minh-Đình Công Trường Nguyễn.

- Chúng trưởng -Htr. Bửu Minh mời anh bảo huynh, Htr.Nguyễn Hào bắt đầu cùng anh chị em Niệm Phật cầu gia bị.

Phần 2 chi tiết buổi học:Chúng trưởng Htr. Bửu Minh chia sẻ về nội dung buổi học gồm có 2 phần.

1. Thăm hỏi và chúc tết đầu năm
2. Trao đổi và chia sẻ về bài học số 1 VH3; 14 phẩm của bộ Kinh Duy Ma Cật do Thượng Tọa Thích Hạnh Tấn giảng ngày mồng 7 tháng 2 năm 2026.

Phẩm 1. Phật Quốc: Phẩm Phật quốc nói về tịnh độ của đức Phật là ở ngay tâm thanh tịnh của mỗi người. -mục đích phá đi sự kiến chấp. Tâm minh tịnh thì cõi phật hiện ngay trước mặt.

Phẩm 2. Phương Tiện: Ngài Duy Ma Cật giả bệnh để các đệ tử đến thăm, ngài dùng phương tiện này để có cơ hội giảng giải phật pháp và giáo hóa cho các đệ tử của ngài về thân vô thường.

Phẩm 3. Đệ Tử : 10 vị Đại đệ tử thanh văn nổi tiếng được ngài Duy Ma Cật nhắc nhớ bao gồm:

1. Xá-lợi-phất là bậc trí tuệ đệ nhất. 2. Mục-kiền-liên là thần thông đệ nhất. 3. Ma-ha-ca-diếp - hạnh kham nhẫn đệ nhất. 4. A-na-luật là bậc thiên nhãn đệ nhất. 5. Tu-bồ-đề là Giải không đệ nhất. 6. Phú-lâu-na là bậc thuyết pháp đệ nhất. 7. Ca-chiên-diê là bậc luận nghị đệ nhất. 8. Ưu-

ba-li là bậc trí giới đệ nhất. 9. La-hầu-la là mặt hạnh đệ nhất. 10. A-nan-đà là đa văn đệ nhất. Họ là những vị Bồ Tát "đệ nhất" về đạo hạnh.

Phẩm 4. Bồ Tát: Có 4 vị Bồ Tát đến thăm bệnh ngài Duy Ma Cật bao gồm: Bồ Tát Di Lạc, Bồ Tát Trì Thế, Bồ Tát Quang Nghiêm và Bồ Tát Trì Tích. Cuộc Đối thoại giữa ngài Duy Ma Cật và các vị Bồ Tát về trí tuệ.

Phẩm 5. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát : - Nội dung phẩm này kể về việc Bồ Tát Văn Thù dẫn đầu các vị đại đệ tử đến thăm bệnh ngài Duy Ma Cật, dẫn đến cuộc đối thoại sâu sắc về tánh Không và bệnh tật. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi và ngài Duy Ma Cật đối thoại về nguyên nhân bệnh tật. Phẩm này làm nổi bật trí tuệ bậc nhất của Văn Thù và khả năng biện tài, thấu suốt thật tướng của ngài Duy Ma Cật

Phẩm 6: Bất Tư nghi: Phẩm này nói lên trí tuệ siêu việt, cũng giống như bây giờ con chip nhỏ xíu mà làm được mọi thứ. Bất Tư nghi là không thể nghi bàn. Cảnh giới của các ngài chỉ cần biết tất cả mọi thứ, còn cảnh giới của con người chúng ta bây giờ thì sử dụng khoa học hiện tại cũng có thể làm được nhiều thứ (Ví dụ: cái usb, con chip, iphone...). 2500 năm trước các ngài có thể nhìn thấy chúng sanh, vi khuẩn trong ly nước, còn bây giờ chúng ta phải dùng kính hiển vi mới nhìn thấy được. Bất Tư Nghi là 1 pháp môn rất cao siêu mẫu nhiệm. Sự mẫu nhiệm hiển nhiên không thay đổi hay nói về cái tâm không động nên được gọi là Bất Tư nghi.

Phẩm 7. Khán Chúng Sanh: Phẩm này nhấn mạnh về lý trí và tâm thức, giúp chúng ta hiểu về sự phá bỏ sự chấp trước về "tôi" và "người". Sự quán chiếu mọi sự vật hiện tượng (kể cả chúng sanh) tất cả đều do nhân duyên hòa hợp, từ đó đạt được sự an lạc và bình đẳng trong tâm thức.

Phẩm 8. Phật Đạo: Phẩm này giải thích về con đường giác ngộ chân chính. -Phật Đạo khác với Đạo Phật -Phật Đạo là lời pháp của đạo phật. Mình muốn hiểu giáo lý của đạo phật thì mình phải học phật pháp.

Phẩm 9. Nhập Pháp Môn không hai: Phẩm này nói lên trạng thái tâm không phân biệt. không hai, tức là tánh Không. Nhập pháp môn này là thấu suốt bản thể của vạn pháp là một, bám chấp vào tướng trạng, từ đó đạt được sự giải thoát thực sự.

Phẩm 10. Hương Tích Phật: Phẩm này nói về pháp thực, thức ăn chánh pháp, dùng hương thơm và sự an lạc của thiền định để nuôi dưỡng huệ mạng, vượt lên trên thức ăn vật chất thông thường.

Phẩm 11. Bồ Tát Hạnh: Nói về hạnh nguyện và hoạt động của Bồ Tát giữa cuộc đời. Bồ Tát hiểu rõ tâm trí chúng sinh, từ đó ứng dụng các phương tiện thiện xảo (phương tiện) để giúp họ nhận ra chân lý, không bị vướng mắc vào các tri kiến sai lầm. Phẩm này nhấn mạnh Bồ Tát hạnh là con đường kết hợp giữa trí tuệ sâu xa và tấm lòng từ bi vô tận để phụng sự, không chấp thủ. • Chúng ta là người huynh trưởng, những kiến thức mình đã học chúng ta nên làm kim chỉ nam chia sẻ, hướng dẫn diu dắt các em thế hệ kế thừa . ‘Thượng cầu phật đạo , hạ hóa chúng sanh...’

Phẩm 12. Kiến A Súc Phật: Phẩm này khuyến khích người tu hành buông bỏ sự dính mắc, khiến phiền não nhiễm ô, từ đó chân tánh hiện ra. Tóm lại, phẩm 12 là sự khơi gợi về tánh Không và sự tự tại của tâm.

Phẩm 13. Pháp Cúng Đường: phẩm này khuyên người tu hành nên chú trọng vào việc hiểu sâu và thực hành giáo lý (Pháp cúng đường) hơn là chú trọng vào các hình thức lễ bái, dâng cúng vật chất thông thường.

Phẩm 14. Chúc Lụy : Phẩm Chúc Lụy là trách nhiệm cao cả của người tu hành trong việc duy trì trí tuệ và sự dẫn thân giữa đời. Chúc là phủ chúc, phó chúc, dặn dò chỉ bảo. Lụy là gánh vác nặng nhọc. Chúc lụy là dặn dò người sau tiếp tục gánh vác công việc nặng nhọc. Đức Phật đem bộ kinh quý này trao cho các đệ tử dặn bảo họ giữ gìn cẩn thận, dù cực nhọc cũng phải cố gắng để truyền bá trong các đời sau này.

Phần 3 hồi hướng & kết thúc buổi học:

-Chỉ trong 1 giờ học ngắn ngủi nhưng tất cả anh chị em trại sinh chúng Huệ Tâm đã rất hăng hái chia sẻ trong tinh thần hòa ái. Thư ký của chúng thay mặt anh chị em lưu lại biên bản buổi học tối nay. Chúng trường Htr. Bửu Minh mời anh bảo huynh Htr. Nguyễn Hào đại diện khởi niệm hồi hướng công đức cùng các anh chị em. Buổi học kết thúc vào lúc 10:00pm cùng ngày, giờ Miền Đông Hoa Kỳ là 7:00 tối giờ California.

THƯ KÝ CHÚNG.

Nguyễn Quế-Trần Thị Ái Hoa

CHÚNG NGUYỄN MÃN BIÊN BẢN HỌC CHÚNG

Thời gian: 7:30pm – 10:15pm Adelaide, South Australia

Ngày: Thứ hai 31/03/2026

Hiện diện: Htr Vạn Thiện, Htr Giải Thoát, Htr Nguyễn Bảo, Htr Chúc Nguyên, Htr Tâm Thanh, Htr Thiện Phương, Htr Thiện Hoa, Htr Phước Thái (8/8)

Bào Huynh: Huynh Trưởng Thiện Phú

Mục đích: Thảo luận nội dung từ 14 phẩm của “Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh”, tác giả Thích Huệ Hưng và thảo luận về câu hỏi của Giảng Sư Thượng Tọa Thích Hạnh Tấn.

Cách thức: chia các phẩm cho mỗi Huynh Trưởng để nghiên cứu và trình bày về sự hiểu biết và rút ra bài học cho chính mình, sau đó chia sẻ cho các thành viên trong Chúng và thảo luận chung tất cả các phẩm.

Htr Vạn Thiện: Phẩm 1 & 2

Htr Giải Thoát: Phẩm 3 & 4

Htr Thiện Hoa: Phẩm 5 & 6

Htr Thiện Phương: Phẩm 7 & 8

Htr Tâm Thanh: Phẩm 9 & 10

Htr Phước Thái: Phẩm 11 & 12

Htr Chúc Nguyên: Phẩm 13

Htr Nguyễn Bảo: Phẩm 14

Câu hỏi thảo luận chung:

1. Tại sao 1 vị Bồ Tát ở 1 cõi Phật, đến 1 cõi khác “chớ có dùng cặp mắt kinh thị mà xem cõi Ta Bà là cõi hạ liệt”?
2. Bất Nhị là gì?

Ghi chú: Bài viết của các thành viên trong Chúng sẽ được ghi vào trong Sổ Tay Tu Học.

Chúng Như Dũng
Chương Trình Buổi Hội Luận Kinh Duy Ma Cật

Ngày: Thứ Tư, 18/3/2026

Thời gian: 21g00-23g00 (Sydney)

Địa điểm: <https://meet.google.com/ygk-vpwm-kys>

Hiện diện: Htr Vạn Niệm, Nguyễn Mai, Thiện Thuận, Vạn Nhiên, Viên Đức, Quảng Diệu Huệ, Tâm Hoa, Tâm Như, Đăng Khoa. (9/9)

Bảo huỳnh: Htr Tâm Thọ

Điều Hành: Htr Nguyễn Mai

Thư ký: Htr Quảng Diệu Huệ

Chương trình hội luận

1. Niệm Phật cầu gia bị
2. Diễm danh
3. Lời chào mừng của Chúng Trưởng - Htr Nguyễn Mai
4. Tóm lược các phẩm theo thứ tự từng phần đã được phân chia (Trình bày mỗi phần 3-5 phút. Sau mỗi phần có 5 phút hỏi và trả lời thắc mắc):
 - i. Phẩm 1 - Phật quốc và tổng quan của kinh (Htr Tâm Như)
 - ii. Phẩm 2 - Phương tiện (Htr Quảng Diệu Huệ)
 - iii. Phẩm 3 - Đệ tử (Htr Vạn Nhiên)
 - iv. Phẩm 4 & 5 - Bồ Tát và Văn Thù Sư Lợi (Htr Thiện Thuận)
 - v. Phẩm 6 - Bất tư nghị (Htr Nguyễn Mai)
 - vi. Phẩm 7 & 8 - Quán Chúng Sanh và Phật Đạo (Htr Nghiêm Đăng)
 - vii. Phẩm 9 - Nhập bất nhị pháp môn (Htr Viên Đức)
 - viii. Phẩm 10, 11 & 12 – Hương Tích Phật, Bồ Tát Hạnh và Kiến A Súc Phật (Htr Vạn Niệm)
 - ix. Phẩm 13 & 14 - Tổng kết và áp dụng vào đời sống hằng ngày (Htr Tâm Hoa)
5. Góp ý và đúc kết (Htr Tâm Thọ)
6. Linh tinh
7. Hồi hướng

Tóm lược các Phẩm trong Kinh Duy Ma Cát của HT. Thích Huệ Hưng:

PHẨM 1: PHẬT QUỐC

(Htr Tâm Như)

1. Bối cảnh mở đầu của kinh

Phẩm Phật Quốc là chương đầu của Kinh Duy Ma Cát, dùng để giới thiệu bối cảnh và tư tưởng trung tâm của toàn bộ kinh.

Câu chuyện diễn ra tại thành Tỳ Da Ly, nơi Đức Thích Ca Mâu Ni đang thuyết pháp cho đại chúng gồm:

- các vị Bồ Tát
- các vị A-la-hán
- chư Thiên
- cư sĩ và đông đảo chúng sinh.

Trong đại hội có vị cư sĩ đặc biệt là Duy Ma Cát, một người tuy sống đời tại gia nhưng có trí tuệ và công hạnh của bậc đại Bồ Tát.

2. Câu hỏi của Bồ Tát Bảo Tích

Một vị Bồ Tát tên Bảo Tích thay mặt đại chúng hỏi Đức Phật:

“Bồ Tát muốn thành tựu cõi Phật thanh tịnh thì phải tu những gì?”

Câu hỏi này dẫn đến phần giáo lý chính của phẩm.

3. Giáo lý trọng tâm: “Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”

Đức Phật dạy rằng:

“Cõi Phật thanh tịnh hay không phụ thuộc vào tâm của Bồ Tát.”

Nếu tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh.

Ý nghĩa chính:

- Cõi Phật không phải chỉ là một nơi ở bên ngoài.
- **Cõi Phật phản chiếu tâm của người tu hành.**

Vì vậy, Bồ Tát muốn tạo Phật quốc thanh tịnh cần tu nhiều hạnh như: Tâm chân thành, Từ bi, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, Giáo hóa chúng sinh

Những công hạnh này chính là nhân để hình thành một cõi Phật thanh tịnh.

4. Ví dụ minh họa của Đức Phật

Trong đại hội có người thắc mắc:

“Nếu tâm Phật thanh tịnh thì tại sao cõi Ta Bà lại không thanh tịnh?”

Lúc đó Đức Phật dùng thần lực cho đại chúng thấy rằng:

- Thật ra cõi Ta Bà vốn thanh tịnh như cõi Phật
- Nhưng do chúng sinh còn nhiều phiền não nên thấy thế giới bất tịnh

Ví dụ trong kinh giống như người có mắt bệnh nhìn thấy hoa đốm trong hư không.

Điều này nhấn mạnh rằng thế giới không xấu — cái thấy của chúng sinh mới làm nó trở nên xấu.

5. Vai trò của cư sĩ Duy Ma Cật

Phẩm đầu cũng giới thiệu hình ảnh Duy Ma Cật:

- Một cư sĩ tại gia
- Nhưng trí tuệ sâu sắc
- Thường dùng phương tiện để giáo hóa người đời

Điều này mở ra một tư tưởng rất đặc biệt của kinh: Con đường Bồ Tát không chỉ dành cho người xuất gia. Người tại gia vẫn có thể đạt trí tuệ sâu xa.

6. Ý nghĩa tổng quan của phẩm 1

Phẩm Phật Quốc đặt nền tảng cho toàn bộ Kinh Duy Ma Cật với ba tư tưởng lớn:

1. Tịnh độ bắt đầu từ tâm
“Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”.
2. Bồ Tát phải nhập thế
Bồ Tát không rời thế gian mà ở trong đời để độ sinh.
3. Phá bỏ cái nhìn nhị nguyên
Thanh tịnh – ô nhiễm không nằm ở thế giới mà ở nhận thức của con người.

Tóm lại

Phẩm Phật Quốc dạy rằng cõi Phật không phải ở đâu xa — khi tâm Bồ Tát thanh tịnh và đầy từ bi thì thế giới đó chính là Phật quốc.

PHẨM 2: PHƯƠNG TIỆN

(Htr Quảng Diệu Huệ)

Chú thích: Phương = là phương pháp

Tiện = là tiện dụng

Phương pháp đem ra dùng thích hợp căn cơ của mỗi chúng sanh, mỗi thời đại, mỗi quốc độ nên gọi là phương tiện.

Phương tiện là cửa ngõ để đi vào cứu cánh và nó có tính cách giai đoạn.

Câu hỏi: Vì sao Chư Phật và Chư vị Bồ Tát phải dùng Phương Tiện để hóa độ chúng sanh trong cõi Ta Bà?

Trả lời: Vì cõi Ta Bà là ngũ trược ác thế (Kiếp trược = thời loạn; Kiến trược = hiểu biết sai lầm; Phiền não trược = tham sân si; Chúng sanh trược = tâm trí sa đọa; Mệnh trược = tuổi thọ giảm) chúng sanh luôn sống trong vô minh và căn tánh chúng sanh lại can cường, thân tâm mê chấp, trí tuệ thấp kém, tính tình kiêu mạn, không chịu tu tập mà Phật Pháp thì quá cao siêu vi diệu.

Thật là rất khó để hóa độ chúng sanh đến con đường giải thoát. Vì thế mà Chư Phật và Chư vị Bồ Tát phải dùng Phương Tiện để hóa độ chúng sanh đi đến con đường giải thoát.

Các ngài thị hiện đủ loại chúng sanh để gần gũi chúng ta: như là Phật; Bồ Tát; A Tu La; Trời; Rồng; Quỷ; Thần; Sát Đê Lệ; Bà La Môn; Tỳ Kheo; Cư Sĩ...v...v. Trong Kinh Phổ Môn và Kinh Địa Tạng đều có nhắc.

- Ngài Duy Ma Cật:
- Là vị Đại Bồ Tát ở cõi Bất Động
- Vì trợ duyên Đức Thích Ca mà hiện thân đến cõi Ta Bà
- Ngài hiện thân là cư sĩ để giáo hóa chúng sanh
- Ngài thâm đạt thật tướng, khéo nói Pháp màu, trí tuệ vô ngại, biện tài thông suốt, rõ thấu phương pháp tu trì của tất cả Bồ tát, thâm nhập kho tạng bí mật của Chư Phật. Hàng phục các ma. Thần thông tự tại. Trí tuệ phương tiện đều đặn rất ráo.
- Ngài hiện thân có bệnh để chỉ bài các phương pháp phá chấp [có, không, thường, đoạn] của Tiểu Thừa và phạm phu ngoại đạo.
- Bệnh của chúng sanh từ nơi Tứ Đại mà khởi, do các món phiền não, điên đảo, vọng tưởng đời trước sanh ra. Bệnh do chấp ngã mà ra.
Tâm bệnh = tâm như huyền (không thật)
Thân bệnh = thân vô thường (thân tướng vốn là)
- Kinh DMC = là thuyết cho hàng Cư Sĩ, là loại kinh đọc để nghiên cứu. Những điều trong Kinh chỉ là Phương Tiện. Phải hiểu lý của Kinh. Học Kinh không chấp vào chữ. Hiểu PHÁP xong phải hiểu NGHĨA. Đức Phật mượn Văn Tự để giải bài ý nghĩa.

Kết Luận:

Chúng ta không nên phân biệt các loại chúng sanh, vì mỗi chúng sanh đều có thể là một vị Bồ tát hiện thân xuống cõi Ta Bà để hoá độ chúng ta. Giống như là cư sĩ Duy Ma Cật chúng ta hãy thực tập và sống theo cách sống của Ngài, lấy Ngài làm tấm gương để áp dụng trong cuộc sống hiện tại của chúng ta. Vì thế chúng ta sống trên cõi đời này phải luôn tôn trọng mỗi chúng sanh quanh ta, phải học hỏi cách sống của họ hầu để thay đổi và chuyển hoá thân tâm để hướng đến con đường giải thoát của Chư Phật.

PHẨM 3 - ĐỆ TỬ

(Htr Vạn Nhiên)

Đoạn này kể về việc Phật muốn các đệ tử đi thăm cư sĩ Duy Ma Cật khi ông bị bệnh. Nhưng tất cả các vị đại đệ tử đều từ chối, vì trước đây họ từng gặp ông và bị ông chỉ dạy những giáo lý rất sâu sắc mà họ không thể đáp lại.

- **Xá Lợi Phất:** Duy Ma Cật nói rằng “ngôi thiên” không phải chỉ là ngôi yên, mà là tâm không chấp trước, sống đúng đạo trong mọi hoàn cảnh.
- **Mục Kiền Liên:** Bị nhắc rằng giảng pháp phải đúng bản chất chân thật, vượt ngoài lời nói và hình thức.
- **Ca Diếp:** Được dạy rằng lòng từ bi phải bình đẳng, không phân biệt giàu nghèo.
- **Tu Bồ Đề:** Học rằng mọi pháp đều như huyền, không nên chấp vào hình thức hay khái niệm.
- **Phú Lâu Na:** Bị nhắc phải hiểu căn cơ người nghe, không nên dạy sai pháp.
- **Ca Chiên Diên:** Được dạy rằng các khái niệm như vô thường, khổ... phải hiểu ở mức sâu hơn, vượt sinh diệt.
- **A Na Luật:** Hiểu rằng cái thấy chân thật không phải bằng mắt thường hay hình tướng.
- **Ưu Ba Ly:** Học rằng tội lỗi không có bản chất cố định, quan trọng là tâm thanh tịnh.
- **La Hầu La:** Xuất gia thật sự là buông bỏ mọi chấp trước, không phải chỉ hình thức.
- **A Nan:** Được nhắc rằng thân Phật là pháp thân thanh tịnh, không thể hiểu như thân bình thường.

Cuối cùng, tất cả đều thừa nhận trí tuệ và biện tài của Duy Ma Cật rất sâu sắc, nên không ai dám đi thăm ông.

This passage describes how the Buddha asks his disciples to visit the layman Vimalakirti, who is ill. However, all the major disciples refuse, because in the past they were each corrected or humbled by his profound wisdom.

- **Shariputra:** Learns that true meditation is not just sitting still, but having a mind free from attachment.
 - **Maudgalyayana:** Is told that teaching Dharma must go beyond words and forms, expressing ultimate truth.
 - **Mahakashyapa:** Learns that compassion must be equal, without discrimination between rich and poor.
 - **Subhuti:** Understands that all phenomena are like illusions and should not be clung to.
 - **Purna:** Is reminded to teach according to the listener's capacity.
 - **Katyayana:** Learns deeper meanings of impermanence, suffering, and emptiness beyond surface explanations.
 - **Aniruddha:** Realises true vision is beyond physical sight.
 - **Upali:** Learns that sin has no fixed nature; purity depends on the mind.
 - **Rahula:** Understands true renunciation is letting go of all attachments, not just outward form.
 - **Ananda:** Is taught that The Buddha's true nature is beyond the physical body.
- In the end, all disciples acknowledge Vimalakirti's extraordinary wisdom and eloquence, and none feel capable of visiting him.

Key Buddhist Ideas (Super Simple): Emptiness (Không)

Nothing has a fixed, permanent nature.

- Example:
 - A "cup" is just clay + shape + name
 - Without those, it's not a cup

Meaning: Everything depends on other things → nothing exists independently.

- **Non-Attachment (Không chấp)**

Don't cling to anything:

- Not things
- Not ideas
- Not even "being right"
- Example:
 - Holding anger = suffering
 - Letting go = freedom

Meaning: Peace comes when you stop holding on.

- **Illusion (Như huyễn) - Impermanence**

Life is like a dream or movie.

- Things feel real, but:
 - They change
 - They disappear

Meaning: Don't take everything as solid and permanent

- **Middle Way (Trung đạo)**

Avoid extremes:

- Not "everything exists forever"
- Not "nothing exists at all"

Meaning: Reality is in between — things exist, but they are always changing and not fixed.

- **True Wisdom**

Not just knowledge—it's direct understanding.

- Not: Reading books
- But: Seeing reality clearly

Duy Ma Cát shows that true enlightenment:

- Is not about rituals or appearance
- Is not limited to monks
- Is about deep understanding of reality

And even great disciples realise: **“We don't fully understand yet.”**

PHẨM 4 & 5 – BỒ TÁT VÀ VĂN THÙ SƯ LỢI (Htr Thiện Thuận)

Bồ tát: Nói đùa là Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisatra)

Trong phẩm này đã thấy tên của nhiều vị Bồ tát như Bồ tát Di Lặc, Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, v.v.

Tàu dịch là Giác hữu tình, nghĩa là tự mình đã giác ngộ, lại hay giác ngộ cho chúng sanh

Bồ Tát có 3 bậc:

- Những người mới phát tâm tu hành cầu pháp Đại thừa, tu hạnh Bồ Tát, là Bồ Tát mới phát tâm
- Những người học đạo Đại thừa đã lâu đời, chứng đẳng bậc Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hứng cho đến Thập Địa là bậc Bồ Tát tu lâu
- Bồ Tát chứng bậc Đẳng giác (kẻ Phật gọi là Bồ xứ Bồ Tát)

Pháp thí: có 3 cách:

- Tài thí: là dùng của cải bố thí cho người
- Tâm thí: dùng tâm từ, tâm bình đẳng ban sự vui cho người
- Pháp thí: nói pháp độ người làm những việc lợi ích chúng sanh hiện tại và vị lai

Văn Thù Sư Lợi được gọi là Pháp Vương Tử, tức là con trai của vị Pháp Vương. Bụt là một vị vua, nhưng không phải là vua chính trị, mà là vua giáo pháp, cho nên ta gọi Ngài là Pháp Vương. Nếu đã là vua thì thế nào cũng sẽ có Hoàng tử để nối ngôi, và Hoàng tử ấy được gọi là Pháp Vương tử.

Mười hai duyên khởi: Tức là 12 môn duyên phối hợp sanh khởi các pháp:

1. Vô minh: không rõ được bốn tánh
2. Hành: Hành nghiệp là những nghiệp lực phiền não trong tâm niệm
3. Thức: chỉ cho A lại da thức
4. Danh sắc: các cảm giác tư tưởng về phần tâm và các căn về hình sắc
5. Lục nhập: Sáu căn nhập với sáu trần
6. Xúc: Sáu căn xúc đối sáu trần
7. Thọ: Lãnh nạp những cảm giác tốt xấu khổ vui
8. Ái: Tham mến những vật tốt đẹp
9. Thủ: Đắm trước tham cầu những cảnh ngũ trần
10. Hữu: vì sự tham cầu nên tạo những nghiệp nhân thiện, ác, phải chịu quả báo trong ba cõi

11. Sanh: Do nghiệp nhân thiện, ác, nên phải thọ sanh trong sáu đường
12. Lão tử: Sau khi thọ sanh, thân ngũ ấm lần lần già chết

Sáu pháp Ba la mật: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ

PHẨM 6: BÁT TƯ NGHỊ

(Htr Nguyễn Mai)

Thưa quý anh chị, trước khi trình bày phẩm Bát Tư Nghị, xin quý anh chị hãy nhắm mắt lại và tưởng tượng mình đang ngồi trong một căn phòng nhỏ. Liệu căn phòng này có chứa nổi hàng ngàn người không? Anh chị cảm thấy mình có thể chứa được bao nhiêu? Chắc chắn mỗi người trong chúng ta đều hình dung khác nhau, số lượng khác nhau, và điều đó không thể diễn tả bằng lời. Đây chính là suy nghĩ thông thường của chúng ta.”

Thế nhưng Duy Ma Cật, bằng trí tuệ viên mãn, đã khiến căn phòng ấy đủ chỗ cho tất cả mà không cần mở rộng không gian. Nghe có vẻ khó tin, nhưng đây chính là bất khả tư nghị – điều vượt ngoài giới hạn suy nghĩ thông thường, chỉ có thể thấy bằng tâm thanh tịnh và trí tuệ giác ngộ. Chỉ khi đạt đến cảnh giới này, chúng ta mới thật sự hiểu được.

Thí dụ:

- Giống như cơn đau chuyển dạ của người mẹ khi sinh con, khó có thể diễn tả bằng lời cho những ai chưa từng trải qua.
- Như người bị đau mắt nhìn thấy đốm sáng, dù họ cố gắng giải thích, chúng ta cũng khó hình dung đúng những gì họ cảm nhận.

Trong phẩm này, Duy Ma Cật đối thoại với Bồ tát Văn Thù Sư Lợi về pháp giải thoát của Bồ tát và kể cả các vị Thanh văn như Xá Lợi Phất cũng không theo kịp, vì cảnh giới này vượt ngoài suy nghĩ thông thường.

Khi Xá Lợi Phất thấy phòng nhỏ mà nhiều người đến nghe pháp, ngài lo: “Làm sao đủ chỗ ngồi đây?” Nhưng Duy Ma Cật dùng trí lực, thỉnh 32.000 tòa sư tử từ một cõi Phật khác. Phòng không rộng thêm, tòa sư tử không nhỏ lại, nhưng tất cả mọi người đều có chỗ ngồi đầy đủ.

Điều này dạy chúng ta: nếu tâm còn chấp vào hình tướng, mọi việc đều có giới hạn. Khi tâm mở rộng, mọi sự trở nên vô hạn. Đây là cảnh giới tuyệt đối của trí tuệ Bát Nhã, “không thể suy nghĩ, diễn đạt bằng lời”, vượt ngoài nhị nguyên, không còn phân biệt có – không, đúng – sai.

Trong kinh, Duy Ma Cật còn hỏi Xá Lợi Phất: “Ngài đến đây cầu pháp hay cầu chỗ ngồi?” Xá Lợi Phất đáp: “Cầu pháp.” Duy Ma Cật nhắc rằng nếu thật sự cầu pháp, tâm không nên bị vướng bận chỗ ngồi. Đây là bài học quan trọng: người tu phải quán sát chính tâm mình, nhiều khi tưởng tu hành, nhưng tâm vẫn bị chấp trước những điều nhỏ nhặt.

Phẩm này còn chỉ ra: pháp chân thật không nằm trong sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nghe pháp mà chỉ bằng ý thức thông thường vẫn là pháp thế gian, chưa phải là pháp giải thoát. Người thật sự cầu pháp sẽ thấy phiền não giảm, tâm thanh tịnh. Ngược lại, nếu chỉ nghe để biết, đời sống vẫn đầy tham sân si.

Ngoài ra, phẩm nhân mạnh: Thanh văn rời sinh tử để tìm giải thoát, còn Bồ-tát vẫn sống giữa sanh tử mà tự tại, giúp đỡ chúng sinh. Đây chính là “Bất khả tư nghi giải thoát” – sống giữa thế gian mà tâm không bị ràng buộc.

Trong kinh có những năng lực vượt ngoài suy nghĩ thông thường của Bồ-tát, thí dụ:

- Đem núi Tu-di đặt vào hạt cải
- Đem nước bốn biển đặt vào lỗ chân lông

Điều này diễn tả rằng khi Bồ-tát nhận thấy bản chất Không của các pháp, không gì có thể làm chướng ngại tâm các ngài. Như kinh nói:

“Giải thoát bất khả tư nghi là ở nơi sanh tử mà không nhiễm, ở nơi Niết-bàn mà không trụ.”

Ý nghĩa: Bồ-tát sống trong bất tư nghi giải thoát, tuy hiện các việc nhưng tâm không trụ, hành động vẫn có nhưng tâm tự tại, không vướng mắc.

Từ phẩm này, chúng ta học được:

- Trí tuệ Bồ-tát vượt ngoài suy nghĩ thông thường
- Người tu không nên tự giới hạn mình trong hiểu biết nhỏ hẹp, chấp trước
- Cần mở rộng trí tuệ, phát triển đạo đức và đáng thân giúp đời

Khi tâm thanh tịnh, trí tuệ mở rộng, những điều trước kia tưởng như bất khả tư nghi trở nên khả thi. Trong cảnh giới giác ngộ, không gian và thời gian không cố định, mọi hiện tượng tùy tâm mà hiện (duy tâm).

Điều này làm tôi nhớ câu:

“Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông.”

Trên con đường tu học và phụng sự, nếu giữ tâm Bồ đề, phát huy trí tuệ và lòng từ bi, dù gặp khó khăn nào cũng đều có thể vượt qua, và cuộc đời tu học của chúng ta trở thành một điều bất khả tư nghi.

PHẨM 7 - QUÁN CHÚNG SANH

PHẨM 8 - PHẬT ĐẠO

(Htr. NGHIÊM ĐẮNG)

Kinh Duy Ma Cát (known in Sanskrit and English as the Vimalakīrti Nirdeśa Sūtra) is one of the most famous, profound, and highly influential scriptures in Mahayana Buddhism.

It stands out in the Buddhist canon because its central figure is not the Buddha or a monastic ascetic, but Duy-ma-cát (Vimalakīrti)—a wealthy, married layperson (cư sĩ) living a secular life in the city of Vaisali. Despite his worldly lifestyle, he possesses the profound wisdom and enlightenment of a highly advanced Bodhisattva.

The Core Story

The narrative begins with Duy-ma-cật feigning an illness. Because he is highly respected, the Buddha asks his closest ordained disciples and various Bodhisattvas to visit him and pay their respects. However, one by one, they all refuse. They recall past encounters where Duy-ma-cật thoroughly debated them, playfully exposing the flaws and limitations in their understanding of the Dharma.

Eventually, the Bodhisattva of Wisdom, Văn-thù-su-lợi (Mañjuśrī), agrees to go. The bulk of the sutra consists of the profound, mind-bending, and often humorous philosophical dialogues that take place in Duy-ma-cật's miraculously expanding sickroom.

Key Philosophical Themes

1. **The Lay Bodhisattva Ideal:** The sutra revolutionized Buddhist thought by teaching that a layperson deeply embedded in the everyday world can achieve the same (or greater) levels of enlightenment as a strictly ordained monk. It effectively breaks down the strict spiritual hierarchy between monastic and secular life.
2. **Non-Duality (Pháp môn Bất nhị):** This is the central philosophical pillar of the text. It teaches that humans suffer because the mind separates the world into binary opposites: good and evil, pure and impure, enlightenment (Nirvana) and the cycle of suffering (Samsara). The sutra argues that in ultimate reality, these distinctions are artificial illusions.
3. **Skilful Means (Phương tiện thiện xảo - Upāya):** Duy-ma-cật's illness is not real; it is a clever teaching device used to draw a massive audience of kings, ministers, and spiritual seekers so he can preach the Dharma to them.
4. **Emptiness (Tính Không - Śūnyatā):** The text deeply explores the idea that all phenomena are "empty" of an independent, unchanging self-nature, meaning everything exists interdependently and cannot be grasped.

The "Thunderous Silence"

One of the most famous moments in all of Eastern philosophy occurs in Chapter 9 of this sutra. When asked by Mañjuśrī to explain how a Bodhisattva truly enters the "Dharma Gate of Non-Duality," Duy-ma-cật simply remains completely silent.

This wordless response—often celebrated as his "thunderous silence"—demonstrates that ultimate truth and non-duality are completely beyond the limits of human language and conceptual thought.

Chapters Summary

Volume 1 (Quyển Thượng)

1. **Phẩm Phật Quốc (The Buddha-land):** Sets the scene with the Buddha and introduces the vast assembly.
2. **Phẩm Phương Tiện (Inconceivable Skill in Liberative Art):** Introduces Duy-ma-cật and explains his "illness" as a skillful means to teach.
3. **Phẩm Đệ Tử (The Disciples' Reluctance):** The Buddha's top disciples explain why they are too intimidated to visit Duy-ma-cật.
4. **Phẩm Bồ Tát (The Bodhisattvas' Reluctance):** The great Bodhisattvas also share stories of being outwitted by him and decline to visit.

Volume 2 (Quyển Trung)

5. Phẩm Văn Thù Sư Lợi Thăm Bệnh (Mañjuśrī's Inquiring About the Illness): The Bodhisattva of Wisdom finally agrees to visit, and the great debate begins.
6. Phẩm Bất Tư Nghì (The Inconceivable Liberation): Duy-ma-cật miraculously expands his small room to fit an infinite number of giant thrones and guests.
7. Phẩm Quán Chúng Sanh (Regarding Living Beings): Includes a famous encounter with a goddess who playfully challenges gender concepts.
8. Phẩm Phật Đạo (The Buddha Way): Discusses how enlightenment is found within the muddy realities of the everyday world, not by escaping it.
9. Phẩm Nhập Bất Nhị Pháp Môn (Entering the Dharma Gate of Non-Duality): The climax of the sutra, ending with Duy-ma-cật's famous "thunderous silence."

Volume 3 (Quyển Hạ)

10. Phẩm Hương Tích Phật (The Buddha Accumulation of Fragrances): A magical feast is brought from a distant universe where the Buddha teaches through smell rather than sound.
11. Phẩm Bồ Tát Hạnh (Actions of the Bodhisattvas): Discusses the endless vows and actions of awakened beings.
12. Phẩm Kiến A Súc Phật (Vision of the Universe Abhirati and Akṣobhya Buddha): Duy-ma-cật reveals his cosmic origins.
13. Phẩm Pháp Cúng Dường (The Offering of the Dharma): Emphasizes that practicing and teaching the Dharma is the highest form of offering.
14. Phẩm Chúc Lụy (Entrustment): The Buddha entrusts the sutra to Maitreya (Đi-lặc) and the assembly to preserve and spread its teachings.

The Illusion of "Others"

The Question: Văn-thù-sư-lợi (Mañjuśrī) asks: "How should a Bodhisattva view living beings?"

The Answer: Like a magician looking at a created illusion, like a mirage, or like the moon reflected in water.

The Paradox: We must have boundless compassion for all beings, while simultaneously understanding that "beings" lack a permanent, fixed identity.

Duy-ma-cật sets up a high-level concept here. In our daily lives and interactions, we constantly categorize people. We put them in boxes based on their behaviors, roles, or our past experiences with them. Vimalakīrti is telling us to hold immense compassion for people, while letting go of our rigid, constructed ideas of who we think they are.

7. Phẩm Quán Chúng Sanh (Regarding Living Beings):

The Goddess and the Flowers

The Test: A Heavenly Goddess scatters flowers over the assembly.

The Result: * The flowers slip right off the highly realized Bodhisattvas.

The flowers stick to the Arhats (like Xá-lợi-phất), who frantically try to brush them off because wearing flowers breaks strict rules.

The Lesson: Attachment to "purity" and strict protocols is still an attachment.

The flowers represent the things we encounter in the world. They stick to the Arhats because the Arhats still have a subtle fear of the world and a rigid attachment to their rules. The Bodhisattvas move through complex human environments with flexibility; because they don't cling to the flowers, the flowers don't stick.

7. Phẩm Quán Chúng Sanh (Regarding Living Beings):

Transcending Bias (The Gender Swap)

The Bias: Xá-lợi-phất asks the Goddess why she doesn't transform out of her female body, reflecting an ancient bias about spiritual hierarchy.

The Miracle: She uses her power to swap their bodies. Xá-lợi-phất is suddenly in the form of a woman.

The Revelation: The Goddess explains that gender, physical form, and societal labels are entirely illusory.

This is a masterclass in breaking down biases. Xá-lợi-phất was reducing the Goddess to a category. When she flips the script, she proves that true insight means looking past superficial labels, titles, and metrics to see the core potential beneath. The physical shell is just temporary conditions.

8. Phẩm Phật Đạo (The Buddha Way):

Discusses how enlightenment is found within the muddy realities of the everyday world, not by escaping it.

The Question: Mañjuśrī asks Duy-ma-cật: "How does a Bodhisattva follow the Buddha Way?"

The Radical Answer: By walking the paths of the mundane world.

The Concept: True awakening is not found by retreating to a quiet mountaintop away from society. It is found by actively engaging with the passions, errors, and complexities of human life without being consumed by them.

Chapter 8 shifts the focus to action. It argues that if you want to develop ultimate wisdom and patience, you cannot do it in a vacuum. You have to be in the thick of it. The everyday grind, the challenging interactions, and the complex projects are not obstacles to the path—they are the path.

8. Phẩm Phật Đạo (The Buddha Way):

The Lotus in the Mud

The Famous Metaphor: "The lotus does not grow in the clear, pristine sky; it grows in the muddy swamp."

The Meaning: * The Sky: Represents a detached, sterile environment free from worldly troubles (where no growth happens).

The Mud: Represents the passions, stresses, and conflicts of daily life (Kleshas).

The Lotus: Represents enlightenment, wisdom, and compassion.

This is perhaps the most famous takeaway from the sutra. You need the mud to grow the lotus. The frustrations we face, the difficult team dynamics we navigate, and our own personal shortcomings are the exact soil we need to cultivate deep wisdom. We shouldn't try to escape the "mud" of reality; we should use it.

Group Discussion Questions

1. Breaking Labels: In Chapter 7, the Goddess challenges Xá-lợi-phất's biases. In our own lives, how often do we reduce people to their "labels" (their job title, their background, their past mistakes), and how can we practice seeing past that?

2. The Flowers: What are the "flowers" in our lives that we frantically try to brush off because we are too attached to how things should be, rather than adapting to how things are?
3. The Mud: Think about the modern "mud" we deal with daily (stressful projects, challenging human dynamics, organizational friction). How can we reframe these frustrations as the necessary soil for our own growth, rather than just things to escape?

PHẨM 9 - NHẬP BÁT NHỊ PHÁP MÔN.

(Htr Viên Đức)

Phẩm nhập bát nhị pháp môn là một phần sâu sắc của tư tưởng đại thừa. Phẩm này nói về con đường bát nhị (không hai, không đối lập) nghĩa là vượt qua mọi sự phân biệt đối đãi, các cặp đối lập như có-không, đúng-sai, thiện-ác, sạch-dơ, thương-ghét v.v. trong đời sống hằng ngày chúng ta thường hay bị mắc kẹt trong phạm trù đối lập này. Nhưng thực ra, ý niệm của chúng ta được thay đổi tùy theo góc nhìn vào sự việc hiện tượng và thái độ sống của chúng ta.

Trong phẩm này, 32 vị Bồ Tát lần lượt được hỏi “thế nào là nhập pháp môn bát nhị?”. Các vị Bồ Tát lần lượt giải thích bằng cách chỉ ra rằng mọi cặp đối lập đều do tâm phân biệt tạo thành. Rằng:

- Sinh và diệt vốn không thật – nên không hai
- Tịnh và uế vốn do tâm phân biệt tạo thành – nên không hai
- Phạm và thánh nếu nhìn vào bản chất của chúng – cũng không hai
- Khi không còn chấp vào hai bên đối lập thì cánh cửa trí tuệ mở ra và đó cũng là con đường đi đến bờ giác.

Sau khi các vị Bồ Tát trình bày, đến lượt Bồ Tát Văn Thủ Sư Lợi, ngài nói : “theo tôi, bát nhị là không còn lời để nói, không còn văn tự, không còn khái niệm.” Vì khi còn diễn đạt bằng văn tự và ý niệm thì vẫn còn dùng tâm phân biệt.

Cuối cùng đến lượt ngài Duy Ma Cát, ngài chỉ im lặng và không nói gì. Sự im lặng này chính là câu trả lời sâu sắc nhất vì tột cùng chân lý không thể diễn tả bằng văn tự hay ngôn từ. Chân lý là thấy được bản chất chân thật của mọi sự vật hiện tượng, bản chất không hai của vạn pháp, cái này có vì cái kia có, cái này diệt vì cái kia diệt, mọi sự vật hiện tượng tương quan, tương duyên tạo thành, không có tính chất độc lập - tự tồn. Trong Bát Nhã Tâm Kinh có câu “sắc tức thị không, không tức thị sắc”. Vạn vật đều do trùng trùng nhân duyên sanh, không có tự tánh riêng biệt, cố định hay độc lập. Cùng với ý nghĩa này kinh Kim Cang cũng có câu “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng – phi tướng tức kiến Như Lai”. Mọi sự vật hiện tượng đều do nhân duyên giả hợp kết tạo thành, không cố định, không tự tồn. Người nào thấy được thật tướng của vạn pháp là vô tướng thì là đã thấy được pháp thân Phật vậy. Pháp thân viên nhất thiết xứ, tỳ lô giá na trong không gian vô tận và thời gian vô cùng của vũ trụ và vạn hữu. Trong kinh Hoa Nghiêm cũng có câu “Nhất thiết duy tâm tạo” cũng với ý nghĩa này, nghĩa là tất cả mọi sự vật hiện tượng và cảnh giới khổ-vui, thiện-ác đều do tâm phân biệt, nhận thức sai lầm mà cấu tạo thành. Nhấn mạnh thái độ sống và góc nhìn của chúng ta đối với tất cả các pháp quyết định hoàn cảnh thực tại của chúng ta đau khổ hay an lạc, niết bàn hay địa ngục.

Tóm lại, mọi sự vật hiện tượng đều tương quan, tương duyên với nhau. Nên hiểu và biết được chân lý tánh không của vạn pháp, chúng ta sẽ không bị chấp chặt vào các pháp nào dù là thuận pháp hay nghịch pháp. Từ đó thay đổi góc nhìn và thái độ sống trước mọi hoàn cảnh để cuộc sống chúng ta được nhẹ nhàng, trái tim của chúng ta sẽ được nở rộng ra hơn, cuộc sống

sẽ mang nhiều ý nghĩa hơn, biết thế nào là sự yêu thương, sự cho đi vô điều kiện, sẽ rất biết cách sống một cuộc sống yêu đời, yêu người và yêu mình.

PHẨM 10 – HƯƠNG TÍCH PHẬT (Htr Vạn Niệm)

Đoạn kinh tiêu biểu

“Tùy kỳ tâm tịnh, tác Phật độ tịnh.”

Nghĩa là tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh.

Đây là một trong những câu nổi tiếng nhất của Kinh Duy Ma Cát.

Câu này dạy rằng:

- thế giới chúng ta thấy
- phản ánh trạng thái tâm của mình.

Nếu tâm:

- đầy sân hận
- đầy bất mãn

thì thấy cuộc đời đầy khổ. Nhưng nếu tâm:

- bình an
- từ bi

thì thế giới cũng trở nên dễ sống hơn.

“Bồ-tát tùy kỳ trực tâm, tác năng tịnh Phật quốc độ.”

Nghĩa là Bồ-tát nhờ tâm ngay thẳng mà làm thanh tịnh cõi Phật.

“Trực tâm” nghĩa là:

- tâm chân thật
- tâm ngay thẳng
- tâm không giả dối.

Khi người tu giữ được tâm như vậy thì:

- lời nói chân thật
- hành động chân thật
- đời sống chân thật.

Chính đời sống đó làm cho thế giới chung quanh trở nên tốt đẹp hơn.

Ý nghĩa của phẩm

Phẩm này nhấn mạnh một tư tưởng rất sâu của Phật giáo Đại thừa: Tâm và thế giới có mối liên hệ mật thiết.

Nếu tâm:

- tham lam
- sân hận
- ích kỷ

thì nhìn đâu cũng thấy bất mãn. Nhưng nếu tâm:

- rộng mở
- từ bi
- an tịnh

thì cuộc đời trở nên nhẹ nhàng hơn.

Cách tu tập theo phẩm

Chúng ta có thể thực hành bằng cách:

1. Chuyển hóa tâm trước khi trách hoàn cảnh

Thay vì nói:

“Cuộc đời làm tôi khổ”

hãy nhìn lại:

“Có phải tâm mình đang bất an không?”

2. Nuôi dưỡng tâm thanh tịnh

Thông qua:

- thiền tập
- chánh niệm
- sống thiện lành.

Khi tâm thay đổi, cách chúng ta nhìn thế giới cũng thay đổi.

PHẨM 11 - BỒ TÁT HẠNH

(Htr Vạn Niệm)

Đoạn kinh tiêu biểu trong phẩm này kinh dạy về cách Bồ-tát sống giữa đời mà không nhiễm đời:

“Bồ-tát tuy hành u sinh tử, nhi bất vi sinh tử sở nhiễm.”

Ý nghĩa tu tập

Đây là tinh thần rất đặc biệt của kinh Duy Ma Cật:

- không cần rời bỏ thế gian
- không cần trốn tránh cuộc đời

mà tu ngay trong cuộc đời.

Người tu có thể:

- sống giữa xã hội
- tiếp xúc với đủ hoàn cảnh

nhưng tâm vẫn an định và thanh tịnh.

Một đoạn khác trong phẩm nói:

“Nhập chư phiền não nhi bất vi phiền não sở loạn.”

Nghĩa là đi vào giữa các phiền não nhưng không bị phiền não làm rối loạn.

Ý nghĩa tu tập

Phiền não luôn có trong đời sống:

- người làm mình khó chịu
- hoàn cảnh làm mình bực bội
- chuyện đời làm mình lo lắng.

Tu tập không phải là không có phiền não, mà là có phiền não nhưng tâm không bị cuốn theo phiền não. Đây chính là sức mạnh của định và trí tuệ.

Điểm đặc biệt của kinh Duy Ma Cật là nhấn mạnh rằng:

- Người tu không cần phải rời xa cuộc đời
- Mà phải đem trí tuệ và từ bi vào cuộc đời

Bồ-tát có thể:

- đi vào chợ đời
- tiếp xúc với đủ hạng người
- ở giữa hoàn cảnh phức tạp

nhưng tâm vẫn không chấp trước và luôn vì lợi ích chúng sinh.

Cách tu tập theo phẩm

Từ phẩm này chúng ta học được ba điều:

1. Tu ngay trong hoàn cảnh của mình

Không cần tìm một nơi đặc biệt mới tu được.

Gia đình, trường học, công việc — tất cả đều có thể trở thành đạo tràng tu tập.

2. Tập không bị hoàn cảnh chi phối

Hoàn cảnh có thể khó khăn, nhưng tâm mình không nhất thiết phải khổ theo.

3. Nuôi dưỡng tâm Bồ-tát

Luôn tự hỏi: “Việc mình làm có giúp ích cho người khác không?”

Nếu có, đó chính là Bồ-tát hạnh.

PHẨM 13 – A SÚC BỆ PHẬT

(Htr Vạn Niệm)

1. Đại ý của phẩm

Phẩm này nói về Đức Phật A Súc Bệ (Aksobhya) – vị Phật ở cõi Diệu Hỷ. Điểm đặc biệt là:

- Ngài có tên “A Súc Bệ” nghĩa là “không dao động”
- Cõi của Ngài thanh tịnh vì tâm Ngài không lay động trước mọi hoàn cảnh

Trong phẩm này, cư sĩ Duy Ma Cát đã hiện cõi Diệu Hỷ để đại chúng thấy rằng:

“Cõi Phật thanh tịnh không phải là điều xa vời, mà liên hệ trực tiếp đến tâm của người tu.”

2. Các câu kinh “đắt” trong phẩm

Câu 1: “*A Súc Bệ Phật quốc, thường thanh tịnh.*”

Nghĩa là cõi Phật A Súc Bệ luôn thanh tịnh. Cõi thanh tịnh này không phải tự nhiên có, mà là kết quả của:

- tâm không dao động
- tâm không sân hận
- tâm kiên định trong chánh pháp.

Câu 2: “*Đĩ bất động tâm, thành tựu tịnh độ.*”

Nghĩa là nhờ tâm không dao động mà thành tựu cõi thanh tịnh. Điểm cốt lõi của phẩm là tịnh độ không phải do bên ngoài tạo nên, mà do tâm bất động mà thành.

Câu 3: “*Bồ-tát tuy hiện ược độ, nhi tâm thường thanh tịnh.*”

Nghĩa là Bồ-tát tuy ở cõi ược, nhưng tâm luôn thanh tịnh. Liên hệ trực tiếp với phẩm 10 và 11:

- sống trong đời

- nhưng không bị đời làm nhiễm
đây chính là tinh thần Duy Ma Cật.

3. Ý nghĩa sâu của phẩm

Phẩm này dạy chúng ta không cần chờ đến một thế giới khác mới có tịnh độ.
Nếu tâm không sân, không dao động, không chấp trước thì ngay nơi đây đã là cõi Diệu Hý.
Ngược lại, nếu tâm đầy phiền não, dù ở nơi tốt đẹp vẫn thấy khổ.

4. Cách tu tập theo phẩm

- Tu tâm “bất động”, đây là điểm quan trọng nhất. Trong đời sống:
 - khi bị chê → không sân
 - khi gặp khó → không loạn
 - khi gặp thuận → không chấpđó là đang tập tâm A Súc Bệ.
- Giữ tâm trước cảnh
Thay vì cố thay đổi hoàn cảnh, hãy tập “Giữ tâm mình không bị hoàn cảnh làm lay động.”
- Tạo tịnh độ ngay trong đời sống
Tịnh độ không xa:
 - một lời nói nhẹ nhàng
 - một hành động giúp người
 - một tâm không sân hậnđó chính là tịnh độ hiện tiền.

5. Ba câu hỏi thường gặp (phẩm này)

Câu hỏi 1: “*Tâm bất động có phải là không cảm xúc không?*”

Trả lời: Không phải.

- Bất động không phải là lạnh lùng
- mà là không bị cảm xúc tiêu cực chi phối

Người tu vẫn có từ bi, thương người nhưng không bị sân hận, chấp trước làm dao động.

Câu hỏi 2: “*Làm sao để đạt được tâm không dao động?*”

Trả lời: Không phải một bước là đạt được. Cần thực tập từng chút: chánh niệm, nhẫn nại, quán chiếu. Mỗi lần mình bớt phản ứng, là đang tiến gần đến tâm A Súc Bệ.

Câu hỏi 3: “*Cõi Diệu Hý có thật hay chỉ là biểu tượng?*”

Trả lời: Có thể hiểu theo hai mức:

- Sự: là một cõi Phật có thật
- Lý: là biểu tượng cho tâm thanh tịnh, không dao động

Trong tu tập, điều quan trọng là Làm sao biến tâm mình thành “cõi Diệu Hý”.

6. Kết luận

Phẩm A Súc Bệ Phật dạy chúng ta một điều rất thực tế:

- Tịnh độ không xa
- Không cần đợi tương lai
- Không cần tìm nơi khác

Mà nằm ngay ở một tâm không dao động giữa cuộc đời

Nếu chúng ta:

- giữ được tâm vững vàng
- không bị hoàn cảnh làm lung lay
- sống thiện lành và từ bi

thì mỗi người đều có thể xây dựng cõi Diệu Hỷ ngay trong hiện tại.

PHẨM 13 – PHÁP CÚNG DƯỜNG

(Htr Tâm Hoa)

Pháp Cúng Dường trong Kinh Duy Ma Cật nhấn mạnh sự khác biệt giữa cúng dường hình thức và cúng dường chân thật bằng pháp.

Bối cảnh chính Phẩm này xoay quanh việc so sánh giữa: • Cúng dường vật chất (tài bảo, lễ phẩm, chùa tháp...) • Và cúng dường bằng chánh pháp (hiếu, hành, và truyền bá chân lý) Từ đó, kinh khẳng định: Pháp cúng dường là tối thượng, vượt xa mọi hình thức cúng dường khác.

Nội dung chính

a. Cúng dường lớn nhất không phải là vật chất Kinh nêu ví dụ: Dù có đem vô số châu báu, xây tháp lớn, cúng dường chư Phật khắp mười phương... thì công đức vẫn không bằng việc: • Thọ trì kinh • Hiếu nghĩa • Thực hành đúng chánh pháp Ý nghĩa: • Công đức không nằm ở số lượng hay hình thức • Mà nằm ở trí tuệ và sự chuyên hóa.

b. Thế nào là “Pháp cúng dường”? Phẩm này định nghĩa rất rõ, pháp cúng dường gồm các yếu tố:

- Tin hiểu sâu sắc giáo pháp
- Thực hành đúng lời Phật dạy
- Giảng giải, truyền bá cho người khác
- Không chấp ngã, không cầu danh lợi
- Sống đúng tinh thần giải thoát Tức là:
- Dùng chính đời sống tu tập và trí tuệ của mình để cúng dường Phật.

c. Nội dung cốt lõi của “pháp” Những điều được xem là cúng dường chân chính bao gồm:

- Quán vô thường
- Thấy rõ khổ
- Hiểu vô ngã
- Nhận ra tánh không
- Không chấp vào hình tướng hay khái niệm Đây là tinh thần đặc trưng của tư tưởng Đại thừa:
- Không dừng ở nghi lễ • Mà đi vào trí tuệ giải thoát.

d. Phê phán cúng dường hình thức Kinh ngầm chỉ ra:

- Người chỉ lo cúng dường bên ngoài mà không tu tập
- Thì công đức hữu hạn và không đưa đến giải thoát Đây là lời nhắc:
- Đừng biến đạo Phật thành hình thức lễ nghi
- Mà quên mất mục tiêu giác ngộ

e. Tinh thần Bồ-tát Pháp cúng dường còn thể hiện qua:

- Giúp chúng sinh hiểu đạo
- Dẫn dắt họ ra khỏi khổ đau
- Hành động vì lợi ích người khác Đây chính là:

- Con đường của Bồ-tát đạo
- Lấy trí tuệ và từ bi làm nền tảng

Thông điệp cốt lõi Phẩm 13 muốn khẳng định một điều rất mạnh mẽ:

• Cúng dường cao quý nhất là sống và truyền bá chánh pháp, không phải chi dâng vật chất. Nói cách khác:

➤ Hiểu đạo → Sống đạo → Giúp người hiểu đạo = Công đức tối thượng

Ý nghĩa thực tiễn Phẩm này đặc biệt có giá trị trong đời sống hiện đại: • Không cần phải giàu mới “cúng dường lớn” • Người bình thường vẫn có thể:–Sống tử tế–Hiểu đúng–Giúp người bớt khổ Đó chính là cúng dường cao nhất

PHẨM 14 – CHÚC LỤY

(Htr Tâm Hoa)

Chúc Lụy của Kinh Duy Ma Cật, là phần kết thúc mang ý nghĩa trao truyền và phó chúc giáo pháp Đại thừa. Nội dung không dài nhưng rất cô đọng và mang tính tổng kết toàn bộ tinh thần kinh.

Bối cảnh: Sau khi toàn bộ các cuộc đối thoại sâu sắc giữa Duy Ma Cật và các Bồ-tát, Thanh văn kết thúc, Đức Phật tiến hành: Phó chúc (giao phó) kinh này cho hàng Bồ-tát để lưu truyền trong đời sau.

Nội dung chính

a. Đức Phật giao phó kinh Đức Phật dạy:

- Kinh này là pháp sâu xa, khó hiểu, khó tin
- Không phải ai cũng có thể tiếp nhận

Vì vậy: Ngài giao cho các vị Bồ-tát có trí tuệ và đại nguyện:

- Gìn giữ
- Truyền bá
- Giảng giải cho đời sau

b. Vai trò của Bồ-tát các vị Bồ-tát được nhấn mạnh phải:

- Không sợ hãi khi giảng pháp sâu, kiên nhẫn với người chưa hiểu, tùy căn cơ mà hướng dẫn
- Giữ tâm từ bi khi truyền bá, điều này cho thấy truyền pháp không chỉ là kiến thức, mà là trách nhiệm và hạnh nguyện

c. Công đức của việc thọ trì kinh Kinh khẳng định người nào thọ trì (giữ gìn), đọc tụng, giảng nói, thực hành theo kinh sẽ có công đức rất lớn, vượt hơn cúng dường vật chất thông thường. Ý này tiếp nối trực tiếp Phẩm 13 –Pháp Cúng Dường.

d. Những khó khăn khi truyền bá:

Phẩm này cũng ngầm chỉ ra: Người đời sau có thể nghi ngờ không tin, chấp vào hình thức vì vậy, người truyền pháp cần:

- Kiên định
- Không thoái tâm
- Không vì phản đối mà bỏ cuộc

e. Lời phát nguyện của đại chúng sau khi nghe phó chúc:

- Các vị Bồ-tát hoan hỷ
- Phát nguyện:
 - Giữ giữ kinh
 - Truyền bá rộng rãi
 - Làm lợi ích chúng sinh

Đây là sự xác nhận: • Pháp sẽ được tiếp nối trong tương lai.

Ý nghĩa cốt lõi Phẩm 14 nhấn mạnh 3 điểm lớn:

1. Chánh pháp cần được trao truyền, giáo lý không tự tồn tại, phải có người hiểu và tiếp nối.
2. Truyền pháp là trách nhiệm của người tu, không chỉ tu cho riêng mình, mà còn giúp người khác giác ngộ
3. Trí tuệ phải đi cùng từ bi, hiểu sâu nhưng phải biết cách nói, nói đúng nhưng phải hợp căn cơ.

Áp dụng Kinh Duy Mat Cật trong cuộc sống hằng ngày

Sống giữa đời, làm việc như mọi người, nhưng tâm không bị trôi buộc và luôn hướng đến trí tuệ + từ bi:

1. Sống giữa đời nhưng không bị đời chi phối
2. Thực hành “bất nhị” (không chia đôi)
3. “Pháp cùng đường” = sống đúng, không phải chỉ nghi lễ
4. Biến mọi hoàn cảnh thành “đạo tràng”
5. Trí tuệ đi cùng từ bi
6. Không chấp hình thức “tu”
7. Làm việc nhưng không đánh mất mình
8. Giúp người mà không chấp công
9. Đối diện khổ đau bằng trí tuệ

Bất Nhị Tư tưởng “bất nhị” là trái tim của Kinh Duy Ma Cật. Nếu hiểu được điểm này, là gần như nắm được toàn bộ tinh thần của kinh, nhưng đây cũng là phần khó nhất, vì nó đi ngược lại cách suy nghĩ quen thuộc của chúng ta.

Đúc kết

(Htr Tâm Thọ)

1. Đề cao sự tu tập của Cư Sĩ. Kinh DMC không phải là đưa người Cư Sĩ cao hơn là người tu sĩ. Tinh thần tu học của Bồ Tát đạo là giải thoát cho mình và cho mọi người.
2. Kinh đề cao Pháp Tánh hơn là Pháp Tướng. Pháp Tướng là những gì mình thấy được qua 6 căn. Pháp tánh là cái bên trong tâm nhìn không thấy.
3. Pháp môn bất nhị là chân đề thế giới của Phật và các vị Bồ tát. Là con đường trung đạo.
4. Vì chúng ta còn xa cơ nên chúng ta cần phải dựa vào Pháp Tướng để mà tu không nên theo tư tưởng Pháp Tánh của Ngài Huệ Năng trong Pháp Bảo Đàn Kinh. Hãy tu từ căn bản khi nào mình có đủ căn cơ và năng lực thì mới bước vào Pháp môn bất nhị.

Kết luận Kinh DMC mang tư tưởng Bồ Tát đạo giáo hóa chúng sanh vì thế Đạo Phật mới phát triển ra các nước khác. Thì ĐĐPT của chúng ta cũng vậy, Huỳnh trưởng chúng ta cũng đang đi trên con đường Bồ Tát đạo. Đem Phật Pháp đến các em đoàn sinh của mình hầu mong Đạo Phật phát triển và chúng sanh đều được giải thoát.

Hỏi: “*Tại Sao Các Bồ Tát Ở Cõi Hương Tích Mà Lại Có Thể Dùng Con Mắt Kính Thường Cõi Ta Bà Là Hạ Liệt (Thấp Kém)?*”

TRẢ LỜI:

Htr Tâm Như:

Trong Kinh Duy Ma Cát, khi các Bồ Tát ở cõi Hương Tích chuẩn bị sang cõi Ta Bà, Đức Phật Hương Tích dặn rằng không được dùng “con mắt Bồ Tát” để khinh thường cõi Ta Bà là hạ liệt. Điều này mang ý nghĩa giáo lý rất sâu sắc.

1. Vì sao có thể sinh tâm xem Ta Bà là “thấp kém”?

Các Bồ Tát ở cõi Hương Tích sống trong một thế giới:

- Thanh tịnh, trang nghiêm
- Không nhiều khổ đau
- Chúng sinh có căn cơ cao
- Môi trường thuận lợi cho tu tập

Trong khi đó cõi Ta Bà (thế giới của chúng ta):

- Có sinh – lão – bệnh – tử
- Nhiều tham, sân, si
- Chiến tranh, bất công, khổ đau
- Chúng sinh khó giáo hóa hơn

Vì sự khác biệt lớn này, nếu còn tâm phân biệt, một số vị có thể cho rằng Ta Bà là nơi “ô trược”, kém thanh tịnh hơn nên dễ sinh tâm đánh giá thấp. Nhưng Đức Phật Hương Tích nhắc nhở như vậy để ngăn chướng trước.

2. Ý nghĩa sâu xa: Không có cõi nào thực sự thấp hay cao

Theo tinh thần Đại thừa cảnh giới thanh tịnh hay không phụ thuộc vào tâm.

Nếu tâm thanh tịnh thì:

- Ta Bà cũng là Tịnh độ
- Khổ đau cũng là cơ hội tu hành
- Nơi khó khăn lại tạo điều kiện phát triển lòng từ bi

Bồ Tát chân chính không phân biệt hơn – kém, vì:

- Mọi cõi đều do nhân duyên mà có
- Chúng sinh ở đâu cũng có Phật tính
- Nơi nhiều khổ đau lại càng cần Bồ Tát hơn

3. Vì sao Ta Bà lại đặc biệt quan trọng với Bồ Tát?

Cõi Ta Bà được xem là nơi:

- Có nhiều thử thách → cơ hội rèn luyện hạnh nhẫn nhục
- Có nhiều người đau khổ → cơ hội thực hành từ bi
- Có nhiều vô minh → cơ hội phát huy trí tuệ

Do đó, Bồ Tát đến Ta Bà không phải để phán xét, mà để:

- cứu giúp
- đồng cảm
- giáo hóa

- cùng tu với chúng sinh

4. Bài học cho người học Phật

Lời dẫn này nhắc rằng:

- Không nên nghĩ mình “tốt hơn” người khác
- Không nên xem hoàn cảnh mình sống là “kém may mắn”
- Không nên xem thường những người còn nhiều phiền não

Thay vào đó:

- mỗi hoàn cảnh đều có giá trị tu học
- nơi khó khăn chính là nơi phát triển tâm Bồ Tát

Htr Nguyễn Mai

Các Bồ Tát ở cõi Hương Tích khinh thường cõi Ta Bà vì cho là cõi Ta Bà không thanh tịnh, còn có sanh lão bệnh tử, và con người còn bị chi phối bởi tham, sân, si, nên việc tu tập khó khăn và thấp kém hơn. Tuy nhiên, đây là cái nhìn chưa rõ ràng, vì vẫn chấp vào hình tướng phân biệt giữa tịnh và uế. Vì vậy, Duy Ma Cật đã phá bỏ cái chấp tướng này bằng cách chỉ ra như phẩm Phật đạo có ẩn dụ Hoa Sen trong bùn “Hoa sen không mọc trên bầu trời trong sạch; nó mọc trong đầm lầy bùn.”” để cho thấy dù sống trong đời ô trược, đầy phiền não, nhưng nếu phát tâm tu tập chân chánh vẫn có thể giác ngộ và giải thoát. Thí dụ trong đời sống chúng ta, luôn gặp khó khăn, chướng duyên trong cuộc sống nhưng vẫn nỗ lực vượt qua thì cũng đạt được thành công và đáng quý. Vì vậy, chính trong hoàn cảnh thử thách như cõi Ta Bà, sẽ giúp có nhiều cơ hội rèn luyện và tu tập tốt hơn.

Biên Bản họp chúng Tâm Huệ HK-VH3HN

(đề tài phẩm Phật quốc và phẩm phương tiện kinh Duy Ma Cật)

Thời gian: 6 giờ chiều ngày 7/3/26 trên google meet.

1. Nghi thức

Niệm Hồng Danh Đức Bổn Sư

Điều Hành: Htr.Trường nhóm Nguyên Tâm

Thư Ký: Htr.Thư Ký nhóm Quảng Thọ

Kiểm diện:

Htr. Nguyên Tâm Thái Xuân Hùng

Htr. Diệu Đào Đình Thị Quỳnh Anh

Htr. Nguyên Chiêu Lữ Liệt Phi

Htr. Quảng Đăng Ngô Thị Lý

Htr. Quảng Thọ Đoàn Như Tùng

Htr.Tâm Tịnh Lạc Đoàn Văn Thuận

Htr.Quảng Tín Ngô Thị Thuỳ Trang

Htr. Nguyên Hạnh Trần Đình Cương

Vắng mặt:

Htr. Quảng Mỹ Võ Thị Thuý Hương

Htr. Nguyên Liên Đặng Thị Hương

2. Nghị luận

-Các anh chị chúng Tâm Huệ thảo luận 2 phẩm của kinh Duy Ma Cật: Phẩm Phật quốc và phẩm phương tiện.

Theo lời giảng của thầy giảng sư về sự phá chấp của ngài Duy Ma Cật.

Tham khảo thêm sách Bồ Tát tại gia và xuất gia của thiền sư Nhất Hạnh về kinh Duy Ma Cật.

Nội dung chính của lời giảng 2 phẩm của thầy giảng sư

là nói đến trí tuệ của ngài Duy Ma Cật giả bệnh, các đệ tử Phật đều không đến sợ ngài Duy Ma Cật chất vấn nên không dám đến chỉ có ngài Văn Thù Sư Lợi đến đòi đáp.

Đề cao phẩm hạnh của Duy Ma Cật, đề cao vai trò của Phật tử tại gia.

Thầy giảng sư có nói thân này chỉ là hình thức mà chính là pháp thân tu tập.

Có thể giải thích bình đẳng, bất nhị?

Không có 2, tất cả đều không, không phân biệt theo sự đối đáp của ngài Văn Thù im lặng khi ngài Duy Ma Cật hỏi.

Về bình đẳng trong đạo Phật, không phân biệt giàu nghèo sang hèn. Vượt ra ngoài quan niệm của thế gian. Tùy theo quan điểm cao hay thấp, nghiệp của mỗi người. Học kinh với tâm trạng bao dung, thư thái.

Ngài Duy Ma Cật dùng phẩm phương tiện hoá độ chúng sanh.

Tại sao thời kỳ đó chỉ nhắc đến ngài Duy Ma Cật mà không nhắc các vị khác?

Ngài Duy Ma Cật dùng vô lượng phương tiện như việc giả bệnh để nói về bất nhị.

Các bản kinh ra đời sau 150 năm sau Phật nhập diệt trong đó có kinh Duy Ma Cật, kinh Thắng Man... Do điều kiện lịch sử xã hội, các học giả Phật Giáo muốn hiển dương Phật Giáo mà đưa ra Duy Ma Cật, Thắng Man...

Các câu hỏi gửi đến cho BDH gửi cho giảng sư:

1 Có nên dùng trí tuệ nhân tạo AI như là phương tiện giảng giải tóm lược đúc kết về tài liệu Phật Pháp?

2 Tại sao gọi là kinh Duy Ma Cật? là hàng cư sĩ tại gia, những lời đức Phật nói ra mới gọi là kinh.

3. Linh tinh:

Nhắc lại các anh chị có hình nào lễ khai khóa gửi cho thư ký.

4. Hồi hướng

Buổi học thảo luận kết thúc và hồi hướng lúc 7:20 tối

Vạn Hạnh 3 Hải Ngoại
Chúng Tâm Kiểm – Hoa Kỳ
Biên Bản
Buổi học Kinh Duy Ma Cật

Địa điểm: Họp qua Google Meet
Thời gian: 5:20 chiều (giờ CA) ngày 22 tháng 3 năm 2026

I. Nghi Thức:

Niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

II. Giới thiệu Huynh Trưởng tham dự:

Chủ tọa: Quảng Dũng - Hồ Chí Cường (Bảo Huynh của Chúng Tâm Kiểm)

Điều hành: Tâm Tường - Lê Đình Cát

Thư ký: Phương Hiếu - Trần Thị Thu Thắm

Huynh Trưởng tham dự:

- 1.- Nguyễn Liễu - Trương Thị Túy
- 2.- Nguyễn Minh - Nguyễn Đắc Quang
- 3.- Nguyễn Phú - Vũ Quang Vinh
- 4.- Diệu Hoàng - Dương Thị Nga
- 5.- Quảng Tịnh - Sử Thị Diễm Thúy
- 6.- Quảng Đài - Huỳnh Ngọc Minh Trang
- 7.- Quang Minh - Võ Quang Trung Nhân (Học qua Phone)

Trong buổi học kinh này chúng tôi đã được Huynh Trưởng Bảo Huynh Quảng Dũng - Hồ Chí Cường đã cùng hoan hỷ tham dự.

III. Nội Dung

1. Mục đích: Học Kinh Duy Ma Cật

Đây là buổi học kinh đầu tiên của Chúng Tâm Kiểm; để hầu tạo sự đoàn kết giữa các học viên/chúng, đồng viên các anh chị huynh trưởng cùng nhau tu học và truyền tải những thông tin, bài học đến các học viên.

2. Thảo luận: Trong buổi học Kinh này chúng tôi gồm;

- a. có 2 câu hỏi gợi ý về Kinh Duy Ma Cật do Huynh Trưởng Phương Hiếu sưu tầm và 2 câu hỏi do Thầy Hạnh Tấn đặt ra .
- b. Và qua hơn một tiếng đồng hồ học các anh chị em trong Chúng đã thảo luận một cách sôi nổi và tích cực

Dưới đây là ghi chú tổng hợp từ buổi thảo luận Kinh Duy Ma Cật của chúng Tâm Kiểm

Nhân cách huyền thoại Duy Ma Cật:

Duy Ma Cật (Vimalakirti) là hình tượng cư sĩ bồ-tát lý tưởng trong kinh điển Đại thừa, tiêu biểu cho trí tuệ siêu việt và phương tiện thiện xảo. Ông hiện thân là một trưởng giả giàu có, nhập thế, sống giữa đời thường nhưng tâm không nhiễm ô, thể hiện đạo Phật gắn liền với cuộc sống, xóa nhòa ranh giới giữa xuất gia và tại gia. Nhân cách và đặc điểm nổi bật của Duy Ma Cật:

Bồ-tát tại gia trí tuệ: Không xuất gia nhưng Duy Ma Cật đạt trình độ chứng ngộ thâm sâu, am tường giáo lý, thậm chí trí tuệ còn vượt qua cả các vị đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca.

Phương tiện thiện xảo: Sử dụng cuộc sống đời thường làm phương tiện hoằng pháp. Ông dùng sự giàu sang để giúp người nghèo, dùng đạo lý để cảm hóa người khác, và đặc biệt là phương tiện "bệnh" (giả bệnh) để thuyết giảng về tính Không và bản chất của thân xác.

Nhập thế và không nhiễm ô: Sống giữa dòng đời (nhập thế), thực hiện đầy đủ nghĩa vụ xã hội nhưng không bị ràng buộc bởi vật chất hay dục vọng (xuất thế).

Tư tưởng "Bất nhị" (Không hai): Nhân cách Duy Ma Cật thể hiện sự hợp nhất giữa phàm và thánh, đời và đạo, phiền não và bồ-đề, biểu hiện rõ nhất qua phẩm "Nhập bất nhị pháp môn".

Tâm bình đẳng: Ông đối xử với mọi chúng sinh bằng tâm từ bi bình đẳng, không phân biệt giàu nghèo, cao thấp, thể hiện sự bao dung và tình thương lớn.

Nhân cách Duy Ma Cật là một biểu tượng, một huyền thoại về người cư sĩ sống trọn vẹn giữa đời nhưng vẫn đạt được sự giải thoát tuyệt đối, đây là nhân cách hóa cho việc vận dụng phương tiện, đưa đạo vào đời.

Quý anh chỉ nghĩ như thế nào khi biết rằng kinh Duy Ma Cật được ra đời vào thế kỷ thứ 1 sau công Nguyên, hơn 500 sau khi nhập Niết bàn?

Xét trên phương diện tôn giáo – xã hội, kinh Duy Ma Cật nhấn mạnh rằng người tu không chỉ tìm sự an lạc cho riêng mình, mà còn biết quan tâm và giúp đỡ người khác. Hình ảnh cư sĩ Duy Ma Cật được đề cao như một vị Bồ-tát tại gia: vừa tu tập cho bản thân, vừa dẫn thân phụng sự xã hội.

Tuy là cư sĩ, nhưng trí tuệ và sự giác ngộ của Ngài được xem là vô cùng sâu sắc, gần với các bậc đại giác ngộ. Ngài khéo léo sử dụng ngôn ngữ, hình tướng và các phương tiện thiện xảo để phá chấp, dùng lời để vượt qua lời, dùng hình tướng để phá chấp vào hình tướng, từ đó chỉ ra bản chất "không" của vạn pháp. Điều này giúp người học vượt qua cái nhìn hạn hẹp, hướng đến con đường rộng lớn của Bồ-tát đạo: chuyển hóa tự thân và giúp người khác hiểu được chân lý, nhận ra Phật tánh nơi chính mình.

Chúng ta cần hiểu rằng kinh Duy Ma Cật là một trong nhiều bộ kinh xuất hiện sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn. Tuy ra đời muộn, nhưng kinh là sự tiếp nối và khai triển trí tuệ giác ngộ của Đức Phật thông qua sự chứng ngộ của các bậc thầy đi sau.

Thời điểm kinh Duy Ma Cật xuất hiện cũng là giai đoạn Phật giáo cần được chấn hưng và phát triển. Phong trào Phật giáo Đại thừa được xiên dương mạnh mẽ nhằm khẳng định rằng giác ngộ không phải là đặc quyền của riêng hàng xuất gia. Người cư sĩ cũng có thể tu tập theo giáo pháp của Đức Phật để đạt được an lạc, giải thoát và hạnh phúc chân thật, chứ không chỉ đóng vai trò hộ pháp qua việc cúng dường hay hỗ trợ các bậc xuất gia.

Chính trong bối cảnh đó, tư tưởng Đại thừa mở rộng cánh cửa Phật pháp đến với tất cả mọi người, bao gồm cả hàng cư sĩ, giúp họ có thể thâm nhập và ứng dụng giáo lý vào đời sống hằng ngày.

Vì vậy, dù kinh Duy Ma Cát được hình thành hơn 500 năm sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, nhưng vẫn là một bộ kinh vô cùng giá trị, phản ánh sự phát triển sống động của Phật pháp và tinh thần nhập thế sâu sắc của đạo Bồ-tát.

Tại sao chúng ta không thấy được tịnh độ quốc của đức Phật Thích Ca. Các pháp của ngài tại sao chúng sinh không thấy được(Câu hỏi thầy Hạnh Tấn đặt ra để các trại sinh Vạn Hạnh suy ngẫm)

Trước hết, theo tinh thần của kinh Duy Ma Cát, chúng ta cần hiểu rằng Tịnh độ không nhất thiết chỉ là một cõi nước ở đâu đó xa xăm, mà trước hết là một cảnh giới được biểu hiện qua tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh thì thế giới hiện ra thanh tịnh; khi tâm còn ô nhiễm bởi phiền não, chấp trước, phân biệt, thì cảnh giới trước mắt cũng trở nên nhiễm ô, nặng nề, bất an.

Nói cách khác, không phải Tịnh độ không có mặt, mà là vì tâm chúng sinh còn bị che mờ nên không đủ khả năng nhận ra.

Tâm là yếu tố quyết định cách ta thấy thế giới: Trong đời sống hằng ngày, chúng ta có thể kiểm nghiệm điều này rất rõ. Có những ngày mình đi sinh hoạt với tâm rất nhẹ nhàng, khỏe khoắn, có chánh niệm, có năng lượng. Hôm đó mình thấy các em dễ thương hơn, công việc cũng xuôi hơn, lời nói của người khác mình cũng dễ cảm thông hơn. Cùng một đạo tràng, cùng một môi trường, cùng những con người đó, nhưng ta cảm thấy rất an lạc.

Ngược lại, có những ngày mình mệt mỏi, tâm bị căng thẳng, lo âu, hoặc bị một chuyện gì đó kéo đi. Lúc đó cũng chính con người ấy, công việc ấy, hoàn cảnh ấy, nhưng mình dễ thấy khó chịu, nặng nề, bực bội, và có khi nói năng hay cư xử chưa được dễ thương. Như vậy, cái thay đổi nhiều khi không phải hoàn cảnh bên ngoài, mà là chất lượng tâm của mình.

Cho nên, khi nói đến việc không thấy được Tịnh độ quốc của Đức Phật Thích Ca, ta có thể hiểu rằng: Tịnh độ vẫn hiện hữu, nhưng vì tâm ta chưa tịnh nên cảnh tịnh chưa hiện ra.

Tâm nhiễm ô thì thấy cõi Ta-bà; tâm thanh tịnh thì thấy Tịnh độ: Theo tinh thần Đại thừa, đặc biệt trong kinh Duy Ma Cát, cõi Phật thanh tịnh hay không còn tùy thuộc vào tâm của chúng sinh. Khi tâm còn tham lam, sân hận, si mê, hơn thua, phân biệt, chấp ngã, thì dù sống giữa giáo pháp của Phật, ta vẫn cảm nhận thế giới này là đầy khổ đau, mâu thuẫn, bất toàn.

Nhưng khi tâm được chuyển hóa, có chánh niệm, có từ bi, có trí tuệ, bớt dính mắc vào cái tôi, thì cùng sống trong đời này, ta bắt đầu thấy được những chất liệu của Tịnh độ: sự bình an trong tâm, sự cảm thông trong quan hệ, sự nhẹ nhàng trong cách nhìn người, sự thanh thoi trước hoàn cảnh.

Tịnh độ vì vậy không phải chỉ là nơi để đi đến sau khi chết, mà còn là một thực tại có thể được tiếp xúc ngay trong hiện tại, nếu tâm mình đủ thanh tịnh.

Tại sao các pháp của Phật có đó mà chúng sinh không thấy?

Thật ra, các pháp của Đức Phật không phải là không hiện hữu. Giáo pháp vẫn còn đó: vô thường, vô ngã, nhân quả, duyên sinh, từ bi, trí tuệ, con đường chuyển hóa khổ đau, tất cả đều đang vận hành trong đời sống. Nhưng chúng sinh không thấy được vì:

*Bị vô minh che lấp: Chúng ta thường nhìn sự vật bằng thành kiến, tập khí, cái tôi, và cảm xúc chủ quan. Vì vậy, ta thấy theo ý mình hơn là thấy đúng bản chất của sự vật. Đức Phật dạy mọi

pháp đều do duyên sinh, không có tự tính cố định; nhưng ta lại chấp cái gì cũng là “thật”, là “của tôi”, là “phải như ý tôi”. Chính vô minh ấy làm ta không thấy được pháp.

* Bị vọng tưởng và phân biệt dẫn dắt: Tâm mình thường không yên. Hết nghĩ chuyện này tới chuyện kia, hết so đo, lo lắng, buồn giận rồi hy vọng. Vì tâm quá bận rộn nên không có khả năng phản chiếu sự thật một cách trong sáng. Tâm có thể dung chứa rất nhiều đối tượng cùng lúc; chỉ cần khởi nghĩ đến đâu thì hình ảnh đó hiện ra trong tâm. Khi tâm rộng, rộng, sáng thì sự vật hiện rõ; còn khi tâm bị lôi kéo, xáo trộn, thì không thấy rõ được gì .

* Bị nghiệp và tập khí chi phối: Chúng ta sống lâu ngày trong thói quen phản ứng: thích thì bám, ghét thì đẩy ra, vừa ý thì gần, không vừa ý thì xa. Vì tập khí sâu dày nên khi gặp cảnh, mình phản ứng rất nhanh, rất mạnh, trước khi có cơ hội nhìn bằng chánh niệm và trí tuệ. Điều này làm cho giáo pháp tuy đã học, đã nghe, nhưng khi đụng việc thật thì không áp dụng được ngay.

* Một lý do nữa khiến chúng ta không thấy được Tịnh độ là vì tâm phân biệt quá mạnh.

Ta thương người hợp với mình, dễ chịu với người làm mình hài lòng, nhưng khó mở lòng với người trái ý, người làm mình phiền, hay người có lỗi. Trong khi đó, tinh thần Bồ-tát đạo và tinh thần thanh tịnh tâm là học nhìn mọi người bằng tâm không phân biệt, không thiên lệch.

Điều này nói thì dễ nhưng làm thì khó. Chính sự khó đó lại là chỗ tu. Vì khi mình bắt đầu nhận ra tâm phân biệt của mình, mình mới có cơ hội chuyển hóa nó. Mỗi lần bớt chấp một chút, bớt giận một chút, bớt phản ứng một chút, là mỗi lần tâm mình gần với Tịnh độ hơn.

Tóm lại, chúng ta không thấy được Tịnh độ quốc của Đức Phật Thích Ca không phải vì Tịnh độ không có, mà vì tâm chúng ta còn bị vô minh, phiền não, chấp trước và phân biệt che lấp. Các pháp của Phật vẫn hiện hữu, vẫn đang vận hành trong đời sống, nhưng vì tâm chưa đủ lắng, chưa đủ sáng, chưa đủ thanh tịnh nên chúng ta không nhận ra.

Vì vậy, con đường tu không phải là đi tìm một cõi nào khác ở bên ngoài trước tiên, mà là quay về thanh lọc tâm mình. Khi tâm dần trong sáng, ta sẽ thấy rằng ngay giữa cõi Ta-bà này, những hạt giống của Tịnh độ vốn đã có mặt.

Phật Hương Tích: Cõi Nhất Thiết Diệu Hương, tất cả chúng sanh ở đó nhận biết pháp qua mùi hương. Ngài DMC dùng thần lực của mình để lên cõi tịnh độ của Phật Hương Tích, và mang về cõi Ta bà. Đồng thời các vị Bồ tát của cõi Hương Tích cũng muốn về cõi Ta Bà để đánh lễ Phật Thích Ca. Phật Hương Tích khuyên các Bồ tát không nên khởi tâm coi chúng sanh cõi Ta bà là hạ liệt (tại sao một bồ tát lại suy nghĩ như vậy)? (câu hỏi thầy Hạnh Tân đặt trong bài giảng tháng 2/2026)

Trong kinh Duy Ma Cát, hình ảnh cõi Nhất Thiết Diệu Hương của Phật Hương Tích mở ra một cảnh giới thanh tịnh, nơi chúng sanh tiếp nhận giáo pháp qua hương thơm. Khi các vị Bồ-tát từ cõi này muốn đến cõi Ta-bà để đánh lễ Đức Phật Thích Ca, Phật Hương Tích đã nhắc nhở các vị: không nên khởi tâm coi chúng sanh cõi Ta-bà là hạ liệt.

Lời nhắc nhở ấy thoát nghe có vẻ lạ: tại sao một vị Bồ-tát, người đang tu trên con đường giác ngộ, lại có thể khởi tâm như vậy? Nhưng nếu nhìn sâu, ta sẽ thấy đây không phải là câu chuyện của riêng các vị Bồ-tát, mà chính là tấm gương phản chiếu tâm của mỗi chúng ta.

Trong đời sống hằng ngày, ta rất dễ rơi vào những suy nghĩ so sánh và phân biệt. Có khi ta nhìn sang đôn vị khác và nghĩ rằng họ giỏi hơn, mạnh hơn, tốt hơn; rồi quay lại thấy đôn vị mình

“yếu”, “kém”, “không bằng”. Có khi ta so sánh giữa các em: em này ngoan hơn, em kia khó hơn. Thậm chí, đôi khi ta cũng khởi tâm mong muốn được ở một môi trường “tốt hơn”, “dễ hơn”, “thuận lợi hơn”. Ngược lại, cũng có lúc ta thấy mình hoặc nhóm mình tốt hơn người khác, rồi sinh tâm tự hào, hoặc vô tình xem nhẹ người khác.

Những tâm niệm ấy tưởng chừng rất bình thường, nhưng nếu quán chiếu kỹ, đó chính là tâm phân biệt hơn thua, cao thấp, và sâu xa hơn là tâm hạ liệt. Khi ta đặt mình lên trên người khác, ta đang hạ thấp họ. Khi ta tự ti, cho rằng mình không bằng người khác, ta cũng đang hạ thấp chính mình. Cả hai đều là biểu hiện của cái nhìn chưa trọn vẹn.

Gốc rễ của tâm này nằm ở ngã chấp và thói quen so sánh. Ta quen nhìn thế giới qua lăng kính “tôi và người”, “tốt và xấu”, “hơn và kém”. Nhưng con đường Bồ-tát mà Đức Phật dạy lại đi theo hướng ngược lại: buông bớt phân biệt, mở rộng lòng từ, và thấy được giá trị nơi tất cả chúng sinh.

Một trong những bài học quan trọng ở đây là: đừng chạy theo tâm lý “có bên kia đòi luôn xanh hơn”. Ta thường nghĩ rằng nơi khác tốt hơn, môi trường khác dễ hơn, người khác giỏi hơn. Nhưng thực ra, điều quan trọng không phải là nơi mình đang ở “có hoàn hảo hay không”, mà là mình có đang sống và tu tập hết lòng trong hoàn cảnh hiện tại hay chưa.

Một đơn vị không cần phải đông mới gọi là mạnh. Một môi trường không cần phải hoàn hảo mới có giá trị. Điều làm nên “sức mạnh” thực sự là: sự có mặt trọn vẹn, sự chân thành trong phụng sự, sự kiên nhẫn trong tu học, và tình thương dành cho những người mình đang đồng hành.

Khi ta làm việc không phải để được công nhận, không phải để chứng tỏ mình giỏi, mà để mang lại lợi lạc và chuyển hóa, thì chính lúc đó ta đang bước đi đúng trên con đường Bồ-tát. Tinh thần này cũng được nhấn mạnh trong kinh Pháp Hoa: tất cả chúng sinh đều có khả năng thành Phật. Vì vậy, không có ai là “thấp kém” theo nghĩa tuyệt đối. Mỗi người chỉ đang ở một giai đoạn khác nhau trên con đường học hỏi và chuyển hóa.

Khi hiểu được điều này, ta bắt đầu thay đổi cách nhìn: thay vì phán xét, ta học cách cảm thông;

thay vì so sánh, ta học cách nâng đỡ; thay vì chê trách, ta học cách khuyến khích. Ta có thể bắt đầu nhìn thấy nơi mỗi đoàn sinh một hạt giống Phật tánh, một vị Phật trong tương lai. Và chính cách nhìn đó sẽ nuôi dưỡng sự kiên nhẫn, tình thương và trí tuệ trong cách ta hướng dẫn và đồng hành.

Cuối cùng, lời nhắc của Phật Hương Tích không chỉ dành cho các vị Bồ-tát trong kinh, mà dành cho tất cả chúng ta hôm nay: Trên con đường tu học, điều quan trọng không phải là mình đang ở đâu, mà là mình đang nhìn người khác và nhìn chính mình bằng tâm nào. Khi ta buông được tâm phân biệt, không còn xem ai là hạ liệt, cũng không tự xem mình là kém cỏi, thì tâm ta trở nên rộng mở hơn. Và chính trong sự rộng mở đó, con đường Bồ-tát dần hiện ra, không xa xôi, mà ngay trong từng suy nghĩ, lời nói và hành động của đời sống hằng ngày.

Người Huỳnh Trưởng Phật tử chúng ta nên thực tập như thế nào để xứng đáng với tinh thần Bồ-tát đạo trong kinh Duy Ma Cát?

Tịnh độ không xa rời đời sống hằng ngày, tâm tịnh thì quốc độ tịnh: Ví dụ trong sinh hoạt Gia Đình Phật Tử, có khi mình đến với tâm an tĩnh, chuẩn bị kỹ, có năng lượng thương yêu, thì buổi sinh hoạt hôm đó rất vui, rất nhẹ. Mình thấy các em đáng thương hơn là đáng trách. Mình có thể nói lời nhắc nhở rất mềm mại mà vẫn hiệu quả.

Nhưng cũng có những lúc mình mệt, áp lực, thiếu năng lượng, nên cùng một tình huống đó thôi, lời nói của mình trở nên nặng hơn, phản ứng của mình nhanh hơn, lòng bao dung ít hơn. Đến tối nghĩ lại, mình thấy lẽ ra mình có thể nói dễ thương hơn, hành xử đẹp hơn. Điều đó cho thấy Tịnh độ hay không Tịnh độ bắt đầu từ năng lượng nội tâm của chính mình.

Cho nên, Tịnh độ không phải chỉ là một cảnh giới để mô tả, mà là một bài học thực tập: giữ tâm cho lắng, nuôi dưỡng chánh niệm, giảm bớt phán xét, học nhìn người bằng từ bi, quay về chuyển hóa mình trước khi trách hoàn cảnh.

III. Linh tinh

- Xin Khôi Điều Hành Hoa Kỳ có chương trình sinh hoạt/tu học trong năm đầu tiên
- Xin Khôi Điều Hành có buổi họp với Hội Đồng Liên Chúng Hoa Kỳ

Đề hầu cho chúng tôi biết được những Chương trình học và kế hoạch trong năm cũng như cho năm kế tiếp.

- Yêu cầu Chúng Trưởng cố gắng liên lạc/động viên với các thành viên trong Chúng cùng mời anh Bảo huynh tham dự các buổi học kinh và buổi họp của Chúng để tìm hiểu và sách tấn trong tinh thần cùng nhau tu học.

Sau một hồi hàn huyên, tâm sự, anh chị em không có gì bàn thêm nên buổi học kinh đã được kết thúc lúc 6 giờ 30 tối cùng ngày

Buổi học kinh Duy Ma Cật của Chúng Tâm kiểm đã được kết thúc một cách thành công.

IV. Hồi Hưởng

Sau cùng là Hồi Hưởng Công Đức

Thư Ký

Phuong Hieu.- Trần Thị Thu Thắm

Phật Lịch 2569

California, ngày 22, tháng 3 năm 2026

Chúng Trưởng

Tâm Tường.- Lê Đình Cát

NƠI NHẬN

- Khôi Hành Chánh, Vạn hạnh 3 Hải Ngoại
- Khôi Điều Hành, Vạn Hạnh 3 - Hoa Kỳ
- Hồ sơ lưu giữ (Chúng TK)

BIÊN BẢN HỌC

Chúng Tâm Lạc



Số: **BB/02.2026**

NGÀY

11/03/2026 Phật Lịch 2569

GIỜ

9:30PM – 11:00PM giờ Sydney

PHÒNG HỌC ONLINE

<https://meet.google.com/cce-qrhi-zev>

ĐỀ TÀI

KINH DUY MA CẬT (LẦN THỨ NHẤT)

Giảng Sư : TT Thích Hạnh Tấn

Bản Việt dịch : Thích Huệ Hưng

HIỆN DIỆN

HTr : Diệu Hoa, Chúc Nhiệm, Tâm Viễn, Nguyễn Thơ, Vạn Duyên, Thiện Niệm, Thiện Từ , Diệu Hòa & Chị Thiện Quý (Bảo huynh)

VẮNG MẶT

HTr : Vạn Bách (không lý do)

PHẦN NGHI THỨC

✚ HTr Thiện Quý hướng dẫn ACE niệm Phật cầu gia bị

✚ Tóm tắt lời sách tấn của Bảo huynh, chị Thiện Quý Nguyễn Thị Ánh Nguyệt:

Chị Thiện Quý nhắn nhủ và sách tấn anh chị em Chúng Tâm Lạc cố gắng học kinh và hoàn tất bậc học, anh chị em phải thật kiên trì và bền chí, những gì mình học, ví như một ly nước bao nhiêu cũng chứa và tiếp thu, chứ đừng nghĩ mình biết rồi mà không học.

Chúc anh chị em hoàn thành bậc học như ước nguyện.

PHẦN THẢO LUẬN VỀ CÂU HỎI CỦA TT THÍCH HẠNH TẤN ĐỀ RA TRONG LẦN HỌC KINH DUY MA CẬT LẦN THỨ NHẤT

Câu Hỏi như sau:

Tại sao khi các vị Bồ tát từ cõi nước của đức Phật Hương Tích chuẩn bị sang cõi Ta Bà, đức Phật Hương Tích đã dặn họ : “chớ dùng mắt Bồ Tát mà hạ lý cõi Ta Bà “

1. Phần trả lời của HTr Diệu Hoa (UC_DieuHoa_TL)

Vì đây là cõi uế trược, tham, sân, si cần sự giáo hóa, và việc tu tập thực sự là đem sự nghiệp Trang nghiêm của các cõi Phật khác về đây để độ chúng sanh, thể hiện hạnh nguyện Từ Bi và bình đẳng trong tâm.

Cõi Ta bà là nơi hỗn tạp, nhiều phiền não, nhưng đây lại là môi trường để Bồ tát thị hiện, tu hành và độ tận chúng sanh thay vì né tránh, không quan tâm (nghĩa là coi thường).

Bồ tát phải nhận thức được việc coi thường chúng sanh ở cõi Ta bà là trái với đạo đức và tinh thần Bồ Tát đạo (nghĩa là tu nhưng không thực sự là tu), vì mục đích của Đại Thừa là bình đẳng, mở rộng lòng Từ Bi và vị tha.

Hạnh nguyện của Bồ tát là trụ nơi Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì, nghĩa là mang tâm thanh tịnh vào cõi uế trược để chuyển hóa, không bị ô nhiễm bởi cảnh trần.

Tóm lại, kinh Duy Ma Cật dạy rằng Bồ tát cần giữ tâm bình đẳng, tôn trọng và yêu thương chúng sanh (cả người và vật), xem cõi Ta bà là nơi tu tập lý tưởng nhất. Cũng như Đức Phật Hương Tích dạy: là Bồ Tát thì uy đức tôn nghiêm, thần thông quảng đại là lẽ thường. Các đặt trưng và thực nghĩa của Bồ Tát là phải làm những việc khó mà tất cả chúng sanh không làm được. Chẳng những thế, vì sự nghiệp hóa độ chúng sanh, Bồ Tát phục vụ chúng sanh từ quốc độ này sang vô lượng thế giới khác trong mười phương không kể thời gian, năm, tháng...

2. Phần trả lời của HTr Tâm Viễn (UC_TamVien_TL)

Lời dạy này xuất hiện trong Kinh Duy Ma Cật, khi các vị Bồ Tát từ cõi Phật Hương Tích chuẩn bị sang Ta Bà — cõi của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đây không chỉ là lời nhắc nhở lịch sự, mà là một bài học cực kỳ sâu sắc về tâm bình đẳng, hạnh Bồ Tát, và giá trị của cõi Ta Bà.

1. Ta Bà tuy đầy khổ đau nhưng lại là nơi tu hành thù thắng nhất Cõi Ta Bà được mô tả là ngũ trược ác thế: sinh, lão, bệnh, tử; tham, sân, si; chiến tranh, bất công, phiền não.

Nhìn bề ngoài, Ta Bà “thấp kém” so với những cõi thanh tịnh như Hương Tích. Nhưng chính vì khó khăn như vậy nên công đức tu hành ở đây lại vô cùng lớn:

- Người tu phải có tâm từ bi mạnh mẽ
- Phải nhẫn nhục, tinh tấn vượt bậc
- Một việc thiện nhỏ ở Ta Bà bằng vô số việc thiện ở các cõi tịnh

Ta Bà là mảnh đất rèn luyện Bồ Tát mạnh nhất.

2. “Chớ dùng mắt Bồ Tát mà khinh thường” nghĩa là gì?

“Mắt Bồ Tát” ở đây không phải trí tuệ siêu việt, mà là cái nhìn từ một cảnh giới quá thanh tịnh. Nếu đem cái nhìn ấy so sánh với Ta Bà, các vị dễ rơi vào: tâm phân biệt; tâm kiêu mạn, xem Ta Bà là ô uế, thấp kém.

Phật Hương Tích nhắc họ:

- Dùng so sánh giữa các cõi
- Dùng lấy sự thanh tịnh của mình làm thước đo
- Hãy nhìn chúng sinh Ta Bà bằng tâm bình đẳng và tôn trọng

Trong tinh thần “bất tư nghị giải thoát” của Kinh Duy Ma Cát, mọi cõi đều có giá trị tu học riêng, không có cõi nào thật sự thấp kém.

3. Vì Bồ Tát phải “tùy duyên” và “đồng sự”

Muốn giáo hóa chúng sinh Ta Bà, Bồ Tát phải: hòa nhập mà không nhiễm; hiểu nỗi khổ của chúng sinh; không chê bai, không xa lánh; dùng mọi phương tiện để cảm hóa.

Nếu khinh thường Ta Bà, Bồ Tát sẽ không thể “đồng sự” — tức là cùng sống, cùng trải nghiệm để cứu độ.

4. Tôn vinh hạnh nguyện của Bồ Tát ở Ta Bà

Ý sâu xa của lời dạy là ca ngợi những vị Bồ Tát đang tu ngay trong Ta Bà: sống giữa phiền não nhưng tâm không nhiễm; ở trong đời ô uế nhưng vẫn cứu độ chúng sinh; dùng vô số phương tiện để giáo hóa. Đây là hạnh Bồ Tát rất lớn, vượt xa những gì có thể thấy ở các cõi thanh tịnh.

5. Vì bản chất các cõi đều bình đẳng

Theo Đại thừa:

- Tịnh độ hay uế độ chỉ là do tâm chúng sinh mà hiện
- Ta Bà cũng là một cõi Phật, nhưng chúng sinh chưa thấy được
- Bồ Tát chân thật phải thấy tính bình đẳng của các pháp
- Khinh thường Ta Bà tức là chưa thấy được chân lý này.

Tóm lại Phật Hương Tích dạy như vậy vì:

- Ta Bà tuy khổ nhưng là nơi tu hành thù thắng
- Bồ Tát phải giữ tâm khiêm cung, bình đẳng
- Không được dùng cái nhìn thanh tịnh để chê bai cõi khác
- Ta Bà là nơi rèn luyện đại bi mạnh nhất
- Hạnh Bồ Tát ở Ta Bà vô cùng cao quý
- Tất cả cõi Phật đều bình đẳng trong pháp giới

Lời dạy ấy là một bài học về tâm bình đẳng, lòng đại bi và sự tôn trọng đối với mọi cảnh giới.

3. Phần trả lời của HTr Nguyễn Thơ (UC_NguyenTho_TL)

Trong kinh Duy Ma Cát, phẩm “Phật Hương Tích” ghi lại lời căn dặn của Đức Phật Hương Tích dành cho chư Bồ Tát trước khi sang cõi Ta-bà của Phật Thích Ca. Ngài nhắc nhở: chớ dùng con mắt Bồ Tát mà hạ lý (khinh thường) cõi Ta-bà, nghĩa là không nhìn thế giới đầy khổ đau này bằng cặp mắt kiêu mạn, tự tôn của kẻ đã chứng phần chân lý, rồi sinh tâm chê bai, xem thường.

Trước khi du hóa đến Ta-bà, các Ngài phải tuân theo ba điều dạy: tiết chế hương thơm để không làm người ta say đắm vào vẻ sáng láng; thay đổi hình tướng để không gây chướng ngại cho chúng sinh bằng sự lòa loét; và không khinh chê, không đi vào ngõ cùng ngõ hẹp mà chê bai cảnh đời, bởi nếu khinh chê sẽ tạo chướng ngại cho việc giáo hóa. Những lời ấy nhắc Bồ Tát phải cẩn trọng giữ tâm bình đẳng, không để vi tế vọng tưởng phân biệt cao – thấp, đẹp – xấu xen lẫn dù đã giác ngộ một phần chân lý.

Ý nghĩa sâu xa của lời dạy này vượt lên trên sự lo ngại cho các Ngài để giáo dục tất cả chúng sinh về tinh thần bình đẳng bất nhị trong Đại thừa. Dù Bồ Tát chưa viên mãn quả Phật, các Ngài đã thấu đạt tánh Không, diệt trừ chấp ngã và phát nguyện ở lại cõi đời cứu độ chúng sinh; nhưng trên đường hoàn thiện vẫn phải soi xét lại tâm mình để diệt trừ mầm móng ngã mạn vi tế, không cho phép bất kỳ niệm phân

biệt nào còn sót lại. Điều này giúp tránh “cám dỗ” khi từ cõi Tịnh độ thanh tịnh bước vào cõi Ta-bà ngũ trước đây khổ não; sự chênh lệch sẽ dễ sinh tâm phân biệt nếu không tự cảnh giác.

Phương diện thực tiễn là lời khuyên nhắc Bồ Tát phải khiêm cung, không dùng vị thế và trí tuệ siêu việt để xem thường chúng sinh và cảnh giới khác, phải gần gũi, nhập thế và thanh thản chịu đựng khổ nạn của Ta-bà để chuyển hóa chúng sinh bằng từ bi và tuệ giác. Nhờ đó, cõi khổ như Ta-bà trở thành đạo

tràng cao quý, nơi việc làm lợi ích chúng sinh trong một đời còn hơn hàng trăm ngàn kiếp ở các cõi Tịnh độ khác, bởi có cơ hội thực hành bố thí, nhẫn nhục, tha thứ, cứu giúp kẻ gặp hoạn nạn, và các hạnh lành khác mà cảnh Tịnh độ không ban cho. Ngài Duy Ma Cật và chư Bồ Tát tại Ta-bà đã tán thán công hạnh này, cho thấy nơi ngũ trước là đạo tràng thực tập Bồ Tát đạo vĩ đại.

Về phương diện giáo dục và ẩn dụ kinh điển, lời dạy ngộ ý cho người học Phật phải thu hồi mọi phân biệt tịnh – uế, cao – thấp, đẹp – xấu, bởi đó chỉ là giả danh tương đối. Kinh Duy Ma Cật khẳng định “mười phương cõi nước đều như hư không” – bản thể của chư Phật và cõi Phật đều không khác nhau, đồng thanh tịnh bình đẳng. Sự hiện hữu của Ta-bà ngũ trước là do tâm chúng sinh ô trược và vì Đức Phật Thích Ca dùng phương tiện thiện xảo, không hiển bày trọn vẹn cõi thanh tịnh của Ngài để độ kẻ căn cơ thấp kém. Chúng ta được nhắc qua câu chuyện Ngài ấn móng chân xuống đất, biến Ta-bà thành Tịnh độ tráng

lệ để chứng minh tâm tịnh thì Phật độ tịnh. Hễ tâm thanh tịnh, cảnh Ta-bà cũng hiện thành Tịnh độ trang nghiêm rực rỡ.

Nguyên lý Bất Nhị và Tịnh độ duy tâm của Đại thừa là cốt tủy ẩn sau lời nhắc: tịnh hay uế chỉ do tâm duyên mà thành, không có thực thể riêng. Các Bồ Tát chân chính quán sát chúng sinh với tâm từ bi và tuệ giác bất nhị: thấy mọi cõi Phật cùng chung một thể tánh Không, không phân biệt cao thấp, và đều tiềm tàng Phật tính có thể thành Phật trong tương lai. Vì thế không có lý do gì để phân biệt cõi này kém cõi kia, và không có chúng sinh nào đáng bị xem thường; ngược lại Ta-bà là nơi Bồ Tát thể hiện lòng đại bi trọn vẹn.

Lời dạy “chớ khinh cõi Ta-bà” truyền đạt bài học về thái độ bình đẳng và vô phân biệt của người tu Đại thừa: dù đã đạt đến cảnh giới thanh tịnh tuyệt đối, các bậc giác ngộ vẫn không xa lánh hay khinh ghét chúng sinh đau khổ, trái lại phát đại nguyện sống trong những chốn trần lao để chiếu tỏa ánh sáng từ bi – trí tuệ đến mọi loài. Ngay trong bùn lầy Ta-bà vẫn tiềm ẩn hoa sen Tịnh độ: người tu Bồ Tát cần gạt lọc tâm mình để nhận ra Tịnh độ trong cõi đời và hết lòng cứu độ chúng sinh với lòng bi mẫn không phân biệt. Khi tâm thanh tịnh, cảnh Phật sẽ tùy ấy mà trở nên trang nghiêm thanh tịnh.

Như vậy, lời dạy “chớ khinh cõi Ta-bà” trở thành lời nhắc nhở sâu sắc cho người tu tập tại gia: **đừng chạy trốn đời sống, đừng chê bai hoàn cảnh**, mà hãy dùng chính đời sống ấy làm chất liệu tu học và phụng sự. Khi biết sống với tâm bình đẳng, khiêm cung và từ bi, người tu tại gia không những không bị ô nhiễm, mà còn có thể chuyển hóa thế giới Ta-bà thành đạo tràng, tiếp nối con đường Bồ Tát đạo ngay giữa đời thường. Hòa nhập vào đời sống nhưng không quên mình.

4. Phần trả lời của HTr Vạn Duyên (UC_VanDuyen_TL)

Cõi Ta Bà, cần hiểu về Y báu và Chánh báu, là Bồ tát thì không có tâm phân biệt, không nhìn bề ngoài mà sanh tâm khinh miệt.

Ví dụ: mình sống giàu có đi tới nơi nghèo khổ mình không khinh khi.

Lúc nào cũng phải giữ tâm thanh tịnh thì mọi việc đều sẽ tốt đẹp.

5. Phần trả lời của HTr Diệu Hòa (UC, DieuHoaf, TL)

Lý do lời dặn của Phật Hương Tích ngụ ý như sau:

- **Sự bình đẳng của Chư Phật:** Dù cõi nước có vẻ thanh tịnh hay uế trọc, công đức và trí tuệ của Chư Phật ở mười phương đều bình đẳng. Việc hiện ra cõi uế chỉ là phương tiện để giáo hóa chúng sinh.
- **Giá trị của sự tu hành tại Ta Bà:** Cõi Ta Bà tuy khổ đau nhưng lại có **mười pháp thiện** mà các cõi Tịnh độ khác không có. Bồ Tát tu hành tại đây trong một đời có thể tích lũy công đức nhiều hơn trăm ngàn kiếp tu ở các cõi khác vì môi trường khắc nghiệt buộc hành giả phải nỗ lực phi thường.
- **Tránh tâm phân biệt:** Bồ Tát cần giữ tâm thanh tịnh, không sinh lòng đăm mê cõi tịnh hay chán ghét cõi uế. Nếu khởi tâm khinh thường, Bồ Tát sẽ tự tạo ra chướng ngại cho chính mình và không thể thấu hiểu chân lý "Bất nhị" (không hai).
- **Bảo vệ tâm thức chúng sinh:** Để tránh việc chúng sinh ở cõi Ta Bà nảy sinh mặc cảm tự ti khi thấy thân hình trang nghiêm của các vị Bồ Tát cõi khác, các vị ấy cũng được khuyên nên ẩn bớt tướng trạng vi diệu của mình. Đây ý dạy xa lìa tâm phân biệt, để tránh tạo ra chướng ngại cho chính mình.
- **Bồ Tát** là sự kết hợp của trí tuệ và tình thương, cõi Ta Bà tuy nhiều khổ đau nhưng là nơi để ươm hạt giống tu hành và tích lũy công đức nhiều hơn ở các cõi khác.

Tóm Lại:

ý nghĩa lời dặn của Phật Hương Tích, chúng ta đem áp dụng vào cuộc sống hằng ngày dạy ta phải biết khiêm cung, giúp đỡ người thiếu thốn nghèo khó, gặp người trí thấp ít học chúng ta không được khinh khi.

Đến nơi nghèo hèn, dơ bẩn chúng ta không tỏ thái độ ghê tởm xa lánh, chúng ta phải biết uyển chuyển hòa nhập.

Ví dụ: chúng ta đang sống nơi đất nước Úc Châu, một nơi có cuộc sống sung túc, dư ăn, dư mặc, nhưng khi trở về Việt Nam thăm lại quê hương. Chúng ta sẽ có dịp đi đến những nơi người dân thiếu ăn thiếu mặc, phương tiện nhà cửa và vệ sinh là những nơi sẽ làm cho chúng ta khó chịu, nhưng không phải vì những lý do đó mà chúng ta khinh miệt hay xa lánh người dân nơi ấy.

Chúng ta không giúp được cho họ sống tốt hơn thì cũng không nên làm cho người ta phải hổ thẹn, tự ty mặc cảm.

Điều này giống như hình ảnh rất quen thuộc trong Phật giáo:
hoa sen mọc từ bùn nhưng vẫn thanh khiết.

Ý nghĩa thứ hai là không nên sinh tâm kiêu mạn. Các Bồ Tát từ cõi thanh tịnh có thể dễ khởi tâm nghĩ rằng cõi Ta Bà thấp kém hơn. Nhưng nếu khởi tâm như vậy thì đã rơi vào tâm ngã mạn. Vì vậy Đức Phật Hương Tích nhắc các Bồ Tát phải giữ tâm khiêm tốn và bình đẳng.

Ý nghĩa thứ ba là trong tinh thần Đại thừa:

Mọi nơi đều có thể là đạo tràng của Bồ Tát. Nơi nào có chúng sinh khổ đau thì nơi đó chính là nơi để Bồ Tát phát khởi lòng từ bi và trí tuệ để cứu giúp.

Qua lời dạy này, Kinh Duy Ma Cật muốn nhắc chúng ta một điều rất quan trọng:

- Đừng xem thường thế giới mình đang sống.
- Khổ đau của cuộc đời cũng chính là cơ hội tu tập.
- Và con đường của Bồ Tát là ở giữa đời để giúp đỡ chúng sinh.

8. Phần trả lời của HTr Thiện Niệm (UC_ThienNiem_TL)

Ngài Duy Ma Cật hiện thân là cư sĩ, nhưng không phải là cư sĩ.

Qua những lời từ chối đi thăm bệnh của các vị Bồ Tát và những câu trả lời của ngài Duy Ma Cật đã phá tất cả các chấp ngã của các vị thăm bệnh.

Kinh Duy Ma cật dạy ta phải giữ tâm thanh tịnh và phải luôn có sự bình đẳng.

GÓP Ý CỦA BẢO HUYNH – CHỊ THIỆN QUÝ

- Mỗi em trình bày và kiến giải với ý riêng biệt, hay và có sự chuẩn bị.
- Khi Thầy đặt ra câu hỏi, mình cần chú ý và trả lời nhắm vào ý của câu hỏi.
- Mục đích đặt ra câu hỏi và là người Huynh Trưởng làm sao ứng dụng vào đời sống của người Phật Tử và sinh hoạt của người Huynh Trưởng, làm sao ứng xử với người chung quanh.
- Ngài Duy Ma Cật là Đẳng Giác Bồ Tát, ở cõi A Xúc Bệ, ngài nguyện độ chúng sanh.
- Cõi Ta Bà là cõi nhiều uế trước, nhưng là do cái tâm Tham, Sân, Si chuyển biến ra, nên ta phải chuyên tu học để có Giới, Định, Tuệ giúp mình thanh tịnh.
- Bồ Tát là không khinh khi, không phân biệt. Tại sao học kinh Duy Ma Cật, bởi vì ngài Duy Ma cật là biểu thị phái Nam là một vị Bồ Tát tại gia, cũng như học Kinh Thắng Man vì Tha71ng Man phu nhân biểu thị cho phái Nữ một vị Bồ Tát tại gia.
- Phải biết sống khiêm nhường, đừng nghĩ mình là Bồ Tát. Cho dù mình học hiểu Phật pháp cao, mình vẫn phải hòa nhập.
- Ý nghĩa thu lại mùi hương là để hòa nhập vào cõi Ta Bà, không làm mình quá sáng chói.

ĐÚC KẾT – CHỊ CHÚNG TRƯỞNG (DIỆU HOA)

Cảm ơn chị Thiện Quý đã tham dự buổi học của chúng em hôm nay, xin ghi nhớ những lời vàng ngọc của chị đã dạy, tuy nhiên có gì sai sót xin chị hoan hỷ chỉ dạy thêm.

Cảm ơn quý anh chị em Chúng Tâm Lạc đã tham dự buổi học tuy vắng mặt Vạn Bách, nhưng buổi học cũng đã hoàn mãn.

GÓP Ý: Anh chị em đề nghị buổi học kế sẽ kéo dài thêm ½ tiếng đồng hồ.

HỒI HƯỚNG

HTr Thiện Quý hướng dẫn ACE hồi hướng công đức

BUỔI HỌC KẾT THÚC LÚC 11:05PM

Thư Ký Chúng Tâm Lạc

Diệu Hòa – Nguyễn Thị Diễm Châu

Sydney, ngày 24 tháng 03 năm 2026



Hình ảnh ACE Chúng Tâm Lạc trong buổi học đầu tiên của Chúng về Kinh Duy Ma Cật.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

**GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TRÊN THẾ GIỚI
BAN HƯỚNG DẪN GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM
TẠI HẢI NGOẠI
TRẠI VẠN HẠNH 3 HẢI NGOẠI
CHÚNG TÂM VINH – HOA KỲ**

BIÊN BẢN 02 HỌC KINH DUY MA CẬT

Ngày: 9 tháng 3 năm 2026

Giờ 8 pm – 10 pm (giờ California, Hoa kỳ)

Địa điểm: online – zoom meeting

Thành phần tham dự:

1. HTr Bảo tỳ: Nguyên Thuyết Lê Minh Thi
2. HTr Minh Khai Nguyễn Văn Nở (Chủ tọa)
3. HTr Thiện Tâm Võ Thành Danh
4. HTr Tâm Diệu Nghĩa Nguyễn Kim Phượng (Thư ký buổi học)
5. HTr Diệu Tường Ngô Thanh Vân (Điều hành)
6. HTr Quảng Tịnh Lâm Nguyên Kha
7. HTr Trí Quang Trần Trọng Trường
8. HTr Nguyên Viên Dương Vũ Diệu Thảo
9. HTr Đức Phổ Lâm Quốc Trung Nam
10. HTr Diệu Lan Dương Trịnh Đan Khanh

Vắng mặt có lý do: HTr Như Thịnh Đặng Văn Cường

Chủ tọa: HTr Minh Khai

Điều hành: HTr Diệu Tường

Thư ký: HTr Tâm Diệu Nghĩa

0800: Anh chị em trong Chúng vân tập lên phòng học.

Anh thư ký kiểm lại việc thu tiền quỹ của Trại đợt I

Review biên bản # 5 từ chị Diệu Nghiêm

Gởi hình khai khóa về anh Nam để chuyển về chị Diệu Nghiêm

Gởi bài viết về anh Nam để chuyển về chị Diệu Nghiêm

Thời hạn: thứ năm March 19, 2026

Liên hệ HTr Nam Đức Phổ nếu anh chị nào cần giúp đỡ để import background của Chúng vào personal screen trước kỳ học tới

Gởi biên bản về chị Diệu Nghiêm

0818: Niệm hồng danh (do *Anh Minh Khai hướng dẫn đại chúng*)

NỘI DUNG CHÍNH CỦA BUỔI HỌC CHÚNG

1. Điểm danh (như trên)
2. Tóm tắt: đã được học kinh với Thượng tọa Thích Hạnh Tấn Feb 2026
3. Mục đích buổi học: Chúng Tâm Vinh sẽ cùng nhau ôn lại quá trình tự tìm hiểu và tu học trong tháng qua, cùng chia sẻ kiến giải về những câu hỏi Thượng tọa đã gọi lên.
4. Hội thảo câu hỏi do Thượng tọa giảng sư nêu lên

1) Tại sao chúng ta không thấy được Tịnh độ của đức Phật và tại sao chúng sanh không thấy được các pháp của ngài.

- Anh Minh Khai: trong kinh đã chỉ rõ: tâm tịnh thì thấy được tịnh độ quốc. -Theo ngài Duy Ma Cát (DMC) thì không phải tìm cầu tịnh độ quốc bên ngoài
- Chị Tâm Diệu Nghĩa: vì mãi trôi theo tập khí phân biệt đúng sai nên không thấy được bản chất của thật pháp
- Anh Thiện Tâm: kính trình qua chị Nguyên Thuyết bảo tỷ và AC trong chúng: sở dĩ chúng ta không thấy tịnh độ vì chúng ta đang bệnh. Hãy trở lại chương Ba: “Tôi bệnh vì tất cả chúng sanh đều bệnh”

Đây không phải là ngã mạn của ngài DMC, mình bệnh vì mình cũng là chúng sanh
Các tổ đã dạy: 7 tài sản lớn của một vị thánh: tín tài, giới tài, tâm tài, quý tài (sợ hãi những hậu quả sẽ đến khi làm điều bất thiện), văn tài (hạnh lắng nghe), bố thí (không ngần ngại), tuệ tài (biện tài vô ngại thấy được các pháp lành). Chính vì vậy mà các thánh thấy được Tịnh độ. Hãy suy nghĩ liên hệ lại tâm tánh của AC chúng ta. Giữa bàn luận về vô thường, vô ngã mà chưa thực hành được rốt ráo. Hãy tự hứa và hãy cùng nhau tinh tấn hơn nữa để có thể thừa hưởng được tài sản của chư Phật chư thánh để lại.

2) Câu hỏi tham luận phẩm 10: Tại sao Phật Hương Tích khuyên các bồ tát của cõi Hương Tích không nên khởi tâm coi thường chúng sanh ở cõi Ta bà

- Anh Quảng Tịnh: là cách nhắc nhở các vị bồ tát (có thể vì các vị ít khổ hơn chúng sanh ở cõi Ta bà). Ở đây ngụ ý kinh không phải là khinh thường các vị bồ tát mà có thể là phát tâm thương khó hơn mà sanh tâm phân biệt
- Chị Tâm Diệu Nghĩa: hãy quan phòng tâm phân biệt của mình. Hãy dùng tâm bồ tát và bình đẳng mà quán xét
- Chị Nguyễn Viên: xin quý AC mình hãy ôn lại phẩm này. Trong đó nhiều câu hỏi và những câu chuyện., xoáy trọng tâm vào phẩm để đi sát hơn
Trở lại câu hỏi # 1: tất cả các thế giới đều như nhau ở bản chất thanh tịnh/giống nhau. Chỉ do tâm phân biệt mà thấy khác
- Anh Thiện Tâm: “Anh chị em hãy lật chữ lên để dòm”. Cõi Phật Hương Tích đang ở ngay nơi đây. Chúng ta thường có khuynh hướng không tin mình có khả năng thành Phật. Ở đây, chư Phật ngụ ý: cõi Ta bà không phải là cõi hạ liệt. Mỗi chúng sanh là “vua của cõi Ta bà của chính mình”, cũng có thể là cõi Hương Tích, cõi tịnh độ, hay là nước của Phật Dược Sư. Chúng ta có thể chuyển đổi và cai quản tốt tâm của mình. Vậy thì hãy làm sao cho GĐPT nơi chúng ta sinh hoạt trở thành cõi Tịnh độ. Hãy biến chúng ta thành cõi Hương Tích của chính mình
- Chị Nguyễn Thuyết: Cõi Tịnh độ: phải tìm chính giải thoát trong lòng từ bi. (Chị trích đọc phẩm : Trang nghiêm trong tịnh độ (trích trong trang nghiêm tịnh độ - Kinh DMC do HT Thích Tuệ Sỹ). Nhấn mạnh việc xây dựng Tịnh độ ngay tại nhân gian thông qua việc tâm thanh tịnh và thực hành Bồ-tát đạo. Tịnh độ không ở đâu xa, mà là kết quả của việc trang nghiêm thân tâm và môi trường sống bằng trí tuệ, bình đẳng và từ bi.
- Chị Nguyễn Viên: nhắc lại và chia sẻ, (trích từ bài giảng của Hòa thượng Thích Thanh Từ: Khi Đức Phật giải thích cho ngài Xá Lợi Phất: ví giữa mặt trời mặt, trăng, và người mù...)
“Cõi nước của ta thường thanh tịnh ... tùy phước đức .. mà hiện ra com có khác..”
- Chị Diệu Tịnh: theo lời yêu cầu của chị Nguyễn Viên và sự đồng tình của các Chúng viên, chị Diệu Tịnh đọc lại phần ghi chép lời giảng của Thượng tọa, qua bài ghi của chị Tâm Diệu Nghĩa, về nội dung chính của các phẩm trong kinh DMC
- Anh Đức Phổ: Định nghĩa Tịnh độ. Tại sao chúng ta không thấy? --. Vì tâm chúng ta động, luôn suy nghĩ: phải làm một điều gì đó vào một khoảng thời gian nhất định nào đó. Nếu chúng ta buông bỏ, “back out” ngồi yên thì sẽ thấy “an lạc” hơn
Ví dụ như trong một buổi sinh hoạt GĐPT, nếu một huynh trưởng luôn bận rộn, năng động chạy qua chạy lại lo toan mọi công việc chịu ngừng lại để quan sát thì nội tâm sẽ có biến chuyển khác. Cũng như vậy, nói về cõi Tịnh độ: chịu buông bỏ thì có thể thấy được cõi Tịnh Độ ngay lập tức

- Anh Thiện Tâm: Học kinh Duy Ma Cật là nhằm “sửa mình” tìm Tịnh độ ngay trong chính mình.
10 vị đại đệ tử ai cũng “sợ” ngài Duy Ma Cật. Tại sao?
Ví dụ so sánh người huynh trưởng tự hài lòng với những gì mình đang có: “làm huynh trưởng, hay làm “A La Hán trong GĐPT ” là được rồi”
Vì mình đang có bệnh thì làm sao dám đi thăm bệnh. “Không dám đối diện/vượt qua chính mình” để có thể vượt qua chính mình để phụng sự nhiều hơn cho tổ chức

Nhắc nhở chung: Chị Diệu Tường:

- Ngày học kinh DMC April 11th, 2026. 11:45 điểm danh các chúng

- Câu hỏi cho giảng sư:

o **Phẩm Bất Tư Nghi: Tại sao ngài DMC lại im lặng trong phẩm này?**

- Anh Thiện Tâm: Có những đối tượng mà chúng ta không sợ bị hiểu sai lời giải thích, nhưng cũng có những lúc chúng ta phải im lặng
- Chị Nguyên Thuyết: hoan hô ý kiến của chị Diệu Tường: Chúng viên nên có câu hỏi để anh Thư ký Chúng gởi về Thượng tọa giảng sư
- Chị Tâm Diệu Nghĩa: xin được nhắc nhở: Biên bản, hình ảnh, bài chuyển về anh Đức Phở

10:08 pm: Hồi hướng (do chị Nguyên Thuyết hướng dẫn đại chúng)

California, Phật lịch 2569, ngày 9 tháng 3 năm 2026

Thư ký

Kim Phuong Nguyen

Tâm Diệu Nghĩa Nguyễn Kim Phụng

Chủ tọa

Nguyen Van No

Minh Khai Nguyễn Văn Nở

TRẠI HUẤN LUYỆN HUYNH TRƯỞNG VẠN HẠNH III
GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI
CHÚNG TỊNH NGỌC

BIÊN BẢN SỐ I
HỌP CHÚNG TỊNH NGỌC

- Thời gian & phương thức: 08:00 PM, Thứ Sáu ngày 23 tháng 12 năm 2025 – qua Zoom (Zoom Meeting).
- Chủ tọa: Huynh trưởng Nguyễn Nhơn Ngô Thị Thu
- Thư ký: Huynh trưởng Quảng Pháp Trần Minh Triết
- Hỗ trợ kỹ thuật: Huynh trưởng Thiện Phước Nguyễn Trọng Thảo

A. BỐI CẢNH:

Theo chỉ đạo của Ban Điều Hành Trại Vạn Hạnh 3 – Hải ngoại, thông qua Bản Tin Điều Hành số 1 và các thư điện tử thông tri liên quan, nhiều Phật sự cần được các Chúng trại sinh triển khai đúng hạn kỳ và báo cáo theo thời biểu ấn định. Thế theo tinh thần phụng sự chung của Trại, Chúng Tịnh Ngọc đã nhóm họp vào thời điểm nêu trên, dưới sự điều động của Chị Trưởng Nguyễn Nhơn Ngô Thị Thu và sự điều phối kỹ thuật của Huynh trưởng Thiện Phước.

B. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

Tổng số học viên của Chúng: 11 vị.

Hiện diện: 10 Huynh trưởng, gồm: Nguyễn Nhơn Ngô Thị Thu; Nguyễn Diệu Phùng Thị Nghĩa; Diệu Hồng Nữ Thạch Ngọc Bích Tiên; Thanh Quang Trần Quang Lợi; Thiện Phước Nguyễn Trọng Thảo; Nguyễn Bảo Đồng Sĩ Lâm; Quảng Trang Nguyễn Thị Nữ; Nguyệt Kim Tường Thạch Ngọc Bích Vân; Diệu Hồng Ngân Thạch Ngọc Bích Hiền; và Quảng Pháp Trần Minh Triết.

Vắng mặt có phép: Huynh trưởng Quảng Ý Huỳnh Vĩnh Linh – do việc gia đình đột xuất, xin phép vắng mặt.

C. NỘI DUNG THẢO LUẬN & QUYẾT NGHỊ:

Sau nghi thức niệm danh hiệu Đức Bốn Sư, điểm danh, và bầu chủ tọa – thư ký, toàn thể đại chúng đồng tâm thảo luận và hoan hỷ biểu quyết thông qua các đề mục Phật sự như sau:

1. Bầu nhân sự điều hành Chúng:

- Chúng trưởng: Huynh trưởng Nguyễn Nhơn Ngô Thị Thu
- Chúng phó: Huynh trưởng Thiện Phước Nguyễn Trọng Thảo
- Thư ký: Huynh trưởng Quảng Pháp Trần Minh Triết

Nhiệm kỳ điều hành Chúng sẽ được luân phiên chuyển giao hằng năm, như một phần rèn luyện kỹ năng lãnh đạo và điều phối trong tiến trình huấn luyện của Trại.

2. Thỉnh mời Huynh trưởng Bảo Tý:

Chúng ủy thác Chúng trưởng thỉnh mời Trưởng niên Cấp Tấn Diệu Ngọc Cao Ngọc Diệp – nguyên Phó Trưởng Truyền Thống Xã Hội thuộc Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ – làm Bảo tỷ cho Chúng. Huynh trưởng Bảo Tý đã từ ái hứa khả.

3. Thành lập nhóm liên lạc nhanh qua điện thoại:

Huynh trưởng Thiện Phước thông báo đã tạo Text Group qua điện thoại nhằm giúp việc truyền tin cấp thời được linh hoạt và kịp lúc. Dù vậy, toàn thể thông tin chính thức liên quan Trại nói chung và Chúng tôi nói riêng vẫn được thống nhất sử dụng qua email group: vh3hn-hk-tinhngoc@googlegroups.com.

4. Cập nhật emails liên lạc:

Xin Ban Điều Hành bổ sung email của Huynh trưởng Diệu Hồng Ngân Thạch Ngọc Bích Hiền: hienthach@gmail.com (còn thiếu). Đồng thời, xin ghi nhận thay đổi email mới của Huynh trưởng Quảng Pháp Trần Minh Triết: hk.quangphap.tn@icloud.com.

5. Soạn thảo công hạnh tiên bối của Chúng:

Huynh trưởng Quảng Pháp – nguyên Tổng Thư Ký và Phó Trưởng Ban Quản Trị Điều Hành BHD Miền Quảng Đức của hai nhiệm kỳ cố H.Tr Tâm Chánh Phạm Thị Hoài Chân giữ vai trò Trưởng Ban, trước khi Chị thể phát xuất gia với Đạo hiệu Thích Nữ Tịnh Ngọc – do đó xin đảm nhận biên soạn bản Công hạnh của Sư Cô, nhằm tôn vinh một bậc tiên bối hữu công của GDPT tại Hoa Kỳ, đặc biệt đối với Miền Quảng Đức. Bản công hạnh này sẽ được chia sẻ trong kỳ họp toàn Trại sắp tới để các Chúng khác cùng tham khảo và học hỏi.

6. Ấn định thời khóa tu học định kỳ:

Chúng thống nhất chọn Thứ Ba hằng tuần cho thời khóa tu học theo chương trình 3 năm của Trại, từ 8:00 PM đến 9:30 PM. Thời khóa linh động điều chỉnh khi có Phật sự đặc thù phát sinh.

7. Thiết lập đường link học tập duy nhất cho Chúng:

Huynh trưởng Thiện Phước sẽ tạo một đường link mới, duy nhất, dùng cho các buổi học của Chúng trong tương lai. Link và thời biểu buổi tu học đầu tiên sẽ được thông tri đến toàn thể đại chúng khi hoàn tất thiết lập.

8. Quy cách ảnh chân dung trại sinh:

Chúng trưởng nhắc nhở toàn thể thành viên hoàn tất ảnh chân dung theo đúng quy chuẩn hướng dẫn của Ban Điều Hành:

- Nam Huynh trưởng: Lễ phục đầy đủ (nón Tử Ân và cà-vạt).
- Nữ Huynh trưởng: Lễ phục trang nghiêm (không đội nón).

D. KẾT THÚC VÀ HỒI HƯỚNG:

Buổi họp hoàn mãn lúc 8: 50 PM cùng ngày, sau nghi thức hồi hướng trang nghiêm do Chúng trưởng chủ trì, trong niềm hoan hỷ và tinh thần đồng tâm phụng sự của tất cả đại chúng.

KHÁN:

Chủ tọa

NGUYỄN NHƠN Ngô Thị Thu

Phật lịch 2569 - Santa Ana 23.12.2025

Thư Ký Chúng Tịnh Ngọc

QUẢNG PHÁP Trần Minh Triết

TRẠI HUẤN LUYỆN HUYNH TRƯỞNG VẠN HẠNH III
GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI
CHÚNG TỊNH NGỌC

BIÊN BẢN SỐ 2
HỌP CHÚNG TỊNH NGỌC

- Thời gian & phương thức: 08:00 PM, Thứ Năm ngày 19 tháng 03 năm 2026 – qua Zoom (Zoom Meeting).
- Chủ tọa: Huynh trưởng Nguyễn Nhơn Ngô Thị Thu, Chúng Trưởng
- Thư ký: Huynh trưởng Quảng Pháp Trần Minh Triết, Thư Ký
- Hỗ trợ kỹ thuật: Huynh trưởng Thiện Phước Nguyễn Trọng Tháo, Chúng Phó
- Hiện diện: Tất cả Chúng sinh Chúng Tịnh Ngọc; Riêng Huynh trưởng Quảng Trang Nguyễn Thị Nữ vắng mặt có xin phép.

Nhằm thảo luận các nhu cầu Phật sự liên quan đến tiến trình huấn luyện của Trại Vạn Hạnh III, như đã được đề ra trong Lá Thư Điều Hành số 2 và Thông Báo số 5, toàn thể anh chị em đã cùng nhau trao đổi một cách nghiêm túc, thẳng thắn và toàn diện trên từng đề mục cụ thể. Qua quá trình thảo luận rất ráo rẩy, nhiều vấn đề trọng tâm đã được soi sáng, không chỉ ở phương diện tổ chức mà còn ở chiều sâu nhận thức và định hướng hành hoạt. Từ đó, tập thể đã thống nhất và đúc kết một số nhận định chính yếu như sau:

I. SỐ TAY TRẠI SINH (Nhận Xét và Thỉnh Nguyện Xác Định)

Đối với yêu cầu thiết lập **Số Tay Tu Học** trong khuôn khổ Trại Vạn Hạnh III lần này, có thể nhận thấy đây không những là một hình thức ghi chép thông thường, mà hàm chứa một dụng ý sư phạm nhất định – nhằm giúp trại sinh theo dõi tiến trình học tập, đào sâu nhận thức và nuôi dưỡng sự chiêm nghiệm nội tâm.

Tuy nhiên, chính vì mang tính phương pháp, nên việc thực hiện Số Tay cũng cần được xác định rõ ràng ngay từ đầu để bảo đảm sự thống nhất và hiệu quả chung.

Câu hỏi được đặt ra là nếu việc thiết lập Số Tay là một yêu cầu có chủ đích trong chương trình huấn luyện, thì liệu đã có hoặc sẽ có một khuôn mẫu (template) cụ thể được ban hành – như thông báo đã từng được đề cập trong Lá Thư Điều Hành số 2, trang 4 hay không?

Trong tinh thần học hỏi và mong muốn thực hiện đúng định hướng, xin được thỉnh nguyện Ban Điều Hành hướng dẫn rõ thêm, để trại sinh có thể dựa vào đó mà triển khai một cách đồng bộ. Chẳng hạn, Số Tay Tu Học có thể được định hướng bao gồm các nội dung cơ bản như đã nói:

- Tên bộ kinh hoặc đề tài đang học
- Ghi chú chi tiết về các buổi giảng của Giảng Sư
- Ghi nhận nội dung các buổi hội luận của Chúng và Liên Chúng
- Những tìm tòi, khảo cứu thêm của cá nhân
- Sự thu nhận, cảm nghĩ, chiêm nghiệm, chuyển hóa và ứng dụng sau mỗi nội dung học tập

Nếu đây là tinh thần chung được hướng đến, thì việc có một hướng dẫn cụ thể – dù ở mức khung mềm – sẽ giúp trại sinh không riêng ghi chép đầy đủ, mà còn đi đúng vào chiều sâu mà chương trình mong muốn.

II. BẢN TIN SỐ 2 – (Chúng Tịnh Ngọc phụ trách)

Cũng theo tinh thần của Lá Thư Điều Hành số 2, Chúng Tịnh Ngọc được phân công phụ trách thực hiện *Bản Tin số 2*. Tính từ thời điểm hiện tại, quý thời gian chuẩn bị thực sự không còn nhiều, chỉ còn lại vồn vẹn một khoảng ngắn từ đây cho đến ngày 11.04 sắp tới, tức lần nhóm học toàn khóa lần 2.

Trong quá trình bắt tay vào triển khai, điều mà anh chị em trong Chúng nhận thấy không phải là khó khăn về tinh thần hay sự sẵn sàng đóng góp – bởi tất cả đều đã thể hiện sự nhiệt tâm rất rõ – mà là một sự lúng túng mang tính phương pháp:

Bản tin này được định hướng trong tinh thần nào?

Là một bản tổng hợp thông tin sinh hoạt, một diễn đàn học tập, hay một không gian chia sẻ cảm nhận? Hay bao hàm tất cả?

Nội dung và hình thức có những tiêu chí tối thiểu nào cần lưu ý?

Đặc biệt, trong thực tế triển khai, Bản Tin số 1 – vốn có thể đóng vai trò như một điểm tham chiếu ban đầu – hiện chưa được phổ biến, khiến cho việc “tiếp nối” trở nên khó xác định phương hướng cụ thể.

Tuy vậy, trong tinh thần trách nhiệm được giao phó, anh chị em trong Chúng Tịnh Ngọc vẫn chủ động họp bàn, trao đổi một cách rất ráo, và bước đầu đã đi đến một quyết định chung nhằm xúc tiến công việc bằng một lá thư thông báo của Chúng Trưởng, sẽ phổ biến trong những ngày sắp tới, như một điểm khởi động cần thiết để hình thành dòng vận hành chung cho Bản Tin.

H.Tr Quảng Ý sẽ tiếp nhận công việc điều phối và biên tập nội dung; H.Tr Quảng Pháp phụ trách phần trình bày sau đó. Dự tính thời hạn cuối nộp bài và hình ảnh là 05 tháng 04 là khả thi.

Ở đây, anh chị em lạm bàn một chút về khái niệm “bản tin”, để có thể phần nào định vị hướng đi: Trong giới hạn của một chương trình huấn luyện và trong một khoảng thời gian nhất định, **bản tin** có thể được hiểu là: Không phải là một tờ báo theo nghĩa đầy đủ, với hệ thống chuyên mục hoàn chỉnh, tính thời sự rộng và đối tượng độc giả lớn;

Cũng không phải là một kỷ yếu, vốn mang tính tổng kết, lưu trữ toàn diện sau một chặng đường;

Mà đúng hơn, bản tin nên được nhìn như: một hình thức ghi nhận và truyền tải nhịp sống của trại trong từng giai đoạn, kết hợp giữa:

- Thông tin (những gì đã diễn ra),
- Học tập (những gì đã được trao truyền),
- Và cảm nhận (những gì đang được chuyển hóa nơi mỗi trại sinh).

Vì vậy, bản tin – nếu được định hình khả thi – không cần quá nặng về hình thức, nhưng cần giữ được tinh thần trung thực, sinh động và có chiều sâu nội dung.

III. HỌP CHÚNG ĐỂ CÙNG THẢO LUẬN TU HỌC ĐỀ TÀI KINH DUY-MA-CẬT

Sau buổi học chính thức về Kinh Duy Ma Cát với Thượng Tọa thỉnh giảng Thích Hạnh Tấn, có thể nhận thấy một chuyển động rất đáng lưu ý trong nội bộ trại sinh. Nhiều anh chị em, qua chia sẻ đã bày tỏ một điểm chung về việc tự mình tiếp cận và đào sâu nội dung đề kinh

– vốn mang chiều sâu triết lý và ngôn ngữ đặc thù – đang gặp không ít trở ngại. Từ việc tìm kiếm tài liệu tham khảo, đến việc nắm bắt mạch nghĩa và ý tứ của kinh văn, nếu chỉ học riêng rẽ, thường dẫn đến cảm giác rời rạc, thiếu điểm tựa và đôi khi khó đi đến sự thấu hiểu trọn vẹn.

Chính từ thực tế này, nhu cầu họp Chúng lại để cùng nhau thảo luận, chia sẻ và bổ túc lẫn nhau đã được đặt ra một cách nghiêm túc. Đây không những là một nhu cầu mang tính hỗ trợ học tập đơn thuần, mà còn phản ánh một nguyên tắc rất căn bản trong truyền thống Phật học, nghĩa là học không tách rời khỏi đời sống và tăng trưởng trong cộng đồng.

Bối thông qua sinh hoạt Chúng, những điểm chưa rõ có thể được soi sáng qua nhiều góc nhìn; Những hiểu biết cá nhân được kiểm chứng và điều chỉnh; Và quan trọng hơn, việc học không còn là một tiến trình đơn độc, mà trở thành một hành trình đồng hành.

Trong bối cảnh một đề kinh như Duy Ma Cật – vốn đòi hỏi không chỉ tri thức mà còn sự quán chiếu – thì việc hình thành những không gian thảo luận như vậy có thể được xem là một nhu cầu thiết yếu. Buổi họp Chúng được ấn định vào **8 giờ Chủ Nhật ngày 29 tháng Ba, 2026, cũng trên phương tiện Zoon Meeting.**

IV. LINH TINH

Trong phần trao đổi linh tinh, Chúng xin được tuân tự ghi nhận một vài nội dung đã được nêu lên và có sự đồng thuận chung như sau:

1. Về hệ thống liên lạc Email: Một số anh chị em tiếp tục ghi nhận những trở ngại trong việc sử dụng hệ thống email chung. Các đề nghị điều chỉnh trước đây hiện chưa thấy phản hồi cụ thể. Đây là yếu tố kỹ thuật nhưng ảnh hưởng trực tiếp đến sự thông suốt thông tin, kính mong sớm được xem xét và hướng dẫn rõ ràng hơn.

2. Chia sẻ các tài liệu tu học và thông tin cần thiết trong Chúng: Chúng thống nhất chia sẻ các tài liệu tham khảo phục vụ chương trình tu học và những thông tin cần thiết trong nội bộ, trước mắt tập trung vào đề tài Kinh Duy Ma Cật, nhằm hỗ trợ anh chị em thuận tiện hơn trong việc tìm hiểu, đối chiếu và đào sâu nội dung đã học.

V. HỒI HƯỚNG và KẾT THÚC BUỔI HỌP

Buổi họp được khép lại trong phần hồi hướng do Huynh trưởng Nguyễn Diệu Phùng Thị Nghĩa chủ xướng, trang nghiêm mà ấm áp, kết nối lại toàn bộ năng lượng tu học và thảo luận tích cực trong suốt thời gian sinh hoạt. Buổi họp kết thúc vào lúc 9:23 PM cùng ngày, sớm hơn dự định, trong niềm hoan hỷ chung và tinh thần làm việc hiệu quả. Đây có thể xem là một dấu hiệu tích cực, cho thấy sự tập trung, đồng thuận và trách nhiệm cao của toàn thể anh chị em tham dự.

KHAN:

Chủ tọa

NGUYỄN NHƠN Ngô Thị Thu

Phật lịch 2569 - Santa Ana 19.03.2026

Thư Ký Chúng Tịnh Ngọc

QUẢNG PHÁP Trần Minh Triết

TRẠI HUẤN LUYỆN HUYNH TRƯỞNG VẠN HẠNH III
GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI
CHÚNG TỊNH NGỌC

BIÊN BẢN SỐ 3
HỌP CHÚNG TỊNH NGỌC

- Thời gian & phương thức: 08:00 PM, Thứ Năm ngày 19 tháng 04 năm 2026 – qua Zoom (Zoom Meeting).
- Chủ tọa: Huynh trưởng Nguyễn Nhơn Ngô Thị Thu, Chúng Trưởng
- Thư ký: Huynh trưởng Quảng Pháp Trần Minh Triết, Thư Ký
- Hỗ trợ kỹ thuật: Huynh trưởng Thiện Phước Nguyễn Trọng Thảo, Chúng Phó
- Hiện diện: Tất cả Chúng sinh Chúng Tịnh Ngọc; Riêng Huynh trưởng Quảng Trang Nguyễn Thị Nữ và Nguyễn Diệu Phùng Thị Nghĩa vắng mặt có xin phép.

Trong tiến trình tu học và huấn luyện liên tục của Chúng Tịnh Ngọc thuộc khóa Vạn Hạnh III, nhu cầu gặp gỡ thông qua các buổi họp Chúng không những nhằm củng cố nội dung tu tập, mà còn để thống nhất phương hướng sinh hoạt, trao đổi những vấn đề thực tiễn phát sinh và cùng nhau tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thâm nhập các đề tài huấn luyện, cụ thể hôm nay là đề Kinh Duy Ma Cật.

Do đó, buổi họp hôm nay được tổ chức với mục đích vừa rà soát công tác chung (đặc biệt là Bản Tin số 2), vừa định hình phương thức tu học phù hợp, đồng thời tạo không gian để Chúng cùng nhau đối thoại, phản tỉnh và làm sáng tỏ những điểm còn chưa thông suốt trong nhận thức và hành trì.

Để bắt đầu, Huynh trưởng Chúng trưởng Nguyễn Nhơn Ngô Thị Thu đã tán thán tinh thần tham dự và sự chuyên cần tu học của toàn thể anh chị em trong Chúng. Tinh thần hiện diện không chỉ là sự có mặt về hình thức, mà còn thể hiện sự dẫn thân trong tiến trình học hỏi và chuyển hóa nội tâm.

Qua đó, Chị cũng nêu lên một số công tác cần triển khai trong thời gian tới theo sự phân công của Ban Điều Hành khóa huấn luyện Vạn Hạnh, đặc biệt liên quan đến Bản Tin số 2, cũng như định hướng tổng thể cho sinh hoạt tu học của Chúng trong suốt khóa.

1. THẢO LUẬN VỀ BẢN TIN SỐ 2 – DO CHÚNG TỊNH NGỌC PHỤ TRÁCH

Chúng ghi nhận thực tế rằng đến thời điểm hiện tại, Bản Tin số 1 vẫn chưa được phổ biến, do đó chưa có cơ sở cụ thể để hình dung rõ ràng về hình thức và nội dung triển khai cho Bản Tin số 2. Tuy nhiên, với tinh thần chủ động, Chúng đã bước đầu mường tượng và phác thảo một số định hướng căn bản để chuẩn bị.

Qua thảo luận, Chúng thống nhất cần chờ chỉ đạo chính thức từ Ban Điều Hành (BDH), đặc biệt về:

- Chủ đề (topic) của Bản Tin số 2
- Định hướng nội dung: gắn với chương trình Vạn Hạnh hay mang tính tổng quát

Một vấn đề thực tiễn được nêu ra là *Thư kêu gọi* đóng góp bài viết và hình ảnh cho Bản Tin số 2 vẫn chưa được phát hành. Từ đó, Chúng đề nghị:

- Sớm thành đạt ý kiến BDH để ban hành thư kêu gọi
- Đồng thời xem xét gia hạn thời hạn nộp bài nhằm bảo đảm chất lượng nội dung

Từ đây, có thể thấy tinh thần chủ động của Chúng trong điều kiện chưa có đầy đủ định hướng cho thấy một nền tảng sinh hoạt dựa trên ý thức trách nhiệm và tự giác, thay vì thụ động chờ đợi. Đây là chi dấu tích cực của một tập thể đang trưởng thành về mặt tổ chức.

2. ĐỊNH HƯỚNG HÌNH THỨC HỌC TẬP VÀ SINH HOẠT CỦA CHÚNG:

Chúng đặt ra các vấn đề cần làm rõ liên quan đến phương thức học tập trong suốt khóa huấn luyện:

- Nên học chung theo Chúng hay học riêng theo nhóm nhỏ / cá nhân
- Cần nắm rõ yêu cầu cụ thể từ BDH để bảo đảm tính thống nhất

Câu hỏi trọng tâm được đặt ra là “*Phương thức nào là phù hợp và hiệu quả nhất trong bối cảnh hiện tại?*”.

Qua trao đổi, một số định hướng được ghi nhận:

- Thời lượng mỗi buổi học nhóm nên gói gọn từ 1 giờ 30 phút hoặc tối đa 2 giờ, nếu cần có thể tổ chức thêm buổi thứ hai.
- Hình thức học tập linh động tùy theo nội dung và đề tài
- Thỉnh Chư Tăng Ni trực tiếp hướng dẫn khi cần thiết.

Như vậy, Chúng đang hướng đến một phương thức học tập không cứng nhắc mà linh hoạt có định hướng, phù hợp với đặc thù của những thành viên đã có nền tảng tu học. Trọng tâm không còn là hình thức, mà là hiệu quả chuyển hóa nội tâm.

3. THẢO LUẬN VỀ KINH KINH DUY MA CẬT

Theo nội dung ghi nhận, Thượng tọa Giảng sư Thích Hạnh Tấn đã khái lược tổng thể 14 phẩm của Kinh như một cấu trúc nền tảng, từ đó lần lượt đi vào giảng giải chi tiết từng phẩm. Buổi học hiện dừng ở phẩm thứ 3 và sẽ tiếp tục vào ngày 11.04.2026.

Một nhận định chung được ghi nhận là dù các bản kinh và tài liệu tham khảo từ nhiều nguồn thường mang tính cao siêu và thâm áo, nhưng cách giảng của Thầy lại giản dị, trực tiếp và có tính sư phạm cao, giúp người học từng bước tháo gỡ lớp vỏ khái niệm để tiếp cận nội dung một cách rõ ràng hơn. Qua đó, Chúng nhận ra rằng, việc được học trực tiếp từ một vị Thầy không những là một phương tiện hỗ trợ, mà là điều kiện thiết yếu để thâm nhập văn bản, tránh rơi vào tình trạng hiểu nhưng chưa thực sự đi vào đời sống.

Ở giai đoạn hiện tại, tiến trình học vẫn còn mang tính nghiên cứu, nên các thắc mắc chưa bộc lộ trọn vẹn chiều sâu. Tuy nhiên, Chúng đã thống nhất một nhận thức quan trọng: chỉ khi thực sự đi vào việc làm bài, trả bài và đối diện trực tiếp với nội dung, thì nghi vấn mới phát sinh đúng chỗ, và từ đó mới có thể được khai mở đúng hướng.

Song song đó, Chúng cũng tham khảo thêm các nguồn giảng giải khác, đặc biệt từ Sư Ông Thích Nhất Hạnh, như một kênh hỗ trợ giúp mở rộng góc nhìn. Điều này cũng làm nổi bật hơn nhu cầu giữ một điểm tựa học tập nhất quán, tránh sự phân tán trong nhận thức.

Một điểm đáng chú ý trong thảo luận là sự hiện diện ngày càng rõ nét của công nghệ AI như một phương tiện hỗ trợ học tập. Điều này phản ánh một xu hướng tiếp cận mới, linh hoạt và nhanh chóng. Tuy nhiên, đi kèm với đó là vấn đề cần được nhận diện một cách tinh tế về tính xác thực và độ tin cậy của nguồn thông tin.

Từ đây, hai nguyên tắc được Chúng thống nhất:

- Học có Thầy là chuẩn mực kiểm chứng nền tảng, giúp định hướng và hiệu chỉnh nhận thức
- Đồng thời, tự thân thẩm định và chịu trách nhiệm về sự hiểu biết của mình là bổn phận không thể thay thế của mỗi Huynh trưởng

Từ toàn bộ tiến trình trao đổi, Chúng đi đến một nhận thức mang tính định hướng, hiểu Kinh không phải là mục tiêu cuối cùng — mà thực hành, chuyển hóa và sống được với Kinh mới là cốt lõi. Do đó, phương châm tu học được gợi mở học đến đâu – hỏi đến đó – và thực hành ngay.

Nghĩa là, vấn đề sâu sắc hơn đã được đặt ra là làm sao để hình thành được nội lực tu tập, để việc học không dừng ở tri thức mà trở thành năng lực chuyển hóa thực sự trong đời sống, đặc biệt đối với hàng cư sĩ đang sống giữa nhiều áp lực và tương tác xã hội.

Các tra vấn được nêu ra không chỉ mang tính học thuật, mà đã bắt đầu chạm đến nền tảng tư duy và phương pháp hành trì:

- Tư tưởng tánh Không, bất nhị trong Kinh này có gì tương đồng hay dị biệt so với hệ tư tưởng Bát Nhã?
- Nếu tương đồng, thì việc học thêm Kinh này có phải là để thấy rõ chân lý ấy trong những bối cảnh và phương tiện biểu đạt khác nhau?
- Việc thực hành là một pháp duy nhất, hay là vô số phương tiện tùy căn cơ và hoàn cảnh?

Từ đó, trong chiều sâu thực tiễn, Chúng đặc biệt quan tâm đến vấn đề chuyển hóa nội tâm:

- Làm sao để không phản ứng khi tâm sân khởi?
- Thực tập tỉnh thức, nhưng thường chỉ nhận ra khi sự việc đã xảy ra
- Từ đó quay về để nhận diện và điều chỉnh

Từ đây, một nhận thức then chốt dần được xác lập đó chính là tu học không phải là né tránh hay dập tắt cảm xúc, mà là thấy rõ và vượt qua — Bất y giờ “thấy – và vượt qua” trở thành trục chính của tiến trình hành trì.

Cũng vậy, liên hệ đến Thiên, Chúng đặt lại một số quan niệm căn bản:

- Thiên không phải là phương tiện để đạt đến một cảnh giới đặc biệt
- Không đơn thuần là kỹ thuật thư giãn hay giải tỏa áp lực
- Ngay cả tâm mong cầu thành tựu (kể cả thành Phật) nếu không được soi chiếu đúng, cũng có thể trở thành một dạng chấp trước vi tế

Về vấn đề nhị nguyên, Chúng đặt ra một câu hỏi mang tính nền tảng trong đời sống, nhị nguyên luôn hiện hữu (đúng – sai, được – mất, hơn – thua...) Do đó, tu học không phải để trở nên vô tri hay tách rời thực tại, mà là thấy rõ nhị nguyên nhưng không bị trói buộc bởi nó. Từ đó, một tra vấn then chốt được mở ra: làm sao để thực sự “vượt qua” nhị nguyên mà không rơi vào cực đoan hoặc đánh mất khả năng nhận biết?

Một cách chung chung, điểm đáng khích lệ là tinh thần học tập của Chúng được xác lập rõ ràng là không có câu hỏi nào bị xem là “ngây ngô”, khi chính những câu hỏi căn bản lại mở ra chiều sâu nhận thức.

Các tra vấn nền tảng được nêu lên về Kinh Duy Ma Cật do Đức Phật thuyết hay do cư sĩ Duy Ma Cật thuyết? Nhân vật Duy Ma Cật mang tính lịch sử hay biểu tượng của một lý tưởng tu học? Nhận định rằng các Kinh Đại thừa xuất hiện sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn — nên được hiểu như thế nào trong tiến trình hình thành giáo pháp?... có thể thấy Chúng đã bắt đầu chuyển từ giai đoạn tiếp nhận kiến thức sang giai đoạn tra vấn và phản tỉnh, từng bước chạm vào chiều sâu của tự thân tu học.

Song, toàn bộ nhận thức hiện tại được giữ ở trạng thái mở và tỉnh thức, không vội vàng kết luận. Đây không phải là sự thiếu chắc chắn, mà chính là biểu hiện của một thái độ học đúng đắn, biết dừng lại đúng chỗ, để không biến hiểu biết thành chấp trước.

Có thể nói, đây chính là khởi điểm đầy sinh động và hứa hẹn, nơi việc học Kinh không còn là tiếp nhận văn bản, mà đã trở thành một tiến trình sống động của tự hỏi, tự thấy và tự chuyển hóa.

4. KẾT THÚC VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Chấm dứt phần thảo luận, Huynh trưởng Chúng trưởng Nguyên Nhơn Ngô Thị Thu đã đúc kết các nội dung trọng tâm trong tinh thần rõ ràng và định hướng. Trước hết, Chị sẽ liên lạc với Ban Điều Hành để sớm xác lập các yếu tố cần thiết cho Bản Tin số 2, bao gồm chủ đề, thời hạn và thư kêu gọi đóng góp, nhằm bảo đảm tiến trình cũng như chất lượng nội dung.

Về phương thức học tập, nhấn mạnh tính linh động và thích ứng, tùy theo nhu cầu và đặc thù của từng đề tài, trong đó việc học nhóm hay tự học không mang tính cố định, mà có thể vận dụng phù hợp; khi cần thiết, Chúng cũng có thể thỉnh chư Tăng Ni giảng dạy, tùy duyên nghi để làm sâu sắc thêm nội dung học tập. Đồng thời, toàn bộ các tra vấn đã được nêu ra trong buổi học sẽ được tổng hợp lại một cách hệ thống để thỉnh giảng trong kỳ học tiếp theo, bảo đảm tiến trình học không bị gián đoạn mà ngày càng đi vào chiều sâu.

Chúng trường cũng thông báo rằng các thông tin chính thức từ Ban Điều Hành sẽ được cập nhật trong thời gian sớm nhất và thời điểm học Chúng kế tiếp sẽ được ấn định sau khi học kỳ 2 đề kinh Duy Ma Cật với Giảng Sư Thích Hạnh Tấn ngày 11.04.2026.

Khép lại buổi sinh hoạt, có thể nhận thấy rằng đây không những là một buổi học Kinh đơn thuần, mà là một tiến trình khai mở nhận thức tập thể, trong đó mỗi thành viên vừa học, vừa phản tỉnh, vừa tự đặt lại chính mình trong dòng chảy sống động của giáo pháp. Tinh thần nổi bật xuyên suốt buổi học là học không dừng ở việc hiểu, mà hướng đến chuyển hóa và hành trì ngay trong đời sống thực tại.

Sau phần hồi hướng do Huynh trưởng Nguyệt Kim Tường Thạch Ngọc Bích Vân chủ trì, phiên họp Chúng được khép lại đúng theo thời lượng dự kiến 1 giờ 30 phút, trong không khí hoan hỷ, thương yêu và hiểu biết — như một dấu ấn nhẹ nhàng nhưng sâu sắc, mở ra một chặng đường tu học tiếp nối với nhiều hứa hẹn trưởng thành hơn trong nội tâm mỗi người.

KHÁN:

Chủ tọa

NGUYỄN NHƠN Ngô Thị Thu

Phật lịch 2569 – Yuma, AZ 19.04.2026

Thư Ký Chúng Tịnh Ngọc

QUẢNG PHÁP Trần Minh Triết

DÂY THÂN ẪI

Khép lại Bản Tin số 2, Ban Quản Trại hiểu rằng vẫn còn nhiều điều chưa trọn vẹn — những bài viết chưa kịp thực hiện, những ý tưởng còn dang dở, những hình ảnh chưa thể gom đầy trong vài trang giấy mỏng. Nhưng có lẽ, điều quý nhất mà chúng ta vẫn còn giữ được cho nhau, chính là niềm tin yêu đối với con đường mình đang đi, đối với tình Lam vẫn còn âm thầm cháy sáng giữa bao bộn bề của đời sống hôm nay.

Mỗi bài viết gởi về, mỗi tấm hình lưu lại, mỗi lời góp ý chân thành, suy cho cùng, không đơn thuần để làm nên một bản tin — mà là để giữ cho nhau một tiếng nói chung, một nhịp cầu chung, một ký ức chung của những người vẫn còn thao thức với lý tưởng giáo dục và phụng sự. Xin được tạm chào nhau nơi đây, trong sự tri ân sâu sắc và tình cảm rất thật dành cho tất cả anh chị em đã cùng chung tay thực hiện, nâng đỡ và gìn giữ Bản Tin Vạn Hạnh 3 bằng tất cả sự tận tụy âm thầm của mình.

Và rồi, mong rằng trong Bản Tin số 3 sắp tới, chúng ta sẽ lại gặp nhau — không những bằng bài vở hay hình ảnh, mà bằng cả tâm huyết, suy tư và trách nhiệm của những người còn tha thiết với tương lai của tổ chức, với đàn em, với mái chùa và với con đường giáo dục Phật giáo giữa thời đại đầy biến động này.

Xin hẹn nhau tiếp tục chung tay.

Bằng tất cả niềm tin yêu còn lại trong tim mình.
